

CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ
NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÚI NHỰA,
BAO BÌ CARTON CÓ IN SẴN CHI TIẾT
SẢN PHẨM**

Địa điểm: Khu phố 6, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát,
tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Bà Rịa – Vũng Tàu, tháng 9 năm 2024

CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA

-----♦ O ♦-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ
NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÚI NHỰA,
BAO BÌ CARTON CÓ IN SẴN CHI TIẾT
SẢN PHẨM**

Địa điểm: Khu phố 6, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát,
tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA
TỔNG GIÁM ĐỐC**



PARK DO HYUN

Bà Rịa – Vũng Tàu, tháng 9 năm 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	5
DANH MỤC HÌNH ẢNH.....	6
DANH MỤC BẢNG BIỂU.....	7
CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	8
1. Tên chủ cơ sở	8
2. Tên cơ sở.....	8
2.1. Tên cơ sở.....	8
2.2. Quá trình hình thành, triển khai xây dựng và hoạt động của cơ sở	9
2.3. Phạm vi cơ sở.....	9
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	10
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	10
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	10
3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	15
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nước của cơ sở	15
4.1. Nhu cầu nguyên vật liệu sử dụng của cơ sở	15
4.2. Nhu cầu về nhiên liệu, hóa chất.....	16
4.3. Nguồn cung cấp điện và nhu cầu sử dụng điện	17
4.4. Nguồn cung cấp nước và nhu cầu sử dụng nước	18
4.5. Nhu cầu máy móc, thiết bị.....	20
5. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở	24
5.1. Vị trí địa lý và hiện trạng khu vực thực hiện Cơ sở.....	24
5.2. Quy hoạch sử dụng đất	26
5.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường.....	30
5.4. Tổ chức quản lý và thực hiện cơ sở	31
CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	32
1. Sự phù hợp của Cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	32
2. Sự phù hợp của Cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	32

CHƯƠNG III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 34

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	34
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	34
1.2. Thu gom, thoát nước thải	36
1.3. Hệ thống xử lý nước thải	38
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	44
2.1. Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông	44
2.2. Bụi, khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng	44
2.3. Bụi, khí thải từ khu vực sản xuất	47
2.4. Khí thải từ khu vực lưu trữ chất thải rắn.....	50
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	50
3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	50
3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.....	51
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn nguy hại	52
4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	55
5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	56
5.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải	56
5.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.....	58
5.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ, cháy nổ hóa chất	59
5.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hơi dung môi từ công đoạn in, dán keo	62
5.5. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố bụi phát sinh từ máy nghiền giấy	63
5.6. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố đối với kho chứa chất thải nguy hại.....	63
6. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	65
6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với lò hơi.....	65
6.2. Biện pháp phòng chống cháy nổ, hỏa hoạn	67
6.3. Sự cố tai nạn lao động và tai nạn giao thông	69

CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG. 71

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	71
1.1. Nguồn phát sinh nước thải	71

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa.....	71
1.3. Dòng nước thải.....	71
1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải.....	71
1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải	72
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	72
2.1. Nguồn phát sinh khí thải	72
2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải	72
2.3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải	73
2.4. Vị trí xả khí thải, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận khí thải	73
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	74
3.1. Nguồn phát sinh	74
3.2. Giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung.....	74
4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường	75
4.1. Quản lý chất thải	75
CHƯƠNG V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	77
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	77
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải.....	78
CHƯƠNG VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	79
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	79
1.1. Thời gian vận hành thử nghiệm	79
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình , thiết bị xử lý chất thải	79
1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch	80
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	80
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	80
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	80
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc đề xuất của chủ cơ sở	81
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	81

CHƯƠNG VII KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	82
CHƯƠNG VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	83
PHỤ LỤC 1.1 HỒ SƠ PHÁP LÝ.....	84
PHỤ LỤC 1.2 BẢN VẼ HOÀN CÔNG CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	85
PHỤ LỤC 1.3 CÁC PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TẠI CƠ SỞ.	86

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BOD	: Nhu cầu oxy sinh hóa
COD	: Nhu cầu oxy hóa học
BTNMT	: Bộ Tài nguyên và Môi trường
BXD	: Bộ Xây dựng
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
CTNH	: Chất thải nguy hại
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TT-BTNMT	: Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường
UBND	: Ủy ban nhân dân
WHO	: Tổ chức Y tế Thế giới
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
XLNT	: Xử lý nước thải
XLKT	: Xử lý khí thải
HTXL	: Hệ thống xử lý

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1.1. Công ty TNHH Bao bì BR Vina	10
Hình 1.2. Sơ đồ quy trình sản xuất của nhà máy	11
Hình 1.3. Các công đoạn trong quy trình sản xuất của cơ sở	13
Hình 1.4. Sơ đồ nguyên lý hoạt động của lò hơi tại cơ sở	14
Hình 1.5. Hệ thống lò hơi tại cơ sở	14
Hình 1.6. Các sản phẩm của cơ sở	15
Hình 1.7. Vị trí của cơ sở	25
Hình 1.8. Vị trí cơ sở trên địa bàn thành phố Bến Cát	26
Hình 1.9. Đường giao thông nội bộ của cơ sở	28
Hình 1.10. Đường giao thông bên ngoài cơ sở	29
Hình 1.11. Các hộp PCCC tại cơ sở	29
Hình 2.1. Vị trí của cơ sở trên bản đồ	32
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của cơ sở	34
Hình 3.2. Công trình thu gom và thoát nước mưa của cơ sở	35
Hình 3.3. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải tại cơ sở	36
Hình 3.4. Hồ ga đầu nối thoát nước thải	37
Hình 3.5. Cầu tạo bể tự hoại 03 ngăn	38
Hình 3.6. Quy trình xử lý nước thải của cơ sở	39
Hình 3.7. Hệ thống xử lý nước thải tập trung tại cơ sở	42
Hình 3.8. Sơ đồ thu gom bụi, khí thải tại lò hơi	48
Hình 3.9. Sơ đồ quy trình xử lý khí thải lò hơi	48
Hình 3.10. Hệ thống xử lý khí thải lò hơi	50
Hình 3.11. Nhà kho chứa rác thải sinh hoạt tại cơ sở	51
Hình 3.12. Nhà kho chứa rác thải CNTT	52
Hình 3.13. Nhà kho chứa chất thải nguy hại	55
Hình 3.14. Ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất trong nhà máy	62
Hình 3.15. Sơ đồ quy trình ứng phó sự cố tràn đổ CTNH	65
Hình 3.16. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ	69

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Danh mục nguyên, vật liệu sử dụng của cơ sở	15
Bảng 1.2. Khối lượng nhiên liệu, hóa chất phục vụ Cơ sở	16
Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng điện của Cơ sở	18
Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở	18
Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng nước và xả thải theo từng mục đích của cơ sở	20
Bảng 1.6. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động của Cơ sở	21
Bảng 1.7. Tọa độ vị trí cơ sở	25
Bảng 1.8. Cơ cấu sử dụng đất của cơ sở	26
Bảng 1.9. Các hạng mục công trình của cơ sở	27
Bảng 1.10. Nhu cầu nhân lực quản lý và vận hành cơ sở	31
Bảng 3.1. Sản phẩm của cơ sở	15
Bảng 3.2. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại cơ sở	35
Bảng 3.3. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước thải	37
Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật của bể tự hoại	38
Bảng 3.5. Các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải	41
Bảng 3.6. Danh mục các máy móc, thiết bị sử dụng hệ thống xử lý nước thải	42
Bảng 3.7. Danh mục hóa chất, điện năng sử dụng cho quá trình vận hành	44
Bảng 3.8. Dự báo tải lượng các chất ô nhiễm từ khí thải máy phát điện dự phòng	45
Bảng 3.9. Danh mục các máy móc, thiết bị sử dụng hệ thống xử lý khí thải	49
Bảng 3.10. Danh mục hóa chất, điện năng sử dụng cho quá trình vận hành	49
Bảng 3.11. Khối lượng chất thải rắn phát sinh tại cơ sở	50
Bảng 3.12. Thiết bị, công trình chứa chất thải rắn sinh hoạt tại cơ sở	51
Bảng 3.13. Khối lượng chất thải rắn phát sinh tại cơ sở	52
Bảng 3.14. Thống kê lượng chất thải rắn nguy hại tại Cơ sở	54
Bảng 3.15. Các sự cố của bể tự hoại	56
Bảng 3.16. Các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải	56
Bảng 4.1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	71
Bảng 4.2. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải	73
Bảng 4.3. Khối lượng chất thải sinh hoạt xin cấp phép	75
Bảng 4.4. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường xin cấp phép	75
Bảng 4.5. Khối lượng chất thải nguy hại xin cấp phép	75
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy sản xuất túi nhựa, bao bì carton có in sẵn chi tiết sản phẩm	77
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc khí thải tại ống khói lò hơi sau hệ thống xử lý khí thải	78
Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm	79
Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc mẫu nước thải giai đoạn vận hành thử nghiệm	79
Bảng 6.3. Kế hoạch quan trắc mẫu khí thải giai đoạn vận hành thử nghiệm	80

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA.
- Địa chỉ văn phòng: Khu phố 6, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở:
 - + Ông Park Do Hyun
 - + Chức danh: Tổng giám đốc.
- Điện thoại: 0274 3566 792; E-mail: nhansubrvina@gmail.com
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4388285158 do Sở Kế hoạch và Đầu tư – UBND tỉnh Bình Dương chứng nhận lần đầu ngày 15 tháng 01 năm 2015, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 3 ngày 23 tháng 9 năm 2015.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn mã số 3700482844 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 15 tháng 01 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 11 tháng 06 năm 2024.

2. Tên cơ sở

2.1. Tên cơ sở

- Tên Cơ sở: **NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÚI NHỰA, BAO BÌ CARTON CÓ IN SẴN CHI TIẾT SẢN PHẨM.**
- Địa điểm cơ sở: Khu phố 6, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:
 - + Biên bản kiểm tra xây dựng số 145/BB-XD ngày 17/02/2004 của Sở xây dựng tỉnh Bình Dương.
 - + Quyết định số 2384/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ngày 30/9/2013, về việc Phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết Nhà máy sản xuất túi nhựa, bao bì carton có in sẵn chi tiết sản phẩm tại ấp 6, xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH bao bì BR Vina.
- Quy mô của cơ sở:
 - + Dự án có tổng mức đầu tư là 40.843.736.055 đồng (Bốn mươi tỷ tám trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn không trăm năm mươi lăm đồng) do vậy theo Khoản 4, Điều 10, Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 và Mục III, phần C - Phụ lục I,

Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, dự án thuộc nhóm C.

+ Cơ sở thuộc Dự án đầu tư nhóm III theo mục số 2, phụ lục V, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Ngoài ra, căn cứ điều 39 của Luật bảo vệ môi trường, cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường, cơ sở thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 04 năm 2022 của UBND tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn về bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh. Do đó, cơ sở thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.

2.2. Quá trình hình thành, triển khai xây dựng và hoạt động của cơ sở

- Ngày 28 tháng 01 năm 2003: Công ty TNHH Bao bì BR Vina được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp Giấy phép đầu tư số 247/GP-BD với ngành nghề đăng ký kinh doanh: Sản xuất gia công túi nhựa, bao bì carton có in sẵn chi tiết sản phẩm.

- Ngày 16 tháng 04 năm 2003: Công ty đã ký hợp đồng thuê đất về việc thuê đất của UBND tỉnh Bình Dương tại ấp 6, xã Thới Hòa, huyện Bến Cát để làm nhà máy sản xuất phục vụ hoạt động của công ty. Hiện nay, công ty đã đóng thuế tiền thuê đất cho nhà nước đến ngày 28/01/2053.

- Ngày 23 tháng 06 năm 2003: Công ty đã được cấp phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 114/KHCNMT.

- Năm 2010: Nhà máy tiến hành nâng công suất hoạt động.

- Ngày 30 tháng 09 năm 2013: Nhà máy đã được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết Nhà máy sản xuất bao bì các tông công suất 7.200 tấn/năm tại ấp 6, xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH bao bì BR Vina.

- Ngày 04 tháng 10 năm 2019: Cơ sở đã được UBND tỉnh Bình Dương cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 193/GP-UBND ngày 04/10/2016. Theo đó, cơ sở sử dụng 03 giếng khoan, tổng lượng nước khai thác là 30 m³/ngày đêm với mục đích cung cấp cho hoạt động sinh hoạt, sản xuất, tưới cây và PCCC.

- Ngày 04 tháng 10 năm 2019: Cơ sở đã thực hiện thi công trám lấp giếng khoan theo như quy định tại Thông tư số 72/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 do hết hạn giấy phép và không có nhu cầu khai thác sử dụng.

2.3. Phạm vi cơ sở

- Cơ sở thuộc đối tượng phải lập Giấy phép môi trường và thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.

- Mục tiêu dự án: Sản xuất, gia công túi nhựa, bao bì carton có in chi tiết sản phẩm. Tuy nhiên, theo quy mô thực tế, công ty chỉ sản xuất các bao bì carton có in sẵn chi tiết sản phẩm.

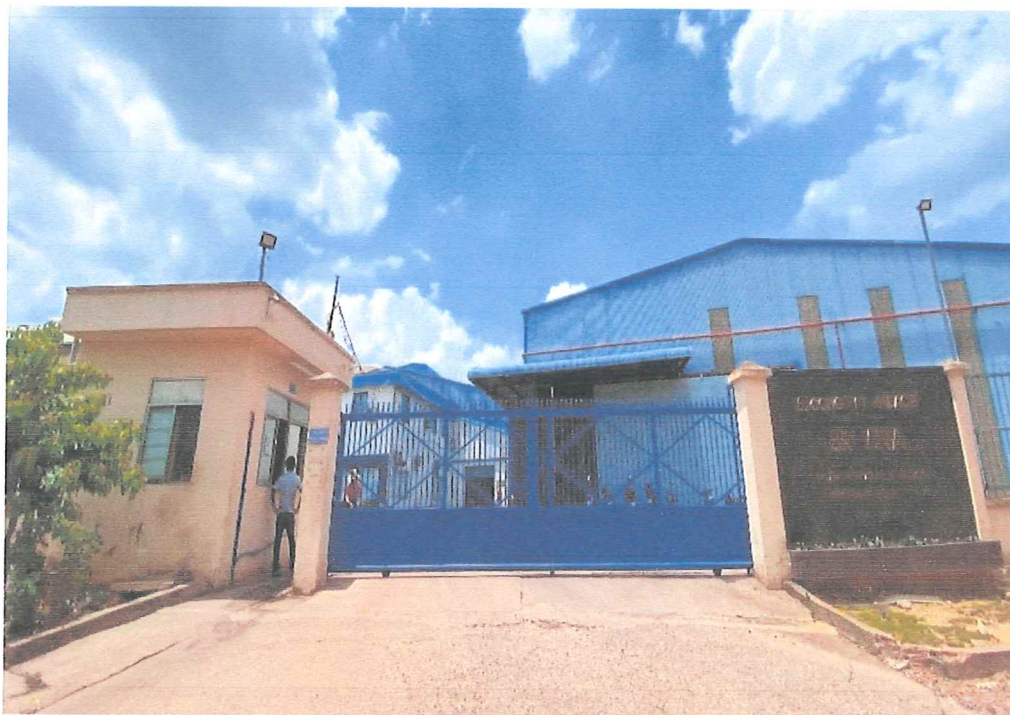
- Hiện tại, cơ sở đang trong quá trình hoạt động, các hạng mục công trình đã được xây dựng hoàn chỉnh. Tuy nhiên, do quá trình sử dụng lâu ngày một số hạng mục và máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải $15\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ có sự xuống cấp, cơ sở đã tiến hành cải tạo, vệ sinh, sửa chữa và lắp mới một số thiết bị cho hệ thống nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý của HTXLNT.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

- Nhà máy sản xuất túi nhựa, bao bì carton có in sẵn chi tiết sản phẩm của công ty TNHH Bao bì BR Vina có quy mô như sau:

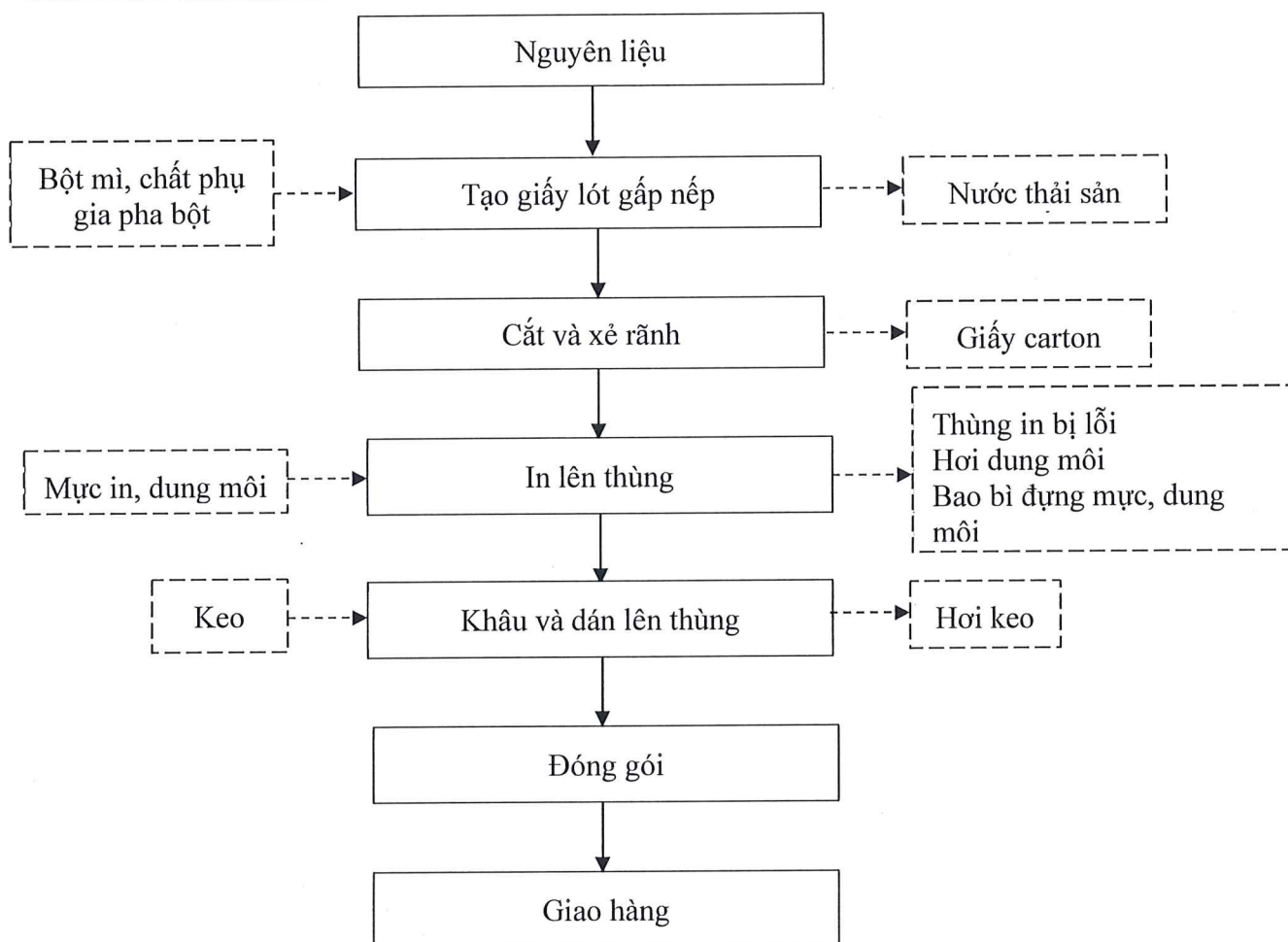
- + Số lượng lao động: 160 người.
- + Công suất sản phẩm: 7.200 tấn/năm.
- + Tổng diện tích đất của cơ sở: $14.608,9\text{ m}^2$.



Hình 1.1. Công ty TNHH Bao bì BR Vina

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

3.2.1. Công nghệ sản xuất của cơ sở



Hình 1.2. Sơ đồ quy trình sản xuất của nhà máy

Mô tả quy trình:

Khâu tạo giấy lót, gấp xếp: Nguyên liệu được nhập về là giấy cuộn carton. Khâu đầu tiên là tạo gấp nếp và làm sóng. Giấy cuộn được cho qua máy chạy sóng, tùy vào yêu cầu của khách hàng mà loại thùng có thể có một hay nhiều lớp sóng. Các lớp được dán với nhau bằng hồ. Hỗn hợp hồ gồm bột mì và chất phụ gia pha bột. Công đoạn này làm phát sinh nước thải bột bì có dạng sệt như bùn.

Công đoạn cắt và xẻ rãnh: Tấm thùng carton lớn được cắt theo diện tích phù hợp với từng mã khác nhau theo đơn đặt hàng của khách. Việc xẻ rãnh giúp hình thành hình dạng thùng. Khâu cắt và xẻ rãnh làm phát sinh chất thải là vụn giấy, tấm bìa dư và bụi phát tán trên bề mặt vết cắt thùng.

Công đoạn in: Các tấm thùng carton được cho qua máy in in các thông tin chỉ dẫn về các sản phẩm sẽ chứa đựng trong thùng. Các sản phẩm bị lỗi in được loại bỏ, khâu này làm phát sinh nhiều chất thải nhất gồm các loại như bao bì đựng dung môi, mực in, nước thải mực in và hơi dung môi.

Công đoạn khâu và dán lên thùng: Công đoạn này dùng keo dán thùng, khâu này phát sinh hơi keo vào không khí. Qua công đoạn này sản phẩm hoàn tất được đem đóng gói và

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở “Nhà máy sản xuất túi nhựa, bao bì carton có in sẵn chi tiết sản phẩm”

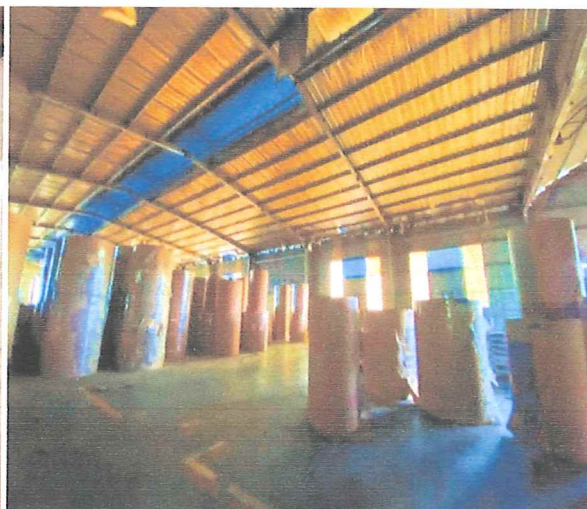
giao cho khách hàng. Cơ sở sử dụng keo mua từ bên ngoài để dán thùng, không có công đoạn pha keo tại nhà máy.

Đóng gói: Sản phẩm hoàn thiện sẽ được công nhân sử dụng máy để bó lại bằng dây đai, sau đó lưu kho và giao cho khách hàng.

***Giấy vụn phát sinh:** toàn bộ giấy vụn phát sinh từ quá trình sản xuất được thu gom về khu vực lưu chứa, cơ sở sử dụng máy ép, nghiền giấy vụn thành kiện, lưu chứa trong nhà chứa giấy vụn sau đó bán cho đơn vị có nhu cầu thu mua.



Khu vực chứa bột mì



Khu vực chứa các cuộn carton



Máy chạy sóng



Máy cắt và xẻ rãnh

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Bao bì BR Vina

Địa điểm: Khu phố 6, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở “Nhà máy sản xuất túi nhựa, bao bì carton có in sẵn chi tiết sản phẩm”



Máy in flexo



Máy in kỹ thuật số



Máy dán keo



Khu vực chứa thành phẩm



Máy nghiền giấy



Khu vực chứa các kiện giấy sau nghiền

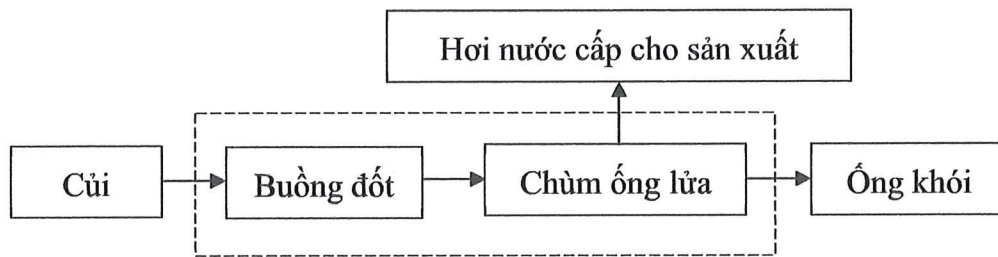
Hình 1.3. Các công đoạn trong quy trình sản xuất của cơ sở

➡ Quy trình vận hành lò hơi:

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Bao bì BR Vina

Địa điểm: Khu phố 6, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Công ty có sử dụng 01 lò hơi dùng củi làm nguyên liệu đốt để tạo hơi nước phục vụ sản xuất. Sơ đồ quy trình công nghệ lò hơi cụ thể như sau:



Hình 1.4. Sơ đồ nguyên lý hoạt động của lò hơi tại cơ sở

Nguyên lý hoạt động:

Củi được đưa vào buồng đốt, từ đó làm nước bên ngoài ống lò sôi và sinh ra hơi. Sau đó khói nóng đi vào chùm ống lửa (được định trước bằng các hộp khói), thực hiện quá trình trao đổi nhiệt cho chùm ống để sinh hơi và thoát ra khỏi lò, đi vào ống khói. Lượng hơi nước được sinh ra ấy là hỗn hợp lẫn với nước sẽ được đưa lên khoang hơi để tách hơi khỏi nước, nước chưa bốc hơi được đưa trở lại dàn ống để tiếp tục các chu trình tuần hoàn khép kín tiếp theo. Khói nóng sau khi được trao đổi nhiệt sẽ xả ra bên ngoài thông qua ống khói. Hơi sinh ra từ lò hơi sẽ cung cấp lượng nhiệt theo yêu cầu của các quy trình sản xuất. Sau khi chuyển nhiệt cho các thiết bị sản xuất, tại bộ phận trao đổi nhiệt hơi bị ngưng tụ sẽ chuyển sang dạng lỏng. Phần cặn ở đáy lò hơi định kỳ xả 01 lần/tháng, lượng nước này được đấu nối vào hố ga thu gom nước thải trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.



Hình 1.5. Hệ thống lò hơi tại cơ sở

3.2.2. Đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của cơ sở

- Công nghệ sản xuất lắp đặt tại cơ sở là quy trình tiên tiến, hiện đại với khả năng tự động hóa cao nhằm đảm bảo tính chính xác, đồng bộ và hạn chế các rủi ro môi trường.

- Điểm nổi bật của công nghệ là dây truyền công nghệ sản xuất được lắp đặt đồng bộ, khép kín, tiên tiến, độ chính xác cao, phù hợp với quy mô đầu tư; sử dụng nguồn năng lượng,

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở “Nhà máy sản xuất túi nhựa, bao bì carton có in sẵn chi tiết sản phẩm”

nguyên vật liệu hợp lý; chất lượng sản phẩm được đảm bảo trong suốt quá trình sản xuất; hạn chế phát thải và ảnh hưởng đến môi trường do bụi, tiếng ồn, đảm bảo an toàn cho môi trường.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Bảng 3.1. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm	Công suất	
	Tấn/năm	Sản phẩm/năm
Bao bì carton có in sẵn chi tiết sản phẩm	7.200	20.500.000

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì BR Vina



Hình 1.6. Các sản phẩm của cơ sở

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nước của cơ sở

4.1. Nhu cầu nguyên vật liệu sử dụng của cơ sở

Nguyên liệu đầu vào chính phục vụ sản xuất là các cuộn giấy và các vật liệu khác với nhu cầu sử dụng cụ thể như sau:

Bảng 1.1. Danh mục nguyên, vật liệu sử dụng của cơ sở

STT	Nguyên liệu	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ	Mục đích sử dụng
1	Giấy carton cuộn	Tấn/năm	13.364	Việt Nam	Chạy sóng
2	Bột mì	Tấn/năm	419	Việt Nam	
3	Dây buộc	Kg/năm	4.888	Việt Nam	Buộc sản phẩm
4	Băng keo	Cuộn/năm	720	Việt Nam	Dán bản in
5	Băng keo dán bản in 48mm x 50m	Cuộn/năm	10	Việt Nam	Dán bản in

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì BR Vina

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Bao bì BR Vina

Địa điểm: Khu phố 6, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương

4.2. Nhu cầu về nhiên liệu, hóa chất

Bảng 1.2. Khối lượng nhiên liệu, hóa chất phục vụ Cơ sở

STT	Tên nhiên liệu/hóa chất	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ	Mục đích sử dụng
I	Tên nhiên liệu				
1	Dầu DO	Lít/năm	600	Việt Nam	Sử dụng cho máy phát điện
2	Dầu nhớt	Lít/năm	800	Việt Nam	Bảo dưỡng máy móc, thiết bị
3	Củi	Tấn/năm	2.600	Việt Nam	Sử dụng cho lò hơi
II	Tên hóa chất				
1	Borax Decahydrate	Kg/năm	975	Việt Nam	Rửa bản
2	Phụ gia kết dính CAS901	Kg/năm	510	Việt Nam	Pha bột mì
3	Dung môi	Lít/ năm	810	Việt Nam	Chế bản in
4	Chất phá bọt anti-foam anget HZ-11A	Kg/năm	126	Việt Nam	Phá bọt mực in
5	Keo bồi giấy	Kg/năm	17.740	Việt Nam	Dán thùng carton
6	Keo 152AD	Kg/năm	1.380	Việt Nam	Dán thùng carton
7	Mực in v-flex 10249 blue violet	Kg/năm	1.040	Việt Nam	In sản phẩm
8	Mực in V-FLEX 1324 WHITE (375)	Kg/năm	360	Việt Nam	In sản phẩm
9	Mực in V-FLEX 1330 YELLOW 311	Kg/năm	140	Việt Nam	In sản phẩm
10	Mực in V-Flex 13362 Grey	Kg/năm	1.280	Việt Nam	In sản phẩm
11	Mực in V-Flex 13363 DK Grey	Kg/năm	940	Việt Nam	In sản phẩm
12	Mực in v-flex 13981	Kg/năm	200	Việt Nam	In sản phẩm

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở “Nhà máy sản xuất túi nhựa, bao bì carton có in sẵn chi tiết sản phẩm”

STT	Tên nhiên liệu/hóa chất	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ	Mục đích sử dụng
13	Mực in v-flex 13982	Kg/năm	260	Việt Nam	In sản phẩm
14	Mực in v-flex 14349	Kg/năm	560	Việt Nam	In sản phẩm
15	Mực in V-Flex 1562 Black 378	Kg/năm	4.240	Việt Nam	In sản phẩm
16	Mực in V-FLEX 1728 WHITE 375	Kg/năm	80	Việt Nam	In sản phẩm
17	Mực in v-flex 20740 dk green	Kg/năm	180	Việt Nam	In sản phẩm
18	Mực in v-flex 20749 green	Kg/năm	260	Việt Nam	In sản phẩm
19	Mực in V-FLEX 5163 BLUE 294 U	Kg/năm	60	Việt Nam	In sản phẩm
20	Mực in V-FLEX 7840 Red	Kg/năm	1.200	Việt Nam	In sản phẩm
21	PAC	Kg/năm	360	Việt Nam	Hệ thống XLNT
22	Polymer	Kg/năm	120	Việt Nam	Hệ thống XLNT
23	NaOH	Kg/năm	396	Việt Nam	Hệ thống XLNT, hệ thống XLKT
25	Chlorine	Kg/năm	264	Việt Nam	Hệ thống XLNT

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì BR Vina

4.3. Nguồn cung cấp điện và nhu cầu sử dụng điện

- Nguồn cung cấp điện cho cơ sở trong quá trình hoạt động là Công ty điện lực Bình Dương.

- Nhu cầu sử dụng: nguồn điện chủ yếu phục vụ cho quá trình vận hành của nhà máy: điện cấp cho nhà xưởng, điện cấp thắp sáng, điện cấp văn phòng, hệ thống xử lý nước thải,...

- Ngoài ra, cơ sở có bố trí 02 máy phát điện dự phòng công suất 400kVA và 650kVA sử dụng cấp điện khi có sự cố mất điện xảy ra.

Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng điện của Cơ sở

STT	Thời gian	Nhu cầu sử dụng (kWh/tháng)	Nhu cầu sử dụng (kWh/ngày)
1	Tháng 01/2024	202.800	6.542
2	Tháng 02/2024	133.400	4.764
3	Tháng 03/2024	180.400	5.819
Trung bình		172.200	5.708,3

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì BR Vina

→ Tổng lượng điện năng sử dụng trung bình của cơ sở khoảng 5.708,3 kWh/ngày.

4.4. Nguồn cung cấp nước và nhu cầu sử dụng nước

- Nguồn cung cấp nước cho hoạt động của cơ sở là nguồn nước từ Chi nhánh Cấp nước khu liên hợp - Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương. Công ty đã ký hợp đồng với Chi nhánh Cấp nước khu liên hợp - Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương tại hợp đồng số 2196 về việc cung cấp nước cho cơ sở.

- Nhu cầu sử dụng nước thực tế của cơ sở trong giai đoạn hoạt động như sau:

Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở

STT	Thời gian	Nhu cầu sử dụng (m ³ /tháng)	Nhu cầu sử dụng (m ³ /ngày)
1	Tháng 01/2024	72	2,32
2	Tháng 02/2024	77	2,75
3	Tháng 03/2024	97	3,13
Trung bình		82	2,73

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì BR Vina

→ Tổng khối lượng nước sử dụng trung bình của cơ sở khoảng 2,73 m³/ngày. Lượng nước sử dụng của Nhà máy chủ yếu phục vụ cho các hoạt động như sinh hoạt, sản xuất, nước tưới cây, rửa đường.

- Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở tính toán theo mức tiêu thụ tối đa, được trình bày cụ thể như sau:

❖ Nhu cầu sử dụng nước:

Nước cấp cho sinh hoạt:

✚ Nước cấp cho các CBCNV:

Cơ sở hoạt động với số lượng nhân viên là 160 người. Với chỉ tiêu cấp nước là 130 lít/người/ngày (theo QCVN 01:2021/TT-BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch

xây dựng). Tuy nhiên mỗi nhân viên tại dự án chỉ làm 08 giờ nên định mức nước cấp cho sinh hoạt tối thiểu trong trường hợp này là khoảng 45 lít/người/ngày. Vậy lưu lượng nước cấp cho sinh hoạt tối đa của Dự án là:

$$45 \text{ lít/người/ngày} \times 160 \text{ người} = 7.200 \text{ lít/ngày} = 7,2 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

✚Nước cấp cho nhà ăn:

Công ty mua suất ăn công nghiệp nên không tổ chức nấu ăn tại Nhà máy, do đó, không phát sinh nước thải từ hoạt động nấu ăn.

Nước cấp cho hoạt động sản xuất:

✚ Nước cấp cho hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất

+ Nước cấp cho hoạt động vệ sinh máy móc bộ phận chạy sóng: Định mức lượng nước cấp cho hoạt động này khoảng 3 m³/tháng, tương đương khoảng 0,1 m³/ngày đêm.

+ Nước cấp cho hoạt động vệ sinh các thùng pha mực in, vệ sinh máy in: Định mức lượng nước cấp cho hoạt động này khoảng 0,5 m³/ngày đêm.

➔ Tổng lượng nước cấp cho hoạt động này là 0,6 m³/ngày đêm.

✚ Nước cấp cho lò hơi 5 tấn hơi/giờ:

Cơ sở có dụng 01 lò hơi 5 tấn/giờ, lượng nước cấp vào ban đầu là 5m³, lượng nước này được hóa hơi nóng và tuần hoàn sử dụng không thải ra môi trường. Hằng ngày nước cấp bổ sung cho việc hóa hơi là 10% lượng nước cấp vào ban đầu. Vậy lượng nước cấp cho lò hơi là:

$$Q_{\text{lò hơi}} = 5 \text{ m}^3/\text{giờ} \times 10\% = 0,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

✚Nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải lò hơi: khoảng 1 m³/ngày đêm.

Nước cấp cho hoạt động tưới cây: Định mức 3L/m² theo QCVN 01:2021/BXD, với diện tích cây xanh khoảng 150 m², lưu lượng nước cần cho tưới cây là:

$$Q_{\text{tưới cây}} = 150 \text{ m}^2 \times 3\text{L}/\text{m}^2 = 0,45 \text{ m}^3/\text{lần tưới}$$

Trung bình 05 ngày Công ty sẽ tưới cây xanh 01 lần. Vậy lượng nước sử dụng trung bình trong 01 ngày là 0,09 m³/ngày.

Nước cấp cho hoạt động rửa đường:

Định mức 0,4L/m² theo QCVN 01:2021/BXD, với diện tích đường nội bộ của cơ sở là 5.618 m², lưu lượng nước cấp cho rửa đường là:

$$Q_{\text{rửa đường}} = 5.618 \text{ m}^2 \times 0,4\text{L}/\text{m}^2 = 2,25 \text{ m}^3/\text{lần}$$

Trung bình 05 ngày Công ty sẽ tưới cây xanh 01 lần. Vậy lượng nước sử dụng trung bình trong 01 ngày là 0,45 m³/ngày.

Nước cấp cho PCCC:

Lượng nước sử dụng cho mục đích PCCC được tính:

Số đám cháy xảy ra đồng thời: 01 đám.

Lượng nước tính toán cho mỗi đám cháy được lấy bằng 10L/s.

Tổng lượng nước cấp cho chữa cháy trong 3 giờ là:

$$Q_{cc} = 1 \times 10 \times 3 \times 3.600 = 108 \text{ m}^3/\text{lần}.$$

Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng nước và xả thải theo từng mục đích của cơ sở

STT	Mục đích sử dụng	Quy mô	Nhu cầu sử dụng (m ³ /ngày)	Nhu cầu xả thải (m ³ /ngày)	Ghi chú
I	Nước cấp sinh hoạt				
1	Nước cấp cho CBCNV	160 người	7,2	7,2	$Q_{\text{thải}}=100\%Q_{\text{cấp}}$
II	Nước cấp sản xuất				
1	Nước cấp cho hoạt động vệ sinh máy móc bộ phận chạy sóng	-	0,1	-	Thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, mang đi xử lý
2	Nước cấp cho hoạt động vệ sinh các thùng pha mực in, vệ sinh máy in	-	0,5	-	Thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, mang đi xử lý
3	Nước cấp bổ sung cho lò hơi 5 tấn hơi/giờ	8 giờ/ngày	0,5	0,5	Tuần hoàn và tái sử dụng
4	Nước cấp cho hoạt động xả cặn lò hơi	01 tháng/lần	0,6	0,6	$Q_{\text{thải}}=100\%Q_{\text{cấp}}$
5	Hệ thống xử lý khí thải lò hơi	8 giờ/ngày	1,0	1,0	$Q_{\text{thải}}=100\%Q_{\text{cấp}}$
6	Tưới cây	150 m ²	0,09	-	Thấm đất
7	Rửa đường	5.618 m ²	0,45	-	Thấm đất
8	PCCC	-	108	-	Thấm đất
Tổng (không tính PCCC)			9,84	8,7	-

4.5. Nhu cầu máy móc, thiết bị

Công ty trang bị một số máy móc phục vụ quá trình hoạt động, cụ thể như sau:

Bảng 1.6. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động của Cơ sở

STT	Tên máy móc/ thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật	Nguồn gốc	Năm lắp đặt
1	Máy xĩa cán lằn	Cái	1		Hàn Quốc	2008
2	Máy cột dây	Cái	1		Đài Loan	2008
3	Máy dán keo	Cái	5		Hàn Quốc	2009
4	Máy xẻ cán lằn giấy	Cái	1		Hàn Quốc	2009
5	Máy cắt giấy	Cái	1		Hàn Quốc	2009
6	Máy sản xuất thùng carton	Cái	1		Hàn Quốc	2009
7	Máy hoàn thiện sản phẩm thùng carton	Cái	1		Hàn Quốc	2009
8	Máy nén khí	Cái	1	Model: 35AT- Công suất: 23m ³ /giờ	Hàn Quốc	2009
9	Máy dán keo	Cái	1	Model: Umetani Folder Gluer	Nhật bản	2009
10	Máy nén khí	Cái	1	Model: Micos37 Công suất: 37KW	Việt Nam	2009
11	Máy nén khí	Cái	1	Công suất: 1000 lít	Việt Nam	2009
12	Máy đóng thùng carton	Cái	1		Nhật bản	2010
13	Máy đóng kềm thùng carton	Cái	1	Model: Inv106440	Việt Nam	2010
14	Máy nén khí	Cái	1	Model: Inv 0007345	Việt Nam	2012
15	Máy in 2 màu	Cái	2		Hàn Quốc	2008
16	Máy cắt khe	Cái	2		Hàn Quốc	2008
17	Máy xĩa cán lằn	Cái	1		Hàn Quốc	2008
18	Máy in Flexo 3màu gồm bộ cắt rãnh	Cái	1	Model: Master Piece	Hàn Quốc	2009
19	Máy dán keo	Cái	1	Model: TK 1609	Nhật Bản	2013

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở “Nhà máy sản xuất túi nhựa, bao bì carton có in sẵn chi tiết sản phẩm”

STT	Tên máy móc/ thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật	Nguồn gốc	Năm lắp đặt
20	Máy bể thùng	Bộ	1	Model: TK49348	Hàn Quốc	2013
21	Máy in FLEXO 1 màu	Bộ	1	Model: Hiệu DHFS-1C, kích thước 2,400M/M	Nhật Bản	2010
22	Máy cán lằn chia khổ giấy carton	Bộ	1	Model: BFY-2500	Trung Quốc	2015
23	Máy xả lót	Bộ	1		Hàn Quốc	2015
24	Máy cột thùng carton	Bộ	2		Đài Loan	2015
25	Xe nâng hiệu Doosan	Bộ	1	Model: D30G Khối lượng: 3 tấn	Trung Quốc	2010
26	Máy bể hộp	Cái	1	Model:ML1400 (HD2012-00059-001)	Hàn Quốc	2012
27	Máy dập và cắt giấy (máy bế)	Cái	2	Model: PYQ 1420	Trung Quốc	2019
28	Hệ thống máy bắt giấy và phụ kiện đồng bộ kèm theo	Bộ	1		Hàn Quốc	2011
29	Máy dán thùng carton	Bộ	1	Model: Machida Floder Gluer OFG-H	Đài Loan	2016
30	Máy in 3 màu Toshiba bao gồm chức năng bế, xẻ rãnh	Bộ	1	Model: Ty 1610BT	Nhật bản	2016
31	Máy khắc laser	Bộ	1		Trung Quốc	2016
33	Máy sắp xếp đóng gói tự động (Auto Stacker)	Bộ	1	Model:PIONERO-A/1224	Hàn Quốc	2016
34	Máy dán thùng carton	Bộ	1	Model: Oshitani FG/OFG-02-2012	Nhật bản	2017
35	Máy in Flexo 3 màu -	Bộ	2	Model: Martin1224	Hàn Quốc	2013

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Bao bì BR Vina

Địa điểm: Khu phố 6, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở “Nhà máy sản xuất túi nhựa, bao bì carton có in sẵn chi tiết sản phẩm”

STT	Tên máy móc/ thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật	Nguồn gốc	Năm lắp đặt
36	Máy in Flexo 5 màu -	Cái	1	Model: PIONERO-A/1224-5D	Hàn Quốc	2016
37	Máy dập và cắt giấy	Cái	1	Model PYQ 1420-2013	Trung Quốc	2020
38	Máy dập và cắt giấy	Cái	1	Model PYQ 1320-2014	Trung Quốc	2020
39	Máy nén khí	Cái	1	24/HĐKT-25042021	Việt Nam	2021
40	Máy cột dây	Cái	1	Miyazaki HU3-430	Nhật Bản	2021
41	Máy nén khí không bình nén	Cái	1	BK37		2022
42	Máy nghiền giấy rác TQ	Cái	1		Trung Quốc	2022
43	Máy ép bánh tự động kèm máy chuyển tải 80t	Cái	1		Trung Quốc	2022
44	Máy xếp chồng TQ (hộp đồng 02)	Cái	1		Trung Quốc	2022
45	Máy bể tròn TQ	Bộ	1		Trung Quốc	2022
46	Nồi hơi than củi	Cái	1	Model: ORT-5000	Việt nam	2012
47	Hệ thống lò hơi 3600kg (cải tạo và nâng cấp hệ thống)	Cái	1		Việt nam	2022
48	Máy sóng C khổ 1800mm	Cái	1		Trung Quốc	2022
49	Máy nâng cuộn thủy lực khổ 1900mm	Cái	1		Trung Quốc	2022
50	Máy tạo keo hồ tự động	Cái	1		Trung Quốc	2022
51	Máy chuyển tải của dây chuyền sản xuất	Cái	1		Trung Quốc	2022

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Bao bì BR Vina

Địa điểm: Khu phố 6, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở “Nhà máy sản xuất túi nhựa, bao bì carton có in sẵn chi tiết sản phẩm”

STT	Tên máy móc/ thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật	Nguồn gốc	Năm lắp đặt
52	Máy in kỹ thuật số	Cái	1	Model: WD250-8A	Trung Quốc	2020
53	Máy in 3 màu bổ chap bề tròn xếp chồng	Cái	1	Model: HRB-1400x2700BR	Trung Quốc	2021
54	Máy phát điện xoay chiều 3 pha, 650kVA	Cái	1	Tình trạng: Đã qua sử dụng Hiệu: Coastal Power Model: CPDG-610 Công suất: 650kVA/520kW Động cơ Diesel P222LE	Hàn Quốc	2013
55	Máy phát điện 400kVA	Cái	1	Công suất: 400kVA	-	-

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì BR Vina

5. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở

5.1. Vị trí địa lý và hiện trạng khu vực thực hiện Cơ sở

Nhà máy sản xuất túi nhựa, bao bì carton có in sẵn chi tiết sản phẩm tọa lạc tại khu phố 6, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương, với các mặt tiếp giáp như sau:

- + Phía Bắc tiếp giáp đường đất đỏ NA12;
- + Phía Nam tiếp giáp khu đất trống;

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Bao bì BR Vina

Địa điểm: Khu phố 6, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương

- + Phía Tây tiếp giáp khu đất trống;
- + Phía Đông tiếp giáp đất trồng cao su.

Vị trí của cơ sở nhìn từ vệ tinh và toạ độ các điểm mốc được thể hiện trong sơ đồ sau:

Bảng 1.7. Tọa độ vị trí cơ sở

Ký hiệu	Tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trực 105 ⁰⁰⁰ , múi chiều 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)
M1	1230213.575	594580.742
M2	1230238.352	594647.733
M3	1230039.941	594676.838
M4	1229992.432	594612.038

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì BR Vina



Hình 1.7. Vị trí của cơ sở

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở “Nhà máy sản xuất túi nhựa, bao bì carton có in sẵn chi tiết sản phẩm”



Hình 1.8. Vị trí cơ sở trên địa bàn thành phố Bến Cát

5.2. Quy hoạch sử dụng đất

Tổng diện tích của cơ sở khoảng 14.608,9 m². Chi tiết cơ cấu sử dụng đất của cơ sở như sau:

Bảng 1.8. Cơ cấu sử dụng đất của cơ sở

STT	Loại đất	Diện tích xây dựng (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình	8.652	59,22
2	Đất cây xanh	150	1,03
3	Đất sân bãi, đường nội bộ	5.806,9	39,75
	Tổng	14.608,9	100,00

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì BR Vina

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Bao bì BR Vina

Địa điểm: Khu phố 6, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Chi tiết các hạng mục công trình của cơ sở như sau:

Bảng 1.9. Các hạng mục công trình của cơ sở

STT	Hạng mục	Theo Đề án BVMT chi tiết		Thực tế	
		Diện tích xây dựng (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất xây dựng công trình	8.760	59,96	8.652	59,11
1	Văn phòng	367,5	2,51	367,5	2,51
2	Xưởng sản xuất	5.171	35,40	5.171	35,40
3	Khu tập kết nguyên vật liệu	2.600	17,80	2.600	17,80
4	Khu vực kho chứa	50	0,34	50	0,34
5	Nhà chuyên gia	200	1,37	200	1,37
6	Căn tin	100	0,68	100	0,68
7	Nhà bảo vệ	24	0,16	8	0,06
8	Nhà để xe	60	0,41	60	0,41
9	Nhà kho chứa rác sinh hoạt và rác thải CNTT	70	0,48	16	0,11
10	Nhà kho chứa CTNH	80	0,55	6	0,04
11	Hệ thống xử lý nước thải	-	-	20	0,13
12	Bồn nước	37,5	0,26	37,5	0,26
II	Cây xanh	150	1,03	150	1,03
III	Sân bãi, đường nội bộ	5.698,9	39,01	5.806,9	39,75
Tổng cộng		14.608,9	100,00	14.608,9	100,00

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì BR Vina

5.2.1. Các hạng mục công trình chính của cơ sở

a. Nhà xưởng sản xuất

- Quy mô : Nhà công nghiệp 1 tầng, cấp 3.
- Diện tích : 1577,28 m².
- Cấu trúc : Móng, cột bằng bê tông cốt thép . Tường xây gạch . Cửa đi panô sắt, cửa sổ kính khung sắt . Cột khung, vì kèo, đòn tay, giằng mái bằng thép hình tiền chế . Mái lợp tole. Nền lát gạch ceramic.

b. Văn phòng

- Quy mô : nhà cấp 3, 01 trệt + 01 lầu

- Diện tích : 367,50 m².

- Cấu trúc : Móng, cột, đà dầm, sàn bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch . Cửa đi, cửa sổ pano sắt + kính . Mái lợp tole, vì kèo, đòn tay bằng thép. Nền lát gạch ceramic.

5.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

a. Hệ thống cung cấp điện

Nguồn cấp điện cấp cho hoạt động sản xuất, sinh hoạt, thắp sáng của cơ sở là nguồn điện hạ thế từ mạng lưới điện quốc gia đi qua khu vực công ty.

b. Hệ thống cung cấp nước

Trước đây, nguồn nước cung cấp cho hoạt động của nhà máy được lấy từ giếng khoan trong khuôn viên nhà máy, tuy nhiên, tháng 10/2019 cơ sở đã thực hiện trám lấp các giếng này lại, không còn sử dụng nguồn nước từ giếng khoan. Hiện tại, cơ sở sử dụng nguồn nước cấp từ Chi nhánh Cấp nước khu liên hợp – Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương theo hợp đồng số 2196 (*Hợp đồng đính kèm theo phụ lục báo cáo*). Nước sạch từ mạng phân phối chính sẽ được đầu nối tách mạng cung cấp cho toàn cơ sở. Mạng lưới cấp nước sạch sử dụng đường ống PVC dẫn dọc theo chiều dài của cơ sở đến khu vực cần sử dụng như: văn phòng, căn tin, xưởng sản xuất,... và được bố trí phù hợp theo mạng lưới chung trong khu vực. Việc cấp nước từ nhà máy nước khu vực của Chi nhánh Cấp nước khu liên hợp – Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương luôn đảm bảo cung cấp đủ lượng nước sạch cần dùng cho hoạt động kinh doanh tại cơ sở.

c. Hệ thống giao thông

❖ Hệ thống giao thông bên trong

Sân, đường nội bộ có kết cấu mặt đường bê tông xi măng với chiều rộng đường 5m và 6m.



Hình 1.9. Đường giao thông nội bộ của cơ sở

❖ Hệ thống giao thông bên ngoài

Cơ sở nằm trên đường đất đỏ NA12, cách QL13 khoảng 600m nên rất thuận lợi cho các phương tiện giao thông đến vận chuyển nguyên liệu đầu vào và các sản phẩm đầu ra tại cơ sở.



Hình 1.10. Đường giao thông bên ngoài cơ sở

d. Hệ thống thông tin liên lạc

Địa điểm cơ sở thuộc địa bàn thành phố Bến Cát, với vị trí nằm cạnh đường QL13, nên việc liên lạc bằng mạng lưới viễn thông trong khu vực rất dễ dàng và thuận lợi do đã đầu tư hoàn chỉnh, đảm bảo liên lạc trong nước và quốc tế dễ dàng bao gồm điện thoại, điện thoại di động, fax, internet....

e. Hệ thống PCCC

- Hệ thống PCCC tại cơ sở đã được trang bị, bố trí đầy đủ, sẵn sàng, đạt tiêu chuẩn về yêu cầu PCCC.

- Hệ thống PCCC được lắp đặt ở những khu vực dễ thao tác và thường xuyên có người qua lại, gần những khu vực dễ xảy ra cháy.

- Ngoài ra, cơ sở đã được Công an tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận Thẩm định về thiết kế và thiết bị PCCC số 148/PC23 ngày 12/05/2003 và Giấy chứng nhận Thẩm duyệt về PCCC số 42/TD-PCCC ngày 19/02/2009.



Hình 1.11. Các hộp PCCC tại cơ sở

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Bao bì BR Vina

Địa điểm: Khu phố 6, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương

5.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

5.3.1. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa

Lượng nước mưa trên mái nhà, nước mưa chảy tràn trên mặt đường giao thông nội bộ, sân, ... sẽ được thu gom bằng hệ thống thu nước mưa chảy tràn riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải. Lượng nước mưa này sau khi thu gom sẽ dẫn về các hố ga rồi thoát ra cống chung của khu vực nằm trên đường NA12.

5.3.2. Hệ thống thu gom, thoát nước thải

- Nước thải sinh hoạt của các CBCNV (Nước thải khu văn phòng) được thu gom và xử lý bằng hầm tự hoại 03 ngăn. Nước thải sau khi xử lý qua bể tự hoại cũng sẽ dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 15m³/ngày đêm trước khi được thoát ra cống chung của khu vực nằm trên đường NA12.

- Nước thải sản xuất:

+ Nước thải từ hoạt động vệ sinh máy móc bộ phận chạy sóng được thu gom sau đó thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, mang đi xử lý dưới dạng chất thải rắn công nghiệp thông thường.

+ Nước thải từ hoạt động vệ sinh các thùng pha mực in, vệ sinh máy in được công ty thu gom vào hồ chứa 12m³, đây là chất thải nguy hại, định kỳ đơn vị có chức năng đến xử lý.

+ Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung 15 m³/ngày đêm.

- Lượng nước thải sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 15 m³/ngày đêm đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A (K=1,2) trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của khu vực nằm trên đường NA12.

5.3.3. Hệ thống thu gom, xử lý khí thải

a. Khí thải từ lò hơi:

Cơ sở đã đầu tư xây dựng HTXL khí thải để xử lý lượng khí thải phát sinh từ lò hơi. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Nước thải từ tháp hấp thụ được làm mát sau đó dẫn vào hệ thống XLNT 15m³/ngày đêm.

b. Hơi dung môi từ công đoạn in, dán keo

Hơi dung môi này có thành phần chủ yếu là các khí như toluene, ethyl axetat, ethanol. Tuy nhiên, lượng hóa chất công ty sử dụng trong mỗi khâu không nhiều, mực in sử dụng là mực gốc nước nên lượng hơi khí độc phát tán vào môi trường là rất ít. Do đó, công ty không lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý khí thải cho các công đoạn này.

5.3.4. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp thông thường: Cơ sở đã xây 01 nhà kho chứa rác sinh hoạt và rác CNTT có diện tích 16 m², có nền xi măng, lợp tôn xung quanh, có mái che bằng tôn.

- Chất thải nguy hại: Cơ sở đã xây dựng 01 kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 6 m² với kết cấu nền xi măng, có vách tường bao quanh, có dán nhãn phân loại rác thải.

5.4. Tổ chức quản lý và thực hiện cơ sở

a. Chế độ làm việc

Theo chế độ lao động của Nhà nước ban hành và điều kiện cụ thể của Công ty, chế độ làm việc tại cửa hàng như sau:

- + Số ngày làm việc: 300 ngày.
- + Số ca làm việc trong ngày: 02 ca.
- + Số giờ làm việc trong ca: 8 giờ/ca.

b. Tổ chức quản lý

Nhu cầu sử dụng lao động tại cơ sở khoảng 160 lao động, cụ thể như sau:

Bảng 1.10. Nhu cầu nhân lực quản lý và vận hành cơ sở

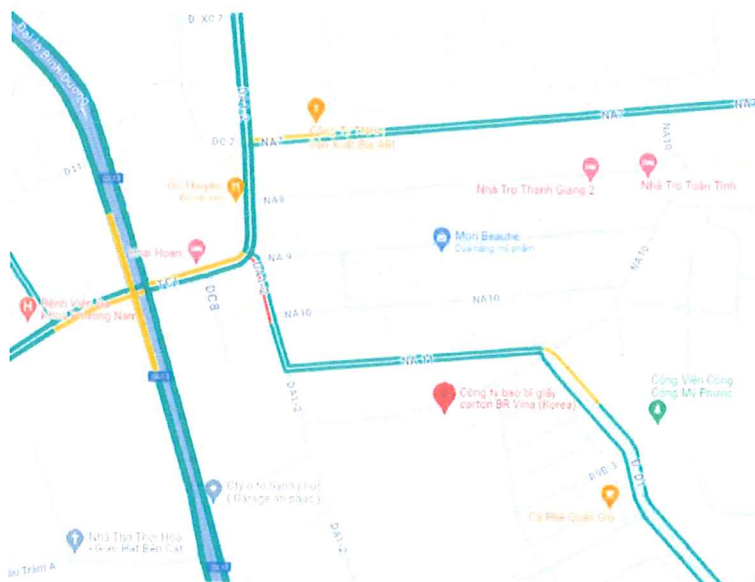
STT	Nguồn nhân lực	Số lượng (người)
1	Tổng Giám đốc	01
2	Trưởng phòng/phó phòng	06
3	Nhân viên văn phòng	22
4	Nhân viên kỹ thuật	04
5	Công nhân	127
Tổng cộng		160

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì BR Vina

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của Cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường



Hình 2.1. Vị trí của cơ sở trên bản đồ

- Địa điểm cơ sở: Khu phố 6, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
Cách các trung tâm đô thị:

- + Cách trung tâm thành phố Bến Cát khoảng 1,7km.
- + Cách trung tâm thành phố Thủ Dầu Một khoảng 16,5km.
- + Cách trung tâm thành phố Biên Hòa khoảng 40km.
- + Cách trung tâm thành phố Hồ Chí Minh khoảng 39km.

- Vị trí cơ sở bao quanh là khu đất trống và khu đất trồng cao su, cách nhà dân khoảng 6m về phía Bắc, do đó hoạt động sản xuất của cơ sở có thể góp phần mang lại các tác động tích cực cho khu vực như:

- + Góp phần thúc đẩy sự phát triển ổn định của khu vực;
- + Tạo việc làm và thu nhập ổn định cho lao động địa phương, góp phần ổn định cuộc sống nhân dân, góp phần xóa đói giảm nghèo.
- + Bổ sung vào ngân sách nhà nước thông qua các khoản thuế và thuê đất.

2. Sự phù hợp của Cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Cơ sở đã đầu tư các công trình bảo vệ môi trường phục vụ quá trình hoạt động của cơ sở nhằm đảm bảo khả năng chịu tải của môi trường cụ thể như sau:

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Bao bì BR Vina

Địa điểm: Khu phố 6, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương

- Đối với nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt của các CBCNV (Nước thải khu văn phòng) phát sinh khoảng 10,3 m³/ngày đêm được thu gom và xử lý bằng hầm tự hoại 03 ngăn. Nước thải sau khi xử lý qua bể tự hoại cũng sẽ dẫn về hệ thống xử lý nước thải sau công suất 15m³/ngày đêm trước khi được thoát ra công chung của khu vực trên đường NA12.

+ Nước thải sản xuất từ nhà máy phát sinh khoảng 2,0 m³/ngày đêm được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất 15 m³/ngày đêm được để xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra công thoát nước chung của khu vực trên đường NA12.

+ Lượng nước thải sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 15 m³/ngày đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A (K=1,2) trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của khu vực trên đường NA12.

→ Vì vậy, cơ sở phù hợp với khả năng chịu tải môi trường nước thải của nguồn tiếp nhận.

- Đối với khí thải:

Cơ sở có sử dụng 01 lò hơi công suất 5 tấn hơi/giờ làm phát sinh khí thải. Công ty đã bố trí hệ thống xử lý khí thải lò hơi, khí thải sau khi xử lý đảm bảo đạt QCVN 19: 2009/BTNMT (cột B) trước khi thoát ra môi trường không khí.

→ Vì vậy, khả năng chịu tải môi trường không khí khu vực hoàn toàn có thể đáp ứng được các hoạt động của cơ sở.

- Đối với chất thải rắn:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Cơ sở đã xây 01 nhà kho chứa rác sinh hoạt có diện tích 8 m², có nền xi măng, lợp tôn xung quanh, có mái che bằng tôn. Công ty đã ký hợp đồng số 141/HĐTHVC/2024 ngày 02/01/2024 với Xí nghiệp công trình công cộng Bến Cát để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở.

- Chất thải công nghiệp thông thường: Cơ sở đã xây 01 nhà kho chứa rác thải CNTT có diện tích 8 m², có nền xi măng, lợp tôn xung quanh, có mái che bằng tôn và có dán nhãn phân loại rác thải. Công ty đã ký hợp đồng số 999-RCN/HĐ – KT/23 ngày 21/05/2023 với Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải thông thường phát sinh tại nhà máy.

- Chất thải nguy hại: Cơ sở đã xây dựng 01 kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 6 m² với kết cấu nền xi măng, có vách tường bao quanh, có dán nhãn phân loại rác thải. Công ty đã ký hợp đồng số 999-RNH/HĐ – KT/23 ngày 21/05/2023 để thu gom vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy theo đúng quy định.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

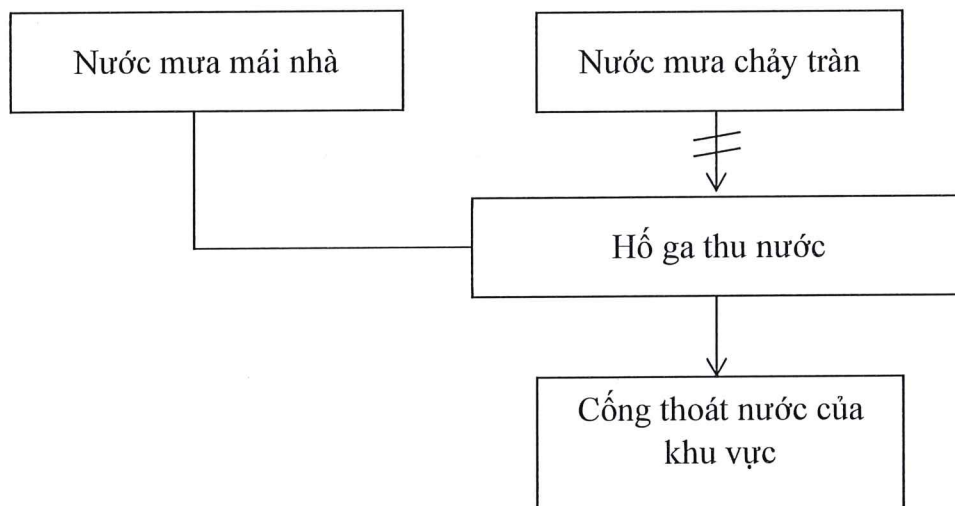
1.1. Thu gom, thoát nước mưa

1.1.1. Công trình thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa của toàn cơ sở được xây dựng tách riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải.

Toàn bộ hệ thống thoát nước mưa của Nhà máy hiện hữu được bố trí và xây dựng hoàn thiện, đảm bảo không để xảy ra tình trạng ngập úng trong khu vực.

Sơ đồ minh họa hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở được trình bày trong hình sau:



Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của cơ sở

Thuyết minh quy trình:

Hệ thống thu gom và thoát nước mưa trên mặt đất của cơ sở được thiết kế với chế độ tự chảy, bố trí trên cơ sở tận dụng tối đa độ dốc của địa hình với $i=0,5\%$ tùy theo khu vực. Hệ thống thu gom và tiêu thoát nước mưa được phân bố như sau:

+ Nước mưa trên mái nhà được thu gom bằng hệ thống ống nhựa PVC 90mm chảy xuống hệ thống thoát nước mưa xung quanh đường nội bộ nhà máy để thu gom chung với lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt.

+ Nước mưa chảy tràn quanh nhà máy tự chảy vào các hố ga của hệ thống thoát nước mưa.

Hệ thống thoát nước mưa của nhà máy được đấu nối với hệ thống thoát nước khu vực trên đường NA12.

Bảng 3.2. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại cơ sở

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết cấu
1	Hố ga thoát nước mưa 1,2mx1,2mx1,0m	cái	61	BTCT
2	Cống thoát nước mưa D300	m	29,2	BTCT
3	Cống thoát nước mưa D400	m	404,6	BTCT

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì BR Vina



Hố ga thu gom nước mưa



Ống nhựa thu gom nước mưa trên mái nhà



Hố ga đầu nối thoát nước mưa

Hình 3.2. Công trình thu gom và thoát nước mưa của cơ sở

1.1.2. Vị trí đầu nối nước mưa

Toàn bộ lượng nước mưa tại cơ sở sẽ được thu gom và đầu nối vào cống thoát nước mưa của khu vực trên đường NA12.

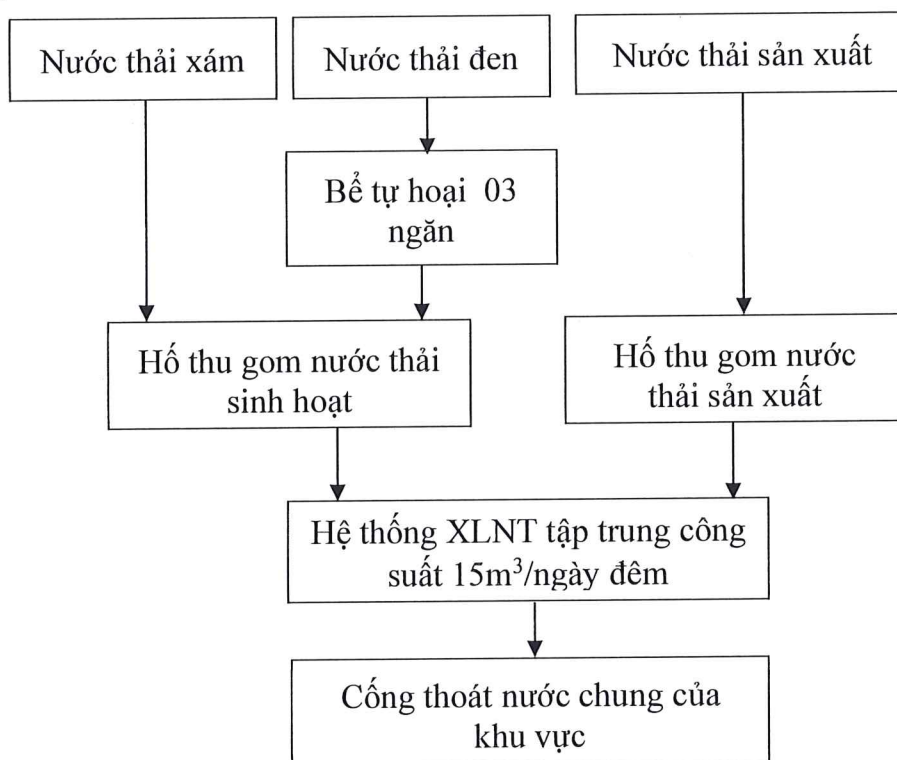
+ Tọa độ vị trí đầu nối (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 3⁰): X = 1230225.022; Y = 594607.413.

+ Phương thức xả thải: tự chảy.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

1.2.1. Công trình thu gom nước thải

Nước thải tại cơ sở được phát sinh từ 02 nguồn: nước thải từ quá trình sản xuất (bao gồm: nước thải từ hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất; nước thải từ hệ thống xử lý khí thải) và nước thải sinh hoạt của các CBCNV. Nhà máy đã đầu tư hoàn thiện hệ thống thu gom và thoát nước thải cụ thể như sau:



Hình 3.3. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải tại cơ sở

Thuyết minh quy trình:

- Đối với nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt tại cơ sở gồm 02 nguồn:
 - + Nước thải xám: nước thải từ lavabo, bồn rửa phát sinh từ quá trình rửa tay, rửa mặt,... của các CBCNV trong cơ sở được dẫn về hồ ga thu gom nước thải sinh hoạt rồi dẫn đến hệ thống XLNT tập trung của cơ sở.
 - + Nước thải đen: nước thải từ bồn cầu, bồn tiểu phát sinh trong quá trình sinh hoạt của các CBCNV tại cơ sở được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, sau đó dẫn về hồ ga thu gom nước thải sinh hoạt rồi dẫn đến hệ thống XLNT tập trung của cơ sở.
- Mạng lưới thu gom, thoát nước thải sinh hoạt:
 - + Nước thải sinh hoạt (từ nhà vệ sinh) xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn thông qua đường ống thoát nước PVC D90. Hiện tại nước thải từ các nhà vệ sinh ở các vị trí khác nhau trong nhà máy (nhà văn phòng, nhà xưởng sản xuất) được thu gom vào 01 bể tự hoại có thể tích 14 m³.

+ Nước thải từ nhà ăn (căn tin) không thực hiện nấu ăn, phần nước phát sinh do hoạt động rửa tay, rửa mặt,... của các CBCNV. Do đó, sẽ được dẫn trực tiếp về hệ thống XLNT tập trung của cơ sở thông qua máng thu nước thải.

+ Nước thải sau bể tự hoại được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất $15\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ để xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Mạng lưới thu gom nước thải sản xuất: nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất và nước thải từ hệ thống xử lý khí thải được dẫn về hố thu gom nước thải sản xuất. Sau đó, lượng nước thải này được dẫn về hệ thống XLNT tập trung thông qua các đường ống D400 có chiều dài khoảng 278 m.

Bảng 3.3. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước thải

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết cấu
1	Đường ống thoát nước thải D200	m	74,6	HDPE
2	Cống thu nước thải D400	m	278	BTCT
3	Hố ga thu gom và thoát nước	cái	20	BTCT $D \times R \times C = 1,2\text{m} \times 1,2\text{m} \times 1\text{m}$

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì BR Vina

1.2.2. Vị trí đầu nối nước thải

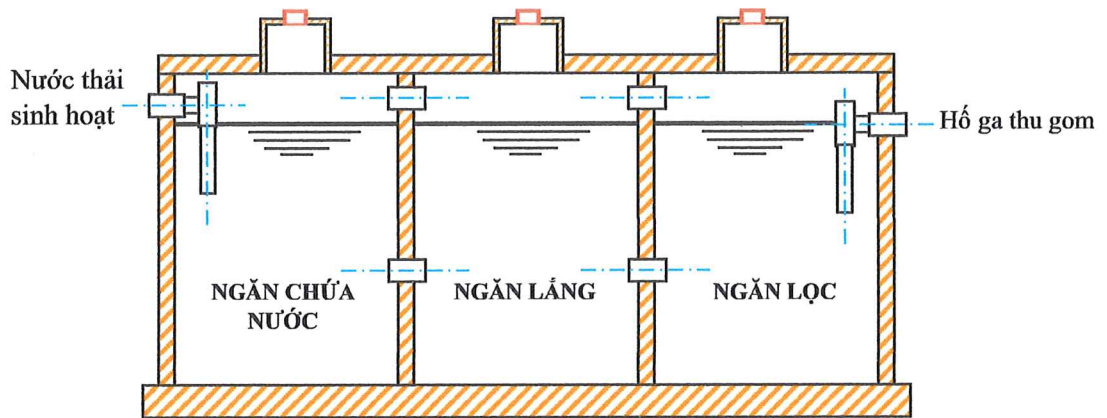
- Nguồn tiếp nhận nước thải: cống thoát nước thải chung của khu vực trên đường NA12.
- Vị trí xả nước thải: Tọa độ vị trí đầu nối (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): $X = 1230225.022$; $Y = 594607.413$.
- Phương thức xả thải: tự chảy.
- Chế độ xả thải: gián đoạn.
- Lưu lượng xả thải tối đa: $15\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.



Hình 3.4. Hố ga đầu nối thoát nước thải

1.3. Hệ thống xử lý nước thải

1.3.1. Công trình xử lý nước thải bể tự hoại



Hình 3.5. Cấu tạo bể tự hoại 03 ngăn

Nguyên lý hoạt động:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà máy được xử lý bằng bể tự hoại. Bể tự hoại là công trình đồng thời làm hai chức năng: lắng và phân hủy cặn lắng. Cặn lắng giữ trong bể, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất hòa tan.

Bể tự hoại là một bể trên mặt có hình chữ nhật, với thời gian lưu nước 3 – 6 ngày, 90% - 92% các chất lơ lửng lắng xuống đáy bể, qua một thời gian cặn sẽ phân hủy kỵ khí trong ngăn lắng 1, sau đó nước thải qua ngăn lắng 2. Trong mỗi bể đều có lỗ thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và tác dụng thứ hai của ống này là dùng để thông các ống đầu vào và ống đầu ra khi bị nghẹt.

Khi qua bể tự hoại, nồng độ các chất hữu cơ trong nước thải giảm khoảng 30%, riêng các chất lơ lửng hầu như được giữ lại hoàn toàn. Bùn từ bể tự hoại được chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng để hút và vận chuyển đi nơi khác xử lý.

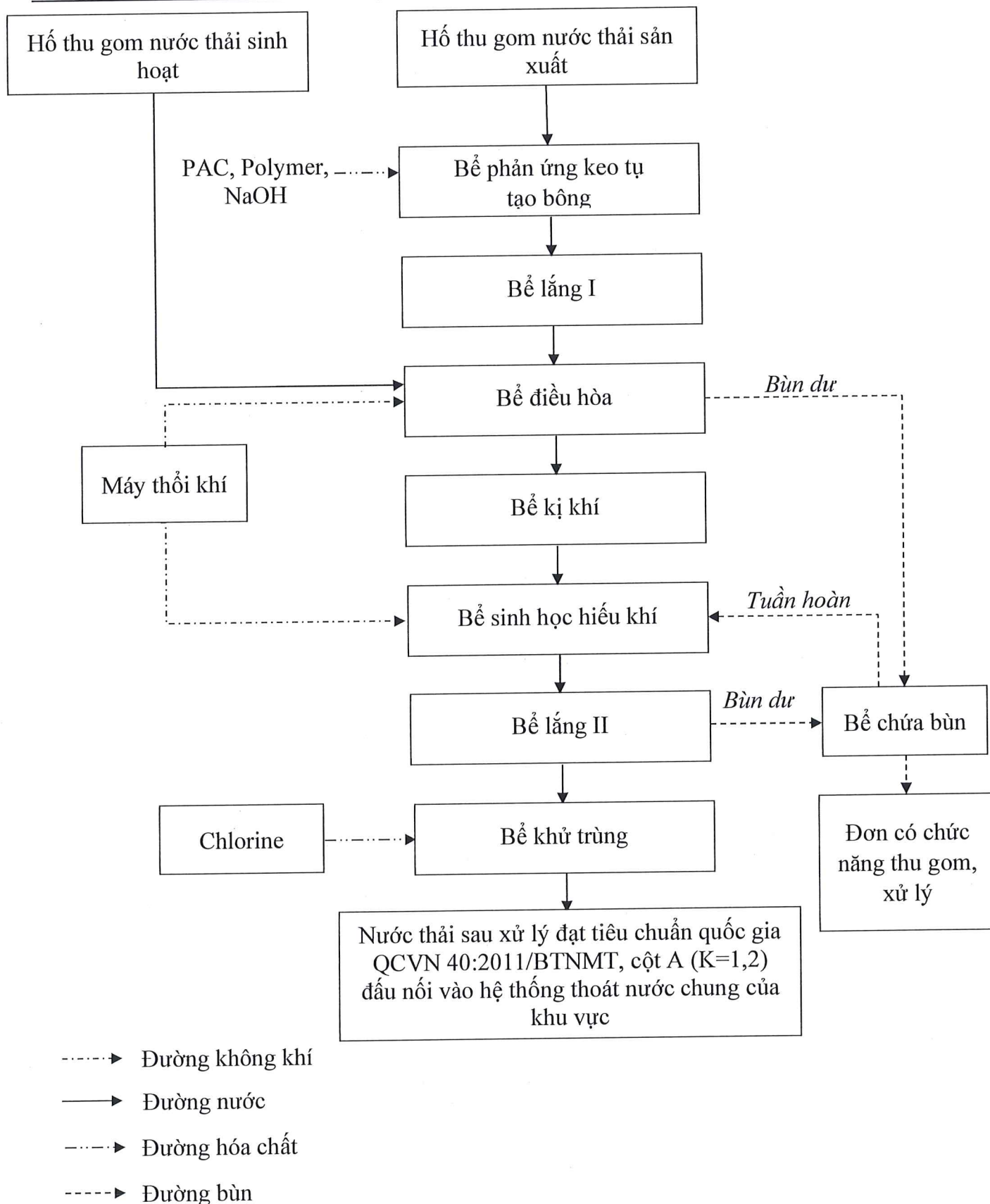
Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật của bể tự hoại

STT	Công trình	Vị trí	Số lượng (cái)	Kích thước (m)	Tổng thể tích (m ³)	Vật liệu
1	Bể tự hoại 03 ngăn	Khu vực văn phòng	01	LxBxH = 3,5m x 2,5m x 1,6m	14	BTCT

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì BR Vina

1.3.2. Công trình xử lý nước thải sản xuất

Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của Nhà máy sẽ được dẫn về hệ thống XLNT tập trung để xử lý. Sơ đồ hệ thống XLNT tập trung tại Nhà máy được mô tả như sau:



Hình 3.6. Quy trình xử lý nước thải của cơ sở

Thuyết minh quy trình:

Hồ thu gom nước thải sản xuất:

Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải và quá trình xả cặn lò hơi được dẫn về bể thu gom nước thải sản xuất. Sau đó được bơm bơm qua cụm bể keo tụ tạo bông.

Hồ thu gom nước thải sinh hoạt:

Nước thải phát sinh từ căn tin, từ quá trình vệ sinh, rửa tay,... được dẫn về bể thu gom nước thải sinh hoạt. Sau đó được bơm bơm qua bể điều hòa.

Bể keo tụ

Nước thải từ bể thu gom nước thải sản xuất được bơm lên bể keo tụ tạo bông. Cùng lúc này bơm định lượng hóa chất 1 bơm NaOH để đưa pH đến chỉ số tối ưu cho quá trình keo tụ, bơm định lượng hóa chất 2 bơm PAC để liên kết các chất thải lơ lửng trong nước thải. Quá trình keo tụ giúp tăng kích cỡ các hạt nhờ tác dụng tương hỗ giữa các hạt phân tán liên kết vào các tập hợp chất rắn huyền phù trong nước thải.

Tiếp tục, bơm định lượng châm hóa chất Polymer Anion vào nhằm kích thích sự hình thành các bông cặn có kích thước lớn. Polymer được trộn vào đóng vai trò như cầu nối liên kết các hạt cặn đã được keo tụ, tạo thành các hạt cặn có kích thước lớn hơn và dễ lắng, giúp nâng cao hiệu quả lắng. Nước thải sau khi tạo bông tự chảy sang bể lắng 01.

Bể lắng 01

Tại đây nước thải được tách các cặn được tạo ra từ bể keo tụ tạo bông nhờ trọng lực xuống đáy bể. Nước sau khi tách cặn tự chảy tràn về bể điều hòa. Bùn sinh ra từ bể lắng 01 được bơm bùn bơm định kỳ về bể chứa bùn.

Bể điều hòa

Nguồn nước thải vào bể điều hòa gồm: nước thải sinh hoạt được bơm từ bể thu gom nước thải sinh hoạt và nước thải chảy tràn từ bể lắng 01. Nước thải tại bể điều hòa được ổn định về lưu lượng và nồng độ ô nhiễm ban đầu. Sau đó, bơm WP03 bơm nước thải đến bể kỵ khí.

Bể kỵ khí

Bể UASB được bổ sung giá thể vi sinh để tạo điều kiện thuận lợi cho vi sinh vật kỵ khí phát triển và hoạt động ổn định. Nước thải sau khi xử lý ở công đoạn sinh học kỵ khí sẽ được bơm bơm lên bể Aerotank.

Bể Aerotank

Tại đây nước thải kết hợp với bùn hoạt tính và một số chủng vi sinh vật đặc hiệu cho quá trình phân hủy hiếu khí. Không khí được đưa vào tăng cường bằng máy thổi khí đảm bảo lượng oxy hòa tan trong nước thải luôn lớn hơn 2mg/l. Giai đoạn này sẽ diễn ra quá trình phân hủy hiếu khí xử lý nồng độ COD và BOD triệt để, sản phẩm của quá trình này chủ yếu sẽ là

khí CO₂, và sinh khối vi sinh vật tồn tại dưới dạng bùn hoạt tính khối lượng. Nước thải sau khi xử lý tại bể Aerotank tự chảy tràn sang bể lắng 02.

Bể lắng 02

Sau giai đoạn xử lý sinh học hiếu khí Aerotank, nước thải được đưa đến bể lắng 2. Tại đây, bùn hoạt tính sẽ lắng xuống đáy bể. Nước thải sau khi lắng, chảy tự nhiên về bể khử trùng. Tại đây bơm bùn bơm tuần hoàn bùn về bể Aerotank để duy trì nồng độ bùn hoạt tính trong bể, một phần bơm về bể chứa bùn.

Bể khử trùng

- Bể khử trùng được bơm châm hóa chất Chlorine vào bằng bơm định lượng nhằm oxy hóa tế bào vi sinh vật gây bệnh. Nước thải sau khi khử trùng đạt theo quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (K=1,2) sẽ theo đường ống thoát nước thải thoát ra cống thoát nước thải chung của khu vực trên đường NA12.

Bể chứa bùn

Lượng bùn dư tích lũy trong quá trình làm việc của hệ thống sẽ được dẫn vào bể chứa bùn. Bùn tạo thành sau quá trình xử lý nước sẽ thuê đơn vị chức năng đến thu gom, xử lý theo quy định.

Bảng 3.5. Các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải

STT	Hạng mục công trình	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Vật liệu
1	Hồ thu gom nước thải sản xuất	Kích thước: D x B x L = 2,0m x 1,5m x 2,7m Thể tích: 8,1 m ³	01	BTCT
2	Hồ thu gom nước thải sinh hoạt	Kích thước: D x B x L = 0,8m x 0,8m x 1,5m Thể tích: 0,96 m ³	01	BTCT
3	Bể điều hòa	Kích thước: D x B x L = 3,5m x 2,0m x 2,7m Thể tích: 18,9 m ³	01	BTCT
4	Bể kị khí	Kích thước: D x B x L = 5,1m x 2,0m x 2,7m Thể tích: 27,54 m ³	01	BTCT
5	Bể lắng 1	Kích thước: D x B x L = 1,3m x 1,0m x 2,0m Thể tích: 2,6 m ³	01	BTCT
6	Bể keo tụ và tạo bông	Kích thước: D x B x L = 1,3m x 0,5m x 2,0m Thể tích: 1,3 m ³	01	BTCT

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở “Nhà máy sản xuất túi nhựa, bao bì carton có in sẵn chi tiết sản phẩm”

STT	Hạng mục công trình	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Vật liệu
7	Bể sinh học hiếu khí	Kích thước: D x B x L = 3,4m x 1,5m x 2,0m Thể tích: 10,2 m ³	01	BTCT
8	Bể lắng 2	Kích thước: D x B x L = 1,5m x 1,0m x 2,0m Thể tích: 3,0 m ³	01	BTCT
9	Bể khử trùng	Kích thước: D x B x L = 0,6m x 1,5m x 2,0m Thể tích: 1,8 m ³	01	BTCT
10	Bể chứa bùn	Kích thước: D x B x L = 1,5m x 1,1m x 2,0m Thể tích: 3,3 m ³	01	BTCT

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì BR Vina



Hình 3.7. Hệ thống xử lý nước thải tập trung tại cơ sở

a. Máy móc, thiết bị sử dụng trong hệ thống xử lý nước thải

Bảng 3.6. Danh mục các máy móc, thiết bị sử dụng hệ thống xử lý nước thải

STT	Máy móc/ thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
1	Bơm nước thải bể thu gom	Cái	02	Q = 2m ³ /h; H = 8-10m N = 0,25kW/3phase/380V

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Bao bì BR Vina

Địa điểm: Khu phố 6, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở “Nhà máy sản xuất túi nhựa, bao bì carton có in sẵn chi tiết sản phẩm”

STT	Máy móc/ thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
2	Bơm nước thải bể điều hòa	Cái	01	Q = 2m ³ /h; H = 8-10m N = 0,25kW/3phase/380V
3	Bơm nước thải bể UASB	Cái	01	Q = 2m ³ /h; H = 8-10m N = 0,25kW/3phase/380V
4	Bơm định lượng hóa chất	Cái	04	Công suất: 130W/220V/50Hz Cột áp: 4,5 bar Lưu lượng: 15,75 lít/giờ Xuất xứ: Pulsafeeder, USA
5	Máy thổi khí	Bộ	01	N = 0,75kW/3phase Xuất xứ: Heywel, Đài Loan
6	Bơm bùn bể lắng	Cái	01	Q = 3m ³ /h H = 5m N = 0,375kW/1HP, 3phase/380V Xuất xứ: Taiwan
7	Hệ thống khuấy trộn	Bộ	01	N = 0,375kW/3phase Cánh khuấy Inox
8	Đồng hồ đo lưu lượng nước thải	Cái	01	DN50, hoạt động cơ Xuất xứ: Trung Quốc
9	Đường ống công nghệ, đường ống hóa chất	Hệ	01	Ống uPVC D21-D34 và phụ kiện Xuất xứ: Việt Nam
10	Ống phân phối trung tâm, tấm chắn bùn, tấm ren cửa thu nước	Hệ	01	Ống trung tâm: D= 0.6m; H = 2m, Inox 304 dày 1mm Xuất xứ: Việt Nam
11	Bồn chứa hóa chất	Cái	04	Vật liệu: PVC Thể tích: 500 lít

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì BR Vina

b. Hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng, định mức tiêu hao điện năng, hóa chất sử dụng cho quá trình vận hành

Trong quá trình hoạt động, Nhà máy sản xuất túi nhựa, bao bì carton có in sẵn chi tiết sản phẩm có sử dụng hóa chất, chế phẩm sinh học, điện năng, được trình bày chi tiết trong bảng sau:

Bảng 3.7. Danh mục hóa chất, điện năng sử dụng cho quá trình vận hành

STT	Hóa chất, chế phẩm sinh học	Đơn vị	Khối lượng	Mục đích
1	Chlorine	Kg/tháng	22	Khử trùng nước thải
2	PAC	Kg/tháng	30	Keo tụ - tạo bông nước thải
3	Polymer	Kg/tháng	10	Keo tụ - tạo bông nước thải
4	NaOH	Kg/tháng	15	Keo tụ - tạo bông nước thải

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì BR Vina

c. Yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý

Nước thải sau khi xử lý xả ra nguồn tiếp nhận đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A; K=1,2).

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Dựa vào quy mô hoạt động, các nguồn gây ô nhiễm không khí phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở gồm:

- Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông
- Bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng
- Bụi, khí thải từ khu vực sản xuất
- Khí thải từ khu vực lưu trữ chất thải rắn

2.1. Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông

- Trong quá trình cơ sở hoạt động, lượng khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông chủ yếu là các phương tiện di chuyển cá nhân mô tô 02 bánh, ô tô và xe tải. Khí thải từ các phương tiện giao thông mang tính chất đặc trưng của khí thải do việc đốt nhiên liệu, thành phần của chúng chủ yếu chứa bụi, SO₂, NO₂, CO, THC. Để giảm thiểu tối đa các tác động Nhà máy sẽ tiến hành phun nước các tuyến đường nội bộ, đặc biệt là các khu vực có nhiều xe lưu thông trong trường hợp cần thiết.

- Sử dụng bạt che phủ phía trên cho các xe vận chuyển nguyên vật liệu ra vào Nhà máy.
- Phương tiện vận chuyển đảm bảo tiêu chuẩn lưu hành về chất lượng khí thải, không sử dụng xe quá cũ để vận chuyển, giảm phát thải bụi và các khí độc hại như SO₂, NO_x, CO,...
- Thường xuyên bảo dưỡng các loại phương tiện vận chuyển.

2.2. Bụi, khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng

- Dự án có sử dụng 01 máy phát điện dự phòng công suất 400 kVA và 650kVA. Đặc tính sử dụng của các máy phát điện như sau:

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Bao bì BR Vina

Địa điểm: Khu phố 6, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương

+ Định mức tiêu thụ nhiên liệu của máy phát điện 400 kVA và 650kVA lần lượt là 88 lít dầu DO/giờ và 111 lít dầu DO/giờ (tải 100%).

+ Hàm lượng lưu huỳnh: S = 0,05%.

+ Tỷ trọng dầu DO: $\rho = 0,845 \text{ kg/lít}$.

Tính toán tải lượng và nồng độ các chất khí ô nhiễm phát sinh khi đốt dầu DO:

- Đối với máy phát điện 400 kVA:

+ Khối lượng dầu DO sử dụng trung bình giờ là:

$$88 \text{ lít/giờ} \times 0,845 \text{ kg/lít} = 74,4 \text{ kg/giờ}$$

+ Lượng khí thải phát sinh khi đốt 1 kg dầu DO khoảng $22 \div 25 \text{ m}^3/\text{kg}$. Vậy lượng khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng 400kVA là:

$$74,4 \text{ kg/giờ} \times 25 \text{ m}^3/\text{kg} = 1.860 \text{ m}^3/\text{giờ}$$

- Đối với máy phát điện 650 kVA:

+ Khối lượng dầu DO sử dụng trung bình giờ là:

$$111 \text{ lít/giờ} \times 0,845 \text{ kg/lít} = 93,80 \text{ kg/giờ}$$

+ Lượng khí thải phát sinh khi đốt 1 kg dầu DO khoảng $22 \div 25 \text{ m}^3/\text{kg}$. Vậy lượng khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng 650kVA là:

$$93,80 \text{ kg/giờ} \times 25 \text{ m}^3/\text{kg} = 2.345 \text{ m}^3/\text{giờ}$$

Nhiên liệu sử dụng cho máy phát điện là dầu DO nên khi hoạt động sẽ đốt cháy nhiên liệu và phát sinh ra khói, bụi, SO_2 , NO_2 , CO. Tuy nhiên máy phát điện chỉ hoạt động trong trường hợp mất điện nên mức độ ảnh hưởng của máy phát điện đến môi trường là không lớn. Dựa trên các hệ số tải lượng của tổ chức Y tế thế giới (WHO) có thể tính tải lượng, nồng độ các chất ô nhiễm như sau:

Bảng 3.8. Dự báo tải lượng các chất ô nhiễm từ khí thải máy phát điện dự phòng

STT	Chất ô nhiễm	Hệ số phát thải (g/kg)	Tải lượng ô nhiễm (g/s)	Nồng độ khí thải tính ở điều kiện tiêu chuẩn (mg/Nm^3)	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, $K_v = 0,8$; $K_p = 0,9$ (mg/Nm^3)
Máy phát điện 400 kVA					
1	Bụi	0,71	0,015	31,69	144
2	SO_2	20S	0,00021	0,44	360

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở “Nhà máy sản xuất túi nhựa, bao bì carton có in sẵn chi tiết sản phẩm”

STT	Chất ô nhiễm	Hệ số phát thải (g/kg)	Tải lượng ô nhiễm (g/s)	Nồng độ khí thải tính ở điều kiện tiêu chuẩn (mg/Nm ³)	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, Kv = 0,8 ; Kp = 0,9 (mg/Nm ³)
3	NO ₂	9,62	0,20	422,5	612
4	CO	2,19	0,05	105,6	720
Máy phát điện 650 kVA					
1	Bụi	0,71	0,0185	31	144
2	SO ₂	20S	0,0003	0,50	360
3	NO ₂	9,62	0,25	418,95	612
4	CO	2,19	0,057	95,5	720

Nguồn: Đánh giá nhanh của Tổ chức Y tế thế giới WHO (1993)

Ghi chú:

- Tính cho hàm lượng lưu huỳnh trong dầu DO là 0,05%
- Tải lượng (g/s) = Hệ số phát thải (g/kg) x Lượng dầu sử dụng (kg/giờ) / 3600
- Nồng độ ở điều kiện thực (mg/m³) = Tải lượng (g/s) x 1000 / Lưu lượng khí thải (m³/s)
- Nồng độ tính ở điều kiện tiêu chuẩn (mg/Nm³) = Nồng độ điều kiện thực (mg/m³) x Nhiệt độ thực (T+273)/ Nhiệt độ điều kiện tiêu chuẩn (273) (Với T = 25⁰C).

Nhận xét: Theo kết quả tính toán trên và so sánh với QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) thì nồng độ các chất ô nhiễm khí thải của máy phát điện dự phòng đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn kỹ thuật quy định. Đồng thời máy phát điện chỉ hoạt động trong trường hợp mất điện nên mức độ ảnh hưởng của máy phát điện đến môi trường là không lớn.

- Mặc dù vậy, để giảm thiểu các tác động trong quá trình vận hành máy phát điện, Chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp như sau:

+ Xây dựng nhà đặt 02 máy phát điện ở khu vực riêng biệt, cách xa khu văn phòng và khu sản xuất.

+ Lắp đặt ống khói phát tán khí thải có đường kính 500mm, chiều cao 8m (đối với máy phát điện 400 kVA) và đường kính 218mm, chiều cao 2,72m (đối với máy phát điện 650 kVA) để phát tán khí thải vào môi trường xung quanh.

+ Máy phát điện dự phòng được chủ cơ sở trang bị đầy đủ hệ thống xử lý tiếng ồn, độ rung. Cấu tạo máy phát điện như sau: Vỏ cách âm sử dụng thép tấm dày 2mm, sơn tĩnh điện, bọc bên ngoài máy phát điện; Vật liệu cách âm, chống rung: bông thủy tinh hoặc mouse chống cháy, vải tiêu âm và cao su lưu hóa chất lượng cao; Trang bị các cửa lấy gió mát vào máy và các cửa thoát khí nóng ra ngoài hợp lý để đảm bảo máy không bị nóng khi hoạt động dài hạn; Có trang bị nút dừng khẩn cấp được lắp đặt phía ngoài vỏ cách âm; Hệ thống ống pô giảm thanh được đặt bên trong vỏ cách âm; Bộ lọc khói được làm bằng thép không gỉ T304, đảm bảo cho thiết bị có tuổi thọ lâu dài và khí thải thoát ra từ động cơ không có màu đen, nồng độ khí phát sinh nằm trong phạm vi cho phép của QCVN khi theo đường ống dẫn khói thoát ra ngoài môi trường.

+ Máy phát điện dự phòng tại cơ sở sử dụng nhiên liệu dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh thấp khi đốt cháy, trong điều kiện cháy hết thì nồng độ các khí thải ô nhiễm đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép của QCVN.

+ Áp dụng các biện pháp an toàn để không chế khả năng rò rỉ dầu DO không để xảy ra hiện tượng cháy nổ. Phải có bình cứu hỏa trong phòng đặt thiết bị.

+ Thường xuyên bảo trì, sửa chữa máy phát điện định kỳ đảm bảo hệ thống đánh lửa, buồng đốt vận hành tối ưu, quá trình đốt đủ tỷ lệ pha trộn khí – dầu, đảm bảo chất lượng khí thải tốt.

Nhà máy cam kết tiếng ồn phát sinh từ máy phát điện dự phòng sẽ đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

2.3. Bụi, khí thải từ khu vực sản xuất

Chủ dự án đã áp dụng các biện pháp nhằm hạn chế tình trạng phát sinh bụi và khí thải tại khu vực các xưởng sản xuất như sau:

+ Nhà xưởng được xây cao ráo, thoáng mát, bố trí các quạt hút, thông gió bên trong nhà xưởng nhằm tạo môi trường thông thoáng cho khu vực sản xuất.

+ Trang bị đồ bảo hộ lao động, khẩu trang y tế cho công nhân làm việc trong khu vực nhà xưởng.

+ Thường xuyên vệ sinh nhà xưởng sau mỗi ca làm việc, đảm bảo môi trường làm việc sạch sẽ, thông thoáng.

2.3.1. Khí thải từ lò hơi

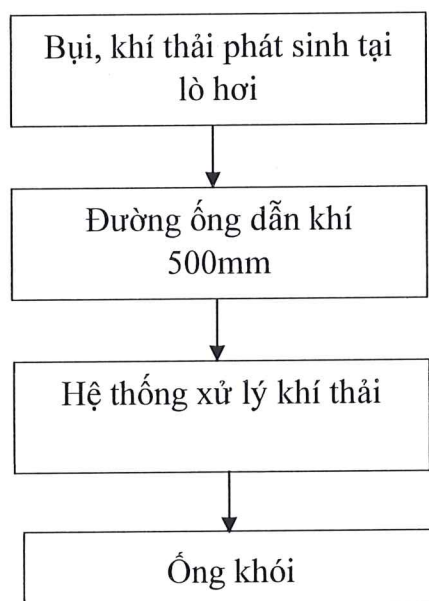
a. Công trình thu gom xử lý bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi

- Cơ sở hiện tại đang sử dụng 01 lò hơi sử dụng nguyên liệu là củi với công suất 5 tấn hơi/giờ. Khí thải phát sinh từ lò hơi cung cấp nhiệt cho quá trình sản xuất.

- Quy trình thu gom: Bụi, khí thải phát sinh tại lò hơi → Đường ống dẫn khí → Hệ thống

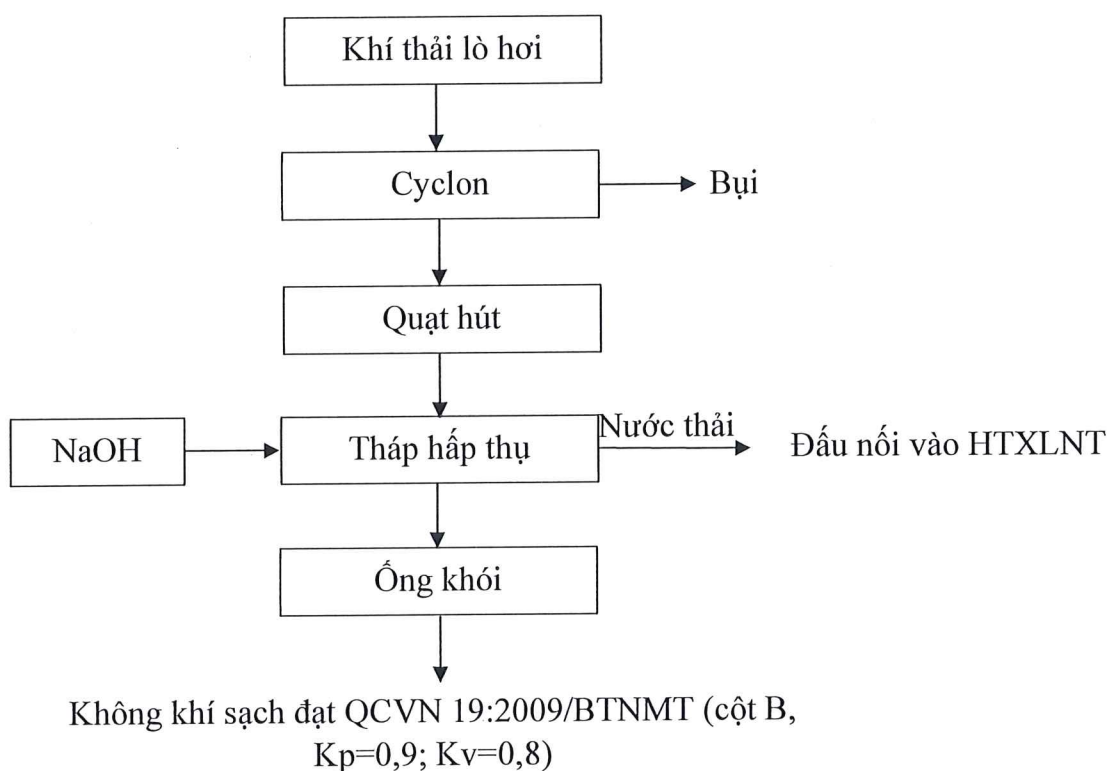
xử lý khí thải.

- Sơ đồ hệ thống thu gom bụi, khí thải lò hơi:



Hình 3.8. Sơ đồ thu gom bụi, khí thải tại lò hơi

Cơ sở đã đầu tư xây dựng HTXL khí thải, quy trình xử lý khí thải như sau:



Hình 3.9. Sơ đồ quy trình xử lý khí thải lò hơi

Thuyết minh quy trình:

Khí thải từ quá trình đốt than cấp nhiệt cho lò hơi có chứa các chất ô nhiễm chủ yếu là:

bụi than, các khí như: CO₂, NO_x, CO, SO₂ sinh ra từ phản ứng cháy được đưa sang hệ thống cyclon lọc bụi khô nhờ quạt hút công nghiệp. Tại thiết bị lọc bụi Cyclon không khí cùng với bụi sẽ đi vào theo phương tiếp tuyến với ống trụ và chuyển động xoáy tròn đi xuống phía dưới. Khi dòng khí và bụi chuyển động theo quỹ đạo tròn (dòng xoáy) thì các hạt bụi có trọng lượng lớn hơn các phân tử khí sẽ chịu tác dụng của lực ly tâm văng ra xa trục và va vào thành. Khi bụi chạm thành, nó sẽ bị mất quán tính và rơi xuống ngăn chứa bụi phía dưới. Còn với hạt bụi nhẹ thì nó sẽ đọng lại làm thành lớp rồi cuối cùng khi đủ nặng nó cũng bị rơi xuống đáy. Từ hộp chứa bụi đáy, bụi được thu gom về khu lưu giữ chất thải thông thường. Hiệu suất xử lý đạt 95-98% đối với bụi thô (đường kính hạt bụi $\geq 5\mu\text{m}$).

Dòng khí thải sau đó đi vào tháp hấp thụ bằng dung dịch NaOH để loại bỏ các chất ô nhiễm như CO₂, NO_x, CO, SO₂, không khí sạch sẽ theo ống khói đi ra ngoài môi trường qua ống khói cao 10m, đường kính 50cm.

Khí thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (K_p=0,9; K_v=0,8) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi thải vào môi trường.

a. Máy móc, thiết bị sử dụng trong hệ thống xử lý khí thải

Bảng 3.9. Danh mục các máy móc, thiết bị sử dụng hệ thống xử lý khí thải

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
1	Cyclon	Hệ	01	Kích thước: D x R = 3,3m x 1,2m
2	Quạt hút	Cái	01	Lưu lượng: 27.000 m ³ /h
3	Tháp hấp thụ	Cái	01	Kích thước: D x R x C = 1,2m x 1,2m x 3,3m
4	Bể chứa NaOH	Bể	01	Kích thước: D x R x C = 2,2m x 1,2m x 1,2m
5	Ống khói	Cái	01	Đường kính: 500mm Chiều cao: H = 10m

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì BR Vina

b. Hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng, định mức tiêu hao điện năng, hóa chất sử dụng cho quá trình vận hành

Trong quá trình hoạt động, cơ sở có sử dụng hóa chất, điện năng được trình bày chi tiết trong bảng sau:

Bảng 3.10. Danh mục hóa chất, điện năng sử dụng cho quá trình vận hành

STT	Hóa chất, chế phẩm sinh học	Đơn vị	Khối lượng	Mục đích
1	NaOH	Kg/tháng	18	Hệ thống XLKT

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì BR Vina



Hình 3.10. Hệ thống xử lý khí thải lò hơi

2.4. Khí thải từ khu vực lưu trữ chất thải rắn

Mùi hôi chủ yếu là mùi phát sinh từ khu tập kết rác thải,... Tuy nhiên, các nguồn thải này đã được Công ty khống chế bằng cách quản lý như:

- Chất thải được thu gom và phân loại tại nguồn, chứa trong các thùng rác có nắp đậy trước khi đưa đến khu tập kết chất thải tập trung do đó hạn chế mùi hôi. Chất thải rắn thải sẽ được thu gom trong ngày tránh để qua đêm làm phát sinh các chất gây mùi không cần thiết;
- Khu vực tập kết rác tách biệt các khu vực khác.
- Bố trí thùng rác chuyên biệt cho từng loại chất thải và có nắp đậy để tránh phát tán mùi hôi ra không khí;
- Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và các loại rác thải nên không phát sinh khí thải, mùi hôi.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Nguồn phát sinh: Cơ sở mua các suất ăn công nghiệp, không tổ chức nấu ăn. Chất thải rắn sinh hoạt của Cơ sở chủ yếu phát sinh từ hoạt động ăn uống của CBCNV, bao gồm: bao bì, túi nilon, các chất hữu cơ dễ phân hủy,... Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh năm 2023 khoảng 21 tấn, tương đương 1,75 tấn/tháng.

Bảng 3.11. Khối lượng chất thải rắn phát sinh tại cơ sở

STT	CTRS	Đơn vị	Khối lượng năm 2022	Khối lượng năm 2023
1	Hợp chất có nguồn gốc hữu cơ như thức ăn dư thừa	Tấn/năm	20,2	21
2	Hợp chất có nguồn gốc vô cơ như nhựa, plastic,...			

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Bao bì BR Vina

Địa điểm: Khu phố 6, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở “Nhà máy sản xuất túi nhựa, bao bì carton có in sẵn chỉ tiết sản phẩm”

STT	CTRSH	Đơn vị	Khối lượng năm 2022	Khối lượng năm 2023
	Trung bình	Tấn/năm	20,6	

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì BR Vina

Công tác phân loại, thu gom:

- Nhà máy đã bố trí thùng rác có nắp đậy tại các phòng hành chính, khu vực nhà ăn; trên mỗi thùng có hướng dẫn cách phân loại theo đúng quy định, sau đó tập kết về vị trí tập kết CTRSH theo quy định.

- Vào khoảng thời gian từ 6 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút (2-3 lần/tuần) sẽ có đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt tại Nhà máy. Nhà máy đã ký hợp đồng với Xí nghiệp Công trình công cộng Bến Cát để thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH của Nhà máy theo hợp đồng số 141/HĐTGV/2024.

Bảng 3.12. Thiết bị, công trình chứa chất thải rắn sinh hoạt tại cơ sở

STT	Thiết bị, công trình	Số lượng	Dung tích/Diện tích	Thiết kế, cấu tạo, vật liệu
1	Thùng rác nhựa	05	240 - 660 lít	Vuông, có nắp đậy, nhựa HDPE
2	Nhà kho chứa CTRSH	01	8 m ²	Lợp tôn xung quanh, nền xi măng, có dán nhãn phân loại rác thải

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì BR Vina



Hình 3.11. Nhà kho chứa rác thải sinh hoạt tại cơ sở

3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

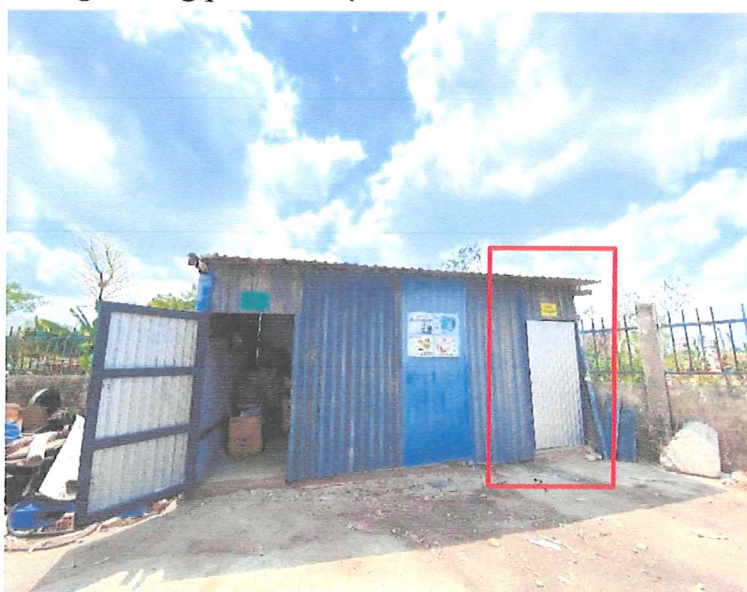
- **Nguồn phát sinh:** Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại Nhà máy chủ yếu là, bột mì thải, bao bì carton lỗi, hư hỏng, lõi băng keo, giấy vụn,... Khối lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh tại cơ sở năm 2023 khoảng 390 kg/năm.

Bảng 3.13. Khối lượng chất thải rắn phát sinh tại cơ sở

STT	Chất thải rắn CNTT	Ký hiệu phân loại	Đơn vị	Khối lượng năm 2022	Khối lượng năm 2023
1	Bột mì thải	-	Kg/tháng	240	270
2	Rác thải công nghiệp khác	18 01 05	Kg/tháng	90	120
Tổng cộng		-	Kg/tháng	330	390

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì BR Vina

- **Công tác phân loại, thu gom:** định kỳ được thu gom, vận chuyển và xử lý bởi Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty CP – Tổng công ty Nước – Môi trường Bình Dương. Công ty đã ký hợp đồng số 999-RCN/HĐ – KT/23 ngày 21/5/2023 để thu gom, vận chuyển và xử lý chất công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở.



Hình 3.12. Nhà kho chứa rác thải CNTT

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn nguy hại

- **Nguồn phát sinh:** Chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở có nguồn gốc từ giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang, mực in thải, keo thải, bùn thải từ HTXLNT,...

 **Bùn thải từ hệ thống XLNT:**

Tính toán khối lượng phát sinh:

- Bùn từ hệ thống xử lý nước thải cũng là nguồn phát sinh ô nhiễm nếu không được thu gom và quản lý tốt. Lượng bùn sinh ra từ hệ thống xử lý nước thải được tính toán theo *Giáo*

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Bao bì BR Vina

Địa điểm: Khu phố 6, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương

trình xử lý nước thải Đô thị và Công nghiệp của Lâm Minh Triết, Nguyễn Thanh Hùng và Nguyễn Phước Dân, năm 2008 như sau:

Lưu lượng nước thải trung bình ngày: $Q_{\text{ngày}} = 15 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Theo giáo trình tính toán thiết kế các công trình xử lý nước thải của TS Trịnh Xuân Lai (2009) ta có công thức tính như sau:

$$B_{\text{lắng}} = Q \cdot [(SS \times R_1 + BOD_5 \times R_2) \cdot 10^{-3}] \text{ (kg/ngày)}$$

Trong đó:

- + $B_{\text{lắng}}$: Khối lượng bùn thải (kg/ngày).
- + Q : lưu lượng nước thải cần xử lý ($\text{m}^3/\text{ngày}$), $15 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- + SS : hàm lượng cặn lơ lửng, 180 mg/l .
- + BOD_5 : Nhu cầu oxy sinh hóa, 200 mg/l .
- + R_1 : hiệu quả khử SS của bể.
- + R_2 : hiệu quả khử BOD của bể.
- + t : Thời gian lưu nước (h)
- + a, b : Giá trị hằng số thực nghiệm ở nhiệt độ $t \geq 20^\circ\text{C}$

$$\text{Hiệu quả khử } SS: R_1 = \frac{t}{a + b \times t} = \frac{10}{0,0075 + 0,014 \times 10} = 67,8\%$$

$$\text{Hiệu quả khử } BOD_5: R_2 = \frac{t}{a + b \times t} = \frac{10}{0,018 + 0,02 \times 10} = 45,9\%$$

Thế vào công thức:

$$B_{\text{lắng SBR}} = 10 \times [(180 \times 67,8\% + 200 \times 45,9\%) \times 10^{-3}] = 2,14 \text{ (kg/ngày)} = 642 \text{ (kg/năm)}.$$

Khối lượng riêng của bùn hoạt tính trong hệ thống khoảng: $\rho \approx 1.050 \text{ kg/m}^3$

→ Lượng bùn hệ thống sinh ra trong 01 ngày:

$$\rho = \frac{B_{\text{lắng}}}{V_{\text{bùn}}} \rightarrow V_{\text{bùn}} = \frac{B_{\text{lắng}}}{\rho} = \frac{2,14}{1.050} = 0,0020 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

Với thể tích hữu dụng của bể chứa bùn là $3,3 \text{ m}^3$, thì thời gian lưu được bùn là:

$$t_{\text{lb}} = \frac{V_{\text{bể}}}{V_{\text{bùn}}} = \frac{3,3}{0,0020} \times 85\% \approx 1.650 \text{ (ngày)}$$

+ 85% là thể tích bùn thực tế vì trong bùn có lẫn cả nước.

- Bùn phát sinh từ HTXLNT sẽ được bơm về bể chứa bùn của dự án. Do nước thải phát sinh đưa về xử lý tại HTXLNT là nước thải sinh hoạt, nước thải từ quá trình sản xuất vì vậy

để đảm bảo bùn phát sinh sẽ được thu gom và xử lý dưới dạng chất thải nguy hại. Dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo quy định, không lưu trữ tại cơ sở. Tuy nhiên, bể chứa bùn hiện vẫn đủ thể tích để lưu chứa nên cơ sở chưa chuyển giao cho đơn vị xử lý. Lượng bùn phát sinh ước tính khoảng 642 kg/năm.

- Dự kiến sau khi được cấp Giấy phép môi trường, để tiết kiệm chi phí cho việc xử lý bùn thải, lượng bùn lưu chứa tại bể chứa bùn sẽ được Dự án lấy mẫu bùn thải gửi cơ quan có chức năng để phân tích về thành phần nguy hại theo QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

+ Nếu bùn thải của dự án có chứa thành phần nguy hại liệt kê bùn thải vào danh mục chất thải nguy hại và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Nếu bùn thải của cơ sở không có thành phần nguy hại sẽ được đưa vào danh mục CTR thông thường. Dự án sẽ tiến hành bán cho đơn vị có nhu cầu hoặc hợp đồng với đơn vị thu gom và xử lý theo quy định.

- Thành phần và khối lượng rác thải nguy hại được thể hiện chi tiết ở bảng sau:

Bảng 3.14. Thống kê lượng chất thải rắn nguy hại tại Cơ sở

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)		Ký hiệu phân loại
				Năm 2022	Năm 2023	
1	Chất hấp thụ, giẻ lau	Rắn	18 02 01	30	6	KS
2	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	11	13	NH
3	Mực in thải	Lỏng	08 02 01	2.381	432	KS
4	Nước thải vệ sinh máy móc chứa mực in	Lỏng	19 10 01	-	3.460	KS
5	Keo thải	Lỏng	08 03 01	-	9	KS
6	Thùng mực in, thùng keo, thùng dầu nhớt	Rắn	18 01 01	-	20	KS
Tổng				2.422	3.940	-

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì BR Vina

- **Công tác phân loại, thu gom:** Công ty đã xây dựng 01 nhà kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 6 m² để lưu giữ chất thải nguy hại; tất cả đều được phân định, phân loại, quản lý theo mã chất thải theo điểm C phụ lục III điều 24 Thông tư 02-2022/TT-BTNMT. Nhà máy sẽ thực hiện chuyển giao các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành cho đơn vị Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty CP – Tổng công ty Nước – Môi trường Bình

Dương thu gom, vận chuyển và xử lý theo hợp đồng số 999-RNH/HĐ – KT/23 ngày 21/5/2023.



Hình 3.13. Nhà kho chứa chất thải nguy hại

4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh:

- + Từ các phương tiện giao thông ra vào nhà máy: đây là nguồn không liên tục.
- + Từ các máy móc, thiết bị phục vụ quá trình sản xuất của nhà máy: như máy phát điện, máy chạy sóng, máy tạo khung, máy nghiền giấy,... Các nguồn này thường mang tính cục bộ, ảnh hưởng đến lao động vận hành trực tiếp.
- Để giảm thiểu tác động của tiếng ồn và độ rung, Chủ Cơ sở áp dụng các biện pháp sau:
 - + Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt. Kiểm tra độ mòn chi tiết máy móc, thiết bị và cho dầu bôi trơn thường kỳ;
 - + Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các thiết bị gây ồn, bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm bớt tiếng ồn;
 - + Tất cả các phương tiện vận tải tham gia vận chuyển đều được kiểm tra định kỳ đạt tiêu chuẩn của cơ quan đăng kiểm có thẩm quyền về mức độ an toàn môi trường mới được phép hoạt động;
 - + Lắp đặt hệ thống chống rung, giảm rung, giảm chấn và cách ly lan truyền dao động cho các máy móc phát sinh độ rung lớn.

5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

5.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải

a. Đối với sự cố bể tự hoại

Trong quá trình hoạt động, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại 3 ngăn sẽ gặp một số sự cố có thể xảy ra được dự báo như sau:

Bảng 3.15. Các sự cố của bể tự hoại

Dấu hiệu	Nguyên nhân
Hệ thống thoát nước bị tắc nghẽn, nước thải không chảy được	- Ngăn chứa cặn của bể tự hoại đầy - Rác làm nghẽn cống thoát nước

Để phòng ngừa và ứng phó sự cố do bể tự hoại, nhà máy áp dụng các biện pháp sau:

- Kiểm tra thường xuyên hệ thống thoát nước thải, vệ sinh cống thoát nước thải tránh tình trạng rác, lá cây làm tắc nghẽn hệ thống thoát nước thải.

- Định kỳ 6 tháng/ lần công ty bổ sung thêm chế phẩm vi sinh để phân hủy cặn làm tăng hiệu quả xử lý của bể tự hoại ba ngăn.

- Khi cặn ở bể tự hoại ba ngăn có hiện tượng đầy công ty sẽ thuê đơn vị có chức năng để hút hầm tránh tình trạng đầy ứ, tắc nghẽn nước thải.

- Khi kiểm tra hết các sự cố trên mà vẫn chưa khắc phục được Công ty sẽ dừng hoạt động sản xuất và liên hệ báo với đơn vị có chức năng để được hỗ trợ và xử lý.

b. Đối với hệ thống xử lý nước thải

Các sự cố do người vận hành nhận biết được trong quá trình hoạt động của hệ thống có thể được phân loại như sau:

Bảng 3.16. Các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

STT	Những sự cố	Nguyên nhân	Cách phát hiện	Biện pháp khắc phục
1. Tủ điện điều khiển	Không hoạt động	Mất điện	Tủ điện	- Nguồn điện dự phòng - Thay cầu chì
		- Cầu chì hỏng - Bảo vệ pha không hoạt động - Tiếp điểm công tắc tổng tiếp xúc không tốt		Thay mới
	Rơ le nhiệt bị	- Giảm áp	- Còi báo sự cố	- Khởi động lại

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở “Nhà máy sản xuất túi nhựa, bao bì carton có in sẵn chi tiết sản phẩm”

	nhảy	- Quá tải - Bị hư	- Kiểm tra bơm	bơm - Tăng bơm - Thay mới
	Man & Auto tiếp xúc không tốt	- Tiếp điểm bị mòn - Dây điều khiển bị hỏng	Đèn báo	Tiến hành vệ sinh hoặc thay mới
	Các công tắc tơ kêu	- Giảm áp - Tiếp điểm bị mòn	Phát tiếng kêu	- Khởi động lại - Tiến hành vệ sinh hoặc thay mới
2. Dây điện động lực	Mỗi nối xút	- Xút đường ống - PVC bảo vệ cáp điện	Đèn sáng nhưng thiết bị không hoạt động	Nối lại
	Cháy dây			Thay dây
3. Bơm	Bơm hoạt động nhưng không lên nước	Vật cứng chèn cánh bơm	Kiểm tra lưu lượng nước ra ở tại van thăm của bơm	Vệ sinh bơm
	Bơm hoạt động nhưng lên ít nước	Bị kẹt rác		Vệ sinh bơm
		Điện áp không đủ		Khởi động lại
	Bơm không hoạt động	- Cháy bơm - Mất điện		- Thay bơm - Kiểm tra và khởi động lại
4. Máy thổi khí	Đầu máy thổi khí nóng hơn bình thường	Không đủ mỡ bôi và nhớt	Máy thổi khí	Bơm thêm mỡ bôi và nhớt
	Đầu máy thổi khí kêu	Không đủ mỡ bôi và nhớt		Bơm thêm mỡ bôi và nhớt
	Dây curoa giãn hoặc hỏng	Lâu ngày		Tăng dây curoa hoặc thay mới
	Vỏ bạc đạn đầu thổi khí	Không đủ mỡ bôi		Thay mới
	Motor không hoạt động	- Mất điện - Cháy motor		- Kiểm tra và khởi động lại - Quấn lại hoặc thay mới
	Lượng hóa	Nồng độ hóa chất	Kiểm tra chất	Giảm nồng độ

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Bao bì BR Vina

Địa điểm: Khu phố 6, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở “Nhà máy sản xuất túi nhựa, bao bì carton có in sẵn chi tiết sản phẩm”

5. Hóa học	chất dư hoặc thiếu	cao hoặc lưu lượng bơm định lượng lớn	chỉ thị	hóa chất (thêm nước vào bồn chứa) hoặc giảm lưu lượng bơm
		Nồng độ hóa chất cao hoặc lưu lượng bơm định lượng nhỏ		Tăng nồng độ hóa chất (thêm hóa chất vào bồn) hoặc tăng lưu lượng bơm
6. Sinh học	Nước thải đầu ra không đạt	Lưu lượng quá cao	Bể gom	Chuyển qua bơm bằng tay để không chế lưu lượng
		Chất lượng nước thải đầu vào không đạt	Phân tích các chỉ tiêu chất lượng nước thải	Tăng cường bơm điều hoà hoàn lưu
		Thiếu bùn	Bể sinh học hiếu khí	Tăng hoàn lưu bùn
		Dư bùn		Tăng lượng bùn thải bỏ
		Bơm hoàn lưu điều hoà không đủ	Lập trình bơm	Tăng cường bơm điều hoà hoàn lưu
		Sục khí không đủ	Đầu đo DO	Tăng cường sục khí

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì BR Vina

5.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải

- Quá trình vận hành hệ thống xử lý khí thải gây tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro xảy ra sự cố như:

- + Nghẹt, rò rỉ đường ống thu gom khí thải.
- + Hệ thống xử lý khí thải ngừng hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả, khí thải sau xử lý không đạt quy chuẩn cho phép.
- + Cháy nổ hệ thống xử lý khí thải.
- Sự cố có thể xảy ra đối với khí thải chủ yếu do hệ thống xử lý khí thải không hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả.
- Khi lượng bụi không được xử lý triệt để, Công ty sẽ xem xét lại các yếu tố sau:
 - + Xem lại kỹ thuật vận hành của công nhân.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Bao bì BR Vina

Địa điểm: Khu phố 6, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương

+ Xem lại công suất của quạt hút, quạt thổi, số lượng lắp đặt. Phương án bố trí thiết bị, máy móc sản xuất.

+ Xem lại hệ thống điều hòa vi khí hậu trong nhà xưởng. Số lượng và công suất của hệ thống lắp đặt có phù hợp với diện tích nhà xưởng không.

+ Kiểm tra thời gian hoạt động của toàn bộ hệ thống thu gom, đường ống dẫn, công suất của quạt hút, không để bụi phát tán ra bên ngoài.

❖ Biện pháp phòng ngừa sự cố

Các biện pháp phòng ngừa sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải:

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

- Không để thiết bị tiếp xúc với các chất có tính phá hủy kim loại như axit đặc, nhiệt độ cao, lực tác động mạnh,..

- Trang bị dự phòng các chi tiết dễ hư hỏng như: đinh, ốc vít, các loại đai thép bọc ống, quạt hút,... để thay thế kịp thời các chi tiết hư hỏng.

- Thường xuyên theo dõi và kiểm tra chất lượng khí thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc xử lý, tình trạng hoạt động để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

- Nhân viên vận hành hệ thống xử lý khí thải phải được đào tạo các kiến thức về vận hành hệ thống, bảo trì bảo dưỡng thiết bị, cách xử lý các sự cố đơn giản, an toàn vận hành hệ thống.

5.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ, cháy nổ hóa chất

❖ Biện pháp lưu giữ hóa chất trong kho

Hóa chất được lưu trữ trong kho chứa riêng. Kho chứa hóa chất đảm bảo được yêu cầu an toàn cho thủ kho, cho những người làm việc ở gần và không gây ô nhiễm môi trường. Kho chứa có biển báo, có dữ liệu an toàn về hóa chất sử dụng:

- Tên (tên thương mại và tên thường gọi nếu có).

- Thành phần hóa chất.

- Tên và địa chỉ người cung cấp hoặc nơi sản xuất.
- Cách sử dụng và lưu giữ hóa chất.
- Những biện pháp sơ cứu, biện pháp phòng chống cháy...

❖ Quy trình vận chuyển, tiếp nhận hóa chất an toàn

Những người có liên quan đến việc vận chuyển hóa chất cần phải tuân thủ một số quy định về an toàn trong vận chuyển như sau:

- Trước khi tiếp nhận hóa chất, nhân viên phải kiểm tra lại bao bì, nhãn hiệu;
- Phải biết rõ tính chất hóa lý của hóa chất, biện pháp đề phòng và cách giải quyết các sự cố cháy, nổ, tỏa hơi khí độc. Nhân viên vận chuyển phải mang theo đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân;
- Tất cả cá thiết bị dùng để vận chuyển hóa chất không được hư hỏng hay bị rò rỉ;
- Phải vận chuyển hóa chất cùng với các tài liệu cung cấp thông tin về hóa chất như nhãn, bản dữ liệu an toàn,...;
- Khi xảy ra sự cố phải báo ngay với cơ quan lao động, y tế, công an để có biện pháp giải quyết kịp thời;
- Nhân viên chịu trách nhiệm tiếp nhận, vận chuyển hóa chất phải: hướng dẫn cụ thể cho các thành viên khác vị trí tiếp nhận, đặc điểm lộ trình, thời gian vận chuyển và nội quy giao hàng vào kho,...

❖ Quy định an toàn trong bảo quản hóa chất

Để hạn chế tối đa các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình bảo quản, lưu trữ hóa chất, cần thực hiện một số nội quy về an toàn như sau:

- Có bản hướng dẫn cụ thể tính chất của các hóa chất và các quy định cần phải tuân thủ khi sắp xếp, vận chuyển,...;
- Tổ chức tốt việc giao nhận hóa chất đúng lúc, đúng quy cách, đảm bảo an toàn.
- Thường xuyên kiểm tra để phát hiện những mối nguy hiểm có thể dẫn đến rủi ro;
- Thường xuyên kiểm tra lại quần áo và các thiết bị an toàn. Cấm hút thuốc và sử dụng lửa trần trong phạm vi nhà kho; có bản chỉ dẫn bằng chữ và ký hiệu cấm lửa để ở nơi dễ nhận thấy;
- Thực hiện tốt biện pháp PCCC do thiết bị điện;
- Lắp đặt cột thu lôi chống sét.

❖ Sơ cứu khi bị nhiễm hóa chất

Việc sơ cứu khi bị nhiễm độc hóa chất là điều tối thiểu cần thiết trong trường hợp xảy ra sự cố. Vì vậy, một số biện pháp sơ cứu cụ thể có thể tham khảo như sau:

- Trường hợp hít vào: cần nhanh chóng đưa nạn nhân đến chỗ có không khí sạch, làm hô hấp nhân tạo và gọi cho bác sĩ;

- Trường hợp tiếp xúc lên da: nhanh chóng tháo bỏ quần áo và giày bị nhiễm, rửa bằng xà phòng và chất tẩy rửa với khối lượng nước lớn trong 15 – 20 phút và gọi bác sĩ ngay;

- Trường hợp bị rơi vào mắt: rửa mắt ngay bằng nước sạch càng lâu càng tốt, liên tục rửa hai mí mắt khoảng 15 – 20 phút và gọi bác sĩ;

- Trường hợp bị nhiễm vào cơ thể: cần gọi bác sĩ gấp.

❖ Quy trình ứng phó sự cố

- Khi có sự cố cháy nổ: thực hiện như quy trình ứng phó sự cố cháy nổ.

- Khi có sự cố tràn đổ hóa chất: tùy vào mức độ, phạm vi ảnh hưởng và khả năng ứng phó tại chỗ mà cơ sở chia ra làm 2 cấp:

- + Sự cố hóa chất cấp 1: là sự cố có quy mô nhỏ, vừa, không nguy hại đến tính mạng, tài sản và môi trường. Khi đó, sự cố có thể được kiểm soát trên năng lực ứng phó sự cố của cơ sở mà không cần sự trợ giúp từ bên ngoài.

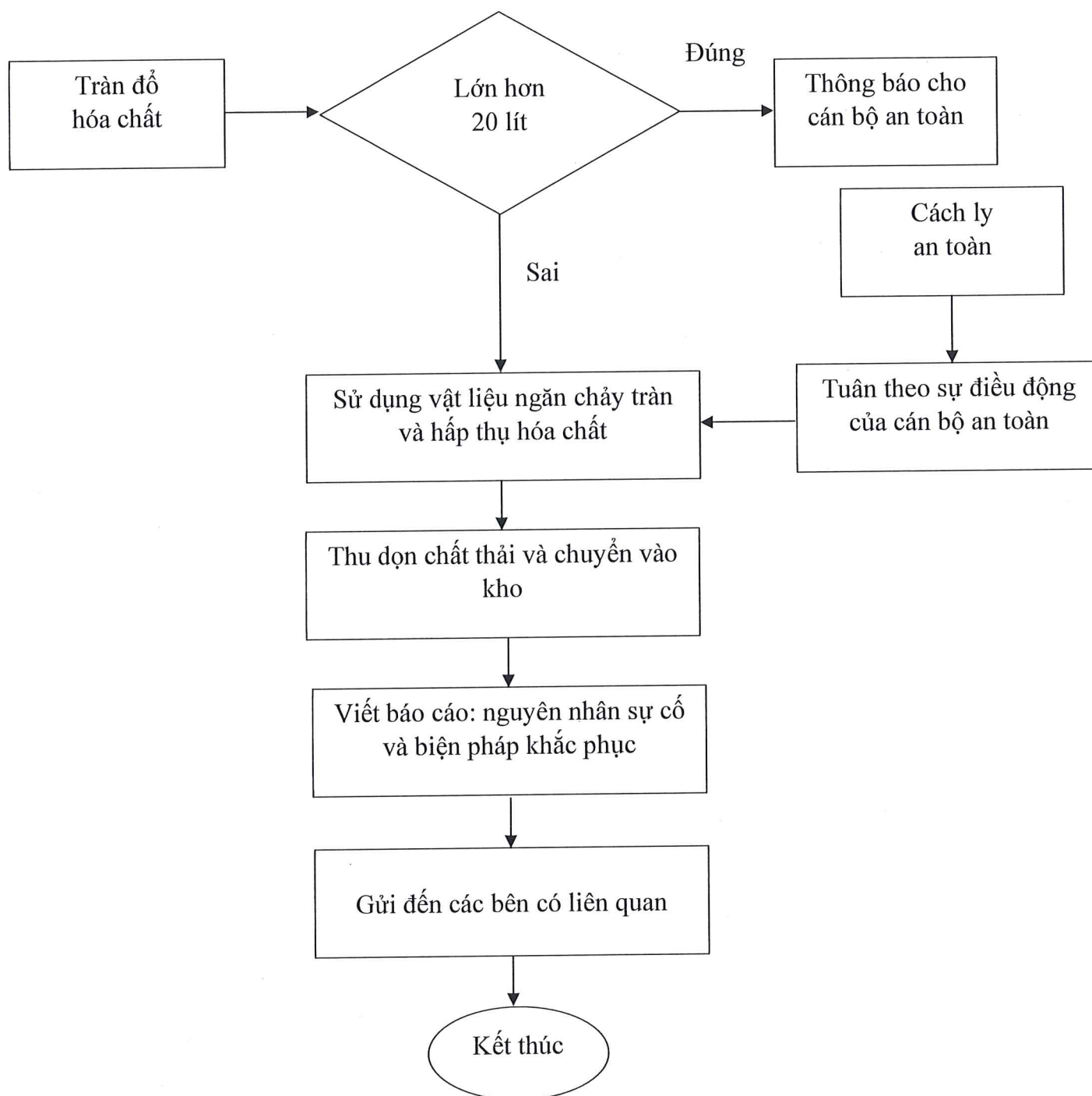
- + Sự cố hóa chất cấp 2: là sự cố có quy mô lớn hơn, có khả năng gây ra các mối nguy hiểm nhất định hoặc thậm chí nghiêm trọng có thể ảnh hưởng đến tính mạng, tài sản và môi trường. Tình huống xuất hiện ngay lập tức và có xu hướng trầm trọng và vượt quá tầm kiểm soát của Cơ sở và cần sự trợ giúp từ bên ngoài.

- Thực hiện ứng phó sự cố cụ thể như sau:

- + Tất cả các công nhân viên sẽ thông báo ngay đến quản lý sản xuất, bộ phận quản lý an toàn của công ty.

- + Rải cát, khoanh vùng xung quanh không cho hoá chất tràn sang nơi khác.

- + Rải các loại vật liệu thấm hút như giẻ lau, mùn cưa,... lên hoá chất, chú ý khi tiếp xúc với hoá chất phải có bảo hộ lao động đầy đủ như bao tay cao su, khẩu trang, mặt nạ phòng độc, giày, ủng bảo hộ,...sau đó vệ sinh sạch sẽ bằng cát và các vật liệu thấm hút. Sơ đồ ứng phó như sau:



Hình 3.14. Ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất trong nhà máy

5.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hơi dung môi từ công đoạn in, dán keo

- Trong công đoạn in và dán keo nhà máy có sử dụng keo bồi giấy, keo 152AD để dán thùng. Hơi dung môi từ các công đoạn này có thành phần chủ yếu là các khí như toluene, ethyl axetat, ethanol. Lượng hóa chất công ty sử dụng trong mỗi khâu không nhiều, mực in sử dụng là mực gốc nước nên không phát sinh hơi dung môi độc hại và không gây mùi nên

hầu như không ảnh hưởng nhiều đến môi trường không khí. Do đó, công ty không lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý khí thải cho các công đoạn này.

- Tuy nhiên, để đảm bảo môi trường làm việc cho công nhân, chủ cơ sở đã áp dụng một số biện pháp nhằm hạn chế đến mức tối đa ảnh hưởng như sau:

+ Đối với công nhân làm việc tại công đoạn dán thùng, dán nhãn được trang bị bảo hộ lao động như: khẩu trang hoạt tính, găng tay,....

+ Thông thoáng nhà xưởng: chiều cao nhà xưởng $H=7m$.

+ Nhà xưởng bố trí nhiều cửa sổ và cửa lùa để thông gió tự nhiên.

+ Bố trí các quạt hút làm thông thoáng nhà xưởng bên trong và bên ngoài.

+ Kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị định kỳ.

5.5. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố bụi phát sinh từ máy nghiền giấy

Cơ sở có sử dụng 01 máy nghiền giấy để xử lý các sản phẩm lỗi, giấy vụn,... trong quá trình sản xuất. Máy nghiền sẽ nghiền, ép giấy vụn thành kiện và lưu trữ trong kho chứa ở khu vực cuối nhà máy, sau đó bán cho đơn vị có nhu cầu cần thu mua. Trong quá trình hoạt động, máy nghiền có làm phát sinh bụi ra môi trường xung quanh, tuy nhiên, chủ cơ sở đã áp dụng một số biện pháp nhằm hạn chế đến mức tối đa lượng bụi phát sinh như sau:

+ Nhà máy có bố trí tấm lưới để ngăn cách khu vực sản xuất và khu vực bên ngoài nhà máy, nhằm làm giảm thiểu lượng bụi phát sinh vào môi trường không khí.

+ Đối với công nhân làm việc tại công đoạn nghiền giấy được trang bị bảo hộ lao động như: khẩu trang hoạt tính, găng tay,....

+ Thường xuyên quét dọn, vệ sinh khu vực xung quanh máy nghiền giấy sau mỗi ca làm việc, đảm bảo môi trường làm việc sạch sẽ, thông thoáng.

5.6. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố đối với kho chứa chất thải nguy hại

Sự cố về kho chứa chất thải rắn: chất thải rắn nếu không được lưu trữ theo quy định có thể bị rò rỉ, tràn đổ hoặc bị cuốn theo nước mưa chảy tràn gây ô nhiễm môi trường cho nguồn tiếp nhận. Mặt khác, nếu kho chứa không đảm bảo yêu cầu về phòng chống cháy nổ khi xảy ra sự cố cháy nổ gây tác động lớn đến môi trường, con người và tài sản.

Phát tán tại chỗ: Do rò rỉ thiết bị chứa, chiết rót... dẫn đến chất thải phát tán ra nền nhà kho chứa, với số lượng lớn sẽ phát tán ra môi trường,

Phát tán cưỡng bức: Do kho chứa có chất dễ cháy, nổ, hoặc được xây dựng cạnh các thiết bị có khả năng phát nổ như nồi hơi... trong quá trình sản xuất vô tình gây nổ kho chứa vì một lý do nào đó nêu trên dẫn đến chất thải nguy hại theo sức ép của vụ nổ mà phát tán mạnh ra môi trường xung quanh, không theo diễn biến cố định ảnh hưởng lớn đến tài sản, tính mạng con người cũng như môi trường xung quanh.

❖ Biện pháp phòng ngừa sự cố:

Để hạn chế đến mức thấp nhất có thể đối với nhà kho chứa chất thải, Chủ cơ sở đã áp dụng một số biện pháp sau:

- Thiết kế nhà kho lưu giữ chất thải có mái che, tránh nước mưa rơi xuống cuốn theo chất thải vào đường thoát nước

- Nhà kho lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau. Các khu vực này được thiết kế với khoảng cách phù hợp theo quy định lưu giữ CTNH, hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải và xảy ra sự cố cháy nổ trong nhà kho. Mỗi khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo và thiết bị PCCC, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố xảy ra

- Khu vực lưu giữ CTNH được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy để phòng ngừa sự cố cháy nổ. Bố trí vật liệu hấp thụ (cát) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng. Trên mỗi thiết bị có dán biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại CTNH được lưu giữ theo TCVN 6707:2009. Khi có sự cố tràn đổ CTNH, cát sẽ được thu gom và bàn giao cho đơn vị thu gom CTNH

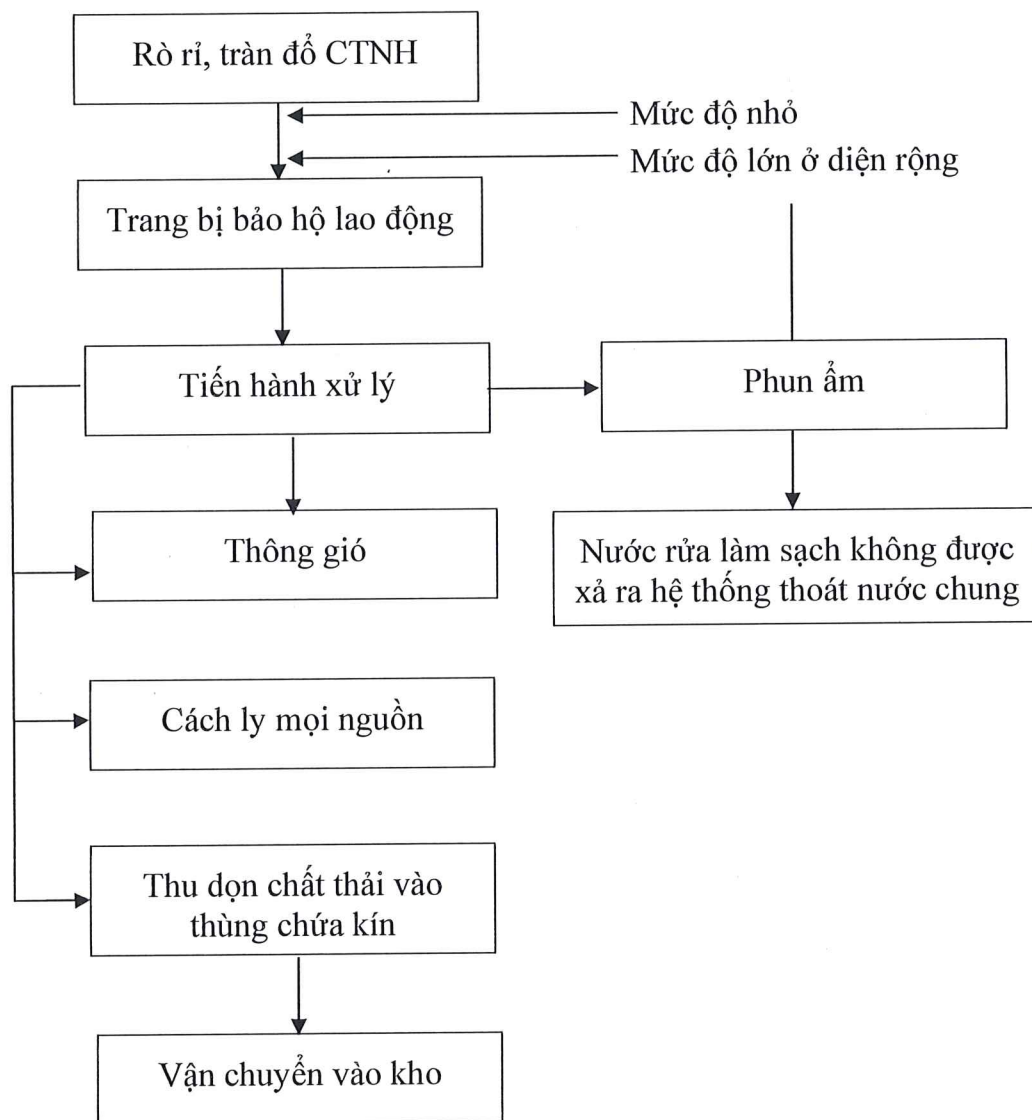
- CTNH được dán bảng hiệu có hình minh họa để việc tập kết chất thải được dễ dàng. Khu vực chứa CTNH bên trên có đặt các kệ chứa để thu gom chất thải khi bị rò rỉ, bên dưới có chứa cát và được xây bao lại. Biện pháp phòng chống cháy nổ, hỏa hoạn

❖ Quy trình ứng phó khi xảy ra sự cố:

- Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: trang bị bảo hộ lao động đầy đủ trước khi tiến hành xử lý, thông gió diện tích bị tràn đổ, cách ly mọi nguồn đánh lửa bằng vật liệu trơ (ví dụ cát hoặc đất) sau đó đựng trong các thùng chứa chất thải kín.

- Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: mang thiết bị phòng hộ cá nhân phù hợp trước khi tiến hành xử lý, thực hiện cô lập khu vực tràn đổ với các yếu tố xung quanh đặc biệt là nguồn lửa, nghiêm cấm người không có nhiệm vụ vào khu vực tràn đổ hóa chất, thông gió khu vực rò rỉ hoặc trộn. Thu hồi CTNH tràn đổ và chứa trong thùng kín. Nước rửa làm sạch khu vực tràn đổ rò rỉ không được xả ra hệ thống thoát nước chung. Ngăn ngừa bụi hóa chất và giảm thiểu sự tán xạ bằng nước hoặc phun ẩm.

- Sơ đồ ứng phó khi xảy ra sự cố rò rỉ, tràn đổ CTNH tại Nhà máy được thể hiện như sau:



Hình 3.15. Sơ đồ quy trình ứng phó sự cố tràn đổ CTNH

6. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với lò hơi

❖ Các sự cố và nguyên nhân có thể xảy ra đối với lò hơi:

- Cạn nước lò hơi do công nhân vận hành không theo dõi ống thủy để cấp nước thêm kịp thời; van xả đáy không kín; bơm nước cấp hỏng, bơm vẫn chạy nhưng nước không vào được lò hơi; hệ thống cấp nước bị tắc hoặc bồn chứa nước trung gian không đủ nước, bơm không có tác dụng.

- Mức nước quá đầy do khi tiến hành cấp nước bổ sung cho lò hơi, công nhân không quan sát ống thủy sáng để ngưng bơm kịp thời; cường độ đốt cao, bên sử dụng ít hoặc ngưng sử dụng hơi.

- Áp kế tăng quá mức cho phép: van an toàn không tác động hoặc tác động không kịp thời, tác động không hết công suất do kẹt; cường độ đốt tăng quá mức bình thường; bên tiêu thụ ngưng việc lấy hơi, trong khi bên cung cấp vẫn hoạt động.

- Phòng, nổ ống phân trao đổi nhiệt: không làm sạch cáu cặn, bắn trên bề mặt kim loại của phần bị đốt nóng; không phát hiện được các chỗ yếu cục bộ do ăn mòn để xử lý trước; chất lượng nước cấp không đảm bảo; lò hơi trong tình trạng cạn nước nghiêm trọng.

❖ Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với lò hơi:

- Kiểm định an toàn lò hơi định kỳ.

- Bảo dưỡng hàng ngày lò hơi: Vệ sinh máy, kiểm tra máy dẫn gió, kiểm tra máy thổi gió, kiểm tra máy cung cấp nhiên liệu, kiểm tra máy giảm tốc ghi băng tải, kiểm tra máy xuất tro, kiểm tra máy lên nhiên liệu, kiểm tra bơm cấp nước, kiểm tra tủ điện, kiểm tra vòm lò và thanh ngang trong buồng đốt.

- Bảo dưỡng hàng tuần: Dùng tay thử van an toàn, kiểm tra việc bảo vệ vượt áp suất chỗ tiếp xúc (dòng điện); thử cảnh báo mực nước cao, thấp; bôi trơn bộ phận chuyển động; dọn dẹp sạch tro trong buồng tro của ghi băng tải; vệ sinh phần đáy của máy lên nhiên liệu; kiểm tra ghi băng tải.

- Thiết lập, niêm yết và huấn luyện thao tác an toàn lò hơi: quy trình mở lò, tắt lò tuân thủ quy định về các bước an toàn trong vận hành thiết bị lò hơi.

- Đề ra yêu cầu về quản lý an toàn sức khỏe môi trường đối với lò hơi:

+ Nhân viên thao tác phải có giấy chứng nhận mới được vào vị trí làm việc. Nghiêm cấm thao tác khi tinh thần hoặc cơ thể mệt mỏi, uống rượu bia, chất kích thích.

+ Nhà lò hơi là chỗ quan trọng, ngoại trừ nhân viên thao tác lò hơi, nhân viên khác không được vào trong khi chưa được sự đồng ý.

+ Toàn thể nhân viên vận hành lò hơi phải tuân thủ quy tắc an toàn sức khỏe và môi trường của Nhà máy: bảo hộ lao động; an toàn khi thao tác thiết bị điện, làm việc trên cao; được huấn luyện và sẵn sàng ứng phó sự cố.

- Quy định rõ trách nhiệm của nhân viên phòng lò hơi:

+ Nghiêm túc thực hiện đầy đủ trách nhiệm tại từng vị trí làm việc, chức trách của nhân viên vận hành nồi hơi, nhân viên thí nghiệm nước, nhân viên sửa chữa, cán bộ trực ban, đảm bảo công việc vận hành bình thường.

+ Nghiêm túc tuân thủ chế độ quản lý tại nhà máy.

+ Nghiêm túc thực hiện quy trình thao tác của lò hơi, khi phát sinh bất kỳ bất thường nào phải lập tức báo cáo chủ quản đồng thời kịp thời xử lý chính xác.

+ Nghiêm túc thực hiện chế độ bảo dưỡng hằng ngày và bảo dưỡng định kỳ đối với lò hơi, đồng thời ghi chép chính xác, đảm bảo nồi hơi hoạt động bình thường.

+ Việc thao tác nồi hơi hằng ngày cần phải thực hiện theo quy định, đồng thời ghi chép kịp thời và chính xác.

+ Trong thời gian làm việc phải ở vị trí làm việc, không được có những hành vi vi phạm quy định như đánh bài, đọc báo, chơi điện thoại, ngủ gục, tự ý rời khỏi vị trí làm việc...

- Quy trình ứng phó sự cố khẩn cấp đối với lò hơi:

+ Ứng phó sự cố khẩn cấp khi nồi hơi thiếu nước (cảnh báo mực nước thấp): Kiểm tra thùng nước mềm xem có ở mực nước bình thường không; Kiểm tra bơm nước có bình thường không; Sửa chữa xong mới cho nước vào.

+ Ứng phó khẩn cấp khi nồi hơi thiếu nước nghiêm trọng (cảnh báo mực nước cực thấp): Tắt máy thổi gió; Tắt ghi băng tải, ngừng chuyển nhiên liệu; Lập tức thông báo đến xưởng sản xuất; Tắt van hơi tổng, ngừng cung cấp hơi; Tuyệt đối cấm cho nước vào nồi hơi; Tìm nguyên nhân lập tức sửa chữa.

+ Ứng phó khẩn cấp khi lò hơi đầy nước nghiêm trọng: Thông rửa ống thủy, giảm bớt cường độ đốt, xả đáy để mức nước trở lại bình thường. Xả nước trên đường cấp hơi, sau đó cho nồi hơi hoạt động trở lại.

+ Ứng phó khẩn cấp khi nồi hơi vượt áp suất (cảnh báo vượt áp suất): Tắt máy thổi gió và máy dẫn gió; ngừng chuyển nhiên liệu; Lập tức cho nước vào lò hơi đồng thời xem tình hình để tiến hành xả chất dơ, từ đó giảm áp suất đến phạm vi bình thường.

+ Ứng phó sự cố phòng, nổ ống phân trao đổi nhiệt: Tắt hết đốt, tắt quạt gió, đóng lá hướng khói; khi lò hơi có chỗ phòng thì nhanh chóng hạ áp suất bằng cách mở van xả khí và cưỡng chế mở van an toàn; để nguội lò hơi, tiến hành kiểm tra và sửa chữa chỗ phòng.

6.2. Biện pháp phòng chống cháy nổ, hỏa hoạn

Cơ sở đã trang bị hệ thống PCCC tự động cho các nhà xưởng. Hệ thống PCCC đã chứng nhận thẩm duyệt về PCCC sau:

- Giấy chứng nhận thẩm định về thiết kế và thiết bị PCCC số 143/PC23 ngày 12/5/2003 do Công an tỉnh Bình Dương cấp.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 42/TD-PCCC ngày 19/02/2009 do Công an tỉnh Bình Dương cấp.

❖ Công trình, thiết bị ứng phó sự cố cháy nổ

- Đề phòng sự cố cháy nổ, Cơ sở xây dựng và niêm yết đầy đủ các nội quy an toàn lao động, PCCC, quy trình vận hành thiết bị và phương án xử lý sự cố tại chỗ; thực hiện kiểm tra định kỳ và kiểm tra hàng năm về kỹ thuật an toàn đối với các trang thiết bị PCCC, thiết kế hệ thống PCCC tuân thủ theo TCVN 2622:1995.

- Để phòng ngừa và ứng phó với các sự cố về cháy nổ Cơ sở đã lắp đặt các hệ thống phòng cháy chữa cháy theo quy định.

+ Bể ngầm chứa nước PCCC để phục vụ cho công tác chữa cháy khi có sự cố ($V = 26m^3$).

+ Lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy riêng.

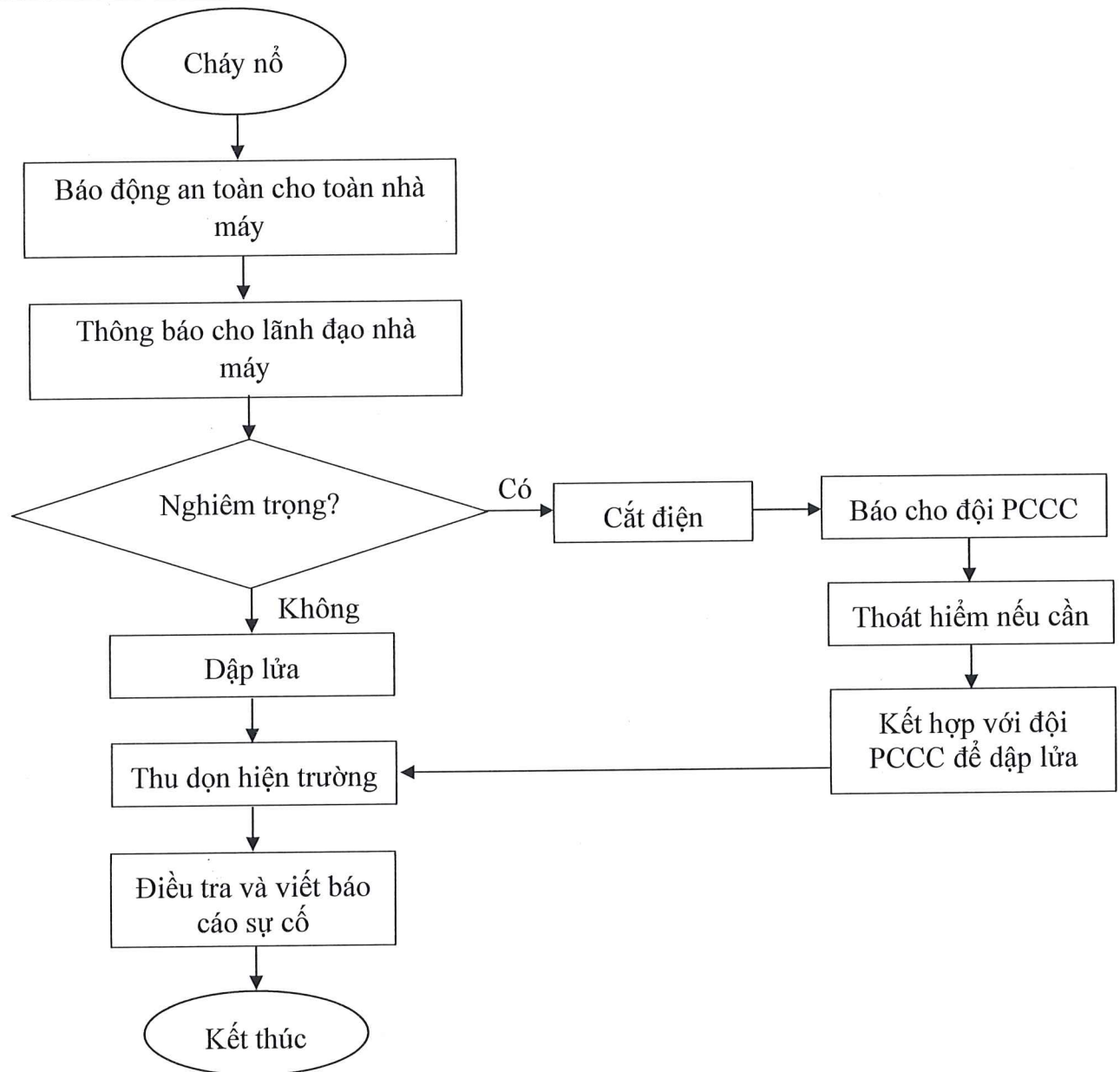
+ Trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định. Trong quá trình hoạt động, thiết bị PCCC được kiểm tra liên tục, thường xuyên.

+ Phối hợp với cơ quan PCCC huấn luyện cho CBCNV các phương pháp và biện pháp xử lý trong trường hợp có sự cố xảy ra..

❖ Biện pháp ứng phó sự cố cháy, nổ

Khi có sự cố cháy nổ xảy ra, cần tiến hành các biện pháp sau:

- Khi nghe tín hiệu cháy, di tản người ra khỏi khu vực trạm trộn;
- Cô lập nguồn nhiên liệu gây cháy, nguồn tỏa nhiệt;
- Triển khai các đội cứu hỏa hoặc kêu gọi sự trợ giúp từ bên ngoài (đội cứu hỏa của địa phương, Công an PCCC,...)



Hình 3.16. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ

6.3. Sự cố tai nạn lao động và tai nạn giao thông

Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn lao động và tai nạn giao thông sẽ tiếp tục được thực hiện như sau:

- Lắp đặt bảng nội quy của Nhà máy.
- Người điều khiển phương tiện giao thông phải có bằng lái xe theo đúng quy định.
- Tất cả cán bộ, công nhân viên làm việc tại Nhà máy đều được trang bị bảo hộ lao động: như quần áo, khẩu trang. Phải tuân theo các quy tắc về an toàn do Công ty đặt ra.
- Thường xuyên tổ chức họp về công tác an toàn trong quá trình sản xuất. Phòng Tổ chức Hành chính định kỳ kiểm tra công tác an toàn của toàn bộ nhân viên khi làm việc.

- Công nhân vận hành máy móc phải có đầy đủ kinh nghiệm và được đào tạo thường xuyên.

- Bộ phận y tế phối hợp với Ban lãnh đạo Công ty triển khai ngay công tác ứng cứu sơ bộ, trong trường hợp bị nặng sẽ đưa người đến bệnh viện để kịp thời cứu chữa và khắc phục hậu quả.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu vực văn phòng, lưu lượng 7,2 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 02: Nước thải từ quá trình xả cặn lò hơi, lưu lượng 0,6 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 03: Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi, lưu lượng 1,0 m³/ngày đêm.

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa

- Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép là 15 m³/ngày đêm.

1.3. Dòng nước thải

- 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 15 m³/ngày đêm. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (K=1,2) trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường NA12.

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

- Thông số ô nhiễm đặc trưng trong nước thải: pH, BOD₅, COD, Chất rắn lơ lửng, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Photpho, Đồng và Coliform.
- Giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nước thải cơ sở là nước thải công nghiệp được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Cột A (K = 1,2) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.
- Quy chuẩn áp dụng cho dòng nước thải xả thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường NA12 đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Cột A (K = 1,2).

Bảng 4.1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

STT	Thông số quan trắc	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A; K = 1,2)	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	pH	-	6-9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ nước thải (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục nước thải (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	Chất rắn lơ lửng	mg/L	60		
3	COD	mg/L	90		
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	36		

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở “Nhà máy sản xuất túi nhựa, bao bì carton có in sẵn chỉ tiết sản phẩm”

5	Amoni (tính theo N)	mg/L	6		08/2022/NĐ-CP)
6	Tổng Nitơ	mg/L	24		
7	Tổng Phospho (tính theo P)	mg/L	4,8		
8	Đồng	mg/L	2,4		
9	Coliform	MPN/100ml	3.000		

1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Nguồn tiếp nhận nước thải: công thoát nước thải chung của khu vực trên đường NA12.
- Vị trí xả nước thải: Tọa độ vị trí đầu nối (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°): X = 1230225.022; Y = 594607.413.
- Phương thức xả thải: tự chảy.
- Chế độ xả thải: gián đoạn.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

2.1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi 5 tấn hơi/giờ đốt nhiên liệu củi, với lưu lượng khoảng 27.000 m³/giờ.
- Nguồn số 02: Khí thải từ máy phát điện dự phòng 400KVA, với lưu lượng khoảng 1.860 m³/giờ.
- Nguồn số 03: Khí thải máy phát điện dự phòng 650KVA, với lưu lượng khoảng 2.345 m³/giờ.

2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.2.1. Vị trí xả khí thải, phương thức xả thải, lưu lượng xả khí thải lớn nhất

- Vị trí xả khí thải: trong khuôn viên của Công ty tại Khu phố 6, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

+ Dòng khí thải 01: sau ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò hơi 5 tấn hơi/giờ đốt nhiên liệu củi. Lưu lượng xả thải lớn nhất là: 27.000 m³/giờ. Tọa độ: X = 1230463.281; Y = 676536.948 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiều 3°).

+ Dòng khí thải 02: sau ống khói của máy phát điện dự phòng 400KVA. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 1.860 m³/giờ. Tọa độ: X = 1230224.732; Y = 594613.483 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiều 3°).

+ Dòng khí thải 03: sau ống khói của máy phát điện dự phòng 650KVA. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 2.345 m³/giờ. Tọa độ: X = 1230017.052; Y = 594625.318 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰⁰’, múi chiều 3⁰).

2.3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

- Giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Khí thải của cơ sở là khí thải công nghiệp được xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- Quy chuẩn áp dụng cho dòng khí thải xả thải ra môi trường không khí đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với hệ số K_v=0,8; K_p=0,9.

Bảng 4.2. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

STT	Thông số quan trắc	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) K _v = 0,8; K _p = 0,9	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
Dòng thải số 01					
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ nước thải (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục nước thải (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	144		
3	CO	mg/Nm ³	720		
4	SO ₂	mg/Nm ³	360		
5	NO _x	mg/Nm ³	612		

2.4. Vị trí xả khí thải, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận khí thải

- Dòng khí thải số 01:

+ Vị trí xả khí thải: trong khuôn viên của Công ty tại Khu phố 6, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰⁰’, múi chiều 3⁰): Tọa độ: X = 1230463.281; Y = 676536.948.

+ Phương thức xả thải: xả cưỡng bức thông qua ống xả thải đường kính 50cm, chiều cao ống khói 10m.

+ Chế độ xả thải: gián đoạn (khi lò hơi hoạt động).

- Dòng khí thải số 02:

+ Vị trí xả khí thải: trong khuôn viên của Công ty tại Khu phố 6, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiều 3°): Tọa độ: X = 1230224.732; Y = 594613.483.

+ Chế độ xả thải: gián đoạn (khi sử dụng máy phát điện).

- Dòng khí thải số 03:

+ Vị trí xả khí thải trong khuôn viên của Công ty tại Khu phố 6, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiều 3°): Tọa độ: X = 1230017.052; Y = 594625.318.

+ Chế độ xả thải: gián đoạn (khi sử dụng máy phát điện).

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

3.1. Nguồn phát sinh

a. Nguồn phát sinh

- Nguồn số 01: Máy chạy sóng ở khu vực xưởng sản xuất.
- Nguồn số 02: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng 400kVA.
- Nguồn số 03: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng 650kVA.

b. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01 có tọa độ: X = 1230456.559; Y = 594609.650
- Nguồn số 02 có tọa độ: X = 1230224.730; Y = 594613.480
- Nguồn số 03 có tọa độ: X = 1230017.048; Y = 594625.315

(Theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiều 3°)

3.2. Giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.2.1. Tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.1. Quản lý chất thải

4.1.1. Khối lượng chủng loại chất thải sinh hoạt phát sinh thường xuyên

Bảng 4.3. Khối lượng chất thải sinh hoạt xin cấp phép

STT	CTRS	Đơn vị	Khối lượng xin cấp phép
1	Hợp chất có nguồn gốc hữu cơ như thức ăn dư thừa	Tấn/năm	25
2	Hợp chất có nguồn gốc vô cơ như nhựa, plastic,...		

4.1.2. Khối lượng chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên

Bảng 4.4. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường xin cấp phép

STT	Chất thải rắn CNTT	Đơn vị	Khối lượng xin cấp phép
1	Bột mì thải	Kg/tháng	280
2	Rác thải công nghiệp khác	Kg/tháng	130
Tổng cộng		Kg/tháng	410

4.1.3. Khối lượng chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Bảng 4.5. Khối lượng chất thải nguy hại xin cấp phép

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng xin cấp phép (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Chất hấp thụ, giẻ lau	Rắn	18 02 01	18	KS
2	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	15	NH
3	Mực in thải	Lỏng	08 02 01	1.410	KS

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở “Nhà máy sản xuất túi nhựa, bao bì carton có in sẵn chi tiết sản phẩm”

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng xin cấp phép (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
4	Nước thải vệ sinh máy móc chứa mực in	Lỏng	19 10 01	3.500	KS
5	Keo thải	Lỏng	08 03 01	12	KS
6	Thùng mực in, thùng keo, thùng dầu nhớt	Rắn	18 01 01	22	KS
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	Bùn	12 06 05	642	KS
Tổng				5.619	-

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Kết quả quan trắc môi trường định kỳ nước thải trong 01 năm liền kề trước thời điểm lập báo cáo đề xuất được trình bày trong bảng sau:

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy sản xuất túi nhựa, bao bì carton có in sẵn chi tiết sản phẩm

TT	Thông số quan trắc	Đơn vị	Kết quả quan trắc		QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A (K=1,2)
			Đợt 1 (24/04/2023)	Đợt 2 (21/11/2023)	
1	pH (*) ^(a)	-	7,05	6,42	6-9
2	TSS (*) ^(a)	mg/L	43	38	60
3	COD (*) ^(a)	mg/L	45	81	90
4	BOD ₅ (20°C) (*) ^(a)	mg/L	22	30	36
5	Amoni (*) ^(a)	mg/L	2,1	4,8	6
6	Tổng Nitơ (*) ^(a)	mg/L	8,9	18,1	24
7	Tổng Phospho (*)	mg/L	1,5	0,5	4,8
8	Đồng (*) ^(a)	mg/L	KPH (LOD = 0,03)	KPH	2,4
9	Coliform (*)	MPN/100ml	2.400	2.300	3.000

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả quan trắc năm 2023 của cơ sở)

Ghi chú:

- (*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts
- (a): Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444
- KPH: Không phát hiện
- QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Nhận xét: Kết quả phân tích mẫu nước thải sau xử lý của Công ty TNHH Bao bì BR Vina qua các kỳ quan trắc năm 2023 cho thấy các thông số ô nhiễm trong nước thải sau khi xử lý đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT – cột A (K = 1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải

Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải trong 01 năm liền kề trước thời điểm lập báo cáo đề xuất được trình bày trong bảng sau:

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc khí thải tại ống khói lò hơi sau hệ thống xử lý khí thải

TT	Thông số quan trắc	Đơn vị	Kết quả quan trắc		QCVN 19:2009/BTNMT, cột B
			Đợt 1 (24/04/2023)	Đợt 2 (21/11/2023)	
1	Bụi (*)	mg/Nm ³	38	81,5	200
2	CO ₂ (*)	mg/Nm ³	-	5,1	1.000
3	CO	mg/Nm ³	574	-	1.000
4	SO ₂ (*)	mg/Nm ³	0	126	500
5	NO _x (tính theo NO ₂) (*)	mg/Nm ³	12	221	850

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả quan trắc năm 2023 của cơ sở)

Ghi chú:

- (*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts
- KPH: Không phát hiện
- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Nhận xét: Kết quả phân tích mẫu khí thải sau xử lý của Công ty TNHH Bao bì BR Vina qua các kỳ quan trắc năm 2023 cho thấy các thông số ô nhiễm trong khí thải sau khi xử lý đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

1.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống XLNTTT xử lý nước đã hoàn thành của cơ sở được trình bày tại bảng sau:

Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

STT	Các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được tại thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm
1	Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 15 m ³ /ngày.đêm.	Sau khi có Giấy phép môi trường	Không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm	80 - 90%
2	01 Hệ thống xử lý khí thải lò hơi, công suất thiết kế 27.000 m ³ /giờ.	Sau khi có Giấy phép môi trường	Không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm	

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Việc quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải do chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định, cụ thể như sau:

❖ Đối với nước thải

Kế hoạch quan trắc mẫu nước thải giai đoạn vận hành thử nghiệm được trình bày như sau:

Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc mẫu nước thải giai đoạn vận hành thử nghiệm

STT	Vị trí quan trắc	Loại mẫu	Số lượng mẫu	Thông số quan trắc	Quy chuẩn so sánh
1	Nước thải đầu vào ở bể thu gom	Mẫu đơn	01 mẫu	pH, BOD ₅ , COD, Chất rắn lơ lửng, Amoni, Tổng	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A, K = 1,2)

STT	Vị trí quan trắc	Loại mẫu	Số lượng mẫu	Thông số quan trắc	Quy chuẩn so sánh
2	Nước thải sau bể khử trùng	Mẫu đơn	03 mẫu (01 ngày/lần)	Nitơ, Tổng Photpho, Đồng và Coliform	

❖ Đối với khí thải

Kế hoạch quan trắc mẫu khí thải giai đoạn vận hành thử nghiệm được trình bày như sau:

Bảng 6.3. Kế hoạch quan trắc mẫu khí thải giai đoạn vận hành thử nghiệm

STT	Vị trí quan trắc	Loại mẫu	Số lượng mẫu	Thông số quan trắc	Quy chuẩn so sánh
1	01 ống khói sau HTXL khí thải lò hơi	Mẫu đơn	03 mẫu (01 ngày/lần)	Lưu lượng, Bụi tổng, CO, SO ₂ , NO _x (tính theo NO ₂)	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) K _v = 0,8; K _p = 0,9

1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch

Chủ cơ sở sẽ hợp đồng với tổ chức đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo đúng quy định.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

2.1.1. Quan trắc nước thải

Theo điều 97, Phụ lục XXVIII Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, dự án không thuộc loại hình sản xuất kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, lưu lượng xả nước thải < 500 m³/ngày đêm nên không phải quan trắc nước thải định kỳ.

2.1.2. Quan trắc khí thải

Theo điều 98, Phụ lục XXIX Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, dự án không thuộc loại hình sản xuất kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, lưu lượng xả khí thải < 50.000 m³/giờ nên không phải quan trắc khí thải định kỳ.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

2.2.1. Quan trắc nước thải

Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục (Theo Khoản 4, Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

2.2.2. Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp

Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục (Theo Khoản 5, Điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc đề xuất của chủ cơ sở

Không có

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Không có

CHƯƠNG VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường thì cơ sở chưa có các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty Công ty TNHH Bao bì BR Vina bảo đảm về độ trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này, kể cả các tài liệu đính kèm.

Công ty TNHH Bao bì BR Vina cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường đã được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường. Đồng thời chúng tôi cam kết một số nội dung cụ thể như sau:

- Cam kết các chất thải phát sinh trong hoạt động sản xuất của Công ty sẽ đảm bảo đạt các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Việt Nam như sau:

- + Việc thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn được thực hiện theo đúng Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

- + Việc thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

- Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Công ty TNHH Bao bì BR Vina cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm các quy định bảo vệ môi trường./.

PHỤ LỤC 1.1 HỒ SƠ PHÁP LÝ

1. Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết.
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
4. Giấy phép xây dựng.
5. Hợp đồng thuê đất.
6. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
7. Hợp đồng cấp nước.
8. Giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC.
9. Hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt.
10. Hợp đồng về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải thông thường và chất thải nguy hại.
11. Chứng từ chất thải nguy hại năm 2022, 2023.
12. Hóa đơn điện, nước (tháng 03, 04, 05/2024).

Số: 2384/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 30 tháng 9 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết
Nhà máy sản xuất bao bì các tông công suất 7.200 tấn/năm
tại ấp 6, xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
của Công ty TNHH bao bì BR Vina**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Căn cứ Biên bản kiểm tra công tác bảo vệ môi trường Nhà máy sản xuất bao bì các tông công suất 7.200 tấn/năm tại ấp 6, xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH bao bì BR Vina;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy sản xuất bao bì các tông công suất 7.200 tấn/năm đã được hoàn chỉnh gửi kèm văn bản ngày 23 tháng 8 năm 2013 của Công ty TNHH bao bì BR Vina;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 456/TTr-STNMT ngày 19 tháng 9 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết Nhà máy sản xuất bao bì các tông công suất 7.200 tấn/năm tại ấp 6, xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương được lập bởi Công ty TNHH bao bì BR Vina với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Vị trí, ngành nghề, công suất hoạt động

1.1. Vị trí thực hiện: Ấp 6, xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương;

1.2. Ngành nghề hoạt động: Sản xuất, gia công bao bì các tông có in sẵn chi tiết sản phẩm;

1.3. Quy mô, công suất: 7.200 tấn/năm;

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Nhà máy

2.1. Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong đề án;

2.2. Phải đảm bảo các chất thải được xử lý đạt tiêu chuẩn đang còn bắt buộc áp dụng, các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành có liên quan trước khi thải ra môi trường;

2.3. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác đã bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành;

2.4. Trong thời hạn tối đa là 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định này phải hoàn thành việc xây dựng, thử nghiệm và nghiệm thu các biện pháp bảo vệ môi trường; chỉ được phép đưa công trình bảo vệ môi trường vào hoạt động chính thức sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra và cấp giấy xác nhận.

3. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Công ty

3.1. Về quản lý và xử lý chất thải

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt, nước thải phải được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($K_q = 0,6$; $K_f = 1,2$) trước khi thải ra môi trường;

- Khí thải phải được xử lý đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra môi trường;

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đạt Quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT và TCVS 3733/2002/QĐ-BYT;

- Các chất thải rắn phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số: 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 04 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

- Phải đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số: 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.2. Các yêu cầu về lắp đặt thiết bị quan trắc lưu lượng nước thải và xây dựng điểm quan trắc nguồn thải

Lắp đặt thiết bị quan trắc lưu lượng nước thải theo quy định tại Điều 28 và xây dựng điểm quan trắc nguồn thải đúng yêu cầu kỹ thuật tại Điều 29 của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số:

63/2012/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

3.3. Các yêu cầu về phòng chống và khắc phục sự cố

Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

3.4. Các yêu cầu về chế độ kiểm tra, giám sát nguồn thải

Tổ chức quan trắc, đánh giá hiện trạng môi trường; tổng hợp xây dựng báo cáo môi trường với tần suất tối thiểu 01 lần/năm, đồng thời có báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, giám sát.

3.5. Các yêu cầu về chế độ thông tin, báo cáo

Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt và các yêu cầu của Quyết định này theo quy định tại Nghị định số: 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường và Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

3.6. Các yêu cầu khác

Công ty phải có phương án, lộ trình đầu nối nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn vào hệ thống thoát nước của khu vực khi có hệ thống thoát nước chung, tránh tình trạng nước thải cho tự thấm làm ảnh hưởng đến môi trường đất và tầng nước ngầm.

Điều 2. Công ty phải lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

Điều 3. Trong quá trình thực hiện nếu Nhà máy có những thay đổi so với Điều 1 của Quyết định này, Công ty phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền.

Điều 4. Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy là căn cứ để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường đối với Công ty.



Điều 5. Ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát, xem xét giải quyết các điều chỉnh và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Công ty đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát, Công ty TNHH bao bì BR Vina và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: 

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT;
- Sở TN&MT; Sở XD;
- UBND huyện Bến Cát;
- Chủ cơ sở;
- L&ĐVP (Trúc, Lượng), Phg, TH;
- Lưu: VT. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH 
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Nam

Chứng Thực Bản Sao
Đúng Với Bản Chính 
Số chứng thực: 8191...
Ngày: 26-04-2021...
CÔNG CHỨNG VIÊN



Nguyễn Thị Chi

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3700482844

Đăng ký lần đầu: ngày 15 tháng 01 năm 2015

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 11 tháng 06 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BR VINA PACKING CO., LTD

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Khu phố 6, Phường Thới Hòa, Thành Phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274.3553386

Fax: 0274.3553387

Email: ketoanbr@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ : 26.529.581.555 đồng.

Bằng chữ: Hai mươi sáu tỷ năm trăm hai mươi chín triệu năm trăm tám mươi một nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: PARK DO HYUN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 16/03/1963

Dân tộc:

Quốc tịch: Hàn Quốc

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: M72928467

Ngày cấp: 20/05/2021

Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Hàn Quốc

Địa chỉ thường trú: 232-292, Noryangjin 1 Dong, Dongjak-gu, Seoul, Hàn Quốc

Địa chỉ liên lạc: Khu phố 6, Phường Thới Hòa, Thành Phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty



* Họ và tên: PARK DO HYUN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 16/03/1963 Dân tộc: Quốc tịch: Hàn Quốc

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: M72928467

Ngày cấp: 20/05/2021 Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Hàn Quốc

Địa chỉ thường trú: 232-292, Noryangjin 1 Dong, Dongjak-gu, Seoul, Hàn Quốc

Địa chỉ liên lạc: Khu phố 6, Phường Thới Hòa, Thành Phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

K.T. TRƯỜNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Lâm Ngọc Thịnh

Chứng thực bản sao

đúng với bản chính

Số chứng thực 15776 Quyền số SCT/BS

Ngày: 04-07-2024

CÔNG CHỨNG VIÊN VPCC BÌNH DƯƠNG



LÊ VĂN ĐĂNG

BẢN SAO

**UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 4388285158

Chứng nhận lần đầu: ngày 15 tháng 01 năm 2015

Chứng nhận thay đổi lần thứ 3: ngày 23 tháng 9 năm 2015

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014.

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 461043000895 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 15 tháng 01 năm 2015.

Căn cứ Quyết định 50/2012/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu, tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

Căn cứ bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư và hồ sơ kèm theo do đại diện CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA nộp ngày 04 tháng 9 năm 2015.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH BÌNH DƯƠNG

Chứng nhận:

Dự án đầu tư NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÚI NHỰA, BAO BÌ CARTON CÓ IN SẴN CHI TIẾT SẢN PHẨM của CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA; Giấy chứng nhận đầu tư số 461043000895 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 15 tháng 01 năm 2015 được đăng ký điều chỉnh nội dung cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Nhà đầu tư:

Ông PARK DO HYUN; sinh ngày 16 tháng 03 năm 1963; quốc tịch Hàn Quốc; hộ chiếu số M59962552 do Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc cấp ngày 09 tháng 03 năm 2012; địa chỉ thường trú tại 232-292, Noryangjin 1 Dong, Dongjak-gu, Seoul, Korea; chỗ ở hiện nay tại khu phố 6, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÚI NHỰA, BAO BÌ CARTON CÓ IN SẴN CHI TIẾT SẢN PHẨM của CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA.

2. Mục tiêu dự án: Sản xuất, gia công túi nhựa, bao bì carton có in sẵn chi tiết sản phẩm.

3. Quy mô dự án: 20.500.000 sản phẩm/năm



4. Địa điểm thực hiện dự án: khu phố 6, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

5. Diện tích mặt đất: 14.608,9m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 40.843.736.055 (Bốn mươi tỷ tám trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn không trăm năm mươi lăm) đồng Việt Nam, tương đương 2.085.000 (Hai triệu không trăm tám mươi lăm nghìn) đô la Mỹ.

Trong đó vốn góp để thực hiện dự án là 26.529.581.555 (Hai mươi sáu tỷ năm trăm hai mươi chín triệu năm trăm tám mươi một nghìn năm trăm năm mươi lăm) đồng Việt Nam, tương đương 1.430.950 (Một triệu bốn trăm ba mươi nghìn chín trăm năm mươi) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 69% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ và phương thức góp vốn như sau:

- Ông PARK DO HYUN: 26.529.581.555 (Hai mươi sáu tỷ năm trăm hai mươi chín triệu năm trăm tám mươi một nghìn năm trăm năm mươi lăm) đồng Việt Nam, tương đương 1.430.950 (Một triệu bốn trăm ba mươi nghìn chín trăm năm mươi) đô la Mỹ, bằng tiền mặt, chiếm 100% vốn góp.

Tiến độ góp vốn: Đã góp đủ.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 (năm mươi) năm, kể từ ngày 28 tháng 01 năm 2003.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Đã hoạt động ổn định.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Nghị định 87/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

3. Ưu đãi về miễn giảm tiền thuê đất

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.



Điều 3: Các điều kiện ràng buộc đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

a) Nhà đầu tư có trách nhiệm tuân thủ theo các quy định về bảo vệ môi trường của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

b) Doanh nghiệp có trách nhiệm chấp hành các quy định về giám sát và đánh giá đầu tư theo Nghị định số 113/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư, Thông tư số 13/2010/TT-BKH ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền không thực hiện việc điều chỉnh dự án đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong trường hợp doanh nghiệp/Nhà đầu tư không thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư thường kỳ theo quy định;

c) Doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm về Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương các Biểu mẫu liên quan đến doanh nghiệp được quy định tại Thông tư số 04/2011/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 3 năm 2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp và dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;

d) Nhà đầu tư phải thực hiện việc xử lý nước thải trong quá trình hoạt động, đảm bảo không ảnh hưởng tới môi trường sống và có phương án cụ thể đáp ứng các yêu cầu về phòng chống cháy nổ tại địa điểm thực hiện dự án trong quá trình hoạt động theo đúng quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Điều 4:

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế nội dung quy định tại Điều 2 Giấy chứng nhận đầu tư số 461043000895 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 15 tháng 01 năm 2015.

Điều 5:

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; mỗi nhà đầu tư được cấp 01 (một) bản và 01 (một) bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Chứng Thực Bản Sào
Đúng Với Bản Chính
Số chứng thực: 819604 SET/BS
Ngày: 26-06-2021



Nguyễn Thị Chi

**GIÁM ĐỐC
SỞ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ**



Nguyễn Thanh Trúc

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ XÂY DỰNG
❖ ❖ ❖

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----- 000 -----

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 1033 /GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH Bao bì BR Vina.

Địa chỉ: xã Thới Hoà, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 247/GP-BD chứng nhận lần đầu ngày 28/01/2003 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp.

2. Được phép xây dựng công trình: Xưởng sản xuất gia công túi nhựa, bao bì carton.. do Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn xây dựng Kiến Thành lập, gồm các hạng mục sau đây:

2-1) Nhà xưởng:

- Qui mô: Nhà 1 tầng. Chiều cao từ nền đến đỉnh mái 8,9m.
- Diện tích: $(25m \times 97,5m) + (7,5m \times 3m) = 2.460m^2$.
- Cấu trúc: Móng, đà kiềng bê tông cốt thép. Nền bê tông xoa phẳng. Tường xây gạch sơn nước. Mái lợp tole, xà gỗ thép, kèo thép. Cửa kính khung sắt, cửa sắt đẩy.

2-2) Nhà nghỉ:

- Qui mô: Nhà 2 tầng. Chiều cao từ nền đến đỉnh mái 9,2m.
- Diện tích trệt: $(8m \times 12,6m) + (2m \times 4,2m) = 109,2m^2$. Diện tích sàn lầu: $109,2m^2$. Tổng diện tích: $218,4m^2$.
- Cấu trúc: Móng, khung cột, sàn lầu, cầu thang, sê nô bằng bê tông cốt thép. Nền, sàn lát gạch cermic. Tường xây gạch sơn nước. Cửa kính khung nhôm.

2-3) Hạ tầng: Công trình có hệ thống cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy và thu lồi chống sét.

3. Địa điểm xây dựng công trình:

- Công trình được xây dựng trên khu đất có diện tích $14.608,9m^2$.
- Tọa lạc tại: xã Thới Hoà, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
- Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 118/QSĐĐ/2003 ngày 09/4/2003 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp.
- Chỉ giới xây dựng: Tính từ tim đường đất đến chân hạng mục công trình đầu tiên là 12m, các hạng mục khác định vị theo mặt bằng tổng thể đã được phê duyệt và theo quy chuẩn xây dựng hiện hành do nhà nước quy định.

4. Các giấy tờ khác có liên quan:

- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 118/QSĐĐ/2003 ngày 09/4/2003

do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp.

+ Giấy chứng nhận đầu tư số 247/GP-BD chứng nhận lần đầu ngày 28/01/2003 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp.

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy số 42/TD-PCCC ngày 19/2/2009 của phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy - Công an tỉnh Bình Dương cấp.

+ Phiếu xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường số 114/KHCNMT ngày 23/6/2003 của Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Bình Dương cấp.

+ Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật công trình số 01/QĐ ngày 25/04/2009 của Công ty TNHH Bao bì BR Vina.

5. Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau đây:

- Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.

- Phải thực hiện đúng quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và giấy phép xây dựng này.

- Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).

- Xuất trình giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển tại địa điểm xây dựng theo quy định.

- Khi cần thay đổi thiết kế thì phải báo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

6. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải xin giấy phép gia hạn.

Thủ Đầu Một, ngày 20 tháng 5 năm 2009



GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên.

- Lưu phòng KTKT.

- VP. (để lưu).

Chứng Thực Bản Sao
Đúng Với Bản Chính
Số chứng thực: 10874/05
Ngày: 30-05-2009
CÔNG CHỨNG VIÊN



Nguyễn Văn Nhiêu

Nguyễn Thị Chi

TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 308/BB-XD

BIÊN BẢN KIỂM TRA XÂY DỰNG

Công trình: CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA

Địa chỉ: xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Hôm nay, vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 28 tháng 07 năm 2005, chúng tôi gồm:

- | | |
|-----------------------|---------------------------|
| 1. Ông: Phan Cao Phúc | -Đại diện Sở Xây Dựng |
| 2. Ông: Bồ Kỹ Thuật | -Đại diện Sở Xây Dựng |
| 3. Ông: Park Do Hyun | -Tổng giám đốc Công ty |
| 4. Ông: Tiêu Minh Trí | -Đại diện đơn vị thi công |

Chúng tôi cùng tiến hành kiểm tra xây dựng các hạng mục công trình của công ty TNHH Bao Bì BR Vina. Qua hồ sơ hiện có và kiểm tra thực tế chúng tôi nhận thấy như sau:

I. HỒ SƠ THỦ TỤC XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH:

1. Giấy phép đầu tư số 247/GP-BD ngày 28/01/2003, số 247/GPĐC1-BD ngày 23/10/2003, số 247/GPĐC2-BD ngày 09/07/2004 do UBND tỉnh Bình Dương cấp.
2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 118 QSDĐ/2003 ngày 09/04/2003 với diện tích 14,608,9m² kèm theo hợp đồng thuê đất số 281/HĐ.TĐ ngày 16/04/2003 được xác lập giữa sở Địa Chính tỉnh Bình Dương và công ty TNHH bao bì BR Vina.
3. Quyết định số 7566/QĐ.CT ngày 07/10/2004 của UBND tỉnh Bình Dương về việc chấp thuận thiết kế kỹ thuật và xây dựng công trình nhà kho nguyên liệu (giai đoạn 2) của công ty TNHH Bao bì BR Vina.
4. Báo cáo thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình nhà kho nguyên liệu (giai đoạn 2) của công ty TNHH Bao bì BR Vina số 1138/BC-XD ngày 06/10/2004 của Sở Xây dựng Bình Dương.
5. Công văn số 327/PC23 ngày 13/08/2004 và số 23/CV.PC23 ngày 13/06/2005 của Phòng cảnh sát PCCC - Công An tỉnh Bình Dương.
6. Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 114/KHCNMT ngày 23/06/2003 của Sở Khoa Học - Công nghệ và Môi Trường tỉnh Bình Dương.

II. PHẦN KIỂM TRA HẠNG MỤC ĐÃ XÂY DỰNG:

Nhà Kho nguyên liệu:

- Quy mô: Nhà 01 tầng, cấp 3.
- Diện tích xây dựng: 23m x 64,1m = 1474,3m²
- Cấu trúc: Móng, nền bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch cao 1,8m, phía trên ốp tole, cửa đi sắt kéo, cửa sổ sắt kính. Cột, kèo, đòn tay, giằng mái bằng thép hình tiền chế. Mái lợp tole không có trần.

III. CÁC KIỂM TRA KHÁC:

- Phòng cháy chữa cháy cho công trình: không kiểm tra.
- Vệ sinh môi trường: không kiểm tra.
- Kết cấu, chất lượng và độ bền của công trình: không kiểm tra.
- Phần nước cấp: công trình tự khoan giếng để sử dụng.
- Phần thoát nước công trình có hệ thống thoát nước mưa.
- Công trình có xây dựng hệ thống chiếu sáng, thu lôi chống sét và hàng rào bảo vệ.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

Nhìn chung công trình đạt yêu cầu sử dụng. Riêng phần chất lượng công trình chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm.

Công ty TNHH Bao bì BR Vina phải thực hiện các điều sau đây:

1. Thực hiện theo nội dung công văn số 327/PC23 ngày 13/08/2004 và số 23//CV.PCCC ngày 13/06/2005 của Phòng cảnh sát PCCC - Công An tỉnh Bình Dương.
2. Thực hiện theo phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 114/KHCNMT ngày 23/06/2003 của Sở Khoa Học- Công Nghệ và Môi Trường tỉnh Bình Dương.
3. Chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm về độ an toàn và bền vững của công trình.
4. Về hệ khung kèo, đơn vị sản xuất thi công chịu trách nhiệm từ khi lắp dựng và đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng.
5. Chủ đầu tư thực hiện đúng Luật đất đai đối với doanh nghiệp theo quy định hiện hành.
6. Phải đảm bảo hệ thống cấp thoát nước, vệ sinh môi trường không làm ảnh hưởng đến các công trình lân cận và môi trường chung quanh.
7. Bảo đảm an toàn sử dụng điện và phòng cháy chữa cháy theo quy định.
8. Chủ đầu tư phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có liên quan.
9. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Đề nghị Ban Giám Đốc Sở Xây Dựng tỉnh Bình Dương chấp thuận hiện trạng công trình đã xây dựng sau khi thực hiện các yêu cầu trên./.

Đại diện Sở Xây dựng

Công ty TNHH Bao bì BR Vina



Phan Cao Phúc – Bộ Kỹ Thuật



Đại diện đơn vị thi công

Chứng Thực Bản Sao Đúng Với Bản Chính
Số chứng thực: 10863/05
Ngày: 3.0.05.2021
CỘNG HÒA VIỆT NAM







UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc



GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 253 / GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH bao bì BR Vina.

Địa chỉ trụ sở chính: Xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

2. Được phép xây dựng công trình: Mở rộng nhà xưởng sản xuất, gia công túi nhựa, bao bì carton.

+ Tổng số công trình: 01 hạng mục công trình.

+ Địa điểm xây dựng: Xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Theo thiết kế do Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Mới lập.

Gồm các nội dung sau đây:

2.1/ Nhà xưởng + nhà kho:

- Quy mô: Nhà 01 tầng.

- Diện tích: 2.295m².

- Cấu trúc: Móng, đà bằng bê tông cốt thép. Khung thép hình tiền chế. Tường xây gạch cao 1m, bên trên ốp tole. Nền bê tông xoa phẳng. Mái lợp tole, xà gồ thép hộp. Cửa sắt đẩy và cửa kính khung sắt.

Trên lô đất: Diện tích 14.608,9m².

Chỉ giới xây dựng: Định vị theo mặt bằng tổng thể đã được phê duyệt và theo quy chuẩn xây dựng hiện hành do Nhà nước quy định.

3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 188/QSDĐ/2003 ngày 9/4/2003 do UBND tỉnh Bình Dương cấp.

Giấy tờ khác:

+ Giấy phép đầu tư số 247/GP-BD ngày 28/01/2003 do UBND tỉnh Bình Dương cấp.

+ Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 114/KHCNMT ngày 23/6/2003 của Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bình Dương.

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 303/TD-PCCC ngày 30/6/2006 do Phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy – Công an tỉnh Bình Dương cấp.

+ Kết quả thẩm định thiết kế cơ sở số 556/SXD-TĐ ngày 24/4/2007 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương.

4. Ghi nhận các công trình đã khởi công: Công trình đã khởi công xây dựng.

5. Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau đây:

- + Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
- + Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
- + Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
- + Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
- + Khi cần thay đổi thiết kế thì phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

6. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép xây dựng mà chưa có hạng mục công trình nào được khởi công thì người xin cấp phép xây dựng phải xin gia hạn giấy phép xây dựng.

Thủ Dầu Một, ngày 24 tháng 01 năm 2008.

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên.
- Ph.KTKT.
- Lưu VP.



Chứng Thực Bản Sao
Đúng Với Bản Chính
Số chứng thực: 10.876 05 SCT/BS
Ngày: 30-05-2021
CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Văn Nhiên



Nguyễn Thị Chi

**SỞ XÂY DỰNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Số : 142.../CV-XD

V/v kiểm tra xây dựng công
trình nhà xưởng sản xuất bao bì
của công ty TNHH Bao bì
BR.Vina

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

-----oOo-----

Bình Dương , ngày 18 tháng 02 năm 2004

Kính gửi : CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR.VINA

Địa chỉ : xã Thới Hoà , huyện Bến Cát , tỉnh Bình Dương .

- Căn cứ vào quyết định số 120 / QĐ-UB ngày 9/1/1997 của UBND tỉnh Bình Dương về việc quy định chức năng , nhiệm vụ , quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng Bình Dương .

- Căn cứ quyết định số 198/QĐ - UB ngày 20 tháng 1 năm 1997 của UBND tỉnh Bình Dương về việc ban hành bản quy định cấp giấy phép xây dựng các công trình trên địa bàn tỉnh Bình Dương .

- Căn cứ quyết định số 225/ QĐ -UB ngày 27 tháng 1 năm 1997 của UBND tỉnh Bình Dương về việc ban hành bản quy định tạm thời về quản lý Nhà nước đối với nhà ở đô thị , nhà ở các xã và nhà xưởng thuộc tỉnh Bình Dương .

- Căn cứ biên bản kiểm tra xây dựng số 145 /BB-XD ngày 17 tháng 02 năm 2004 của Sở Xây dựng Bình Dương .

- Qua xem xét hồ sơ bản vẽ hoàn công xây dựng công trình

Sở Xây dựng Bình Dương có ý kiến như sau:**I. Hạng mục công trình đã xây dựng****1.) Xưởng sản xuất**

- Qui mô : Nhà công nghiệp 1 tầng , cấp 3 .

- Diện tích : 1577,28 m² .

- Cấu trúc : Móng , cột bằng bê tông cốt thép . Tường xây gạch . Cửa đi panô sắt , cửa sổ kính khung sắt . Cột khung , vì kèo , đòn tay , giằng mái bằng thép hình tiền chế . Mái lợp tole . Nền lát gạch ceramic.

2.) Nhà văn phòng :

- Qui mô : nhà cấp 3 . 01 trệt + 01 lầu

- Diện tích : 367,50 m²

- Cấu trúc : Móng , cột , đà dầm , sàn bằng bê tông cốt thép . Tường xây gạch . Cửa đi , cửa sổ panô sắt + kính . Mái lợp tole , vì kèo , đòn tay bằng thép . Nền lát gạch ceramic

3.) Ha tầng : công trình có hệ thống thu lồi , cấp thoát nước .

II . Địa điểm xây dựng

- Công trình được xây dựng tại xã Thới Hoà , huyện Bến Cát , tỉnh Bình Dương

III. Ý kiến kết luận .

- Các hạng mục công trình : nhà xưởng sản xuất bao bì của Công TNHH bao bì BR.Vina nhìn chung cơ bản đạt yêu cầu về mặt qui hoạch tổng thể và kiến trúc công trình .

- Công ty có xây dựng thêm nhà văn phòng diện tích 367,50 m² ; qui mô : nhà cấp III , 01 trệt + 01 lầu

- Riêng chất lượng công trình chủ đầu tư chịu hoàn toàn trách nhiệm .

- Công ty TNHH Bao bì BR.Vina phải thực hiện các điều sau đây :

1. Phần phòng cháy chữa cháy Công ty cần liên hệ với phòng cảnh sát PCCC tỉnh Bình Dương để được hướng dẫn thực hiện theo đúng qui định .

2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về độ an toàn và bền vững của công trình .

3. Phải đảm bảo hệ thống cấp thoát nước , vệ sinh môi trường , an toàn sử dụng điện .v.v.. và không làm ảnh hưởng đến các công trình lân cận và môi trường chung quanh .

4. Có trách nhiệm thực hiện theo luật đất đai đối với doanh nghiệp theo qui định hiện hành .

5. Chủ đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm đến quyền hợp pháp của người có liên quan .

Mọi vi phạm chủ công trình hoàn toàn chịu trách nhiệm và sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Nơi nhận :

-UBND Tỉnh (b/c)

-Như trên .

-UBND huyện Bến Cát

-Lưu văn phòng

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG



Chứng Thực Bản Sao
Đúng Với Bản Chính
Số chứng thực: 10877/05 SET/BS
Ngày: 30-05-2023

CÔNG CHỨNG VIỆN



KS. Nguyễn Văn A Kiên

Nguyễn Thị Thị

SỞ XÂY DỰNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: 145/BB-XD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
-----o0o-----



BIÊN BẢN KIỂM TRA XÂY DỰNG

Công trình : Nhà xưởng sản xuất bao bì của Công ty TNHH Bao bì BR.Vina
Địa chỉ : xã Thới Hoà , huyện Bến Cát , tỉnh Bình Dương

Hôm nay , vào lúc 9 giờ 00 ngày 17 tháng 02 năm 2004 chúng tôi gồm có :

1. Ông : Trần Sĩ Toán - Trưởng phòng KTKT Sở Xây dựng .
2. Ông : Hồ Trung tâm - Kỹ sư phòng KTKT Sở Xây dựng .
3. Ông : Park Do Huynh - Giám đốc Công ty TNHH bao bì BR.Vina

Chúng tôi cùng tiến hành kiểm tra xây dựng các hạng mục công trình nhà xưởng sản xuất bao bì của Công ty TNHH bao bì BR.Vina . Qua kiểm tra hồ sơ hiện có và kiểm tra thực tế tại công trình chúng tôi nhận thấy như sau:

I. Hồ sơ thủ tục xây dựng công trình

1. Giấy phép đầu tư số : 247/GP-BD ngày 28/01/2003 do UBND tỉnh Bình Dương cấp .
2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số : 118 QSDĐ /2003 ngày 09/4/2003 do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Bao bì BR.Vina (thuê đất) .
3. Công văn số 148/PC23 ngày 12/5/2003 của phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy - Công an tỉnh Bình Dương /
4. Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 114/KHCNMT ngày 23/06/2003 do sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp /
4. Quyết định số : 2552/QĐ.CT ngày 03/7/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc chấp thuận thiết kế kỹ thuật và xây dựng công trình trên /

II. Phần kiểm tra hạng mục công trình đã xây dựng

1.) Xưởng sản xuất

- Qui mô : Nhà công nghiệp 1 tầng , cấp 3 .
- Diện tích : 1577,28 m² .
- Cấu trúc : Móng , cột bằng bê tông cốt thép . Tường xây gạch . Cửa đi panô sắt , cửa sổ kính khung sắt . Cột khung , vì kèo , đòn tay , giằng mái bằng thép hình tiền chế . Mái lợp tole . Nền lát gạch ceramic.

2.) Nhà văn phòng :

- Qui mô : nhà cấp 3 . 01 trệt + 01 lầu
- Diện tích : 367,50 m²
- Cấu trúc : Móng , cột , đà dầm , sàn bằng bê tông cốt thép . Tường xây gạch . Cửa đi , cửa sổ panô sắt + kính . Mái lợp tole , vì kèo , đòn tay bằng thép . Nền lát gạch ceramic

3.) Ha tầng : công trình có hệ thống thu lồi , cấp thoát nước .

III . Địa điểm xây dựng

- Công trình được xây dựng tại xã Thới Hoà , huyện Bến Cát , tỉnh Bình Dương

IV. Ý kiến kết luận .

- Các hạng mục công trình : nhà xưởng sản xuất bao bì của Công TNHH bao bì BR.Vina nhìn chung cơ bản đạt yêu cầu về mặt qui hoạch tổng thể và kiến trúc công trình .
- Công ty có xây dựng thêm nhà văn phòng diện tích 367,50 m²; qui mô : nhà cấp III , 01 trệt + 01 lầu
- Riêng chất lượng công trình chủ đầu tư chịu hoàn toàn trách nhiệm .
- Công ty TNHH Bao bì BR.Vina phải thực hiện các điều sau đây :
 1. Phần phòng cháy chữa cháy Công ty cần liên hệ với phòng cảnh sát PCCC tỉnh Bình Dương để được hướng dẫn thực hiện theo đúng qui định .
 2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về độ an toàn và bền vững của công trình .
 3. Phải đảm bảo hệ thống cấp thoát nước , vệ sinh môi trường , an toàn sử dụng điện .v.v.. và không làm ảnh hưởng đến các công trình lân cận và môi trường chung quanh .
 4. Có trách nhiệm thực hiện theo luật đất đai đối với doanh nghiệp theo qui định hiện hành .
 5. Chủ đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm đến quyền hợp pháp của người có liên quan .
- Đề nghị lãnh đạo Sở xây dựng Bình Dương chấp thuận hồ sơ hoàn công công trình .

Biên bản kết thúc lúc 11 giờ 30 cùng ngày , các thành viên thống nhất ký tên .

ĐẠI DIỆN SỞ XÂY DỰNG

CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR.VINA


 Chứng Thực Bản Sao
 Đúng Với Bản Chính
 Số chứng thực: 10875/05
 Ngày: 30-05-2024
 CÔNG CHỨNG VIÊN
 Trần Sĩ Toán


 Nguyễn Thị Chi

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số: 151011 /CNCT Bình Dương, ngày 20 tháng 2 năm 2004.

GIẤY CHỨNG NHẬN CÔNG TRÌNH
GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG CHỨNG NHẬN :

1/. Đơn vị : CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR. VINA.

Là chủ sở hữu công trình : 1 Xưởng, Vp.

Tọa lạc tại số : đường :

Xã : Thới Hòa Huyện : Bến Cát tỉnh Bình Dương.

2/. Cấu trúc nhà : Loại nhà: 1 tầng, 2 tầng Mái : Tole

Vách : Gạch Nền : Gạch Ceramic Sàn : BTCT

Khung chịu lực : BTCT, Thép hình DTXD trệt : 1.761 m².

Lầu 1 : 184 m², Lầu 2 : / m².

Lầu 3 : / m², Lầu 4 : / m².

Lầu 5 : / m², Lầu 6 : / m².

(Kèm bản vẽ hoàn công, văn bản hoàn công, biên lai thu lệ phí trước bạ).

3/. Danh bạ tại : Sở Xây dựng, số : 151011 /CNCT quyển : 07

4/. Giấy chứng nhận có thời hạn theo giấy phép đầu tư và hợp đồng thuê đất.

* **Ghi chú :** Khi có dấu vết tẩy, xóa, viết tay, giấy chứng nhận công trình không có giá trị.



GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG

KS. Nguyễn Văn Ahiều

Đông Thỉnh

Kho NVL (cho giấy)

02

SỞ XÂY DỰNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BÌNH DƯƠNG Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 151376 /CNCT Bình Dương, ngày 18 tháng 8 năm 2005.

**GIẤY CHỨNG NHẬN CÔNG TRÌNH
GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG CHỨNG NHẬN:**

1/ Đơn vị: CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA.
Là chủ sở hữu công trình: (Theo 909/SXD-VF, 09/ 8/2005)

Tọa lạc tại số: _____ đường: _____
Xã: Thới Hòa Huyện: Bến Cát tỉnh Bình Dương.

2/ Cấu trúc nhà: Loại nhà: Trệt Mái: Tole
Vách: Gạch, Tole Nền: Bêton Sàn: _____

Khung chịu lực: Thép hình DTXD trệt: 1.474 m².

Lầu 1: / m², Lầu 2: / m².

Lầu 3: / m², Lầu 4: / m².

Lầu 5: / m², Lầu 6: / m².

(Kèm bản vẽ hoàn công, văn bản hoàn công, biên lai thu lệ phí trước bạ).

3/ Danh bạ tại: Sở Xây dựng, số: 151376 /CNCT quyển: 07

4/ Giấy chứng nhận có thời hạn theo giấy phép đầu tư và hợp đồng thuê đất.

* Ghi chú: Khi có dấu vết tẩy, xóa, viết tay, thì giấy chứng nhận không có giá trị.



GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG

Nguyễn Văn Nhiệm

SỞ ĐỊA CHÍNH
TỈNH BÌNH DƯƠNG

-----000-----

SỐ : 281 /HĐ.TĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

-----000-----

Bình Dương, ngày 16 tháng 4 năm 2003

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

- Căn cứ Luật đất đai năm 1993; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật đất đai ngày 02/12/1998 và ngày 29/06/2001.

- Căn cứ Quyết định số: 1226/QĐ-CT ngày 9/4/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương V/v thu hồi khu đất của ông Phan Văn Dân, bà Trần Thị Ngọc Dung cho thuê và cấp giấy CNQSD đất thuê cho Công ty TNHH BAO BÌ BR VINA.

I. Bên cho thuê đất : (Bên A)

- Đại diện : SỞ ĐỊA CHÍNH TỈNH BÌNH DƯƠNG.
- Họ tên : CAO MINH HUỆ
- Chức vụ : GIÁM ĐỐC SỞ.
- Quốc tịch : VIỆT NAM.
- Trụ sở : phường Phú Thọ, thị Xã TDM, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : (0650) 822367 - 822252 - 827198.

II. Bên thuê đất : (Bên B)

- Đại diện : CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA.
- Họ tên : PARK DO HYUN.
- Chức vụ : TỔNG GIÁM ĐỐC.
- Quốc tịch : Hàn Quốc.
- Trụ sở : xã Thới Hoà, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

III. Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều khoản sau đây:

Điều I :

1. Bên A cho Bên B thuê khu đất có diện tích: 14.608,9 m² tại xã Thới Hoà, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương để sử dụng vào mục đích : sản xuất, gia công túi nhựa, bào bì carton có in sẵn chi tiết sản phẩm (theo giấy phép đầu tư số: 247/GP-BD ngày 28/01/2003 của UBND tỉnh Bình Dương).

2. Vị trí khu đất được xác định theo tờ bản đồ địa chính tỉ lệ 1/500 và sơ đồ vị trí tỉ lệ 5.000 do Trung Tâm Lưu Trữ và Dịch Vụ Địa Chính xác lập (kèm theo).

Bản đồ này là một bộ phận hợp đồng.



3. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của nhà nước Việt Nam đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều II :

Việc xây dựng các công trình trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích đã ghi trong điều I của hợp đồng này, phù hợp với giấy phép đầu tư và đúng theo luận chứng kinh tế kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều III :

1. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, bên A đảm bảo quyền sử dụng đất của bên B, không chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba khi chưa được bên B thỏa thuận.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên B không được chuyển giao khu đất cho tổ chức, cá nhân khác dưới bất cứ hình thức nào nếu chưa được cơ quan có thẩm quyền của Nhà Nước Việt Nam cho phép.

2. Trường hợp bên B bị phân chia, sát nhập hoặc chuyển nhượng tài sản, hợp đồng cho tổ chức, cá nhân khác mà tạo nên pháp nhân mới thì chủ đầu tư mới phải làm lại thủ tục thuê đất, thời hạn thuê đất là thời hạn còn lại của hợp đồng này. Bên B phải chịu mọi chi phí phát sinh khi chuyển giao khu đất thuê.

3. Trong thời gian hợp đồng có hiệu lực, nếu bên B muốn trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất trước thời hạn thì bên B phải thông báo cho bên A biết trước ít nhất 6 tháng. Bên A phải trả lời cho bên B trong thời gian 3 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị của bên B. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến lúc bàn giao mặt bằng.

4. Hợp đồng thuê đất đương nhiên hết hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

*Hết thời hạn thuê đất.

*Bên B bị phát mãi tài sản hoặc bị phá sản.

* Bên B bị thu hồi quyết định cho thuê đất hoặc giấy phép hoạt động trước thời hạn.

Điều IV :

1. Thời hạn thuê đất là: 50 (năm mươi) năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư số: 247/GP-BD ngày 28/01/2003 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Dương .

2. Giá tiền thuê đất : 0,09 USD/m²/năm (theo điều 5 của giấy phép đầu tư số: 247/GP-BD ngày 28/01/2003 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Dương).

*Tiền thuê đất một năm: $14.608,9m^2 \times 0,09 \text{ USD}/m^2/\text{năm} = 1.314,8 \text{ USD}/\text{năm}$.

3. Số tiền thuê đất được trả theo phương thức :

Mỗi năm thanh toán hai lần, lần đầu trước ngày 30/06, lần sau nộp trước ngày 30/12 hàng năm với số tiền thuê đất cả năm là : **1.314,8 USD/năm**.

4. Tiền thuê đất được tính từ ngày: 16/4/2003 ngày bàn giao cột mốc ngoài thực địa (kèm theo biên bản) theo điều 7 của quyết định số: 189/2000/QĐ-BTC ngày 24/11/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

* Nơi nộp tiền thuê đất :

Tại tài khoản 741 của Kho bạc Nhà Nước tỉnh Bình Dương, nếu thanh toán bằng tiền đồng Việt Nam và được tính theo tỉ giá tại thời điểm thanh toán.

Tại tài khoản 710A00060 Ngân hàng công thương tỉnh Bình Dương, nếu thanh toán bằng ngoại tệ.

Điều V :

Hai bên thỏa thuận giải quyết tài sản gắn liền với việc sử dụng đất sau khi kết thúc hợp đồng này theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều VI :

Tranh chấp giữa hai bên trong quá trình thực hiện hợp đồng trước hết phải được giải quyết bằng thương lượng, trường hợp không thể thương lượng được thì tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án để giải quyết.

Điều VII :

1. Bên A có trách nhiệm cung cấp các văn bản có liên quan đến việc xác định quyền và nghĩa vụ của bên B, tôn trọng quyền sở hữu về tài sản của bên B xây dựng trên khu đất thuê theo qui định của pháp luật Việt Nam.

2. Bên B có trách nhiệm sử dụng đất đúng mục đích, tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất xung quanh.

Điều VIII :

Hợp đồng được ký tại Sở Địa chính tỉnh Bình Dương ngày 16/4/2003 có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 08 bản, bên A 01 bản, bên B 02 bản và 05 bản gửi Sở Tài chính - Vật giá, Cục thuế, Kho bạc Nhà nước để thu tiền thuê đất và đồng gửi Bộ Tài nguyên & môi trường, Bộ Kế hoạch - Đầu tư để theo dõi quản lý./.

Chứng Thư Bản Sao
Đúng Với Bản Chính
Số chứng thực: **10872.05** Ngày: **30-05-2004** SGT/B8
CÔNG CHỨNG VIỆN

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH BAO BÌ BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC
SỞ ĐỊA CHÍNH TỈNH BÌNH DƯƠNG

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HỢP LỢI
SỞ ĐỊA CHÍNH TỈNH BÌNH DƯƠNG

ANH-DUNG-CHANG
NGUYỄN CHÍ ĐỨC
Lao-Kinh-Huệ

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Chứng nhận bổ sung quyền sở hữu công trình: Nhà nghỉ của
Công ty TNHH Bao bì BR Vina.

Hạng mục công trình	Diện tích XD (m ²)	DT sản hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng
Nhà nghỉ	109,2	218,4	Móng, khung cột, sàn lầu, cầu thang, sê nô bằng bê tông cốt thép. Nền, sàn lát gạch ceramic. Tường xây gạch sơn nước		02

PHÓ GIÁM ĐỐC

27.8.2010

Phạm Thanh Tùng

GIÁM ĐỐC

Bổ sung tài sản thế chấp là tài sản gắn liền với đất theo đơn yêu cầu
đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký ngày 08/9/2010 (hồ
sơ số 798/quyền số 02/2010).

Chuyển sang hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền
một lần theo Quyết định số 1751/QĐ-UBND ngày
15/06/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Đơn vị
đã tạm nộp tiền thuê đất 01 lần cho cả thời gian thuê tại
Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước ngày 24/02/2012
theo Thông báo nộp tiền thuê đất số 1098/CT-TB và Công
văn số 1097/CT-QLCKTTĐ ngày 15/02/2012 của Cục
Thuế tỉnh Bình Dương và Công ty đã tạm nộp tiền thuê đất
01 lần bổ sung tại Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước
ngày 27/03/2012 theo Thông báo nộp tiền thuê đất bổ sung
số 2281/CT-TB ngày 20/03/2012 của Cục Thuế tỉnh Bình
Dương.

Công ty TNHH Bao bì BR Vina thay đổi Giấy phép
đầu tư thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số
doanh nghiệp: 3700482844, đăng ký lần đầu ngày
15/01/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21/8/2015
do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
tỉnh Bình Dương cấp; địa chỉ trụ sở chính: Khu phố 6, thị
phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, đổi
tên xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương thành
thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo
hồ sơ số 00166.

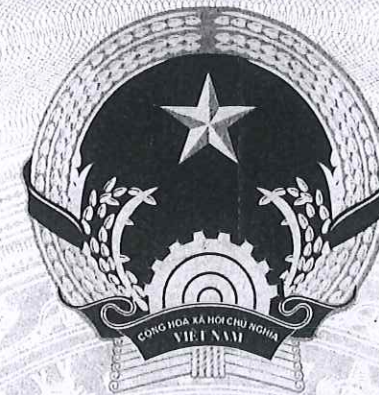
Kèm theo Giấy chứng nhận này có Trang bổ sung
số: 01

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ
sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư
hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2 5 8 4 6 1 0 0 0 1 0 0 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA

GPĐT số: 247/GP-BD

Cấp ngày 28 tháng 01 năm 2003

Do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp.

Địa chỉ: xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

BA 133802

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất

- a) Thửa đất số: 193, 116 ,tờ bản đồ số: 08
- b) Địa chỉ: xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
- c) Diện tích: 14608,9 m² , Mười bốn ngàn sáu trăm lẻ tám phẩy chín mét vuông
- d) Hình thức sử dụng: riêng: 14608,9 m² , chung: Không
- đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (14608,9)
- e) Thời hạn sử dụng: 50 năm kể từ ngày 28/01/2003 (SKC)
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm

2. Nhà ở: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Xưởng sản xuất gia công túi nhựa, bao bì carton.

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm HT xây dựng	Thời hạn sở hữu
Nhà xưởng	2460	2460	Móng, đà kiềng bê tông cốt thép. Nền bê tông xoa phẳng. Tường xây gạch sơn nước. Mái lợp tole, xà gỗ thép, kèo thép. Cửa kính khung sắt, cửa sắt đầy.		01	2009	-/-

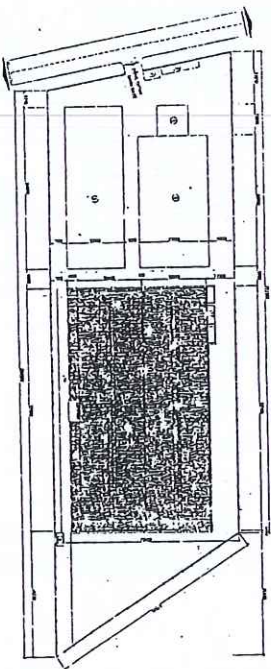
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

5. Cây lâu năm: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

6. Ghi chú:

- Đã trừ 391,10 m² (HLLG)
- Cấp đổi từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T-751643 ngày 09/4/2003 và bổ sung tài sản gắn liền với đất.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Thế chấp cho Ngân hàng Liên doanh Chohung Vina (CVB) tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: CVBHO/2002/HĐTC-04 ngày 15/5/2003.	29.5.2003 PHÓ GIÁM ĐỐC
Thay đổi tên của bên nhận thế chấp thành tên mới là Ngân hàng Liên doanh Shihanvina theo đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký ngày 18/7/2008.	18.7.2008 PHÓ GIÁM ĐỐC
Bổ sung tài sản thế chấp là tài sản gắn liền với đất (Giấy chứng nhận công trình số 151011/CNCT ngày 20/02/2004) theo đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký ngày 18/7/2008.	21.7.2008 PHÓ GIÁM ĐỐC
Bổ sung tài sản thế chấp là tài sản gắn liền với đất (Giấy chứng nhận công trình số 151376/CNCT ngày 18/8/2005) theo đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký ngày 01/8/2008.	01.8.2008 PHÓ GIÁM ĐỐC
Bổ sung tài sản thế chấp là tài sản gắn liền với đất (Giấy chứng nhận QSH công trình xây dựng - hồ sơ gốc số 40/CN-SHCT ngày 16/4/2009) theo đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký ngày 24/6/2009.	24.6.2009 PHÓ GIÁM ĐỐC

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 11-05-2024

Số CT: 05...-SCT/BS



Dương Phước Hoàng Khánh

Thủ Dầu Một, ngày 04 tháng 05 năm 2010
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TU. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Phạm Danh

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 193, 116

Tờ bản đồ số: 08

Số phát hành GCN: BA 133802

Số vào sổ cấp GCN: CT00312

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Thay thế bên nhận thế chấp thành: Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương theo đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký ngày 02/8/2012 hồ sơ số 611/quyển số 01/2012.

PHÓ GIÁM ĐỐC
02.8.2012
Phạm Thanh Tùng

Rút bớt tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất (14.608,9m²) theo đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký ngày 17/12/2012 – hồ sơ số 1011/quyển số 02/2012

PHÓ GIÁM ĐỐC
17.12.2012
Phạm Thanh Tùng

Thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (Đ/c: tầng 01, tòa nhà Minh Sáng Plaza, số 888 Đại lộ Bình Dương, kp.Bình Giao, p.Thuận Giao, tx.Thuận An, t.Bình Dương) theo hồ sơ số 09/quyển số 01/2013.

PHÓ GIÁM ĐỐC
07.01.2013
Phạm Thanh Tùng

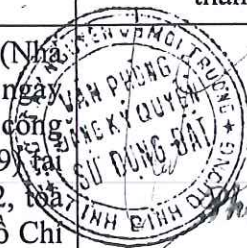
Đã xóa đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (Nhà xưởng + Nhà nghỉ; GCN công trình số 151011/CNCT ngày 20/02/2004, 151376/CNCT ngày 18/8/2005 và GCNQSH công trình xây dựng – Hồ sơ gốc số 40/CN-SHCT ngày 16/4/2009) ngày 29/3/2013 theo hồ sơ số 248/quyển số 01/2013.

GIÁM ĐỐC
29.3.2013
Phạm Thanh Tùng



Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý.

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý.

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (Nhà xưởng + Nhà nghỉ; GCN công trình số 151011/CNCT ngày 20/02/2004; số 151376/CNCT ngày 18/8/2005 và GCNQSH công trình xây dựng – Hồ sơ gốc số 40/CN-SHCT ngày 16/4/2009) tại Ngân hàng Woori – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh (Đ/c: lầu 2, tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Q.1, TP.Hồ Chí Minh) theo hồ sơ số 253/quyển số 01/2013.	 GIÁM ĐỐC 22.4.2013 <i>Phạm Thanh Tùng</i>
Nội dung đã đăng ký thế chấp ngày 02/4/2013 có thay đổi: Thay thế bên nhận thế chấp thành Ngân hàng TNHH một thành viên Woori Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (Đ/c: Phòng 5, 6, 7, Tầng 2, Tòa Văn phòng Kumho Asiana Plaza Saigon, 39 đường Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh) theo hồ sơ số 111/quyển số 01/2017.	28.02.2017 GIÁM ĐỐC  <i>Nguyễn Thị Tuyết</i>
Xoá nội dung đăng ký thế chấp ngày 02/4/2013 theo hồ sơ số 109/quyển số 01/2018.	PHÓ GIÁM ĐỐC 01.2.2018  <i>Nguyễn Thị Tuyết</i>
Thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (Nhà xưởng+Nhà nghỉ;GCNQSH.công trình xây dựng – hồ sơ gốc số 40/CN-SHCT ngày 16/4/2009; Giấy chứng nhận công trình số 151376/CNCT ngày 18/8/2005 và số 151011/CNCT ngày 20/02/2004) tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (Đ/c: 1 phần tầng trệt (tầng 1), 1 phần tầng 2, Tòa nhà Lim, số 9 – 11 đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh) theo hồ sơ số 110/quyển số 01/2018. Tính đến thời điểm này, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (Nhà xưởng+Nhà nghỉ;GCNQSH công trình xây dựng – hồ sơ gốc số 40/CN-SHCT ngày 16/4/2009; Giấy chứng nhận công trình số 151376/CNCT ngày 18/8/2005 và số 151011/CNCT ngày 20/02/2004) (xác nhận đăng ký ngày 01/02/2018).	PHÓ GIÁM ĐỐC 01.2.2018  <i>Nguyễn Thị Tuyết</i>

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG
CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 420 / CN-CCBVM T

Thủ Dầu Một, ngày 15 tháng 4 năm 2010

**SỞ ĐĂNG KÝ QUẢN LÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**
Mã số Quản lý chất thải nguy hại: 74.000 762 . T

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

Tên chủ nguồn thải: Công ty TNHH Bao bì BR Vina

Địa chỉ: Ấp 6, xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0650.3566792

Fax: 0650.3566793

Tài khoản số: 238-07-137 301 Ngân hàng Sinhan Vina

Giấy phép đầu tư số: 247/GP-BD do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 28 tháng 01 năm 2003, cấp điều chỉnh lần thứ nhất ngày 16 tháng 01 năm 2009.

Phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số: 114/KHCNMT do Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường tỉnh Bình Dương xác nhận ngày 23 tháng 6 năm 2003.

Loại hình cơ sở: Công ty Trách nhiệm hữu hạn.

II. Nội dung đăng ký:

Công ty đã đăng ký với Chi cục Bảo vệ môi trường danh sách chất thải nguy hại và danh sách chất thải khác phát sinh tại Công ty như sau:

1. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh trung bình trong 01 tháng tại Công ty

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/tháng)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	03	16 01 06
2	Dầu nhớt (bôi trơn), dầu FO	Lỏng	35	17 06 01
3	Thùng mực in/ thùng keo, bao đựng xút, thùng đựng dầu nhớt	Rắn	75	18 01 01
4	Giẻ lau, bao tay len, nhựa dính mực, dầu nhớt, keo	Rắn	20	18 02 01
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	01	19 06 01
6	Keo thải	Lỏng	10	08 03 01
7	Nước thải vệ sinh máy móc chứa mực in	Lỏng	1290	19 10 01

K. S. S. S.



8	Mực in thải	Lỏng	40	08 02 01
Tổng cộng:			1.474 kg	

2. Danh sách chất thải khác đã đăng ký phát sinh trung bình trong 01 tháng tại Công ty

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/tháng)
1	Rác thải sinh hoạt	Rắn	1768
2	Lõi băng keo	Rắn	78
3	Bao bì carton hư hỏng	Rắn	25000
4	Giấy vụn thải	Rắn	35000
5	Bột mì thải	Rắn	1400
Tổng cộng:			63.246 kg

3. Bộ hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại:

- Bản sao Giấy phép đầu tư số: 247/GP-BD do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 28 tháng 01 năm 2003, cấp điều chỉnh lần thứ nhất ngày 16 tháng 01 năm 2009.

- Bản sao Phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số: 114/KHCNMT do Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường tỉnh Bình Dương xác nhận ngày 23 tháng 6 năm 2003.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải :

1. Bảo vệ môi trường, phòng, chống ô nhiễm và suy thoái môi trường;
2. Tuân thủ các quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Luật bảo vệ môi trường và các quy định liên quan;
3. Có trách nhiệm quản lý chất thải nguy hại cho đến khi chúng được tiêu hủy;
4. Thực hiện đúng các trách nhiệm được quy định tại Mục 1, phần IV của Thông tư số: 12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
5. Hợp đồng với đơn vị có giấy phép hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại để xử lý, đồng thời lưu giữ chứng từ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định;
6. Định kỳ 06 tháng một lần, lập báo cáo về tình hình phát sinh và quản lý chất thải nguy hại gửi về Chi cục Bảo vệ môi trường theo mẫu tại phụ lục 4 (A) của Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT.
7. Khi chấm dứt hoạt động, phải thông báo bằng văn bản và nộp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải cho Chi cục Bảo vệ môi trường.

8. Phải điều chỉnh Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại khi:

- Thay đổi, bổ sung về chủng loại hoặc tăng từ 15% trở lên so với số lượng chất thải nguy hại đã đăng ký;

- Thay đổi địa điểm cơ sở nhưng không thay đổi chủ nguồn thải hoặc thay đổi chủ nguồn thải nhưng không thay đổi địa điểm cơ sở.

IV. Thời hạn hiệu lực:

Sổ đăng ký này có hiệu lực cho đến khi cần điều chỉnh theo quy định hoặc khi Công ty chấm dứt hoạt động.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, Mq4. *CM*

PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG PHỤ TRÁCH *✓*

Tào

Tào Mạnh Quân



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG
DỊCH VỤ CẤP NƯỚC SẠCH**

Số...*21.9.6*.....

GIỮA

**CHI NHÁNH CẤP NƯỚC KHU LIÊN HỢP
THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC
– MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

với tư cách là Bên Cung Cấp Dịch Vụ Cấp Nước sạch

và

DOANH NGHIỆP/HỘ GIA ĐÌNH ÔNG (BÀ) [-]

với tư cách là Bên Sử Dụng Nước

MÃ SỐ KHÁCH HÀNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
DỊCH VỤ CẤP NƯỚC SẠCH

Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 33/2005/QH11 của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005.

- Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006.

- Căn cứ Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

- Căn cứ Nghị định Số: 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của **CHI NHÁNH CẤP NƯỚC KHU LIÊN HỢP**

- Căn cứ năng lực sản xuất nước và nhu cầu sử dụng nước giữa 2 bên

- Căn cứ phiếu đề nghị cung cấp nước của quý Khách hàng.

Hôm nay, ngày .. tháng .. năm 2019 chúng tôi gồm có:

I. BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ CẤP NƯỚC: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC KHU LIÊN HỢP

Ông (bà) **PHẠM VĂN CHIẾN** Chức vụ: Giám Đốc

Địa chỉ: Số 303 - Tân Phú - phường Tân Hiệp - Tx. Tân Uyên - tỉnh Bình Dương

Số điện thoại: 0650.3861106 Fax: 0650.3861105

Số tài khoản: 0281001126608 tại ngân hàng: Ngoại thương việt nam - CN BD-P. Giao Dịch
Phủ Chánh

(Sau đây gọi là "**Bên A**")

II. BÊN SỬ DỤNG NƯỚC:CÔNG TY TNHH DẠO BÌ BÀ VINH A.....

Chủ Hộ: Ông (Bà) **PARK DO HYUN**

Hoặc người được ủy quyền :

Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú :

Địa chỉ liên hệ : Khu phố 6, Phường Thới Hoà, Thị xã Bến Cát, BD

Số điện thoại : 02742.566.792...

Fax : 02742.553387....

Số tài khoản Ngân hàng : tại

(Sau đây gọi là "**Bên B**") MST : ...37.0042.2844.....

(**Bên A** và **Bên B** được gọi riêng là "**Bên**" và được gọi chung là "**Các Bên**").

Các Bên cùng nhau thống nhất lập và ký kết Hợp đồng dịch vụ cung cấp nước sạch này ("**Hợp Đồng**") để phục vụ mục đích sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh với những nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng của hợp đồng

Bên A thực hiện dịch vụ cấp nước sinh hoạt cho Bên B theo các điều kiện chất lượng dịch vụ như quy định tại Hợp Đồng này và Bên B sử dụng nước sinh hoạt theo đúng các điều khoản tại Hợp Đồng này, cụ thể như sau:

- 1.1 Địa điểm tiêu thụ nước: Đường NHAI HP 2
- 1.2 Điểm đầu nối vào hệ thống cấp nước của Bên A:¹
- 1.3 Mục đích sử dụng nước: Bên B sử dụng nước vào mục đích SX
- 1.4 Chất lượng nước: phù hợp với các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt với các điều kiện về áp lực nước tại điểm đầu nối, lưu lượng nước tại điểm đầu nối.

Điều 2. Thiết bị đo đếm nước

- 2.1 Đồng hồ nước lắp đặt tại vị trí cách (sân, nhà...): ...1... mét, loại đồng hồ: ...cent..., đường kính: ...D1.5..., cấp đồng hồ: ...C... mã số: ...24.584.3... năm sản xuất: 2019, nước sản xuất: ...Nataly..., màu sơn: ...chanh..., tình trạng: 100%.
- 2.2 Việc đo đếm nước được thực hiện bằng đồng hồ đo nước (sau đây gọi tắt là “Đồng Hồ Đo Nước”), được Bên A lắp đặt nằm trong/ngoài vị trí quản lý của Bên B.
- 2.3 Lắp đặt Đồng Hồ Đo Nước: Bên A có trách nhiệm đầu tư, lắp đặt Đồng Hồ Đo Nước, đảm bảo Đồng Hồ Đo Nước đã được kiểm định phù hợp với Tiêu chuẩn Việt Nam.
- 2.4 Trường hợp Đồng Hồ Đo Nước bị mất hoặc hư hỏng gây mất nước mà (i) nguyên nhân do lỗi của Bên A thì Bên A có trách nhiệm sửa chữa, thay thế Đồng Hồ Đo Nước và tiếp tục cấp nước cho Bên B; (ii) nguyên nhân do lỗi của Bên B thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả và bồi thường cho Bên A toàn bộ các chi phí và thiệt hại thực tế liên quan đến việc sửa chữa, thay thế và kiểm định Đồng Hồ Đo Nước.
- 2.5 Bên B không được tự ý tháo gỡ, di chuyển Đồng Hồ Đo Nước sang vị trí khác so với vị trí lắp đặt ban đầu của Bên A trừ khi được Bên A đồng ý trước bằng văn bản và Bên B phải chịu toàn bộ các chi phí liên quan đến việc di chuyển Đồng Hồ Đo Nước.

Điều 3. Giá Cung Cấp Nước, Tiền Nước và Phí Dịch Vụ

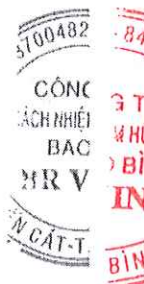
- 3.1 Giá Cung Cấp Nước: là giá bán nước sạch cho từng mục đích sử dụng theo quy định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại từng thời điểm và được Bên A thông báo bằng văn bản cho bên B.
- 3.2 Các khoản phí dịch vụ: Các Bên thống nhất rằng, trong suốt thời hạn của Hợp Đồng nếu pháp luật cho phép, Bên A sẽ thu các khoản phí liên quan đến việc cung cấp nước theo Hợp Đồng này trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật, quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại thời điểm áp dụng, và Bên A sẽ thông báo cho Bên B trước khi áp dụng.

Điều 4. Phương thức và thời hạn thanh toán

4.1 Thông báo và thời hạn thanh toán Tiền Nước: hàng tháng, Bên A sẽ gửi thông báo và Hóa đơn Tiền Nước và các khoản phí dịch vụ phát sinh (nếu có) cho Bên B. Tiền Nước và phí dịch vụ phát sinh (nếu có) của mỗi tháng sẽ phải được Bên B thanh toán một lần và toàn bộ cho Bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày nêu tại thông báo Tiền Nước của Bên A theo một trong các phương thức sau:

- (a) Chuyển khoản vào Tài khoản Ngân hàng của Bên A nêu dưới đây:
 - Tên tài khoản Ngân hàng: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC KHU LIÊN HỢP
 - Số tài khoản của Bên A: 0281001126608
 - Tại ngân hàng: Ngoại thương Việt Nam - CN BD-P. Giao Dịch Phú Chánh
 - (b) Bằng tiền mặt tại địa điểm: Số 303 Tân Phú, P. Tân Hiệp, TX Tân Uyên, BD.
- 4.2 Trường hợp Bên A ngừng cấp nước do Bên B không thanh toán đầy đủ, đúng hạn Tiền Nước và phí dịch vụ phát sinh (nếu có) theo điều 4.1 Hợp đồng này, Bên A có quyền tính

¹ Điểm đầu nối phải đặt ngay sát chỉ giới sử dụng đất hoặc chân tường rào công trình của khách hàng sử dụng nước trong điều kiện cho phép



4.2 Trường hợp Bên A ngừng cấp nước do Bên B không thanh toán đầy đủ, đúng hạn Tiền Nước và phí dịch vụ phát sinh (nếu có) theo điều 4.1 Hợp đồng này, Bên A có quyền tính lãi phạt bằng số tiền chậm thanh toán nhân với mức lãi suất của Ngân hàng thương mại mà Bên A có tài khoản ghi trong Hợp Đồng này tại thời điểm thanh toán và nhân với số ngày chậm thanh toán, tính từ ngày cuối cùng của thời hạn thanh toán đến ngày Bên B thực tế thanh toán.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

5.1. Bên A có quyền:

- (a) Vào khu vực quản lý của Bên B để sửa chữa, bảo dưỡng, thay thế, kiểm tra các trang thiết bị nước của Bên A; kiểm tra, ghi chỉ số Đồng Hồ Đo Nước.
- (b) Ngừng thực hiện dịch vụ cấp nước trong các trường hợp:
 - (i) Theo yêu cầu bằng văn bản của Bên B. Trong trường hợp này việc ngừng cấp nước sẽ được thực hiện theo thời hạn được nêu trong văn bản yêu cầu của Bên B;
 - (ii) Bên cung cấp nước có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và áp dụng các biện pháp có thể thu hồi nợ (ngưng cấp nước, thu hồi đồng hồ nước và chuyển hồ sơ đến cơ quan pháp luật đề nghị xử lý) nếu Khách hàng vi phạm (điều 4.1, 4.2);
 - (iii) Bên B không sử dụng nước quá 2 tháng mà không thông báo trước cho Bên A. Trong trường hợp này, Bên A có quyền chấm dứt Hợp Đồng sau khi đã thông báo cho Bên B;
 - (iv) Do yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong trường hợp này Bên A sẽ ngừng cung cấp nước ngay khi nhận được yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - (v) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- (c) Tạm ngưng việc cung cấp nước trong các trường hợp sau đây:
 - (i) Để phục vụ công tác sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng định kỳ Hệ thống cấp nước, trong trường hợp này Bên A sẽ thông báo cho Bên B trước ít nhất 2 ngày bằng văn bản hoặc thông báo trực tiếp;
 - (ii) Do xảy ra sự cố đột xuất đối với Hệ thống cấp nước. Trong trường hợp này, Bên A sẽ thông báo cho Bên B trong vòng 24h bằng thông báo trực tiếp hoặc bằng các phương tiện truyền thông công cộng ngay khi xảy ra sự cố đột xuất;
 - (iii) Do xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng;
 - (iv) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- (d) Thu Tiền Nước, phí dịch vụ và các khoản phải trả khác (nếu có) theo quy định của hợp đồng.
- (e) Các quyền khác theo quy định tại Hợp Đồng này và theo quy định của pháp luật.

5.2 Bên A có nghĩa vụ:

- (a) Cung cấp nước cho Bên B đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Hợp Đồng này.
- (b) Phải thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng tối thiểu trước 02 ngày (nếu có trường hợp ngưng cung cấp nước để sửa chữa, bảo trì hệ thống cấp nước) cũng như có biến động về giá nước.
- (c) Cử nhân viên đọc - ghi chỉ số đồng hồ nước hàng tháng và ghi vào phiếu đọc số được treo tại gia đình nơi thuận tiện nhất.
- (d) Cử nhân viên thu tiền nước hoặc gửi giấy báo hàng tháng.
- (e) Cử nhân viên đến kiểm tra, bảo trì, sửa chữa đường ống, đồng hồ nước khi có yêu cầu của khách hàng hoặc theo định kỳ.
- (f) Có trách nhiệm xem xét giải quyết việc sang nhượng, chuyển đổi tên chủ sử dụng nước, điều chỉnh định mức cho khách hàng khi có yêu cầu chính đáng.
- (g) Có trách nhiệm tiếp nhận và trả lời đầy đủ những thắc mắc, khiếu nại của Khách hàng có liên quan đến việc cung cấp và sử dụng nước.
- (h) Có trách nhiệm thực hiện đúng hợp đồng, khi vi phạm hợp đồng sẽ giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự, đúng quy định của Pháp luật được quy định trong Bộ luật dân sự.

- (i) Đồng hồ nước là tài sản của Bên cung cấp nước trang bị để đo đếm m³ nước sử dụng để tính tiền cho khách hàng nên Bên cung cấp nước có trách nhiệm tu bổ, sửa chữa, thu hồi khi có sự cố và thay mới cho khách hàng định kỳ theo quy định.
- (j) Đảm bảo áp lực nước trên toàn mạng lưới, tại các họng cứu hỏa để đáp ứng yêu cầu cho công tác lấy nước phòng cháy chữa cháy. Tuy nhiên, đơn vị Công an phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy phải hợp tác với công ty cấp nước trong việc quản lý hệ thống các họng cứu hỏa và phải thanh toán tiền nước sử dụng thực tế cho công ty cấp nước.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

6.1. Bên B có quyền:

- (a) Yêu cầu Bên A cung cấp nước theo tiêu chuẩn thỏa thuận trong Hợp Đồng; khôi phục việc cung cấp nước trong thời gian sớm nhất sau khi Hệ thống cấp nước bị sự cố;
- (b) Bằng chi phí của mình, thực hiện việc kiểm tra chất lượng nước, tính chính xác của thiết bị đo đếm nước, số Tiền Nước phải thanh toán;
- (c) Kiểm tra, giám sát việc ghi chỉ số Đồng Hồ Đo Nước;
- (d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

6.2. Bên B có nghĩa vụ:

- (a) Sử dụng nước đúng mục đích như Điều 1.
- (b) Thanh toán tiền nước đủ và đúng hạn theo lịch thu tiền hàng tháng của Bên cung cấp nước thông báo như (Điều 3).
- (c) Không tự ý sửa chữa, di dời đồng hồ nước, không làm đứt chỉ niêm đồng hồ, hoặc làm đứt chỉ giữa van gốc vào với đồng hồ nước. Nếu làm mất thì phải bồi thường như (Điều 4.2), không đặt máy bơm hút nước trực tiếp từ đường ống cấp nước.
- (d) Không sử dụng nước khi chưa được Bên cung cấp nước chấp thuận, mọi hình thức tự ý lấy nước sử dụng coi như vi phạm tài sản công ty và sẽ bị xử lý theo quy định Pháp luật Việt Nam.
- (e) Tạo mọi điều kiện cho Bên cung cấp nước đến đọc - ghi chỉ số đồng hồ, thu tiền nước, kiểm tra, bảo trì, sửa chữa, thay thế đồng hồ khi có sự cố và thay mới định kỳ đồng hồ nước.
- (f) Nếu nghi ngờ đồng hồ nước chạy không chính xác, hoặc có sự tính toán nhầm lẫn, Khách hàng có quyền khiếu nại và cùng với Bên cung cấp nước kiểm tra, xác minh làm cơ sở khấu trừ hoặc truy thu thêm tiền nước vào tháng kế tiếp. Trong thời gian chờ đợi kết luận của việc xác minh, khách hàng vẫn phải thanh toán tiền nước theo hoá đơn đã được phát hành.
- (g) Nếu sau 02 tháng liên tục khách hàng vẫn không sử dụng nước thì bên cung cấp nước sẽ đơn phương ngưng cấp nước đến khi khách hàng có yêu cầu sử dụng nước lại và phải thanh toán chi phí đầu nối theo thời điểm.
- (h) Khách hàng có quyền khiếu nại lên cấp trên hoặc toà án dân sự về việc hợp đồng sử dụng nước có vi phạm.
- (i) Khách hàng phải có trách nhiệm giữ gìn, bảo quản tốt đồng hồ nước trong suốt quá trình sử dụng nước. Đồng hồ nước bị hư hỏng, bị bể, đứt chỉ... do lỗi của khách hàng thì khách hàng phải chịu mọi chi phí sửa chữa, xử phạt theo quy định và phải trả tiền nước theo cách tính bình quân 3 tháng trước đó, còn nếu đồng hồ nước bị mất thì khách hàng phải trả tiền để mua lại đồng hồ nước mới của công ty cấp nước với giá trị theo thời điểm.
- (j) Khi khách hàng thay đổi chỗ ở hoặc không có nhu cầu sử dụng nước tiếp tục, thì khách hàng phải báo cho Bên Cung Cấp Nước trước 07 ngày để hai bên cùng thanh lý hợp đồng. Nếu không báo trước, không thanh toán tiền nước, để mất đồng hồ nước khách hàng phải chịu thanh toán các khoản nợ.

- (k) Mọi sự cố mất nước, rò rỉ van khóa, đồng hồ nước, bể ống... xin khách hàng thông tin nhanh cho Bên cung cấp nước để sửa chữa kịp thời tránh lãng phí nước, đồng thời đảm bảo việc cấp nước cho khách hàng được liên tục, thông tin theo đường dây điện thoại nóng số: 0650.3838333 - 3897722 - 3897766 hoặc nhân viên đọc - ghi chỉ số đồng hồ nước.
- (l) Đường ống cấp từ ống cấp chính (tại đai khởi thủy lấy nước) vào đến đồng hồ nước khách hàng (hệ sử dụng) là tài sản của bên cung cấp nước, khách hàng được sử dụng nên có trách nhiệm bảo vệ, nếu có sự cố bể, hư hỏng khách hàng phải thông báo với bên cung cấp nước để kịp thời sửa chữa, không báo khi bên cung cấp nước phát hiện thì sẽ truy thu số lượng nước do chảy ra ngoài. Đồng thời đường ống khách hàng cùng đầu tư, điều kiện cho phép bên cung cấp nước sẽ có kế hoạch tu bổ, nâng cấp và khai thác tuyến ống đó giúp khách hàng, công ty vẫn đảm bảo việc cấp nước an toàn và chất lượng tốt nhất cho quý khách hàng.
- (m) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

Điều 7. Bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm Hợp Đồng

7.1 Trách nhiệm bồi thường của Bên A:

- (a) Trường hợp Bên A ghi sai chỉ số Đồng Hồ Đo Nước, tính toán hóa đơn sai cho Bên B hoặc sử dụng Đồng Hồ Đo Nước không đạt tiêu chuẩn quy định dẫn đến thu Tiền Nước nhiều hơn số tiền Bên B thực tế phải trả, Bên A phải trả cho Bên B khoản tiền đã thu thừa cộng với tiền lãi tính trên số tiền chênh lệch theo mức lãi suất cho vay cao nhất áp dụng đối với khách hàng cá nhân của Ngân hàng mà Bên A có tài khoản ghi trong Hợp Đồng tại thời điểm thanh toán;
- (b) Trường hợp Bên A vi phạm các trách nhiệm, nghĩa vụ khác của Bên A theo Hợp Đồng gây thiệt hại cho Bên B, Bên A sẽ phải bồi thường cho Bên B theo thiệt hại thực tế mà Bên B phải gánh chịu do hành vi vi phạm của Bên A.

7.2 Trách nhiệm bồi thường của Bên B:

Bên B có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên A trong các trường hợp sau:

- (a) Gây sự cố cho Hệ thống cấp nước hoặc có hành vi làm hư hỏng Hệ thống cấp nước, Đồng Hồ Đo Nước. Số tiền bồi thường sẽ bằng giá trị bù đắp lại phần hư hỏng của Hệ thống cấp nước, Đồng Hồ Đo Nước và các thiệt hại thực tế khác mà Bên A phải gánh chịu do vi phạm của Bên B.
- (b) Sử dụng nước sai mục đích đã thỏa thuận trong Hợp Đồng. Số tiền bồi thường sẽ bằng khoản tiền chênh lệch giá trong thời gian vi phạm mục đích sử dụng nước cộng với tiền lãi tính trên số tiền chênh lệch theo mức lãi suất cho vay cao nhất áp dụng đối với khách hàng cá nhân của Ngân hàng mà Bên A có Tài khoản ghi trong Hợp Đồng này tại thời điểm thanh toán cho khoảng thời gian tính từ ngày Bên B sử dụng nước sai mục đích đến ngày Bên B thực tế thanh toán toàn bộ tiền bồi thường cho Bên A.
- (c) Có hành vi trộm cắp nước dưới mọi hình thức. Trong trường hợp này, ngoài việc bị xử lý theo quy định của pháp luật, Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên A với mức bồi thường bằng giá trị Khối lượng nước bị lấy cắp, thất thoát nhân với mức Giá Cung Cấp Nước/Phí Bơm Nước sinh hoạt cao nhất của Bên A.
- (d) Vi phạm trách nhiệm, nghĩa vụ khác của Bên B theo Hợp Đồng, hoặc các quy định của pháp luật về sử dụng nước, Bên B sẽ phải bồi thường cho Bên A toàn bộ thiệt hại phát sinh do vi phạm của Bên B.

Điều 8. Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp

Hợp Đồng này được giải thích và áp dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam. Trường hợp phát sinh tranh chấp, Các Bên ưu tiên giải quyết bằng thương lượng kể từ ngày phát sinh tranh chấp, sau thời hạn này mà Các Bên không giải quyết được thì một trong Các Bên có quyền khởi kiện tại Toà án có thẩm quyền tại Bình Dương để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Sự Kiện Bất Khả Kháng

9.1 Sự Kiện Bất Khả Kháng: là những sự kiện mang tính khách quan, nằm ngoài tầm kiểm soát của Các Bên và gây ảnh hưởng trực tiếp đến việc cấp nước của Bên A và nhận nước của Bên B, bao gồm thiên tai, bão, động đất, sét, hỏa hoạn, hạn hán, lũ lụt, ô nhiễm nguồn nước hoặc các hiện tượng tự nhiên khác, chiến tranh, xung đột vũ trang, cấm vận, bạo động, nổi loạn, khủng bố hay phá hoại, dịch bệnh, bãi công, đình công, lân công, giải phóng mặt bằng hay các hoạt động ngừng trệ công việc không phải do lỗi của một trong hai Bên gây ra, hoặc do bên thứ ba gây nên sự cố nước mà Bên A không thể lường trước được hoặc không thể kiểm soát được.

9.2 Các Bên sẽ không phải chịu trách nhiệm hoặc không bị coi là vi phạm nghĩa vụ theo Hợp Đồng hoặc có lỗi do không thực hiện hoặc chậm trễ trong việc thực hiện, tuân thủ các nghĩa vụ tương ứng của mình theo Hợp Đồng khi xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng.

Điều 10. Chấm dứt và thanh lý Hợp Đồng

10.1 Hợp Đồng này chấm dứt khi phát sinh một trong các trường hợp sau:

- (a) Hết thời hạn mà các bên không có nhu cầu gia hạn theo Điều 11.2 của Hợp Đồng.
- (b) Một trong Các Bên quyết định chấm dứt Hợp Đồng trước hạn theo quy định tại Hợp Đồng này.
- (c) Bên A không đủ điều kiện thực hiện dịch vụ cung cấp nước theo quy định của pháp luật và thông báo bằng văn bản cho Bên B.
- (d) Bên B là pháp nhân bị giải thể hoặc phá sản hoặc là cá nhân bị chết, tuyên bố là đã chết mà không có người thừa kế toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của Bên B theo Hợp Đồng.
- (e) Chấm dứt theo thỏa thuận của Các Bên hoặc theo quy định của pháp luật.

10.2 Khi phát sinh một trong các trường hợp nêu tại Điều 10.1 này, Bên A sẽ ngừng cấp nước và ghi xác nhận chỉ số Đồng Hồ Đo Nước tại thời điểm ngừng cung cấp nước, các Bên sẽ thực hiện và hoàn thành toàn bộ các trách nhiệm, nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng và quy định của pháp luật.

Điều 11. Thời hạn và hiệu lực của Hợp Đồng

11.1 Hợp Đồng này do Các Bên lập và ký kết hoàn toàn tự nguyện và có hiệu lực trong thời gian 5 năm kể từ ngày hiệu lực của Hợp Đồng này, trừ khi không được gia hạn hoặc chấm dứt trước thời hạn theo quy định của Hợp Đồng.

11.2 Hợp Đồng này sẽ tự động được gia hạn (không hạn chế số lần gia hạn) với thời hạn của mỗi lần gia hạn là 5 năm, trừ trường hợp một trong Các Bên có thông báo gửi Bên còn lại về việc không muốn gia hạn Hợp Đồng hoặc Bên A có thông báo về việc ký kết hợp đồng mua nước sinh hoạt mới vào ngày Hợp Đồng này hết hạn.

11.3 Hợp Đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành hai (2) bản bằng tiếng Việt. Bên A giữ một (1) bản, Bên B giữ một (1) bản. Nếu Bên B có yêu cầu lập bằng tiếng Anh, thì Hợp Đồng được lập thêm hai (02) bản tiếng Anh, mỗi bên giữ một (1) bản. Bản tiếng Việt và bản tiếng Anh có giá trị như nhau, tuy nhiên, nếu có bất kỳ mâu thuẫn nào giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

ĐẠI DIỆN BÊN SỬ DỤNG NƯỚC



Phan Do Hyun

ĐẠI DIỆN BÊN CUNG CẤP NƯỚC



PHẠM VĂN CHIẾN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thủ đầu...mặt... ngày 12 tháng 05 năm 200...

GIẤY CHỨNG NHẬN

THẨM ĐỊNH VỀ THIẾT KẾ VÀ THIẾT BỊ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

CÔNG TRÌNH CÔNG TY TNHH BẢO VỆ BR VINA

- Căn cứ nghị định số 220/CP ngày 28-12-1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng PCCC chuyên nghiệp.
- Căn cứ thông tư số 03-TTLB ngày 3-11-1989 của Liên bộ Nội vụ – Xây dựng quy định chế độ an toàn PCCC, phòng nổ trong xây dựng công trình.
- Căn cứ điều lệ về việc lập, thẩm tra, xét duyệt thiết kế các công trình xây dựng ban hành theo Nghị định số 237-HĐBT ngày 19-9-1985 của Hội đồng Bộ trưởng (nay Chính phủ)

Trường phòng cảnh sát phòng cháy và chữa cháy Công an Bình Dương.
Thẩm định về thiết kế và thiết bị phòng cháy, chữa cháy và phòng nổ cho công trình
CÔNG TY TNHH BẢO VỆ BR VINA

Thuộc...
Địa chỉ... Kà Thới Hòa, Bền cát, Bình dương.
Theo các bản vẽ KTO1---KTO5, KCO1, KCO2, KTO2, KCO1, KCO2, KCO1

- và công văn số... ngày... tháng... năm... của...
- Để đảm bảo an toàn về phòng cháy và chữa cháy cho công trình yêu cầu:
- Thi công đúng theo hồ sơ thiết kế đã duyệt.
 - Lắp đặt hệ thống chữa cháy vách tường cho công trình.
 - Xây dựng 01 hồ nước chữa cháy 100 khối cho công trình.
 - Trang bị 30 bình chữa cháy 06 bộ nội quy, tiêu lệnh, đồ.

Phòng cảnh sát PCCC sẽ cử cán bộ theo dõi việc thi công và làm thủ tục nghiệm thu về an toàn PCCC trước khi đưa công trình vào sử dụng.

Bình dương
T/L GIÁM ĐỐC CÔNG AN

Trưởng phòng cảnh sát PCCC



Nơi nhận:
Hầu trên.

- Bộ Công an (C23) để báo cáo
- Lưu PC23

KS ĐẠO THANH PHUG



SỞ XÂY DỰNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: 797/BC-XD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- 000 -----
Bình Dương, ngày 04 tháng 07 năm 2003

BÁO CÁO

Về việc thẩm định thiết kế kỹ thuật
Công trình nhà xưởng sản xuất bao bì của Công ty trách nhiệm hữu
hạn bao bì BR. Vina

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Căn cứ vào hồ sơ trình thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình: Nhà
xưởng sản xuất bao bì thuộc dự án đầu tư 100% vốn nước ngoài của Chủ
đầu tư là Công ty trách nhiệm hữu hạn bao bì BR. Vina.

- Căn cứ các quy định về thẩm định thiết kế kỹ thuật thuộc các dự án
có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài trong Nghị Định 24/2000/NĐ-CP
ngày 31/07/2000 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành luật đầu tư nước
ngoài tại Việt Nam và Thông Tư số 16/BXD-CSXD ngày 11/12/2000 của
Bộ Xây Dựng hướng dẫn quản lý xây dựng các công trình có vốn đầu tư
trực tiếp của nước ngoài và nhà thầu nước ngoài vào nhận thầu xây dựng
tại Việt Nam.

- Sau khi nghiên cứu hồ sơ thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình trên
và đối chiếu với các quy định hiện hành. Sở Xây Dựng tỉnh Bình Dương
thông báo kết quả thẩm định như sau:

**1/ Công nhận chủ đầu tư đã nộp các hồ sơ trình thẩm định thiết
kế kỹ thuật theo quy định gồm:**

- Giấy phép đầu tư số 247/GP- BD ngày 28/01/2003 do Ủy ban
nhân dân tỉnh Bình Dương cấp.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 118-QSDĐ/2003 ngày
01/04/2003 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp (thuê đất) và hợp
đồng thuê đất số 281/HĐ-TĐ ngày 16/04/2003 của Sở Địa chính tỉnh Bình
Dương.



KS ĐÀO THANH PHÚC

- Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 144/KHCNMT ngày 23/06/2003 do Sở Khoa học công nghệ môi trường tỉnh Bình Dương cấp.

- Công văn số 148/PC23 ngày 12/05/2003 của phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy - Công An Tỉnh Bình Dương.

- Kết quả khoan khảo sát địa chất công trình do Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn xây dựng cấp thoát nước Bình Dương lập.

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật các hạng mục công trình trên do Công ty tư vấn địa ốc Sài Gòn lập.

2/ Hồ sơ trình thẩm định thiết kế kỹ thuật đã đạt được các yêu cầu theo quy định như sau:

a) Về tư cách pháp nhân của tổ chức thiết kế, khảo sát địa chất, thẩm tra thiết kế:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn xây dựng cấp thoát nước Bình Dương đủ tư cách pháp nhân lập hồ sơ khảo sát địa chất công trình trên.

- Công ty tư vấn địa ốc Sài Gòn đủ tư cách pháp nhân lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật công trình trên.

b) Về nội dung thiết kế quy hoạch và kiến trúc:

Công trình xây dựng tại: Xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương phù hợp quy hoạch vùng tỉnh Bình Dương.

Quy mô xây dựng gồm các hạng mục

b-1/ Xưởng sản xuất:

- Qui mô: Nhà công nghiệp 1 tầng, cấp III
- Diện tích: 1.569m².
- Cấu trúc: Móng, cột bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Cửa đi panô sắt, cửa sổ kính khung sắt. Cột khung, vì kèo, dòn tay, giằng mái bằng thép hình tiền chế. Mái lợp tole. Nền lát gạch ceramic.

N PHÉP

75

NHH

NA

Số

10

10

10

10

10

10

10

10

10

10

10

10

10

10

10

10

10

10

10

10

10

10

10

10

10

10

10

10

10

10

10

10

10

10

10

10

10

10

10

10

10

10

10

b-2/ Hạ tầng:

Công trình có thiết kế hệ thống thu lồi chống sét, cấp thoát nước.

c) Về sự tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật thiết kế và an toàn công trình:

- Công trình được thiết kế theo tiêu chuẩn Việt Nam đạt yêu cầu.
- Về an toàn công trình: Đạt yêu cầu nếu hoàn chỉnh các vấn đề tồn tại.

3/ Những vấn đề còn tồn tại cần được giải quyết trước khi khởi công xây dựng công trình:

- Bổ sung chi tiết kết cấu hệ giằng khung dầm hồi.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Cty TNHH bao bì BR, Vina.
- VP (để lưu).



Nguyễn Văn Nhiều

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: ...42.../TD-PCCC (T.T.N.H)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1

BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA

Ngày 31-3-2004 - In 2007

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 08/CV ngày 12/02/2009

của: CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA

Người đại diện là ông/ bà: Park Do Hyun Chức danh Giám đốc

(1) Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Bình Dương

CHỨNG NHẬN:

NHÀ XƯỞNG - GIAI ĐOẠN II

(2) Địa điểm: Xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty TNHH Bao bì BR Vina

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Kiến Thành

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Kiến trúc
- Kết cấu
- Hệ thống cấp nước chữa cháy

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3)

- Bố trí ít nhất 02 lối thoát nạn loại cửa cánh mở ra ngoài theo hướng thoát nạn, kích thước nhỏ nhất cho phép (0,8 x 2)m (mục 7 TCVN 2622-1995)
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống chống sét theo tiêu chuẩn hiện hành.
- Nghiệm thu trước khi đưa công trình vào hoạt động (Điều 16 Luật PCCC)

Thủ Dấu Một ngày 19 tháng 02 năm 20 09

(4) TRƯỞNG PHÒNG CS PCCC

Nơi nhận:

- Cục CS PCCC (Báo cáo)
- Công ty TNHH Bao bì BR Vina
- Lưu Phòng CS PCCC Bình Dương.

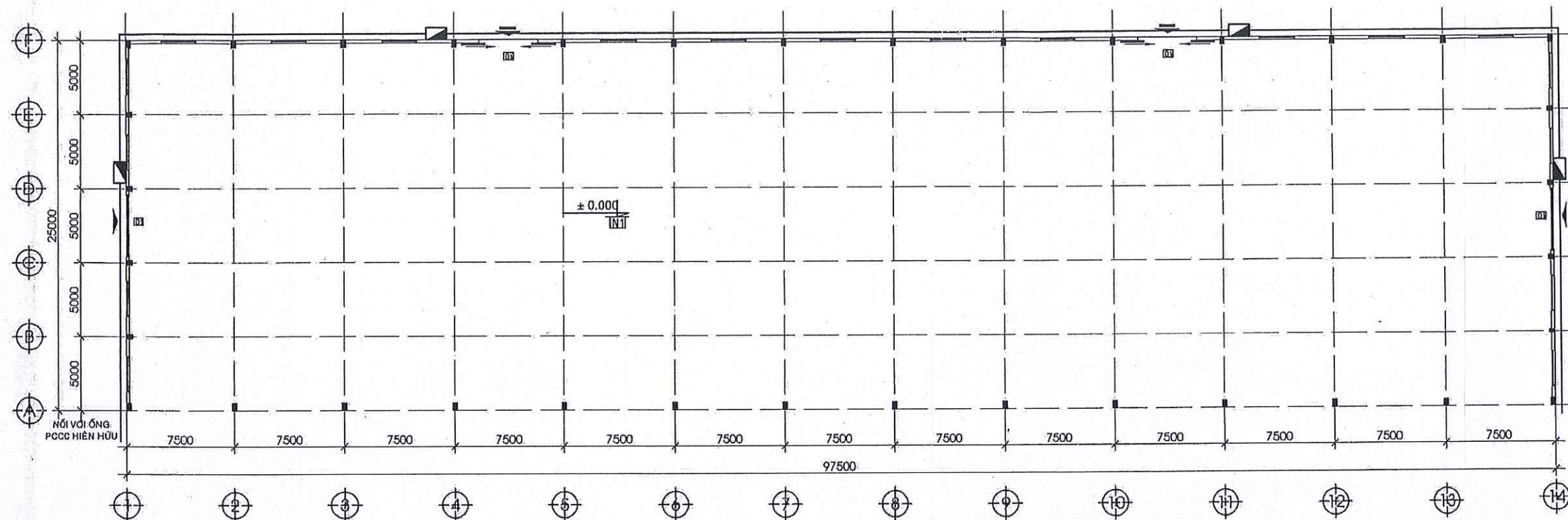


THỦ DẤU: Lê Anh Việt

- (1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

(The following text is faint and mostly illegible due to low contrast and bleed-through from the reverse side of the page.)

KÝ HIỆU



MẶT BẰNG HỆ THỐNG CHỮU CHÁY VÁCH TƯỜNG NHÀ XƯỞNG

TL:1/100

CHÚ THÍCH : (NOTE)



_HỘP CHỮU CHÁY

ỐNG STK

GHI CHÚ/GENERAL NOTES:



NỘI DUNG BỔ SUNG :
AMENDMENTS :

NGÀY VẼ :
DATE :

CHỦ ĐẦU TƯ/OWNER :

CÔNG TY TNHH BR VINA

MANAGER/GIÁM ĐỐC

PHÊ DUYỆT/ APPROVED BY:



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG

DAKTAN Construction Co., Ltd.

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

XÂY DỰNG

MANAGER/GIÁM ĐỐC

PHẠM KHẮC LÂM

Q.L.K.T/CHECKED BY:

LY ĐOÀN TÍN

THIẾT KẾ/DESIGNED BY:

ARC. NGUYỄN XUÂN VĂN

THỂ HIỆN/PERFORM BY:

ARC. NGUYỄN XUÂN VĂN

CÔNG TRÌNH/PROJECT:

NHÀ XƯỞNG CÔNG NGHIỆP

ĐỊA CHỈ/ADDRESS:

KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC 2

-TỈNH BÌNH DƯƠNG-

TÊN BẢN VẼ/DRAWING TITLE:

MẶT BẰNG HỆ THỐNG PCCC

TL:1/100

MÃ SỐ:

JOB No:

HẠNG MỤC:

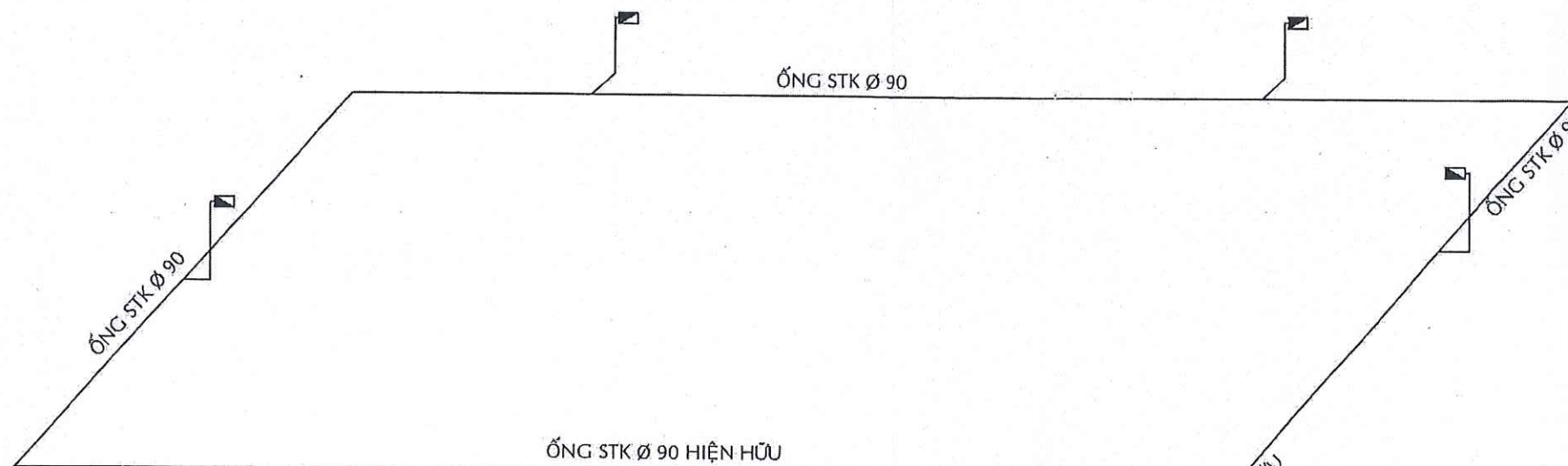
ITEM:

KÝ HIỆU:

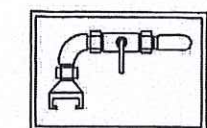
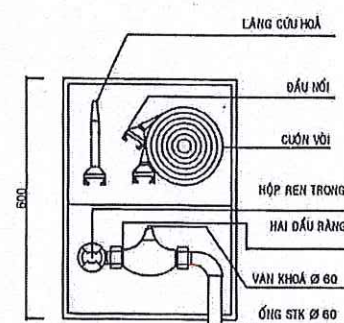
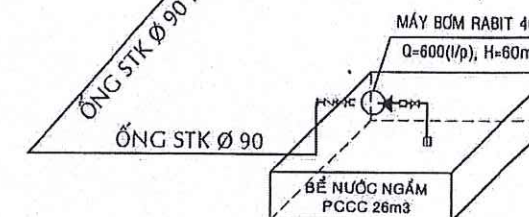
DWG No:

FACTORY

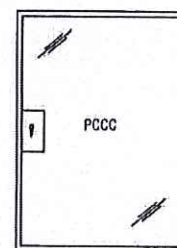
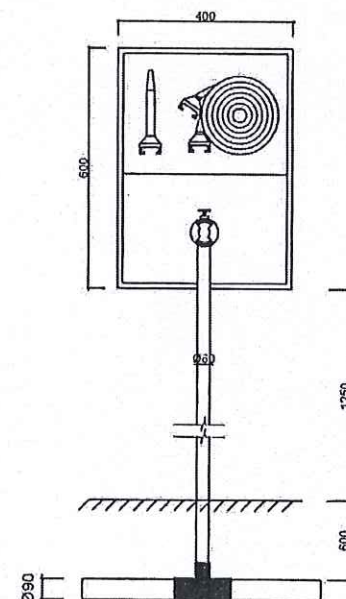
KT-02/03



SƠ ĐỒ KHÔNG GIAN HỆ THỐNG CHỮU CHÁY



CHI TIẾT HỘNG CỬU HỎA



CHÚ THÍCH : (NOTE)
 _HỘNG CHỮU CHÁY
 _ỐNG STK

BẢNG THUYẾT MINH HỆ THỐNG CHỮA CHÁY

- HỆ THỐNG CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY ĐƯỢC THIẾT KẾ THEO TCVN: 2622-1995
- NGUỒN NƯỚC CHO HỆ THỐNG CỬU HỎA ĐƯỢC CUNG CẤP TỪ HỒ NƯỚC NGẦM CỦA CÔNG TRÌNH. CỤM BƠM CHỮA CHÁY BAO GỒM:
- HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG CHÍNH ĐI MẠCH VÒNG STK Ø 90
- HỆ THỐNG CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY ĐƯỢC GẮN VỚI 05 HỘNG HỌNG CỬU HỎA VÀ MỘT HỌNG ĐỘI TIẾP NƯỚC XE CHỮA CHÁY
- MỖI HỌNG CỬU HỎA GỒM:
 - TỦ ĐỰNG 650x400x220 (VN)
 - CUỘN VỎI CỬU HỎA D50mm, L = 20m (TQ)
 - LĂNG PHUN B (VN)
 - VAN GÓC CỬU HỎA CHUYÊN DỤNG D50mm

GHI CHÚ/GENERAL NOTES:



NỘI DUNG BỔ SUNG :
AMENDMENTS :

NGÀY VẼ :
DATE :

CHỦ ĐẦU TƯ/OWNER :

CÔNG TY TNHH BƠ VINA

MANAGER/GIÁM ĐỐC

PHÉ DUYỆT/ APPROVED BY:



LÝ ĐOÀN TÍN

THIẾT KẾ/DESIGNED BY:

ARC. NGUYỄN XUÂN VÂN

THỂ HIỆN/PERFORM BY:

ARC. NGUYỄN XUÂN VÂN

CÔNG TRÌNH/PROJECT:

NHÀ XƯỞNG CÔNG NGHIỆP

ĐỊA CHỈ/ADDRESS:

KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC 2
TỈNH BÌNH DƯƠNG

TÊN BẢN VẼ/DRAWING TITLE:

SƠ ĐỒ KHÔNG GIAN PCCC
LỚT ĐIỆN T1/100

MÃ SỐ:
JOB No:

HẠNG MỤC:
ITEM:

KÝ HIỆU:
DWG No:

FACTORY

KT 03

UBND THỊ XÃ BẾN CÁT
XI NGHIỆP
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

Số: //H/HD TGVC/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2024, tại Xi nghiệp Công trình công cộng Bến Cát, đại diện các bên gồm:

BÊN A: XI NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG BẾN CÁT

Đại diện Ông: Nguyễn Văn Tuấn Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 02743.565091 - DD: 0946350917

Địa chỉ: Khu phố 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Mã số thuế: 3700274883

Số tài khoản: 5503201006364.

Tại Ngân hàng: Agribank Bến Cát

Đơn vị thụ hưởng: Xi nghiệp Công trình công cộng thị xã Bến Cát

BÊN B: CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA

Đại diện : Ông Park Do Hyun

Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 02743 566 792

Địa chỉ: Khu phố 6, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Mã số thuế: 3700482844

Gmail nhận hóa đơn: nhansubrvina@gmail.com

Hợp đồng này được lập trên cơ sở hai Bên đã thống nhất khối lượng, đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, thỏa thuận như sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

Bên A nhận thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt của Bên B tại địa điểm sau: Khu phố 6, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Bên B không được để chất thải nguy hại, chất thải từ hoạt động xây dựng, bùn thải, cây, ván, đá, vật cứng... lẫn trong chất thải rắn sinh hoạt. Đồng thời Bên B phải tập trung chất thải rắn sinh hoạt tại một điểm trong thùng chứa, đảm bảo thuận tiện để xe của Bên A đến thu gom nhanh gọn và đảm bảo vệ sinh môi trường.

Điều 2. Khối lượng, giá trị, phương thức và thời hạn thanh toán

- Khối lượng ước thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt hàng tháng cho bên B là dưới 1.000 kg/tháng. Nếu vượt quá khối lượng này, hai bên cùng thống nhất xác định lại khối lượng và bên B phải thanh toán phần tăng thêm cho Bên A là: 1.595.000 đồng/tấn.

- Dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn cho Bên B phải thanh toán cho Bên A mỗi tháng như sau:

STT	Nội dung	Số tiền
1	Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	1.581.000 đồng/tháng
Giá trên chưa bao gồm thuế VAT		

(Số tiền bằng chữ: Một triệu, năm trăm tám mươi một ngàn đồng)

- Thời hạn thanh toán: Bên B thanh toán phí thu gom, vận chuyển và xử lý cho Bên A từ ngày 05 đến ngày 20 hàng tháng, thông qua tài khoản tại ngân hàng Agribank Bến Cát, Bên A xuất hóa đơn tài chính cho Bên B ngay khi nhận được thông báo chuyển khoản từ ngân hàng.

- Thời gian làm việc: Sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ (trừ Chủ nhật, Lễ, Tết).

- Phương thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

* **Phí dịch vụ Ngân hàng do bên B thanh toán.**

Điều 3. Thời gian thực hiện:

Bên A thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho Bên B vào khoảng thời gian từ 6 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút (02-03 lần/tuần), bắt đầu từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024.

Điều 4. Điều khoản chung:

Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản trong Hợp đồng, không bên nào tự ý hủy Hợp đồng. Trong khi thực hiện nếu có trở ngại, khó khăn, hai bên cùng nhau bàn bạc trên tinh thần hợp tác.

Trường hợp Bên B để chất thải nguy hại, chất thải từ hoạt động xây dựng, bùn thải và vật cứng (cây, ván, đá ...) lẫn trong chất thải rắn sinh hoạt thì Bên A sẽ lập biên bản vi phạm và không nhận thu gom, vận chuyển loại rác này, khi đó Bên B vẫn phải thanh toán phí vệ sinh cho Bên A theo điều 2 của Hợp đồng.

* Trường hợp một trong hai bên vì lý do khách quan chung mà không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia biết trước ít nhất 30 ngày (trừ thứ 7, Chủ nhật).

Hợp đồng tự thanh lý khi khi Bên B thanh toán dứt điểm cho Bên A, thời gian Hợp đồng sẽ chấm dứt hiệu lực. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2024, được lập hai bản, mỗi bên giữ một bản, có cùng nội dung và giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

 Nguyễn Văn Tuấn

ĐẠI DIỆN BÊN B


Park Do Hyan

Số: 999 -RCN/HĐ – KT/23

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải công nghiệp thông thường của Công Ty TNHH Bao Bì BR Vina.

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 18 ngày 20/04/2023) cho Công ty CP - Tổng công ty Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH:1-2-3-4-5-6.028.VX của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 3 ngày 17/12/2021 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Cty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP – Tổng công ty Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 08 tháng 05 năm 2023.
- Căn cứ theo nhu cầu của Công ty TNHH Bao Bì BR Vina theo giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 247/GP-BD do Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Dương cấp (chứng nhận thay đổi lần 1) ngày 16 tháng 01 năm 2009.

Hôm nay, ngày 21 tháng 05 năm 2023 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA

Địa chỉ: Khu phố 6, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 02743.566729

Fax : 02743.553387

Mã số thuế: 3700482844

Do Ông/Bà: **PARK DO HUYN**

Chức vụ: Tổng Giám đốc làm đại diện

Mã khách hàng: 3700482844BC00

Ngành nghề: Bao bì carton

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty: Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ chi nhánh: Thửa đất số 1093, tờ bản đồ số 29, khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.6564528/29

Fax: 02743.542907

Tên tài khoản : **CN XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Tài khoản số 1: 6501.0000069090 tại Ngân hàng TMCPĐầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bình Dương

Tài khoản số 2: 0841.000087337 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bắc Bình Dương

Tài khoản số 3: 1013853365 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông: **NGÔ CHÍ THẮNG**

Chức vụ: Giám đốc CN Làm Đại Diện

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường phát sinh trong hoạt động sản xuất của bên A.

1.2. Điều kiện lưu chứa

- Chất thải công nghiệp thông thường được bên A thu gom, phân loại và lưu chứa trong các bao bì, thùng chứa riêng biệt; đảm bảo an toàn; không bị rò rỉ ra môi trường; đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý chất thải công nghiệp do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
- Nếu lô hàng chất thải công nghiệp thông thường chuẩn bị chuyển giao mà để lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục chất thải chuyển giao trong hợp đồng thì Bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ lô hàng bị lẫn đó. Bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển tương ứng một chuyến vận chuyển theo hợp đồng.

1.3. Phương thức xác định khối lượng

- Khối lượng chất thải là tổng khối lượng của từng loại chất thải và bao bì lưu chứa loại chất thải đó.
- Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho bên A có xác nhận của bên B. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của bên B.

1.4. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: 01 lần/02 tháng vào thứ 4 tuần thứ 2 của tháng 12/2022 (trừ ngày lễ và ngày tết).
- Địa điểm giao nhận: tại Công ty TNHH Bao Bì BR Vina (Địa chỉ: Khu phố 6, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương).

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá chất thải công nghiệp thông thường được thể hiện cụ thể trong bảng sau :

Stt	Loại chất thải công nghiệp	Trạng thái	Đơn giá Xử Lý (Đồng/kg)	Đơn giá vận chuyển (đồng/lần)
01	Bột mì thải	Rắn	1.500	600.000

Ghi chú:

- Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT.
- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản
- Trong trường hợp bên A có nhu cầu chuyển giao cho bên B các loại chất thải công nghiệp thông thường ngoài Danh mục chất thải công nghiệp thì hai bên sẽ tiến hành thương thảo, thỏa thuận lại các điều kiện của Hợp đồng trước khi tiến hành giao nhận.

2.2. Phương thức thanh toán

- Hàng tháng căn cứ vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế, bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A trên địa chỉ mail đã cung cấp; trường hợp Bên A chưa nhận được hóa đơn, vui lòng liên hệ Bên B qua số điện thoại **0274. 6566.292**.
- Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc Chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có thể truy cập vào website: **www.biwase.com.vn** để xem giấy báo thanh toán (nếu chưa thanh toán) và tải hóa đơn (nếu đã thanh toán).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Công ty TNHH Bao bì BR Vina	ketoanbr@gmail.com	02743.566.792

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.
- Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn ghi hợp đồng này thì Bên B sẽ ngưng thu gom chất thải cho Bên A đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Có quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.

- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Chịu trách nhiệm phân định, phân loại chất thải theo đúng quy định về quản lý chất thải trước khi chuyển giao cho bên B.
- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Thực hiện đúng quy trình biên bản bàn giao chất thải ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 02. Theo định kỳ, căn cứ vào lịch thu gom đã thỏa thuận tại Điều 01 – khoản 1.4, bên B đến thu gom chất thải mà bên A không giao chất thải thì bên A phải chịu chi phí vận chuyển đã thỏa thuận tại Điều 02 – khoản 2.1 cho lần đến vận chuyển đó.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B đến thu gom. Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Cử người cân xác định khối lượng và giao nhận chất thải.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 03 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng, bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 02.
- Bên B có quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại Điều 02- khoản 2.2.
 - Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
- Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.
- Bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ loại hoặc lô hàng chất thải công nghiệp chuẩn bị chuyển giao của Bên A có lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục chất thải công nghiệp. Bên B yêu cầu bên A thanh toán chi phí vận chuyển cho lần đến vận chuyển không đúng quy định này.
- Bên B có quyền từ chối nhận các loại chất thải công nghiệp thông thường không thuộc Danh mục chất thải công nghiệp thông thường đã ký kết. Chỉ tiếp nhận các loại chất thải theo Danh mục chất thải công nghiệp thông thường đã ký kết
- Bên B có quyền cung cấp thông tin của hợp đồng này theo luật định hoặc khi có yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền.
- Trong trường hợp phát hiện Bên A tự xử lý chất thải công nghiệp thông thường không đúng quy định về quản lý chất thải thông thường thì bên B có quyền thông báo bằng văn bản cho cơ quan có chức năng để xem xét, xử lý.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Đảm bảo việc thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải theo Danh mục chất thải quy định tại Điều 2 hợp đồng đúng theo các nội dung của Giấy phép xử lý chất thải nguy hại được cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Bên B có trách nhiệm giữ vệ sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được bên A giao theo quy định.
- Thực hiện đúng quy trình biên bản bàn giao chất thải ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- 4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.
- 4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hãy Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG



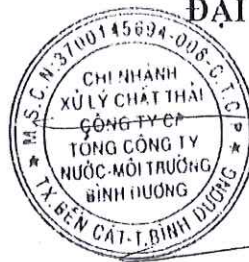
- 5.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 20 tháng 05 năm 2025. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.
- 5.2. Trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.
- 5.3. Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và sau khi hai bên thực hiện hết các nghĩa vụ của mình theo qui định của các điều khoản ghi trên thì hợp đồng đương nhiên được thanh lý.
- 5.4. Hợp đồng bao gồm 06 (sáu) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau. *N*

ĐẠI DIỆN BÊN A



Park Do Hyun

ĐẠI DIỆN BÊN B *✓*



Ngô Chí Thắng



ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN GIAO CTRCNTT

Số: CN 003313

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CTY TNHH BAO BI BR VINA

Địa chỉ văn phòng: DT:

Địa chỉ cơ sở: ẤP 6, Thôn Hòa, BC, PC DT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trại, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

ĐT: 02743.542.906

ĐT: 02743.543.528-9

Fax: 02743.542.907

lượng: CTRCNTT chuyển giao

	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
	bột nu thải	90	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
	Tổng khối lượng	20	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3 của 31283



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

ngày tháng năm 2022
Bên nhận
TH
TPC

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số

1

2

3

4

5

S6: 125015

Só:

Địa chỉ văn phòng:

DT

Diaqui co so:

..ET:

CHINHÀNH (chủ thu gom, vận chuyển hoặc xử lý): CHINHÀNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Số 11, Ngõ Văn Trại, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương
Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, TX. Bến Cát, Bình Dương

DT: 02743,542,906

DT: 02743,543,528-9

Fax: 02743.542.907

3. **Kỹ năng:** CTRCNTT chuyên giao

Các loại chất thải

CTRONTT chuyển giao (kg)

Chú chú

$\frac{1}{2} \text{ mol } H_2O$

30

3

15

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

H. CONG... tháng... năm...
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN Ban giao

ngày tháng năm

Bên nhận

BAOBI
BR VINA

15

Liên số

20

37

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Nguyễn Văn Dũ

§

TỔNG CÔNG

DD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ vận chuyển
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Liều 1: màu trắng (Luu)

Liên 2: mẫu bóng (Giao khách hàng)

Liên 3: màu xanh (Nội bộ)

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số:

091231

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

ĐT: 02743.543.528-9

Fax: 02743.542.907

Văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, TX. Bến Cát, Bình Dương

BÌNH DƯƠNG: CTRCNTT chuyên giao

Các loại chất thải

CTR CNTT chuyên giao (kg)

Ghi chú

1

2

3

Tổng khối lượng

4. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3



Bên giao

ngày 4 năm 2022

ngày

tháng

năm

Bên nhận

Nguyễn Văn Phú

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức danh, đóng dấu)

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1

2

3

Nguyễn Văn Phú

5

TỔNG CỘNG

DD, Chủ nguồn thải

(Ký, ghi rõ họ, tên)

DD, Chủ vận chuyển

(Ký, ghi rõ họ, tên)

DD, Chủ xử lý

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Liên 3: miễn xấp (nếu có)

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN GIAO CTRC NIT

Số CN 026603

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển)

Địa chỉ văn phòng:

Địa chỉ cơ sở:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải)
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Tế, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 10, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

ĐT: 07943.542.986

FAX: 07943.542.989

ĐT: 07943.542.986

3. Khối lượng CTRC NIT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTR NIT chuyển giao (kg)	Đơn vị
1	Chất thải rắn		
2	Chất thải lỏng		
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			

Tổng khối lượng

4. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển) đã ký hợp đồng với đơn vị tiếp nhận



Nguyễn Thị Hằng

(Ký ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

(Ký ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Liên hệ



44-
GT
EMH
OF
VI
T-T

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN GIAO CTRCNTT

Số CN 025187

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

Hyundai Brohi BR Vina

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Tế, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Bột mì thải	60	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

610 5285 Liên



Nguyễn Văn Hùng
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

B.C. ngày 10 tháng 18 năm 2022

Bên nhận

[Signature]

Nguyễn Văn Đức

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Liên số:

1 ☐

2 ☐

3 ☒

4 ☐

5 ☐

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: CN 021025

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

Cty TNHH Bảo Vệ BR Vina

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ:

ĐT:

2. Bên nhận (chủ nguồn thải, chủ vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ kho sơ bộ: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Bột mì trắng	40	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

610-312,83 kg

Ngày 09 tháng 02 năm 2023

Ngày 09 tháng 02 năm 2023



Nguyễn Thị Hùng
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Bên nhận

Nguyễn Văn Dũ
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1 ☐

2 ☐

3 ☐

4 ☐

5 ☒

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: CN 049363

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

Quỹ TNHH Bảo vệ Môi trường

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trĩ, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, TX. Bến Cát, Bình Dương

ĐT: 02743.542.906

ĐT: 02743.543.528-9

Fax: 02743.542.907



CTRCNTT chuyển giao

	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Bột m. thải	10	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

BD, ngày 12 tháng 4 năm 2023

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

61C 28301311, ngày 12 tháng 4 năm 2023

Bên nhận

Nguyễn Văn Dũ
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1 ☐

2 ☐

3 ☐

4 ☐

5 ☒

TỈNH/THÀNH/PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: CN 050804

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

Công ty TNHH Bảo vệ Môi trường
VN

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

196 Xã Thới Hoà BCĐT: B7



Chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương
Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, TX. Bến Cát, Bình Dương

ĐT: 02743.542.906

ĐT: 02743.543.528-9

Fax: 02743.542.907

CTR CNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTR CNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Bột m. màu	162	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

616 28360 B7

Ngày 01 tháng 9 năm 2023

Bên giao

Nguyễn Văn Dũng

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Bên nhận

Nguyễn Văn Dũng

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1 ☐

2 ☐

3 ☐

4 ☐

5 ☒

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN GIAO CTRCNTT

Số: CN 023291

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

Công ty TNHH Xử lý chất thải Bình Dương

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

ĐT:



Chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương
Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, TX. Bến Cát, Bình Dương

ĐT: 02743.542.906
Fax: 02743.542.907
CÔNG TY CP-TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

3. Nội dung: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt	392	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Ngày 11 tháng 10 năm 2023

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ngày 12 tháng 10 năm 2023

Bên nhận

Nguyễn Văn Dũng
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1 ☐

2 ☐

3 ☐

4 ☐

5 ☒

Số: 999 -RNH/HĐ – KT/23

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải nguy hại cho Công ty TNHH Bao Bì BR Vina.

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 18 ngày 20/04/2023) cho Công ty CP - Tổng công ty Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX , của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 3 ngày 17/12/2021 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP – Tổng công ty Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 08 tháng 05 năm 2023.
- Căn cứ theo sổ đăng ký quản lý chất thải nguy hại chủ nguồn thải mã số QLCTNH: 74.000.762, ngày 15 tháng 04 năm 2010 do Chi Cục Bảo Vệ Môi Trường tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Bao Bì BR Vina.
- Căn cứ theo nhu cầu của Công ty TNHH Bao Bì BR Vina theo giấy chứng nhận đầu tư số: 247/GP-BD do Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Dương cấp (chứng nhận thay đổi lần 1) ngày 16 tháng 01 năm 2009.

Hôm nay, ngày 21 tháng 05 năm 2023 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA

Địa chỉ: Khu phố 6, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 02743.566729

Fax : 02743.553387

Mã số thuế: 3700482844

Do Ông/Bà: **PARK DO HUYN**

Chức vụ: Tổng Giám đốc làm đại diện

Mã khách hàng: 3700482844BC00

Ngành nghề: Bao bì carton

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty: Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ chi nhánh: Thửa đất số 1093 tờ bản đồ số 29 Khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274. 6564528/29

Fax: 02743.542907

Tên tài khoản : CN XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Tài khoản số 1: 6501.0000069090 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bình Dương

Tài khoản số 2: 0841.000087337 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bắc Bình Dương

Tài khoản số 3: 1013853365 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông **NGÔ CHÍ THẮNG**

Chức vụ: Giám đốc CN Lâm Đại Diện

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sản xuất của bên A.

1.2. Điều kiện lưu chứa:

- Chất thải nguy hại (CTNH) được bên A thu gom, phân loại, lưu giữ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định hiện hành trước khi giao cho Bên B. Chất thải nguy hại lưu chứa trong các bao bì, thiết bị đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn CTNH và tập trung trong kho chứa có mái che. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
- Nếu lô hàng chất thải nguy hại chuẩn bị chuyển giao mà để lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục chất thải chuyển giao trong hợp đồng thì Bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ lô hàng bị lẫn đó. Bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển tương ứng một chuyến vận chuyển theo hợp đồng.

1.3. Phương thức xác định khối lượng

- Khối lượng chất thải là tổng của khối lượng của từng loại chất thải và bao bì lưu chứa loại chất thải đó.
- Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho bên A có xác nhận của bên B. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của bên B.

1.4. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: 01 lần/ 02 tháng vào ngày thứ 4... tuần thứ 4... của tháng 6... (trừ ngày lễ và ngày tết).
- Địa điểm giao nhận: tại Công ty TNHH Bao Bì BR Vina (Địa chỉ: Khu phố 6, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương).

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá của từng loại chất thải được thể hiện trong bảng sau:

Stt	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Phương pháp xử lý	Đơn giá xử lý (đồng/kg)	Đơn giá vận chuyển (đồng/lần)
01	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	Hóa rắn/ Chôn	15.000	600.000
02	Dầu nhớt (bôi trơn), dầu FO	Lỏng	17 06 01	Thiêu đốt	4.000	
03	Thùng mực in, thùng keo, bao đựng xút, thùng đựng dầu nhớt	Rắn	18 01 01	Thiêu đốt	2.000	
04	Giẻ lau, bao tay len, nhựa dính dầu nhớt thải	Rắn	18 02 01	Thiêu đốt	6.000	
05	Pin/ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	Phá dỡ - Tẩy rửa	8.000	
06	Keo thải	Lỏng	08 03 01	Thiêu đốt	6.000	
07	Nước thải vệ sinh máy móc chứa mực in	Lỏng	19 10 01	HTXLNT	3.000	
08	Mực in thải	Lỏng	08 02 01	Thiêu đốt	6.000	

Ghi chú: - Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT.

- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản

2.2. Phương thức thanh toán

- Hàng tháng căn cứ vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế, bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A trên địa chỉ mail đã cung cấp; trường hợp Bên A chưa nhận được hóa đơn, vui lòng liên hệ Bên B qua số điện thoại **0274. 6566.292**.
- Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc Chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có thể truy cập vào website: **www.biwase.com.vn** để xem giấy báo thanh toán (nếu chưa thanh toán) và tải hóa đơn (nếu đã thanh toán).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Công ty TNHH Bao bì	ketoanbr@gmail.com	02743.566.792

BR Vina		
---------	--	--

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.
- Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn ghi trên hợp đồng này thì Bên B sẽ ngưng thu gom chất thải cho Bên A đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Được quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Chịu trách nhiệm phân định, phân loại, xác định số lượng chất thải nguy hại theo quy định.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 2. Theo định kỳ, căn cứ vào lịch thu gom đã thỏa thuận tại Điều 1- khoản 1.4, bên B đến thu gom chất thải mà bên A không giao chất thải thì bên A phải chịu chi phí vận chuyển đã thỏa thuận tại Điều 2- Khoản 2.1 cho lần đến vận chuyển đó.
- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Cử người cân xác định khối lượng và giao nhận chất thải.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng, bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 2.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - + Tạm ngưng thu gom chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.
 - + Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại Điều 2 – Khoản 2.2.
 - + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
 - + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.
- Từ chối tiếp nhận loại CTNH không đúng với thông tin Danh mục CTNH quy định tại Điều 2 của hợp đồng.
- Từ chối tiếp nhận CTNH nếu không được lưu chứa trong bao bì, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý; có khả năng không đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển.
- Bên B có quyền cung cấp thông tin của hợp đồng này theo luật định hoặc khi có yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Đảm bảo việc thu gom, vận chuyển, xử lý các loại CTNH theo Danh mục CTNH quy định tại Điều 2 hợp đồng đúng theo các nội dung của Giấy phép xử lý CTNH được cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Bên B có trách nhiệm giữ vệ sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được bên A giao theo quy định.
- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- 4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.
- 4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG



- 5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 20 tháng 05 năm 2025. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.
- 5.2 Trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.
- 5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và sau khi hai bên thực hiện hết các nghĩa vụ của mình theo qui định của các điều khoản ghi trên thì hợp đồng đương nhiên được thanh lý.
- 5.4 Hợp đồng bao gồm 06 (sáu) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau. *N*

ĐẠI DIỆN BÊN A



Park Do Hyun

ĐẠI DIỆN BÊN B *N*



Ngô Chí Cường



TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 007229

/202 2 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. CHỦ CS DV XLCTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trĩ, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mã số QLOCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

ĐT: 02743. 542. 906

ĐT: 02743. 543. 644

ĐT: 02743. 542. 907

2. CHỦ CS DV XLCTNH 2:

Mã số QLOCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Cty TNHH Bao bì BRVina

Mã số QLOCTNH: 74.000.762.T

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: KPC Thới Hòa, Bến Cát, BD

ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Mực in Thôi		Y		080201	2350	TD
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							

Các lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đóng gói); TD (Thiếu đổi); HR (Hoá rắn); DL (Đã lấp/dóng kín); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

1. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61H.01420

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1:

Ký:

Ngày:

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (họ và tên)

BD



tháng 6 năm 2022

Nguyễn Văn Hùng

8. CHỦ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

BD



tháng 6 năm 2022

Bộ Thanh Phi

Phó Giám Đốc

Liên lạc

Chỉ chú:

(những trường hợp có CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 011029

/2022/1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trại, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ cơ sở/dãi lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

ĐT: 02743. 542. 906

ĐT: 02743. 543. 644

ĐT: 02743. 542. 907

2. Chủ CS DV XLCTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải:

Cty TNHH Bảo Vệ BR Viva

Mã số QLCTNH: 2022/Th, 000, 167, T

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bong dán	1			140106	03	HR
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đóng gói); TĐ (Thiếu đói); HR (Hoà rắn); DL (Cố lập/dóng kết); G (Ghép lắp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảnh:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4.

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 11C 32785

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1:

Phạm Thanh Duy

Ký:

Ngày: 13/06/22

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 4.



ngày 06 tháng 06 năm 2022

Chữ ký

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

BC ngày 15 tháng 06 năm 2022



Bà Thanh Phi
Phó Giám Đốc

Liên số

Ghi chú:

Màu vàng (Chợ Nguồn Thải)

☐

☐

☒

☐

☐

(ghi rõ trong trường hợp là CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 015738 /2022/1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. CHỦ CS DV XLCTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trĩ, Phường Phú Lợi, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743. 543. 644

Địa chỉ cơ sở/dãi lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743. 542. 907

2. CHỦ CS DV XLCTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Loại sơn màu trắng	✓			180106	5	HR
2	Goi lau thải	✓			180201	30	TA
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tán vụn/ai chét), TH (Trung hòa), PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa), DH (Đẩy hoá), SH (Sinh học), DX (Đóng gói), TB (Thu hồi), HR (Hoá rắn), CL (Cố định/đóng kết), C (Chôn lấp), SC (Sơ chế), Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

Qua khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất công:

Qua khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển:

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1:

Ký:

Ngày:

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Ngày:

Tháng:

Năm:

(Signature)



B. CHỦ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

BC, ngày 10 tháng 8 năm 2022



(Signature)

Bồ Thanh Phi

Liên hệ:

☐

☐

☐

☒ Phó Giám Đốc

Ghi chú:

(ghi rõ trong trường hợp là CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

ST004
CÔ
RÁCH N
B
BR
EN CẢ

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 022758 /2022 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

ĐT: 02743. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trại, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743. 543. 644

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743. 542. 907

2. Chủ CS DV XLCTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý //
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Mực in chất	✓	✓		080204	31	
2	Bông dính	✓			160106	3	
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tán tiêu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đóng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảnh:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển:

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1:

Nguyễn Văn Linh

Ký:

Ngày:

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký:

Ngày:

8. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 4



8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ngày

tháng

năm

0 Liên số

01 chỉ

Ghi rõ trong trường hợp lá CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ ONT

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1119/2023/1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

DT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

DT: 02743.543.644

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Fax: 02743.542.907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Sản phẩm BDP Việt Nam Mã số QLCTNH: 71-000.762.7

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Thị trấn Bàu Bè, Bình Dương DT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); QL (Cô lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Bà Trương Thị Ngọc Ký: [Signature] Ngày 24/01/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4: (hoặc 5)

00482844-CX ngày 12 tháng 12 năm 2023



Chung

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

ngày 10 tháng 10 năm 2022



Nguyễn Hoàng Lân

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp là CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chúng tôi không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Só

12608

.../2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. CHỦ CS DV XLCTNH 1: CHI NHÁNH XUẤT NHẬP NHẬP CHẤT THAI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6, 028.VX

DT: 0273. 542. 906

DT: 0273. 542. 644

DT: 0273. 542. 907

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở: DT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Bảo Vệ BR, Vĩnh Mã số QLCTNH: 74.000.3627

Địa chỉ văn Phòng: DT:

Địa chỉ cơ sở: KP6, Thôn Hòa, BC, SD DT: _____

4. **Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)**

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 14137785

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Văn Hùng Ký: Hùng Ngày 11/8/23

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn nước xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).

..... tháng năm 2023

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

..... ngày..... tháng..... năm..... 2021



Nguyễn Thị Hương



Nguyễn Hoàng Lâm

@ Liên số

10

2□

3 ☐ d_4 ☒

Ghi chú:..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý qua 6 tháng kể ngày lập, nhận từ CNTT)

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Sd: 5303 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. CHỦ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6, 028.VX

DT: 0273, 542, 906

DT: 0273, 542, 644

DT: 0273. 542. 907

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trĩ, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Địa chỉ cơ sở/dal lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng: DT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: GH. TNHH BAO BI BR VING Mã số QLCTNH: 74000-7621

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Thị trấn, BC, BD DT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 32714

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Ng. Hoàng Văn Khoa .Ký: [Signature] Ngày: 6/10/2014

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:Ký:Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

BD ngày 10 tháng 04 năm 2023

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Ngày 02 tháng 12 năm 2022



Nguyễn Hoàng Lan

PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số

10

20

3 ☐

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lỗ CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTT)

№...../2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

DT: 0273. 542. 907

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

Địa chỉ cơ sở: TP. Hồ Chí Minh, Quận 1, B/D DT: _____

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH



**CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
11 Ngõ Văn Trĩ - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC KHU LIÊN HỢP -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Số BL: 602181

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA

Địa chỉ KH: KHU PHỐ 6, PHƯỜNG THỚI HÒA, THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG
DCLD: . ĐƯỜNG NA12-KDC MỸ PHƯỚC 2-P.MỸ PHƯỚC

Mã số thuế KH: 3700482844

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 9/1/2024 đến ngày: 8/2/2024

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3861106 - 3903504

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 574229

Danh bộ 8403.6100.15		Kỳ/Năm 02/2024	Khoán 0	Chỉ số cũ 8.762	Chỉ số mới 8.834	M ³ Tiêu thụ 72
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 72	13.800	993.600		Tiền nước: 993.600 Tiền thuế GTGT 5% : 49.680 Phí BV môi trường 10%: 99.360		
Tổng số tiền phải trả: 1.142.640				Ngày 16 tháng 02 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 16/02/2024 14:29:34		
Bằng chữ: Một triệu một trăm bốn mươi hai ngàn sáu trăm bốn mươi đồng						





HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 9/2/2024 đến ngày: 8/3/2024

**CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3861106 - 3903504

**Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC KHU LIÊN HỢP -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
Số BL: 949705

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 931154

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA

Địa chỉ KH: KHU PHỐ 6, PHƯỜNG THỚI HÒA, THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG
DCLD: . ĐƯỜNG NA12-KDC MỸ PHƯỚC 2-P.MỸ PHƯỚC

Mã số thuế KH: 3700482844

Danh bộ 8403.6100.15		Kỳ/Năm 03/2024	Khoán 0	Chỉ số cũ 8.834	Chỉ số mới 8.911	M ³ Tiêu thụ 77
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 77	13.800	1.062.600		Tiền nước: 1.062.600 Tiền thuế GTGT 5% : 53.130 Phí BV môi trường 10%: 106.260		
Tổng số tiền phải trả: 1.221.990				Ngày 12 tháng 03 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 12/03/2024 14:30:38		
Bằng chữ: Một triệu hai trăm hai mươi một ngàn chín trăm chín mươi đồng						



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 9/3/2024 đến ngày: 8/4/2024

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trĩ - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3861106 -
3903504

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC KHU LIÊN HỢP -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Số BL: 1318054

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 1315176

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA

Địa chỉ KH: KHU PHỐ 6, PHƯỜNG THỚI HÒA, THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG
DCLD: . ĐƯỜNG NA12-KDC MỸ PHƯỚC 2-P.MỸ PHƯỚC

Mã số thuế KH: 3700482844

Danh bộ 8403.6100.15		Kỳ/Năm 04/2024	Khoán 0	Chỉ số cũ 8.911	Chỉ số mới 9.008	M ³ Tiêu thụ 97
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 97	13.800	1.338.600		Tiền nước: 1.338.600 Tiền thuế GTGT 5% : 66.930 Phí BV môi trường 10%: 133.860		
Tổng số tiền phải trả: 1.539.390				Ngày 11 tháng 04 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 11/04/2024 14:27:36		
Bằng chữ: Một triệu năm trăm ba mươi chín ngàn ba trăm chín mươi đồng						



**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THD

Số (No): 41859

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Bao Bi BR VINA

Mã số thuế (Tax code): 3700482844

Địa chỉ (Address): Khu phố 6 phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04040011903

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 1 năm 2024 từ ngày 01/01/2024 đến ngày 10/01/2024	kWh	59.800	-	111.557.600
	(kèm theo bảng kê số 1342505893 ngày 11 tháng 01 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					111.557.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			8.924.608
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			120.482.208
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm hai mươi triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn hai trăm linh tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH
DƯƠNG
Ngày ký: 11/01/2024 15:50:04

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 22 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THD

Số (No): 57760

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Bao Bì BR VINÁ

Mã số thuế (Tax code): 3700482844

Địa chỉ (Address): Khu phố 6 phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04040011903

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 1 năm 2024 từ ngày 11/01/2024 đến ngày 20/01/2024 (kèm theo bảng kê số 1344153918 ngày 22 tháng 01 năm 2024)	kWh	71.300	-	132.874.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					132.874.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			10.629.920
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			143.503.920
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm bốn mươi ba triệu năm trăm linh ba nghìn chín trăm hai mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 22/01/2024 09:14:45

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THD

Số (No): 62560

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Bao Bi BR VINA

Mã số thuế (Tax code): 3700482844

Địa chỉ (Address): Khu phố 6 phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04040011903

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 1 năm 2024 từ ngày 21/01/2024 đến ngày 31/01/2024	kWh	71.700	-	133.198.300
	(kèm theo bảng kê số 1348715091 ngày 01 tháng 02 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					133.198.300
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			10.655.864
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			143.854.164
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm bốn mươi ba triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn một trăm sáu mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH
DƯƠNG
Ngày ký: 01/02/2024 09:39:02

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 16 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THD

Số (No): 99568

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Bao Bì BR VINA

Mã số thuế (Tax code): 3700482844

Địa chỉ (Address): Khu phố 6 phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04040011903

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 2 năm 2024 từ ngày 01/02/2024 đến ngày 10/02/2024	kWh	48.300	-	91.579.000
	(kèm theo bảng kê số 1353149450 ngày 16 tháng 02 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					91.579.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			7.326.320
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			98.905.320
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi tám triệu chín trăm linh năm nghìn ba trăm hai mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 16/02/2024 14:08:29



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THD

Số (No): 111158

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Bao Bi BR VINA

Mã số thuế (Tax code): 3700482844

Địa chỉ (Address): Khu phố 6 phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04040011903

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 2 năm 2024 từ ngày 11/02/2024 đến ngày 20/02/2024	kWh	35.500	-	69.423.000
	(kèm theo bảng kê số 1354642161 ngày 21 tháng 02 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					69.423.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			5.553.840
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			74.976.840
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 21/02/2024 15:34:30

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THD

Số (No): 125867

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Bao Bì BR VINA

Mã số thuế (Tax code): 3700482844

Địa chỉ (Address): Khu phố 6 phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04040011903

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 2 năm 2024 từ ngày 21/02/2024 đến ngày 29/02/2024	kWh	49.600	-	97.817.500
	(kèm theo bảng kê số 1360390901 ngày 01 tháng 03 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					97.817.500
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			7.825.400
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			105.642.900
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm linh năm triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 01/03/2024 15:56:58

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THD

Số (No): 153974

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Bao Bi BR VINA

Mã số thuế (Tax code): 3700482844

Địa chỉ (Address): Khu phố 6 phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04040011903

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 3 năm 2024 từ ngày 01/03/2024 đến ngày 10/03/2024	kWh	54.300	-	105.069.100
	(kèm theo bảng kê số 1363689376 ngày 11 tháng 03 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					105.069.100
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			8.405.528
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			113.474.628
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm mười ba triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn sáu trăm hai mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 11/ 03/ 2024 16:34:57



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THD

Số (No): 177868

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Bao Bi BR VINA

Mã số thuế (Tax code): 3700482844

Địa chỉ (Address): Khu phố 6 phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04040011903

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 3 năm 2024 từ ngày 11/03/2024 đến ngày 20/03/2024 (kèm theo bảng kê số 1365164381 ngày 21 tháng 03 năm 2024)	kWh	61.000	-	120.607.300
Cộng tiền hàng (Total amount):					120.607.300
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			9.648.584
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			130.255.884
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm ba mươi triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm tám mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 21/03/2024 10:53:51

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THD

Số (No): 180167

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Bao Bi BR VINA

Mã số thuế (Tax code): 3700482844

Địa chỉ (Address): Khu phố 6 phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04040011903

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 3 năm 2024 từ ngày 21/03/2024 đến ngày 31/03/2024	kWh	65.100	-	125.517.40
	(kèm theo bảng kê số 1370234060 ngày 01 tháng 04 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					125.517.40
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			10.041.39
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			135.558.79
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm ba mươi lăm triệu năm trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 01/04/2024 11:31:14

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TOÀN VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
-----000-----

Bình Dương, ngày 05 tháng 09 năm 2019

BIÊN BẢN SỐ: 0503/BGVT/2019

NGHIỆM THU VẬT TƯ – THIẾT BỊ TRƯỚC KHI ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Công trình: CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA.

Hạng mục: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI, CÔNG SUẤT 15M³/NGÀY.ĐÊM.

Địa điểm: Đường NA1-2, Khu phố 6, KCN Mỹ Phước 2, thị xã Bến Cát, Bình Dương.
GBVHHN..0Y

1. Đối tượng nghiệm thu:

Thiết bị hệ thống xử lý nước thải, công suất 15m³/ngày.đêm

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

BÊN A: (Đơn vị đầu tư): CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA

Địa chỉ : Đường NA1-2, Khu phố 6, KCN Mỹ Phước 2, thị xã Bến Cát, Bình Dương.

Điện thoại : , Fax:

Đại diện : 1/ Ông: Park Do Hyun , Chức vụ: Chủ tịch

2/ Ông: , Chức vụ:

BÊN B (Đơn vị thi công): CTY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TOÀN VIỆT

Địa chỉ : Số 04 Lê Liễu, P. Tân Quý, Q. Tân Phú, Tp. HCM.

Điện thoại : 028.38472569- 62860172 , Fax: 028. 35590268

Đại diện : Ông. LÊ VĂN TOÀN , Chức vụ: Giám đốc

Ông..... , Chức vụ:

3. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: 15/08 năm 05 tháng 09 năm 2019.

Kết thúc: 16/08 năm 05 tháng 09 năm 2019.

Tại công trình: CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA.

Địa điểm: Đường NA1-2, Khu phố 6, KCN Mỹ Phước 2, thị xã Bến Cát, Bình Dương.

Hai bên (A & B) đồng ý ký biên bản nghiệm thu vật tư, thiết bị theo hợp đồng số : Hợp đồng số 2308/HĐKT/TV-19, ký ngày 23/08/2019.

4. Danh mục vật tư thiết bị:

Bên B đã tập kết thiết bị hệ thống xử lý nước thải nhà xưởng, đúng theo hợp đồng nêu trên. Số lượng vật tư, thiết bị cụ thể như sau:



TÊN HÀNG HÓA- SỐ LƯỢNG:

STT	TÊN HÀNG HÓA	XUẤT XỨ	ĐVT	SL	GHI CHÚ
I	PHẦN THU GOM NƯỚC THẢI				
1'	Bơm nước thải hồ thu gom khu vực lò hơi Công việc thực hiện: - Thay mới bơm nước thải bị hỏng; Thông số kỹ thuật: + Công suất: 750W/220/50Hz + Lưu lượng: 1,7m ³ /h + Cột áp: 30m + Hãng sản xuất: APP	Taiwan		1	nhận 1
2	Bơm nước thải hồ thu gom khu vực nhà chuyên gia Công việc thực hiện: - Thay mới bơm nước thải bị hỏng; Thông số kỹ thuật: + Công suất: 750W/220/50Hz + Lưu lượng: 1,7m ³ /h + Cột áp: 30m + Hãng sản xuất: APP	Taiwan	cái	1	nhận 1
3	Phao điều khiển bơm hồ thu gom khu vực nhà chuyên gia - Công việc thực hiện: Thay mới phao - Kiểu: Phao cơ điện	Việt Nam	bộ	1	nhận 1 + 1 (bỏ hồ)
II	CẢI TẠO BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI				
1	Bơm bùn nước thải Công việc thực hiện: - Thay mới bơm bùn nước thải bị hỏng; - Thông số kỹ thuật: + Công suất: 150W/220/50Hz + Lưu lượng: 5,7m ³ /h + Cột áp: 4m + Hãng sản xuất: HENGLONG	Taiwan	cái	1	nhận 1
2	Bơm định lượng hóa chất Công việc thực hiện: - Thay mới bơm định lượng bị hỏng; - Thông số kỹ thuật: + Công suất: 130W/220V/50Hz + Cột áp: 4,5 bar + Lưu lượng: 15,75 lít/ giờ + Hãng sản xuất: Pulsafeeder ,	USA	cái	4	nhận 4

319
BT
MH
OB
VIT
T.T.B

519
NG T
HIỆM
HỆ MÔ
ÀN 1
U-TP

3	Vi sinh vật Công việc thực hiện: - Cung cấp bổ sung vi sinh vật mới - Thông số vi sinh + Số lượng vi khuẩn: Bacteria 5 tỉ cfu/gram + Ổn định 1 năm ở nhiệt độ 20 - 35°C - Nuôi cấy lại hệ vi sinh	Việt Nam	hệ	1	Đã nhận 5 bao PK, 3 bao NPK 1 can vi sinh
4	Chất nền cơ hoạt tính xử lý nước thải	Việt Nam	hệ	1	

Ủa dề

Nhà 2 B3

- Số lượng và chủng loại vật tư đúng như tình thần hợp đồng đã ký kết.
- Máy móc thiết bị mới 100%.
- Biên bản này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản.

5. Kết luận nghiệm thu:

- Đạt: ☒
- Không đạt: ☐

ĐẠI DIỆN BÊN A



Park Do Hyun

ĐẠI DIỆN BÊN B



Giám Đốc
Lê Văn Toàn





Certificate of Registration

This certificate has been awarded to

BR VINA PACKING CO., LTD

Quarter 6, Thoi Hoa Ward, Ben Cat Town, Binh Duong Province, Vietnam

In recognition of the organization's Quality Management System which complies with

ISO 9001:2015

The scope of activities covered by this certificate is defined below

Manufacture of Carton Packaging

Certificate Number 75246/B/0001/UK/En			
A certificate number of 001, covering the claim for a single certificate is valid for the first 12 months of the certificate. A certificate number of 002, or greater (e.g. 002/0001/UK/En) refers to a scheme. On this page data are only related with URS. If you are the licensee, please refer to the URS website for the latest information that apply. The validity of this certificate depends on the validity of the license holder.			
Date of Issue of Certification Cycle	Issue Number	Certificate Expiry Date	Certification Cycle
31 December 2021	2	30 December 2024	2
Revision Date	Revision Number	Original Certificate Issue Date	Scheme Number
28 December 2021	0	31 December 2018	n/a

For detailed explanation for the data fields above, refer to <http://www.urs-holdings.com/logos-and-regulations>

Issued by

On behalf of the Schemes Manager





Chứng Nhận

Chứng nhận này được trao cho

CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA

Khu Phố 6, Phường Thới Hòa, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

chứng nhận Hệ thống Quản lý Chất lượng của tổ chức phù hợp với

ISO 9001:2015

Phạm vi hoạt động được chứng nhận

Sản Xuất Thùng Carton

Số chứng nhận 75246/B/0001/UK/Vn			
Số chứng chỉ 001, xác nhận khinh hàng và một địa điểm được chứng nhận và địa điểm này là Trung tâm sản xuất và lắp ráp thùng carton có sẵn và sẵn sàng để phân phối được chứng nhận bởi URS. Số chứng chỉ 001 hoặc liên hệ với địa điểm, B/0001/07/21 để tiếp cận khinh hàng và sẵn sàng để lắp ráp được chứng nhận và URS, địa điểm, Trung tâm sản xuất và lắp ráp thùng carton có sẵn và sẵn sàng để phân phối được chứng nhận bởi URS.			
Ngày cấp của chu kỳ chứng nhận	Số ban hành	Ngày hết hạn	Chu kỳ chứng nhận
31/12/2021	2	30/12/2024	2
Ngày sửa đổi	Số sửa đổi	Ngày cấp lần đầu	Số tiêu chuẩn
28/12/2021	0	31/12/2018	n/a

Để tham khảo chi tiết, vui lòng truy cập vào <http://www.urs-holdings.com/logos-and-regulations>

Người ban hành

Choi Chun Seong

Đại diện Tổ chức Chứng nhận



CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA

**PHƯƠNG ÁN TRÁM LẤP GIẾNG KHOAN
KHÔNG SỬ DỤNG**

(Số lượng: 03 giếng D60mm, sâu 68m)

Đc: Khu phố 6, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

Bình Dương, 04 tháng 10 năm 2019

CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA

**PHƯƠNG ÁN TRÁM LẤP GIẾNG KHOAN
KHÔNG SỬ DỤNG**

(Số lượng: 03 giếng D60mm, sâu 68m)

Đc: Khu phố 6, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.



Park Do Hyun

TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN LẬP PHƯƠNG ÁN

CƠ SỞ ĐIỆN CƠ THÀNH PHÚC
102 Đường DK 132, Khu 6, P. Tân An
TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
MST : 8223189917

[Signature]
NGUYỄN VĂN THỤ

Bình Dương, 04 tháng 10 năm 2019

+ Đồ sỏi lọc từ 2mm – 4mm từ 38,0m tới 68,0m.

- *Khả năng rút nhỏ cột ống giếng*: Các giếng khoan tại Công ty được chôn ống chống bằng nhựa PVC có đường kính (G1), (G2), và (G3) là $\Phi = 60\text{mm}$ được bọc sỏi, trám sét xung quanh ống chống giếng khoan và đổ bê tông, giếng được khoan đã lâu nên ống nhựa bị lão hóa sau thời gian sử dụng đồng thời xung quanh ống chống được bọc sỏi, trám sét nên giữa thành ống chống và đất đá xung quanh có độ ma sát lớn nếu tiến hành rút nhỏ cột ống giếng sẽ gây ra đứt gãy ống chống làm cho vật liệu, đất đá ở lớp phía trên sẽ đổ vào giếng dẫn tới việc khi tiến hành trám lấp sẽ không đưa ống dẫn dung dịch vật liệu trám lấp xuống đoạn bên dưới để trám lấp triệt để theo yêu cầu, do đó việc rút nhỏ cột ống là không thể thực hiện được.

Bảng 1: Danh mục giếng phải trám lấp

STT	Số hiệu giếng khoan	Tọa độ		Đường kính (mm)	Chiều Sâu (m)
		X	Y		
1	G1	1230150	676850	60	68,0
2	G2	1230170	676875	60	68,0
3	G3	1230178	676890	60	68,0

8. Vật liệu trám lấp:

Vật liệu trám lấp giếng khoan là vật liệu có tính thấm nước kém như: vữa xi măng, sét tự nhiên, sét bentonite,....

Tỷ lệ pha trộn dung dịch: Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BTNMT ngày 01/07/2010 - Quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật khảo sát, đo đạc tài nguyên nước của Bộ trưởng bộ Tài nguyên và môi trường. Trong phương án, tác giả lựa chọn vật liệu trám lấp là hỗn hợp vữa xi măng – sét Bentonite (theo tỉ lệ: 720 kg sét bentonite + 1.200 kg xi măng cho 01 m³ hỗn hợp vữa) (Căn cứ bảng 169, Chương 2, Thông tư số 10/2010/TT-BTNMT ngày 01/07/2010) trám từ 10,0 đến 55,0m và vữa xi măng (theo tỷ lệ 1.200 kg xi măng cho 01 m³ vữa) trám từ 0,0 tới 10,0 (Căn cứ bảng 169, Chương 2, Thông tư số 10/2010/TT-BTNMT ngày 01/07/2010).

Khối lượng vật liệu sử dụng để trám lấp giếng khoan được xác định theo công thức sau:

$$M = S \times L \times k \quad (1)$$

Trong đó:

M: là khối lượng vật liệu cần để trám lấp.

S: là diện tích lỗ khoan cần trám lấp. Do giếng khoan có dạng hình tròn nên diện tích $S = \pi r^2$.

L: là chiều cao lỗ khoan cần trám lấp.

k: là tỷ lệ pha trộn dung dịch. Hệ số k được xác định theo bảng 169, Chương 2, Thông tư số 10/2010/TT-BTNMT ngày 01/07/2010.

Phương án trám lấp giếng khoan không sử dụng

Thay số vào công thức (1) ta có được khối lượng vật liệu sử dụng để trám lấp giếng khoan tại Công ty như sau:

Bảng 2 : Khối lượng vật liệu sử dụng để trám lấp giếng khoan

Vật Tư	ΦGK (mm)	r (m)	πr^2	L (m)	Thể tích (m³)	Khối Lượng		
						SL(Kg)	Số giếng	Tổng khối lượng
Khối lượng vật liệu cho giếng khoan trám lấp G1, G2 và G3								
Sét bentonite	60	0,03	0,0028	45	0,127	486	03	1458
Xi Măng	60	0,03	0,015	68	0,192	999	03	2997

Ngoài ra, còn xây 01 bộ bê tông kích thước mỗi bộ là: 0,6 x 0,6 x 0,6m.

Tỷ lệ cấp phối vật liệu xây bộ bê tông như sau:

Cấp phối vật liệu cho 1m³ bê tông, khi dùng xi măng PCB.30 và cốt liệu có cỡ hạt 1 x 2cm, bê tông MAC 250, tỷ lệ pha trộn: xi măng 415,125 kg; cát 0,455 m³, đá 0,887 m³, nước sạch 185lít (Căn cứ bảng định mức cấp phối mác bê tông 250 theo Tiêu chuẩn của Bộ Xây Dựng).

Vật tư	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	chiều cao (m)	Thể tích (m ³)	Khối lượng		Tổng khối lượng	ĐVT
					Khối Lượng	Số giếng		
Bộ bê tông	0,6	0,6	0,6	0,216				
Xi măng					89,7	01	89,7	Kg
Cát					0,09	01	0,09	m ³
Đá 1x2					0,19	01	0,19	m ³

Như vậy, tổng khối lượng vật liệu sử dụng cho việc trám lấp ba (03) giếng khoan dự kiến như sau :

Sét bentonite: 486 kg.

Xi Măng: 999 + 98,7 = 1.097,7 kg.

Cát: 0,09 m³.

Đá 1 x 2: 0,19 m³.

Vật liệu trám lấp được pha trộn với nước sinh hoạt.

9. Thiết bị, dụng cụ sử dụng để trám lấp

- Thiết bị sử dụng để trám lấp: Sử dụng máy bơm bùn chìm có công suất 5HP để bơm hỗn hợp dung dịch xi măng - sét bentonite.

- Ống dẫn dung dịch là ống nhựa PVC có đường kính 34mm.

- Máy khuấy trộn dung dịch vữa Xi măng – Sét Bentonite cầm tay DAMA 611C.

- Dây dẫn điện Cadimi 3.0.
- Dây dẫn nước đường kính 27mm.
- Thước dây đo chiều sâu.
- Thùng chứa PE 120 lít.

10. Quy trình thực hiện trám lấp

4.1. Phân chia các đoạn trám lấp

Việc trám lấp được chia thành 2 đoạn:

+ Đoạn thứ nhất: Từ 68,0 đến 10,0m: Trám hỗn hợp dung dịch xi măng - sét bentonite.

+ Đoạn thứ hai: Từ 10,0 đến 0,0m: Trám xi măng.

+ Đổ bê tông với kích thước mỗi bệ: 0,6 m x 0,6 m x 0,6 m, bệ âm bằng nền mặt đất.

4.2. Trình tự thực hiện

* Trám lấp giếng

- Lắp đặt thiết bị trám lấp gồm:

+ Lắp đặt máy bơm hỗn hợp dung dịch xi măng – sét bentonite.

+ Chuẩn bị thùng trộn, thùng chứa (hoặc hồ chứa dung dịch).

+ Lắp đặt máy khuấy vừa cầm tay.

+ Lắp đặt hệ thống ống dẫn hỗn hợp dung dịch xi măng – sét bentonite từ máy bơm đến miệng giếng khoan và từ miệng giếng khoan đến chiều sâu 38,0m (đáy giếng khoan).

+ Lắp đặt hệ thống điện, nước phục vụ cho quá trình trám lấp.

- Tiến hành trám lấp:

+ Trộn hỗn hợp dung dịch xi măng – sét bentonite bằng máy khuấy vừa cầm tay trong thùng chứa PE 120 lít.

+ Thả ống dẫn tới độ sâu cách đáy lỗ khoan từ 1 – 1,5m.

+ Tiến hành bơm hỗn hợp dung dịch xi măng - sét bentonite từ độ sâu 38,0m đến 10,0m. Trong quá trình bơm cần chú ý rút dần dần ống dẫn dung dịch lên đến độ sâu 10,0m thì dừng lại.

+ Bơm xi măng xuống giếng khoan giống như bơm hỗn hợp dung dịch xi măng - sét bentonite cho đến khi xi măng lên đến mặt đất thì dừng bơm.

+ Thời gian chờ đợi để vật tư đông kết: Sau khi trám lấp lần 1 đầy miệng các giếng khoan bằng vật liệu trám lấp vừa xi măng – Sét Bentonite chúng ta chờ thời gian từ 5 – 7 ngày để vật liệu trám lấp có thời gian đông kết, đo đạc, ghi nhận đoạn sụt lún từ miệng giếng. Sau thời gian trên sẽ tiến hành trám lấp lần 2. Nếu sau thời gian 5 – 7 ngày giếng đã trám lấp bị sụt lún thì tiến hành trám lấp bổ sung đến đầy miệng giếng khoan và đổ bê bệ giếng cần trám lấp, nếu giếng không bị sụt lún thì tiến hành đổ bê giếng.

- + Tiến hành đổ bê giếng khoan bằng bê tông theo thiết kế.
- + Hoàn thiện, dọn dẹp vệ sinh công trình, bàn giao;
- + Lập báo cáo kết quả thi công trám lấp giếng khoan theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Thông tư số 72/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.

11. Kết luận

Thiết kế trám lấp giếng khoan theo quy trình trám lấp các giếng khoan Quan trắc Quốc gia Tài nguyên nước dưới đất, đảm bảo cách ly giữa các tầng chứa nước cũng như với nước mặt.

Phương án trám lấp được thành lập theo phụ lục của Thông tư số 72/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Kính đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương xem xét và bố trí thời gian giám sát việc thi công trám lấp giếng khoan của Công ty theo thông báo trám lấp kèm theo.

Trong thời hạn quy định, kính mong Sở Tài nguyên và Môi trường cho ý kiến về thời gian và phương án trám lấp của Công ty TNHH Bao Bì BR VINA

PHỤ LỤC 1

CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN

PHỤ LỤC 2

CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN

Bến Cát, ngày 04 tháng 10 năm 2019

THÔNG BÁO*(Về việc trám lấp giếng khoan khai thác nước dưới đất)*

Căn cứ trình tự, thủ tục trám lấp giếng khoan khai thác nước dưới đất quy định tại Thông tư số 72/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về việc xử lý trám lấp giếng khoan không sử dụng.

Công ty TNHH bao bì BR Vina có địa chỉ tại Khu phố 6, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. Trong khuôn viên nhà xưởng của Công ty có 03 giếng khoan (G1), (G2) và (G3) đường kính 60mm, sâu 68m sẽ hết thời hạn Giấy phép khai thác từ ngày 04/10/2019 và thuộc trường hợp không được gia hạn, cấp mới Giấy phép theo quy định tại Quyết định số 3258/QĐ-UBND về việc ban hành danh mục vùng cấm, vùng hạn chế, vùng đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Hiện, khu vực Công ty đã có hệ thống nước cấp tập trung, Công ty đã hợp đồng đầu nối sử dụng ổn định. Nay, Công ty sẽ tiến hành trám lấp giếng khoan và xin thông báo đến Sở TNMT tỉnh Bình Dương về thời gian, địa điểm thi công trám lấp giếng khoan nêu trên như sau:

1. Thời gian thi công trám lấp giếng khoan: dự kiến 01 ngày (ngày 04/10/2019).

2. Vị trí và địa điểm trám lấp giếng khoan: Trong khuôn viên nhà xưởng của Công ty TNHH bao bì BR Vina có địa chỉ tại Khu phố 6, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. Thông báo này thay cho giấy mời, Kính mong Sở TNMT Bình Dương cử cán bộ giám sát việc trám lấp giếng khoan của Công ty theo thời gian và địa điểm nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;

CÔNG TY TNHH BAO BÌ*Park Do Hyun*

CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ THI CÔNG TRÁM LẤP GIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 6, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình
Dương.

Bình Dương, ngày 05 tháng 10 năm 2019

Bình Dương, ngày 05 tháng 10 năm 2019

Kính gửi: - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương
- Phòng Tài nguyên nước Khoáng sản

1. Thông tin chung về giếng khoan phải trám lấp:

Tên chủ công trình: Công ty TNHH bao bì BR Vina.

Địa chỉ: Khu phố 6, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

Địa điểm trám lấp: Công ty TNHH bao bì BR Vina. Địa chỉ: Khu phố 6, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

Số lượng: 03 giếng khoan

Lý do phải trám lấp: Trong khuôn viên nhà xưởng của Công ty có 03 giếng khoan (G1), (G2) và (G3) đường kính 60mm, sâu 68m sẽ hết thời hạn Giấy phép khai thác từ ngày 04/10/2019 và thuộc trường hợp không được gia hạn, cấp mới Giấy phép theo quy định tại Quyết định số 3258/QĐ-UBND về việc ban hành danh mục vùng cấm, vùng hạn chế, vùng đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Để ngăn chặn nước, chất bẩn từ trên mặt đất xâm nhập vào các tầng chứa nước và ngăn chặn sự lưu thông giữa các tầng, lớp chứa nước khác nhau qua giếng.

Công ty đã lập Phương án trám lấp giếng khoan và ký kết hợp đồng với đơn vị thi công trám lấp giếng khoan (Hộ kinh doanh Điện cơ Thành Phúc) có đủ năng lực hành nghề, trang thiết bị thi công cần thiết để tiến hành trám lấp giếng. Ngày 04/10/2019, Công ty và đơn vị trám lấp đã tiến hành thi công trám lấp 03 giếng khoan với sự giám sát, hướng dẫn của đại diện Phòng Tài nguyên nước Khoáng sản. Sau khi hoàn thành việc trám lấp, Công ty và đơn vị thi công trám lấp đã tiến hành lập Biên bản trám lấp giếng khoan và các bên liên quan đã ký xác nhận vào biên bản.

Nay, Công ty xin báo cáo kết quả thực hiện thi công trám lấp 03 giếng khoan như sau:

2. Nội dung, khối lượng công việc đã thực hiện:

Căn cứ theo phương án trám lấp giếng khoan Công ty đã lập, với các đặc điểm địa tầng, kết cấu và cấu trúc giếng khoan, đánh giá khả năng

rút nhỏ cột ống, đơn vị thi công đã thực hiện các bước chuẩn bị cần thiết và tiến hành trám lấp giếng khoan, trình tự cụ thể:

- Thực hiện cắt đường dây dẫn điện, các đường ống dẫn nước → tháo máy bơm → rút bộ hút sâu ra khỏi cột ống.

- Lắp đặt thiết bị trám lấp gồm: Chuẩn bị các thiết bị chuyên dụng cho việc sử dụng trám lấp; Chuẩn bị thùng trộn dung dịch.

- Lắp đặt hệ thống ống dẫn hỗn hợp dung dịch xi măng – sét từ máy bơm đến miệng giếng khoan và từ miệng giếng khoan đến chiều sâu 80m.

- Tiến hành trám lấp:

- + Trộn hỗn hợp dung dịch xi măng – sét bằng thùng trộn với nước sinh hoạt theo đúng tỷ lệ đã tính toán trong phương án trám lấp.

- + Thả ống dẫn từ máy bơm tới độ sâu cách đáy lỗ khoan từ 1 – 1,5m.

- + Tiến hành bơm hỗn hợp dung dịch xi măng – sét từ độ sâu (68m) đến 10,0m.

- + Trong quá trình bơm ống dẫn dung dịch được rút dần dần đến độ sâu cách mặt đất 10,0m thì dừng lại.

- + Bơm vữa xi măng xuống giếng khoan giống như bơm hỗn hợp dung dịch xi măng – sét cho đến khi xi măng lên đến mặt đất thì ngừng bơm.

- + Tiến hành đổ bê giếng khoan bằng bê tông theo thiết kế 0,6m x 0,6m x 0,5m, bê âm 0,3m và nhô 0,3m trên mặt đất.

- Hoàn thiện, dọn dẹp vệ sinh công trình, bàn giao mặt bằng sau thi công.

3. Đánh giá mức độ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật trong việc trám lấp giếng theo quy định:

a) Về vật liệu trám lấp:

Trong quá trình đánh giá thực tế kết cấu giếng, nhận thấy chiều sâu giếng khoan lớn, khả năng sử dụng vật liệu trám lấp dạng viên để trám lấp là không phù hợp dễ gây tắc nghẽn nên đã loại bỏ phương án này.

Do đó, vật liệu trám lấp phù hợp cho trường hợp này là hỗn hợp vữa xi măng – sét bột bentonite có độ thấm nước kém – đến không thấm nước sau khi đã đông kết cứng lại.

b) Chuẩn bị trám lấp giếng:

Do các giếng khoan có kết cấu, cấu trúc (đường kính, chiều sâu, ..) tương đồng nhau, các giếng nằm cách nhau không lớn nên địa tầng giếng

khoan tương tự nhau. Từ đó, đơn vị thi công đã lựa chọn vật liệu trám lấp (như đã nêu trên) và biện pháp thi công với các thiết bị trám lấp giống nhau. Không thực hiện rút, nhổ cột ống giếng.

Do vị trí trám lấp giếng khoan nằm trong khuôn viên nhà xưởng đang hoạt động của Công ty, điều kiện về điện, nước cấp đảm bảo duy trì quá trình trám lấp giếng được thực hiện liên tục, không gián đoạn.

c) Thi công trám lấp giếng:

Việc thi công trám lấp đã được đơn vị thi công thực hiện theo đúng như trình tự, yêu cầu kỹ thuật đã nêu trong Phương án trám lấp giếng khoan. Giếng khoan được lấp đầy bằng hỗn hợp vữa – xi măng không thấm nước sau khi đông kết. Hỗn hợp vữa dạng lỏng được bơm dẫn qua ống tới độ sâu của từng đoạn trám lấp, không đổ vữa trực tiếp qua miệng giếng; Thực hiện trám lấp từ đáy giếng lên trên bằng việc rút dần ống dẫn hỗn hợp. 10m trên cùng của giếng được trám lấp bằng hỗn hợp vữa. Miệng giếng được đổ bê tông với kích thước theo quy định.

4. Những vấn đề phát sinh:

Trong quá trình trám lấp giếng khoan, do đơn vị thi công có đủ năng lực và kinh nghiệm thi công nhiều năm nên đã chuẩn bị rất tốt các phương án, trang thiết bị, nguyên vật liệu dự phòng cần thiết trong trường hợp phát sinh. Bên cạnh đó, tuy số lượng giếng khoan nhiều nhưng với lực lượng công nhân lành nghề nên việc thi công trám lấp diễn ra nhanh chóng, chính xác, đảm bảo đúng như tiến độ thời gian đề ra với chất lượng giếng sau trám lấp đảm bảo theo quy định.

5. Kết luận:

Công ty chúng tôi đã thực hiện trám lấp giếng khoan theo như quy định tại Thông tư số 72/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Giếng sau trám lấp đáp ứng được nhu cầu kỹ thuật trong việc cách ly mối quan hệ thủy lực giữa các tầng chứa nước với nhau cũng như giữa nước mặt và nước dưới đất thông qua các giếng khoan không được tiếp tục sử dụng. Ngăn chặn tình trạng ô nhiễm nguồn nước ngầm trực tiếp từ nước thải trên mặt./.

CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA



Park Do Hyun

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN TRÁM LẮP GIẾNG

- Căn phương án trám lấp giếng khoan và thông báo trám lấp giếng khoan đã gửi Sở TNMT tỉnh Bình Dương ngày 04/10/2019.

- Căn cứ kết quả trám lấp giếng khoan,

Hôm nay, ngày 05 tháng 10 năm 2019, chúng tôi gồm:

1) Đại diện chủ giếng khoan:

- Ông/bà: Park Do Hyun – Tổng Giám đốc

2) Đại diện đơn vị thi công trám lấp giếng:

- Ông/bà: ông Nguyễn Văn Thu – Chủ Cơ sở Điện cơ Thành Phúc

Đã tiến hành lập biên bản trám lấp giếng khoan tại hiện trường như sau:

A. Thông tin chung về giếng:

- Tên chủ giếng khoan: Công ty TNHH bao bì BR Vina.

- Địa chỉ: Khu phố 6, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

- Tọa độ vị trí giếng khoan: G1 X:1230150 ; Y: 676850

G2 X: 1230170 ; Y: 676875

G3 X: 1230178 ; Y: 676890

- Loại giếng: khai thác

- Số lượng giếng: 03

- Chiều sâu: 68 m

- Loại ống giếng (nhựa, sắt, ..): ống nhựa

- Đường kính miệng giếng: 60 mm

- Lý do trám lấp: đã hết hạn giấy phép, không có nhu cầu khai thác sử dụng. Để lâu ngày sẽ gây nguy cơ nhiễm bẩn tầng chứa nước.

B. Thi công trám lấp và kết quả trám lấp:

- Việc thi công trám lấp được bắt đầu từ ngày 05 tháng 10 năm 2019

- Kết quả rút nhỏ cột ống giếng (có/không): không.

- Vật liệu sử dụng: Sét, xi măng, cát, đá mi.
- Chiều sâu sử dụng từng loại vật liệu:
 - + Sử dụng hồ hợp dung dịch sét + xi măng để lấp từ -68m đến -10m.
 - + Trám xi măng từ -10m đến 0.0m
 - + Đổ bê tông với kích thước: 0.6m x 0.6m x 0.6m, bề âm bằng mặt đất.
- Khối lượng vật liệu đã trám lấp cho giếng khoan:
 - + Sét trám : 486kg
 - + Xi măng : 1.097,7 kg
 - + Nước : 1.000 lít
 - + Cát : 0,09 m³
 - + Đá 1 x 2 : 0,19 m³.
- Kết quả trám lấp: Hoàn thành, kèm bản vẽ.

C. Kết luận:

Chúng tôi thực hiện trám lấp giếng khoan theo đúng Thông tư số 72/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Chúng tôi kính gửi Biên bản này đến các cơ quan quản lý về tài nguyên nước để tổng hợp, phục vụ việc quản lý của mình./.

CHỦ GIẾNG

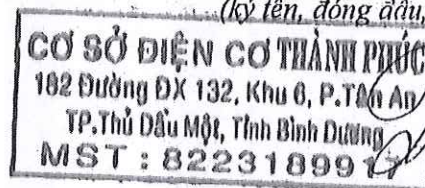
(ký tên, đóng dấu, dấu giáp lai)



Park Do Hyun

ĐƠN VỊ THI CÔNG

(ký tên, đóng dấu, dấu giáp lai)



Nguyễn Văn Thu

CẤU TRÚC GIẾNG KHOAN SỐ hiệu: G1, G2 và G3 (D60mm)

Công ty TNHH bao bì BR Vina

Vị trí: Khu phố 6, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

Thước tỷ lệ	Tuổi địa chất	Thứ tự lớp	Chiều sâu chân lớp (m)	CỘT ĐỊA TẦNG	CẤU TRÚC LỖ KHOAN	MÔ TẢ THẠCH HỌC - TÍNH CHỨA NƯỚC
3	Q ₂	1	3,0		Φ ^K 60	1- Cát bột màu xám nâu, xám vàng.
6		2	5,0		0,0 - 38,0	2- Bột cát màu nâu đỏ, nâu sẫm, lẫn vón kết limerit.
9	Q ₁ ¹	3	7,5			3- Bột cát màu xám tro, đốm vàng loang lổ.
12		4	13,0		Φ ^C 60 + 0,5 - 55,0	4- Cát mịn đến trung màu xám nâu, nâu vàng, dễ bóp vỡ
15					Trám sét 0,0 - 38,0	5- Sét bột màu xám nâu, xám tro, xám đen
20	N ₂ ²	5	26,0		#	
38	N ₂ ¹	6	30,0		Đồ sỏi	6- Sét bột màu xám, nâu đỏ loang lổ.
50					Φ ^C 60 38 - 67	7- Cát mịn đến trung màu xám nâu, nâu vàng, đôi chỗ chứa bột
54		7				
68			68,0		Φ ^C 60 67,0 - 68,0	

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 193 /GP-UBND

Bình Dương, ngày 02 tháng 10 năm 2016

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 44/2014/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 3258/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh mục vùng cấm, vùng hạn chế, vùng đăng ký khai thác nước dưới đất và bản đồ phân vùng khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương,

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất ngày 29 tháng 7 năm 2016 của Công ty TNHH bao bì BR Vina và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 736/TTr-STNMT ngày 23 tháng 9 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH bao bì BR Vina, địa chỉ: khu phố 6, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương khai thác nước dưới đất với các nội dung như sau:

1. Mục đích sử dụng: Sinh hoạt, sản xuất, tưới cây và PCCC;
2. Vị trí công trình khai thác nước: khu phố 6, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
3. Tầng chứa nước: Pliocen giữa;

4. Tổng số giếng khoan: 03 giếng;
5. Tổng lượng nước khai thác: 30 m³/ngày đêm;
6. Thời hạn khai thác: 03 năm, kể từ ngày ký.

Bảng tổng hợp các thông số kỹ thuật của giếng khoan cụ thể như sau:

Số hiệu giếng	Tọa độ (VN 2000)		Đường kính giếng (mm)	Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)	Chế độ khai thác (giờ/ngày đêm)	Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Mức nước tĩnh (m)	Mức nước động cho phép (m)
	X	Y				Từ	Đến		
G1	1230150	676850	60	20	6	64	68	11,86	43,00
G2	1230170	676875	60	8	2	64	68	11,91	43,00
G3	1230178	676890	60	2	1	64	68	11,95	43,00

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty TNHH bao bì BR Vina:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản;

2. Thực hiện việc quan trắc lưu lượng, chất lượng nước trong quá trình khai thác, cụ thể:

a) Quan trắc lưu lượng: mỗi ngày một (01) lần vào cùng một thời điểm;

b) Quan trắc chất lượng nước: lấy mẫu hai (02) lần/năm. Một lần vào giữa mùa mưa (tháng 7); một lần vào giữa mùa khô (tháng 1). Thông số quan trắc và chỉ tiêu so sánh theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất QCVN 09-MT: 2015/BTNMT.

3. Thiết lập vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác nước dưới đất như sau: trong phạm vi 30m xung quanh giếng khai thác cần được bảo vệ nghiêm ngặt, không được thực hiện các hoạt động phát sinh nguồn gây ô nhiễm;

4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định;

5. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước;

6. Hằng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả quan trắc theo quy định tại Khoản 2 Điều này;

7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường;

8. Sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm.

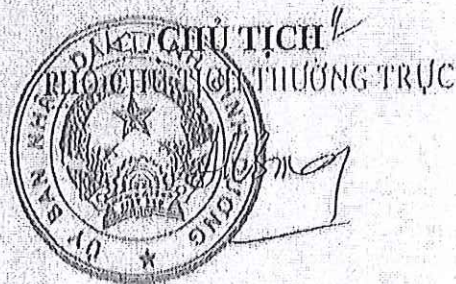
9. Nộp thuế tài nguyên và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Công ty TNHH bao bì BR Vina được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH bao bì BR Vina còn tiếp tục khai thác nước dưới đất với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- Sở TN&MT, Cục thuế;
- Cty TNHH bao bì BR Vina;
- UBND TX Bến Cát;
- L&VP (Lg), Tiền, TH;
- Lưu: VT. *h*



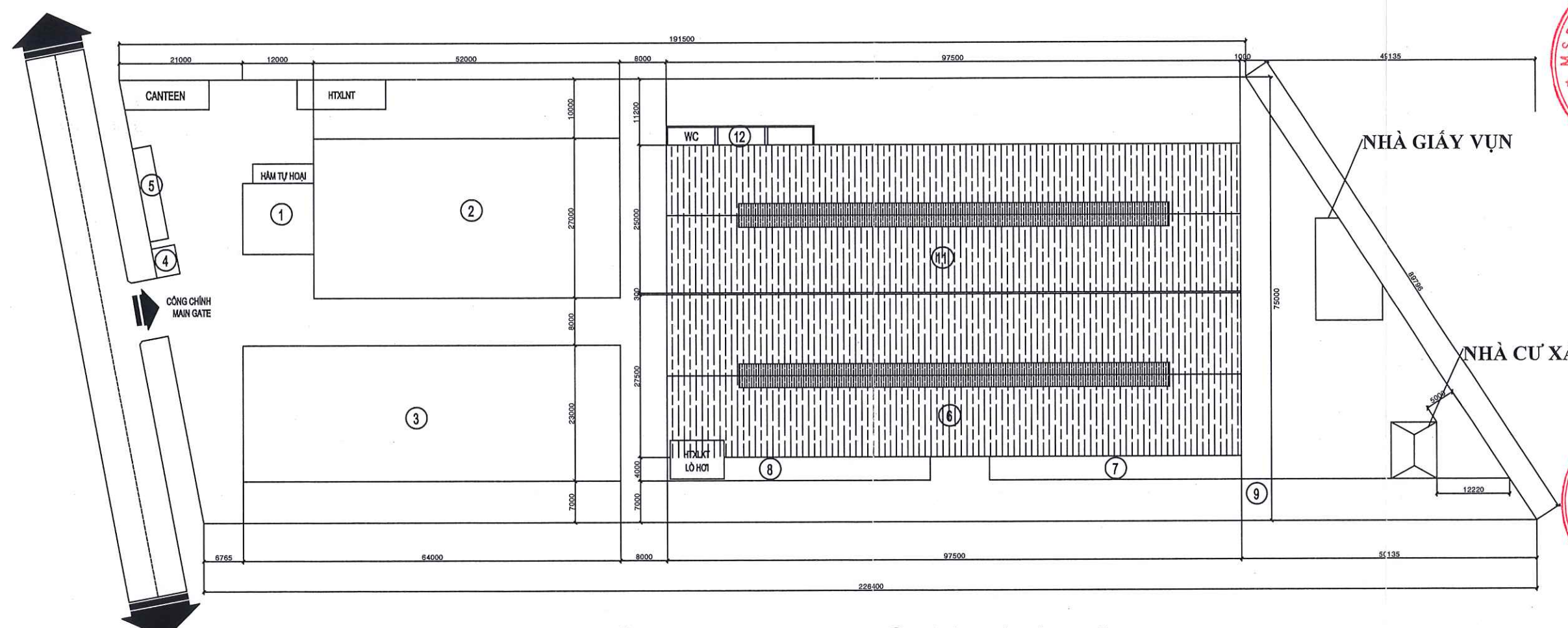
Mai Hồng Dũng

PHỤ LỤC 1.2 BẢN VẼ HOÀN CÔNG CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bản vẽ mặt bằng tổng thể của cơ sở.
2. Bản vẽ tổng thể hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở.
3. Bản vẽ tổng thể hệ thống thu gom, thoát nước thải của cơ sở.
4. Bản vẽ tổng thể các hạng mục công trình bảo vệ môi trường của cơ sở.
5. Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý nước thải.

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TL: 1/100



CHÚ THÍCH: (NOTES)

- BÊ TÔNG ĐÁ 10X20 MÁC 200 DÀY 150
- LÁP SẮT D8a200
- 120mm THK CONCRETE 10X20, GRADE 200
- REBAR D8a250
- RANH HÀNG RÀO
- HỐ GA THOÁT NƯỚC MƯA

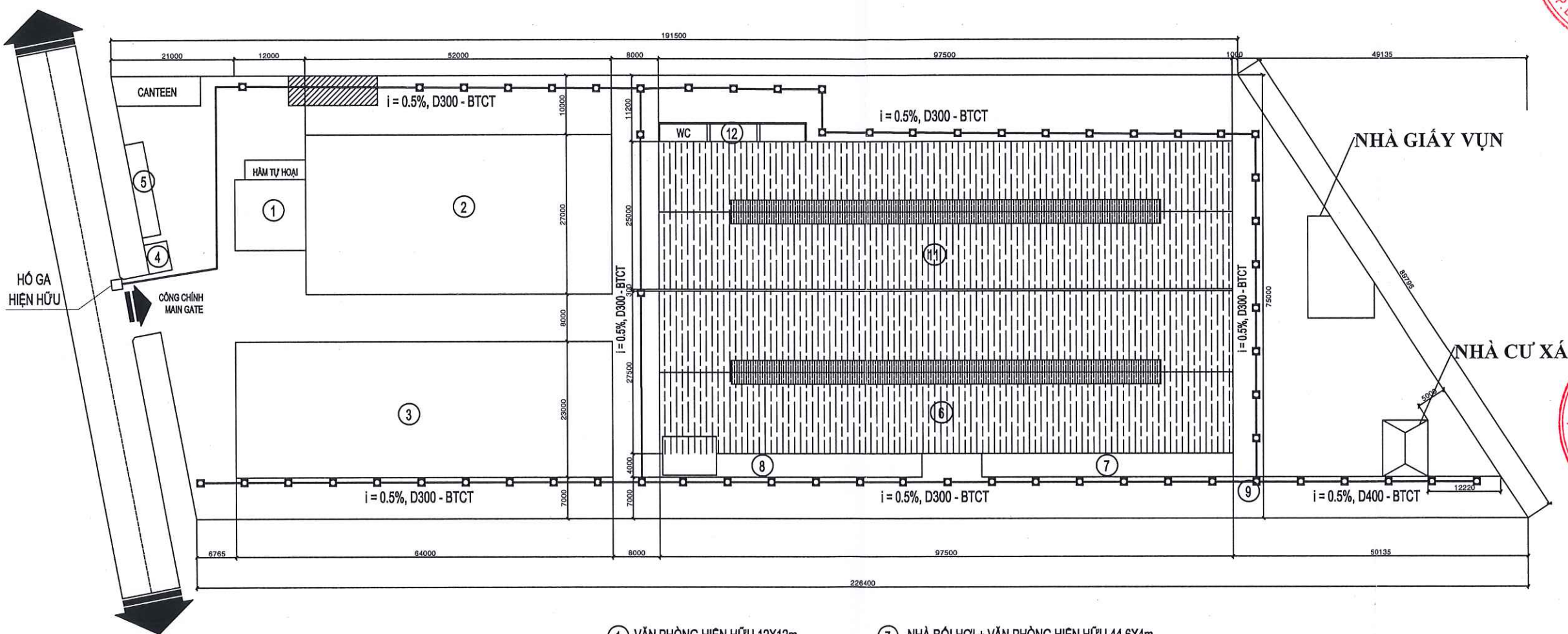
- ① VẤN PHÒNG HIỆN HỮU 12X12m
PRESENT OFFICE 12X12m
- ② NHÀ XƯỞNG HIỆN HỮU 52X27m
PRESENT FFACTORY 52X27m
- ③ NHÀ XƯỞNG HIỆN HỮU 64X23m
PRESENT FFACTORY 64X23m
- ④ NHÀ BẢO VỆ HIỆN HỮU 4X6m
PRESENT OFFICE 4X6m
- ⑤ NHÀ XE HIỆN HỮU 3X20m
PRESENT OFFICE 3X20m
- ⑥ NHÀ XƯỞNG HIỆN HỮU 90X25.5m
PRESENT FFACTORY 90X25.5m
- ⑦ NHÀ BÓI HƠI + VẤN PHÒNG HIỆN HỮU 44.6X4m
PRESENT BOILER + PRESENT OFFICE 44.6X4m
- ⑧ NHÀ WC CÔNG NHÂN + NHÀ KHO HIỆN HỮU 37.1X4m
PRESENT TOILET FOR WORLER + PRESENT WARE HOUSE 37.1X4m
- ⑨ BỂ NƯỚC NGẦM MỚI 37.5m3
NEW UNDERGROUND WATER TANK 37.5m3
- ⑩ GIẾNG TỰ THẨM HIỆN HỮU 3X20m
PRESENT SEFF - ABSORTING WATER WELL 3X20m
- ⑪ NHÀ XƯỞNG LÀM MỚI 25X97.5m
NEW FACTORY 25X97.5m
- ⑫ NHÀ VỆ SINH LÀM MỚI 3X7.5m
NEW TOILET 3X7.5m

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MÊ KÔNG XANH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày tháng năm 20.....		
Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Tang Thi Thao Nhu	Nguyễn Văn Toàn	Park Do Hyun

MÔ TẢ / Description	KIỂM / Checked	
THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐	
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐	
THIẾT KẾ THI CÔNG	☐	
HOÀN CÔNG	☒	
H. CHÍNH	DIỄN GIẢI	NGÀY PHÁT HÀNH
CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR:		
CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA		
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BAO BÌ BR VINA		
TÊN DỰ ÁN / Project Name:		
NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÚI NHỰA, BAO BÌ CARTON CÓ IN SẴN CHI TIẾT SẢN PHẨM		
ĐỊA CHỈ: KHU PHỐ 6, PHƯỜNG THỚI HÒA, THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG		
NHÀ THẦU THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG:		
Mekong Xanh		
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MÊ KÔNG XANH		
ĐỊA CHỈ: 130 ĐƯỜNG SỐ 08, KDC Q. T. L. AND, P.10, Q.GÒ VẤP, TP. HCM		
TÊN ĐƠN VỊ / Unit Name:		
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MÊ KÔNG XANH		
PHẠM ĐỨC TRÍ		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT / Technical Manager:		
KS. NGUYỄN VĂN THÔI		
THIẾT KẾ / Designer:		
KS. NGUYỄN THỊ THANH NGÂN		
HANG MỤC / Items:		
HỆ THỐNG THU GOM VÀ THOÁT NƯỚC MƯA, NƯỚC THẢI		
TÊN BẢN VẼ / Drawing Title:		
MẶT BẰNG TỔNG THỂ		
NGÀY / Date:	02/2009	KÝ HIỆU BẢN VẼ / Drawing code:
KHỔ GIẤY / Paper Size:	A3	MBTT-01

MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG THU GOM VÀ THOÁT NƯỚC MƯA

TL: 1/100



CHÚ THÍCH: (NOTES)

- BÊ TÔNG ĐÁ 10X20 MẮC 200 DÀY 150
- LẤP SÁT D8a200
- 120mm THK CONCRETE 10X20, GRADE 200
- REBAR D8a250
- RANH HÀNG RÀO
- HỒ GA THOÁT NƯỚC MƯA

- ① VĂN PHÒNG HIỆN HỮU 12X12m
PRESENT OFFICE 12X12m
- ② NHÀ XƯỞNG HIỆN HỮU 52X27m
PRESENT FFACTORY 52X27m
- ③ NHÀ XƯỞNG HIỆN HỮU 64X23m
PRESENT FFACTORY 64X23m
- ④ NHÀ BẢO VỆ HIỆN HỮU 4X6m
PRESENT OFFICE 4X6m
- ⑤ NHÀ XE HIỆN HỮU 3X20m
PRESENT OFFICE 3X20m
- ⑥ NHÀ XƯỞNG HIỆN HỮU 90X25.5m
PRESENT FFACTORY 90X25.5m

- ⑦ NHÀ BƠI HƠI + VĂN PHÒNG HIỆN HỮU 44.6X4m
PRESENT BOILER + PRESENT OFFICE 44.6X4m
- ⑧ NHÀ WC CÔNG NHÂN + NHÀ KHO HIỆN HỮU 37.1X4m
PRESENT TOILET FOR WORLER + PRESENT WAREHOUSE 37.1X4m
- ⑨ BỂ NƯỚC NGẦM MỚI 37.5m3
NEW UNDERGROUND WATER TANK 37.5m3
- ⑩ GIẾNG TỰ THẨM HIỆN HỮU 3X20m
PRESENT SEFF - ABSORTING WATER WELL 3X20m
- ⑪ NHÀ XƯỞNG LÀM MỚI 25X97.5m
NEW FACTORY 25X97.5m
- ⑫ NHÀ VỆ SINH LÀM MỚI 3X7.5m
NEW TOILET 3X7.5m

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MÊ KÔNG XANH

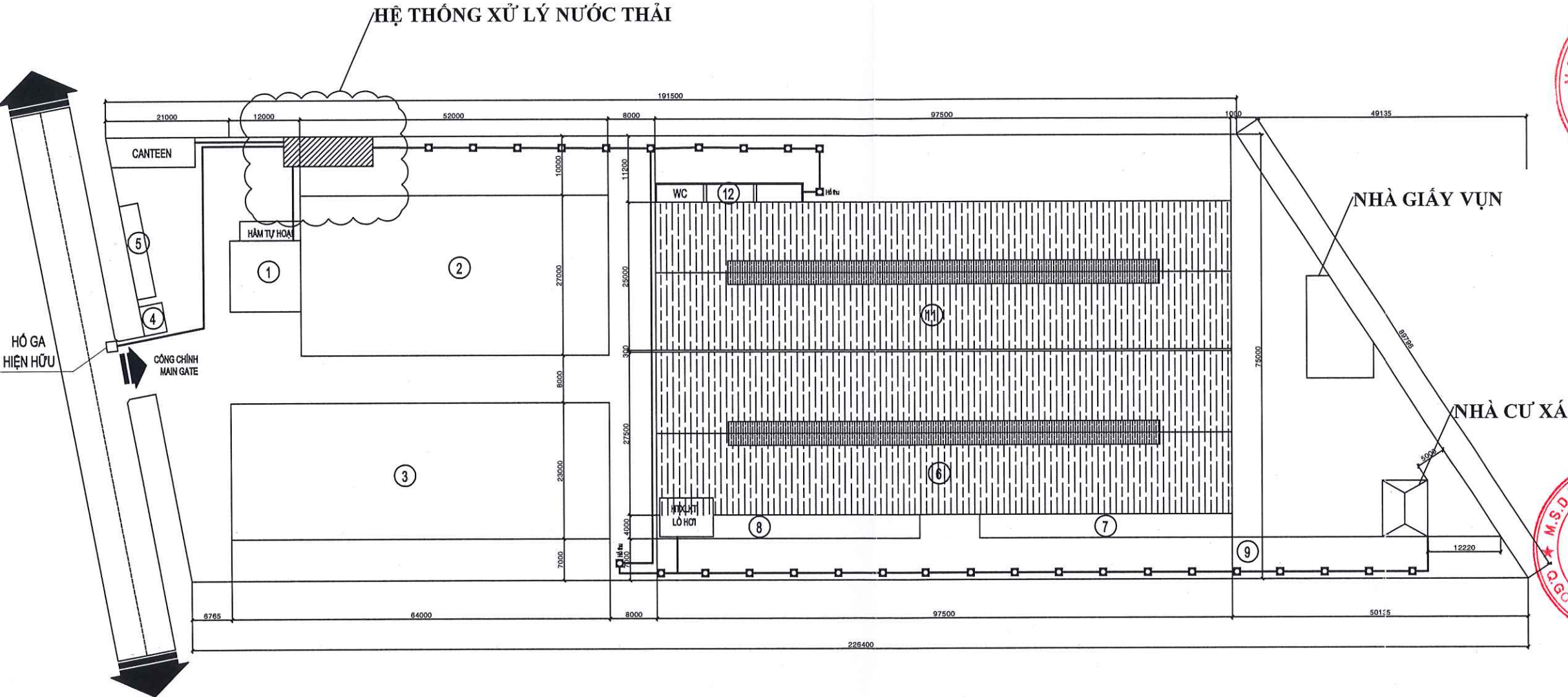
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày tháng năm 20.....

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
<i>Tạ Thị Thảo Như</i>	<i>Nguyễn Văn Thôi</i>	<i>Park Do Hyun</i>

MÔ TẢ / Description	KIỂM / Checked	
THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐	
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐	
THIẾT KẾ THỊ CÔNG	☐	
HOÀN CÔNG	☒	
H. CHÍNH	DIỄN GIẢI	NGÀY PHÁT HÀNH
CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR: CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA		
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BAO BÌ BR VINA		
TÊN DỰ ÁN - Project Name: NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÚI NHỰA, BAO BÌ CARTON CÓ IN SẴN CHI TIẾT SẢN PHẨM		
ĐỊA CHỈ: KHU PHỐ 8, PHƯỜNG THỚI HÒA, THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG		
NHÀ THẦU THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG: Mekong Xanh CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MÊ KÔNG XANH		
ĐỊA CHỈ: KHU PHỐ 8, PHƯỜNG THỚI HÒA, THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT / Technical Manager: KS. NGUYỄN VĂN THÔI		
THIẾT KẾ / Designer: KS. NGUYỄN THỊ THANH NGÂN		
HẠNG MỤC / Items: HỆ THỐNG THU GOM VÀ THOÁT NƯỚC MƯA, NƯỚC THẢI		
TÊN BẢN VẼ / Drawing Title: MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG THU GOM VÀ THOÁT NƯỚC MƯA		
Ngày / Date: 02/2009	KÝ HIỆU BẢN VẼ / Drawing code: MBTT-03	
KHO GIẤY / Paper Size: A3		

MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG THU GOM VÀ THOÁT NƯỚC THẢI
TL: 1/100



CHÚ THÍCH: (NOTES)

- BÊ TÔNG ĐÁ 10X20 MẮC 200 DÀY 150
- LẤP SÁT D8a200
- 120mm THK CONCRETE 10X20, GRADE 200
- REBAR D8a250
- RANH HÀNG RÀO
- ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC

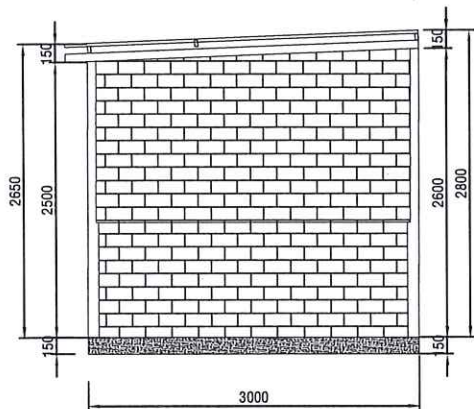
- ① VĂN PHÒNG HIỆN HỮU 12X12m
PRESENT OFFICE 12X12m
- ② NHÀ XƯỞNG HIỆN HỮU 52X27m
PRESENT FFACTORY 52X27m
- ③ NHÀ XƯỞNG HIỆN HỮU 64X23m
PRESENT FFACTORY 64X23m
- ④ NHÀ BẢO VỆ HIỆN HỮU 4X6m
PRESENT OFFICE 4X6m
- ⑤ NHÀ XE HIỆN HỮU 3X20m
PRESENT OFFICE 3X20m
- ⑥ NHÀ XƯỞNG HIỆN HỮU 90X25.5m
PRESENT FFACTORY 90X25.5m
- ⑦ NHÀ BƠI HƠI + VĂN PHÒNG HIỆN HỮU 44.6X4m
PRESENT BOILER + PRESENT OFFICE 44.6X4m
- ⑧ NHÀ WC CÔNG NHÂN + NHÀ KHO HIỆN HỮU 37.1X4m
PRESENT TOILET FOR WORLER + PRESENT WARE HOUSE 37.1X4m
- ⑨ BỂ NƯỚC NGẦM MỚI 37.5m3
NEW UNDERGROUND WATER TANK 37.5m3
- ⑩ GIẾNG TỰ THÂM HIỆN HỮU 3X20m
PRESENT SEFF - ABSORTING WATER WELL 3X20m
- ⑪ NHÀ XƯỞNG LÀM MỚI 25X97.5m
NEW FACTORY 25X97.5m
- ⑫ NHÀ VỆ SINH LÀM MỚI 3X7.5m
NEW TOILET 3X7.5m

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MÊ KÔNG XANH
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày tháng năm 20.....

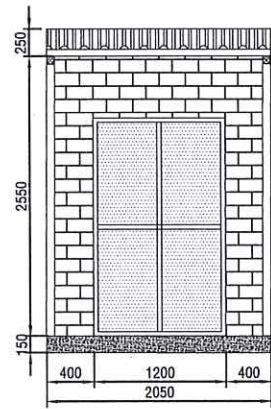
Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
<i>Tổng Thư Thảo Như</i>	<i>Nguyễn Văn Thời</i>	<i>Park Do Hyun</i>

MÔ TẢ / Description	KIỂM / Checked
LOẠI HỒ SƠ / Type of drawing	THIẾT KẾ CƠ SỞ ☐
	THIẾT KẾ KỸ THUẬT ☐
	THIẾT KẾ THI CÔNG ☐
	HOÀN CÔNG ☒
H. CHÍNH	DIỄN GIẢI
	NGÀY PHÁT HÀNH
CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:	
CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA	
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BAO BÌ BR VINA	
TÊN DỰ ÁN - Project Name:	
NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÚI NHỰA, BAO BÌ CARTON CÓ IN SẴN CHI TIẾT SẢN PHẨM	
ĐỊA CHỈ: KHU PHỐ 6, PHƯỜNG THỚI HÒA, THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG	
NHÀ THẦU THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG:	
Mekong Xanh	
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MÊ KÔNG XANH	
M.S.D.N: 0304988293-C.T.N.H	
GIÁM ĐỐC: MÔI TRƯỜNG MÊ KÔNG XANH	
PHẠM ĐỨC TRÍ	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT / Technical Manager:	
KS. NGUYỄN VĂN THỜI	
THIẾT KẾ / Designer:	
KS. NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	
HANG MỤC / Items:	
HỆ THỐNG THU GOM VÀ THOÁT NƯỚC MƯA, NƯỚC THẢI	
TÊN BẢN VẼ / Drawing Title:	
MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG THU GOM VÀ THOÁT NƯỚC THẢI	
NGÀY / Date:	KÝ HIỆU BẢN VẼ / Drawing code:
02/2009	MBTT-02
KHO GIẤY / Paper Size:	A3

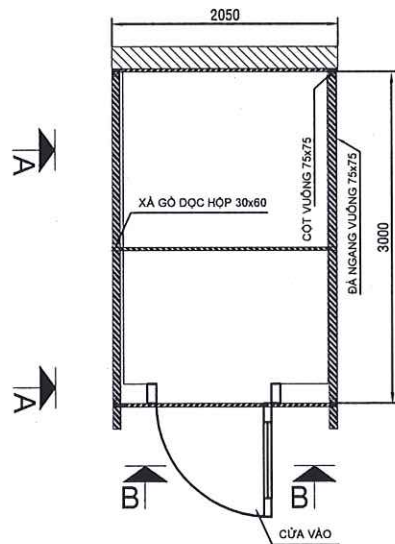
NHÀ KHO CHỨA RÁC THẢI NGUY HẠI



MẶT ĐỨNG A-A



MẶT ĐỨNG B-B



MẶT BẰNG NHÀ RÁC

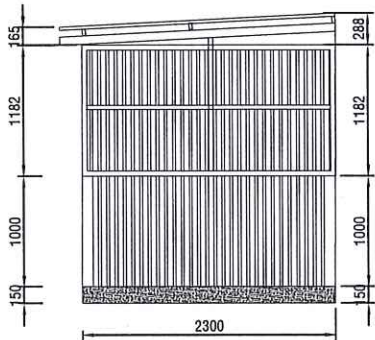
GHI CHÚ:

- Bê tông M250 - đá 1x2
- Tường xây gạch 8x8x18 - dày 100
- Cửa - Khung thép V40
- Xà gồ gỗ

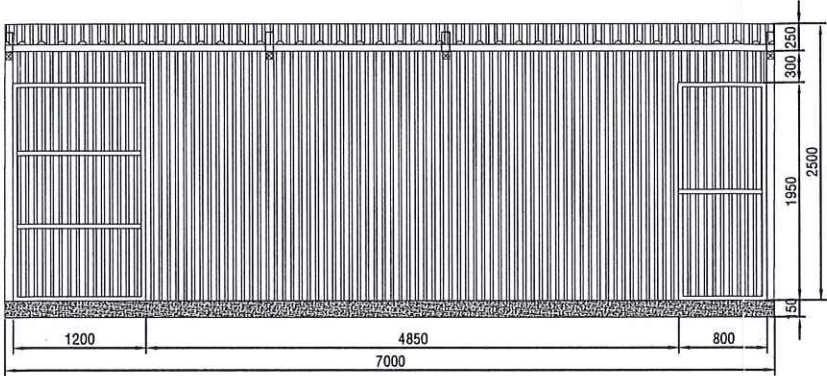
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MÊ KÔNG XANH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày tháng năm 20.....		
Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Tang Thị Thảo Như	Nguyễn Văn Lợi	Park Do Hyun

CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ THI CÔNG	CƠ SỞ NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÚI NHỰA, BAO BÌ CARTON CÓ IN SẴN CHI TIẾT SẢN PHẨM	
CÔNG TY TNHH BR VINA	CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG MÊ KÔNG XANH	BẢN VẼ HOÀN CÔNG HẠNG MỤC: KHO CHỨA RÁC THẢI NGUY HẠI	TỈ LỆ NHƯ TRÊN
			HOÀN THÀNH 12/2021
PHẠM ĐỨC TRÍ			

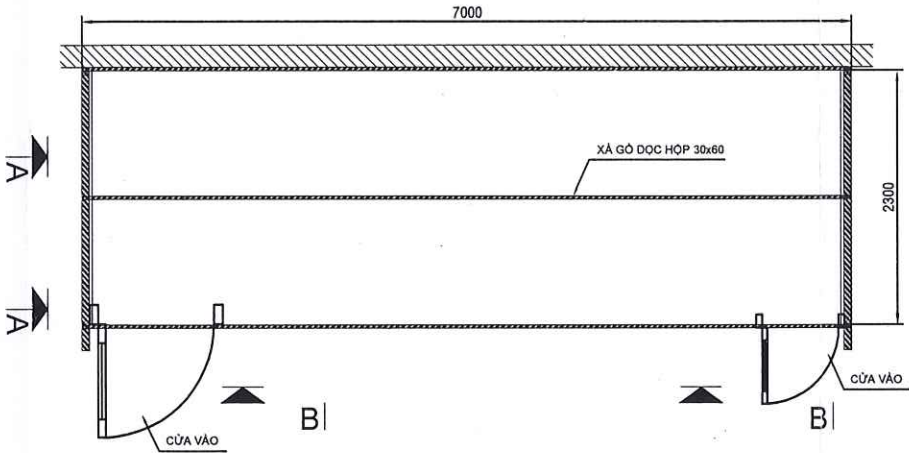
NHÀ KHO CHỨA RÁC SINH HOẠT VÀ RÁC THẢI CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG



MẶT ĐỨNG A-A



MẶT ĐỨNG B-B



MẶT BẰNG NHÀ RÁC

GHI CHÚ:

- Bê tông M250 - đá 1x2
- Mái tone
- Xà gỗ gỗ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MÊ KÔNG XANH			CHỦ ĐẦU TƯ		ĐƠN VỊ THI CÔNG		CƠ SỞ NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÚI NHỰA, BAO BÌ CARTON CÓ IN SẴN CHI TIẾT SẢN PHẨM			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			CÔNG TY TNHH BR VINA		CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG MÊ KÔNG XANH		BẢN VẼ HOÀN CÔNG		TỈ LỆ	
Ngày tháng năm 20.....			TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BAO BÌ BR VINA		CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MÊ KÔNG XANH		HẠNG MỤC: KHO CHỨA RÁC SINH HOẠT VÀ RÁC THẢI CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG		NHƯ TRÊN	
Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng	Park Do Hyun		PHẠM ĐỨC TRÍ				HOÀN THÀNH	
Tang Thị Thảo Như	Nguyễn Văn Lộc	Park Do Hyun							12/2021	



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MÊ KÔNG XANH

130 Đường số 6, KDC Cityland, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP.HCM

Điện thoại: 028.62572365, 0982284877; Fax: 028.62892611

Email: mekongxanhvn@gmail.com, info@mekongxanh.vn; Web: mekongxanh.vn

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH : NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÚI NHỰA, BAO BÌ CARTON CÓ IN SẴN CHI TIẾT SẢN PHẨM

HẠNG MỤC : LÒ HƠI - HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI

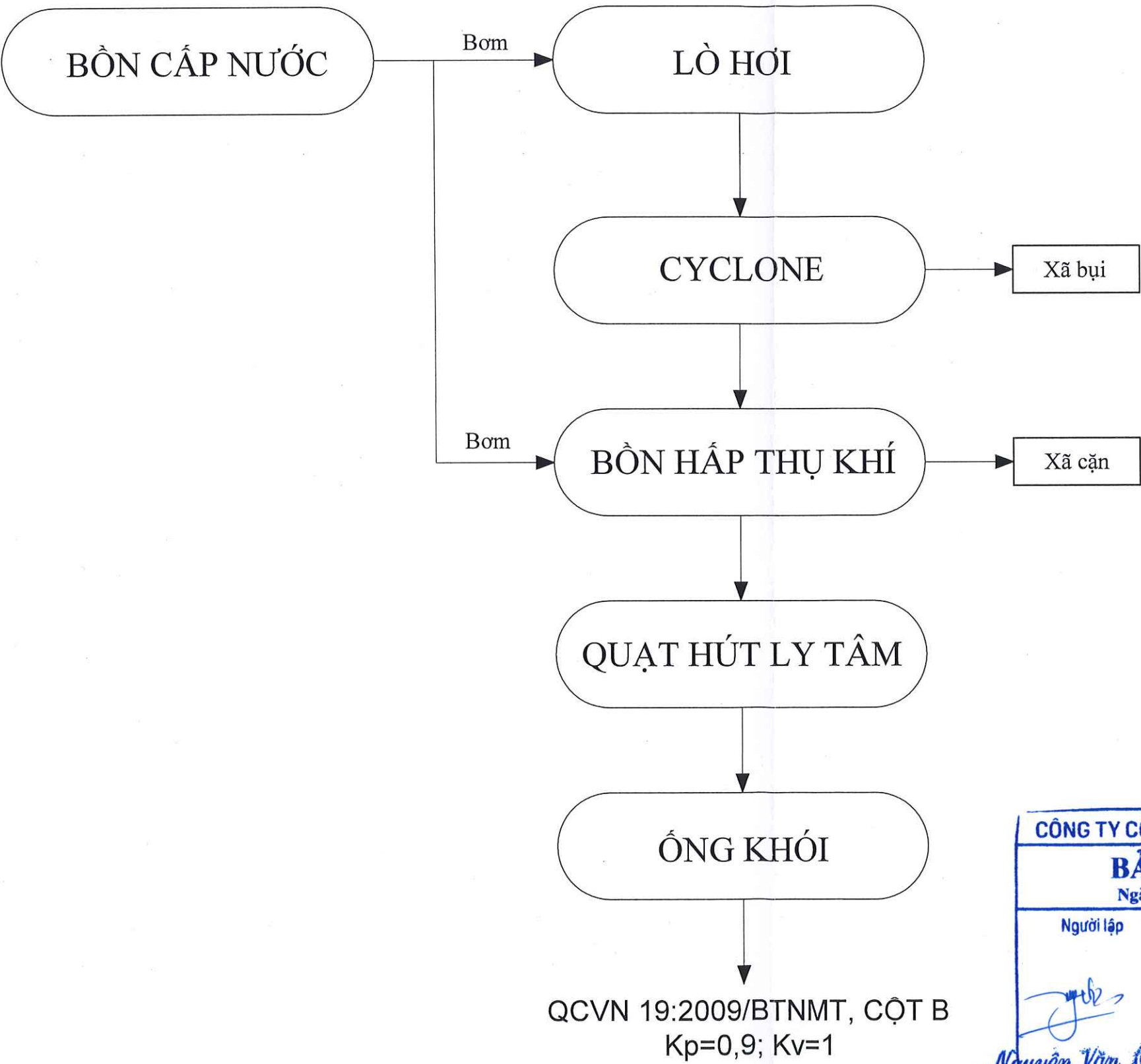
ĐỊA ĐIỂM : KHU PHỐ 6, PHƯỜNG THỚI HÒA, THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM

CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY TNHH BR VINA

ĐƠN VỊ THI CÔNG : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MÊ KÔNG XANH

BÌNH DƯƠNG - 07/2009

SƠ ĐỒ KHỐI CÔNG NGHỆ XỬ LÝ KHÍ THẢI



QCVN 19:2009/BTNMT, CỘT B
Kp=0,9; Kv=1

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MÊ KÔNG XANH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày tháng năm 20.....		
Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Nguyễn Văn Khoa	Lê Thành Công	Park Do Hyun

MÔ TẢ / Description	KIỂM / Checked	
THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐	
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐	
THIẾT KẾ THI CÔNG	☐	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	☒	
H. CHÍNH	DIỄN GIẢI	NGÀY PHÁT HÀNH

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR:

CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BAO BÌ BR VINA

ĐỊA CHỈ: KHU PHỐ 6, PHƯỜNG THỚI HÒA, THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM

TÊN DỰ ÁN - Project Name: **Do Hyun**

NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÚI NHỰA, BAO BÌ CARTON CÓ IN SẴN CHI TIẾT SẢN PHẨM

ĐỊA CHỈ: KHU PHỐ 6, PHƯỜNG THỚI HÒA, THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM

NHÀ THẦU THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG:

Mekong Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MÊ KÔNG XANH

ĐỊA CHỈ: 10, LƯU ĐƯỜNG SỐ 01, KDC CITYLAND, P.10, Q.GÒ VẤP, TP. HCM
TEL: (028) - 22 45843; (090) 22 4877; FAX: (028) - 62 692611

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MÊ KÔNG XANH

PHẠM ĐỨC TRÍ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT / Technical Manager:

KS. NGUYỄN VĂN THỜI

THIẾT KẾ / Designer:

KS. VĂN HẢI YẾN

HẠNG MỤC / Items:

LÒ HƠI - HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI

TÊN BẢN VẼ / Drawing Title:

SƠ ĐỒ KHỐI HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

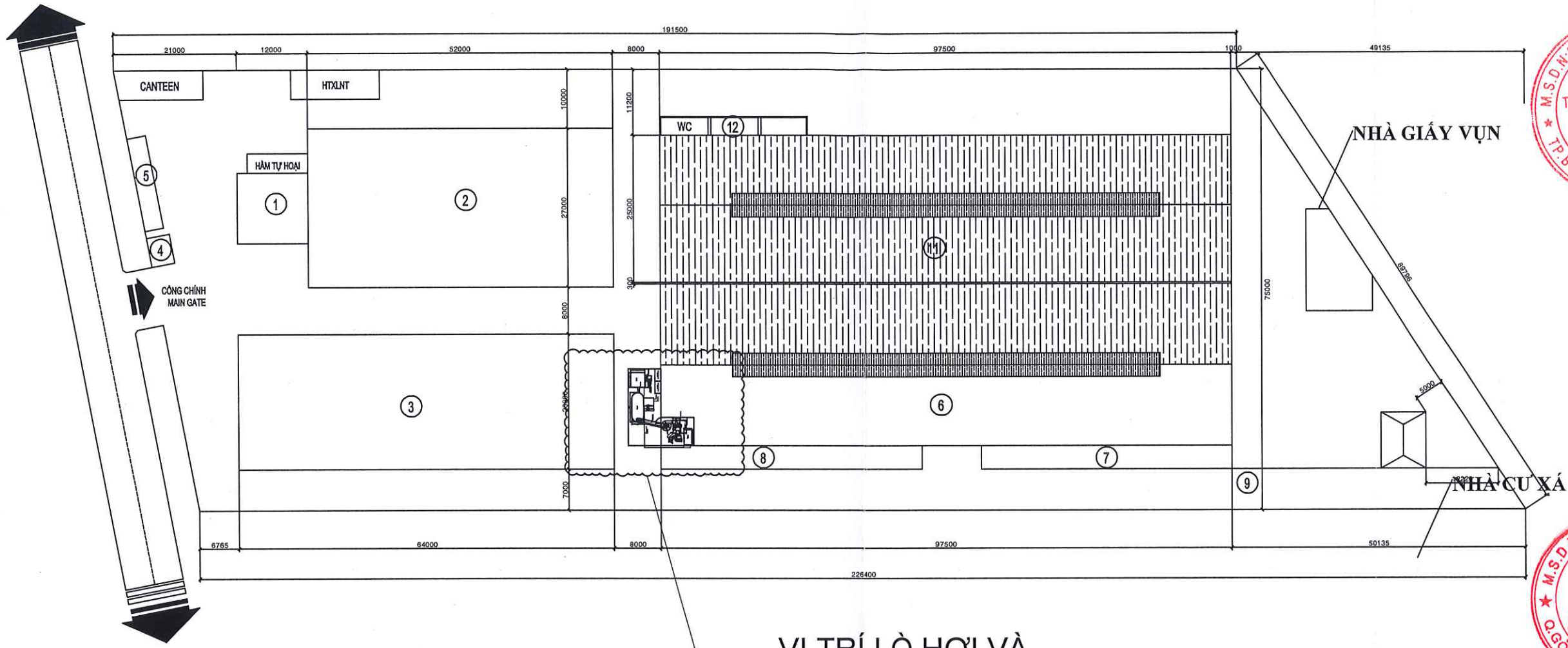
Ngày / Date: 07/2009

Tỷ lệ / Scale: A3

KÝ HIỆU BẢN VẼ / Drawing code: LH-01

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ LÒ HƠI VÀ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TL: 1/100



VỊ TRÍ LÒ HƠI VÀ HTXL KHÍ THẢI LÒ HƠI

CHÚ THÍCH: (NOTES)

- BÊ TÔNG ĐÁ 10X20 MẮC 200 DÂY 150
- LẤP SÁT D8a200
- 120mm THK CONCRETE 10X20, GRADE 200
- REBAR D8a250
- RANH HÀNG RÀO
- HÓ GA THOÁT NƯỚC MƯA

- ① VĂN PHÒNG HIỆN HỮU 12X12m
PRESENT OFFICE 12X12m
- ② NHÀ XƯỞNG HIỆN HỮU 52X27m
PRESENT FFACTORY 52X27m
- ③ NHÀ XƯỞNG HIỆN HỮU 64X23m
PRESENT FFACTORY 64X23m
- ④ NHÀ BẢO VỆ HIỆN HỮU 4X6m
PRESENT OFFICE 4X6m
- ⑤ NHÀ XE HIỆN HỮU 3X20m
PRESENT OFFICE 3X20m
- ⑥ NHÀ XƯỞNG HIỆN HỮU 90X25.5m
PRESENT FFACTORY 90X25.5m

- ⑦ NHÀ BƠI HƠI + VĂN PHÒNG HIỆN HỮU 44.6X4m
PRESENT BOILER + PRESENT OFFICE 44.6X4m
- ⑧ NHÀ WC CÔNG NHÂN + NHÀ KHO HIỆN HỮU 37.1X4m
PRESENT TOILET FOR WORLER + PRESENT WARE HOUSE 37.1X4m
- ⑨ BỂ NƯỚC NGẦM MỚI 37.5m3
NEW UNDERGROUND WATER TANK 37.5m3
- ⑩ GIẾNG TỰ THẨM HIỆN HỮU 3X20m
PRESENT SEFF - ABSORTING WATER WELL 3X20m
- ⑪ NHÀ XƯỞNG LÀM MỚI 25X97.5m
NEW FACTORY 25X97.5m
- ⑫ NHÀ VỆ SINH LÀM MỚI 3X7.5m
NEW TOILET 3X7.5m

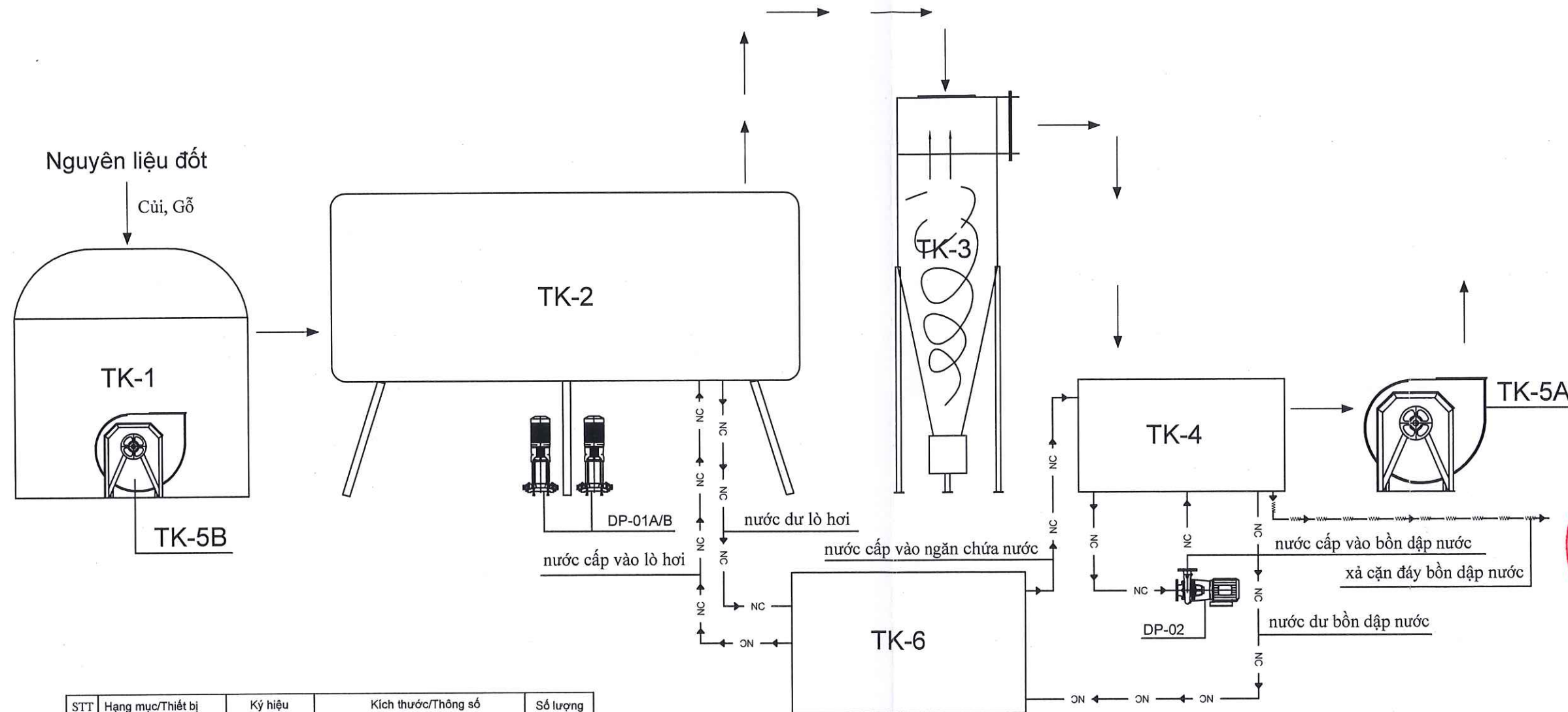
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MÊ KÔNG XANH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày tháng năm 20.....		
Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Nguyễn Văn Thôi	Võ Thành Long	Park Do Hyun

MÔ TẢ / Description		KIỂM / Checked
THIẾT KẾ CƠ SỞ		☐
THIẾT KẾ KỸ THUẬT		☐
THIẾT KẾ THI CÔNG		☐
HOÀN CÔNG		☒
H. CHÍNH	DIỄN GIẢI	NGÀY PHÁT HÀNH

TÊN DỰ ÁN - Project Name:	
NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÚI NHỰA, BAO BÌ CARTON CÓ IN SẴN CHI TIẾT SẢN PHẨM	
ĐỊA CHỈ: KHU PHỐ 6, PHƯỜNG THỚI HÒA, THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG	
NHÀ THẦU THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG:	
Mekong Xanh	
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MÊ KÔNG XANH	
ĐỊA CHỈ: 130 ĐƯỜNG SỐ 04, KDC CITYLAND, P.10, Q.GÒ VẤP, TP. HCM	
M.S.D.N: 0304988293 - C	
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MÊ KÔNG XANH	
THAM ĐỐC TRI	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT / Technical Manager:	

KS. NGUYỄN VĂN THÔI	
THIẾT KẾ / Designer:	
KS. VĂN HẢI YẾN	
HẠNG MỤC / Items:	
LÒ HƠI - HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI	
TÊN BẢN VẼ / Drawing Title:	
MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ LÒ HƠI VÀ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI	
Ngày / Date: 07/2009	KÝ HIỆU BẢN VẼ / Drawing code: LH-02

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ



STT	Hạng mục/Thiết bị	Ký hiệu	Kích thước/Thông số	Số lượng
1	LÒ ĐỐT	TK-1	DxRxH=2500x2400x2650mm Vật liệu: Sắt, Dây 3mm	1
2	LÒ HƠI	TK-2	DxR=2000x5000mm Vật liệu: Inox 304, Dây 3mm	1
3	CYCLONE	TK-3	DxH=1200x4000mm Vật liệu: Thép CT3, Dây 3mm	1
4	BỒN DẬP NƯỚC	TK-4	DxRxH=2200x1200x1200mm Vật liệu: Thép, Dây 3mm	1
5	QUẠT HÚT	TK-5A/B	N = 5hp/3phase, 2100v/p Vật liệu quạt: Inox; Motuer: Việt Nam	2
6	BỒN CHỨA NƯỚC	TK-6	DxRxH=2500x1200x1500mm Vật liệu: Sắt, Dây 3mm	1
7	BƠM TRỤC ĐỨNG	DP-01A/B	Q=9.6m3/H, H=28.6, P=1.5KW	2
8	BƠM TRỤC NGANG	DP-02	Q=9.6m3/H, H=28.6, P=1.5KW	1

GHI CHÚ / NOTES:

— NC — ĐƯỜNG NƯỚC CỦA HỆ
 — CN — ĐƯỜNG NƯỚC XẢ CẶN
 ————— ĐƯỜNG KHÍ THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MÊ XÔNG XANH

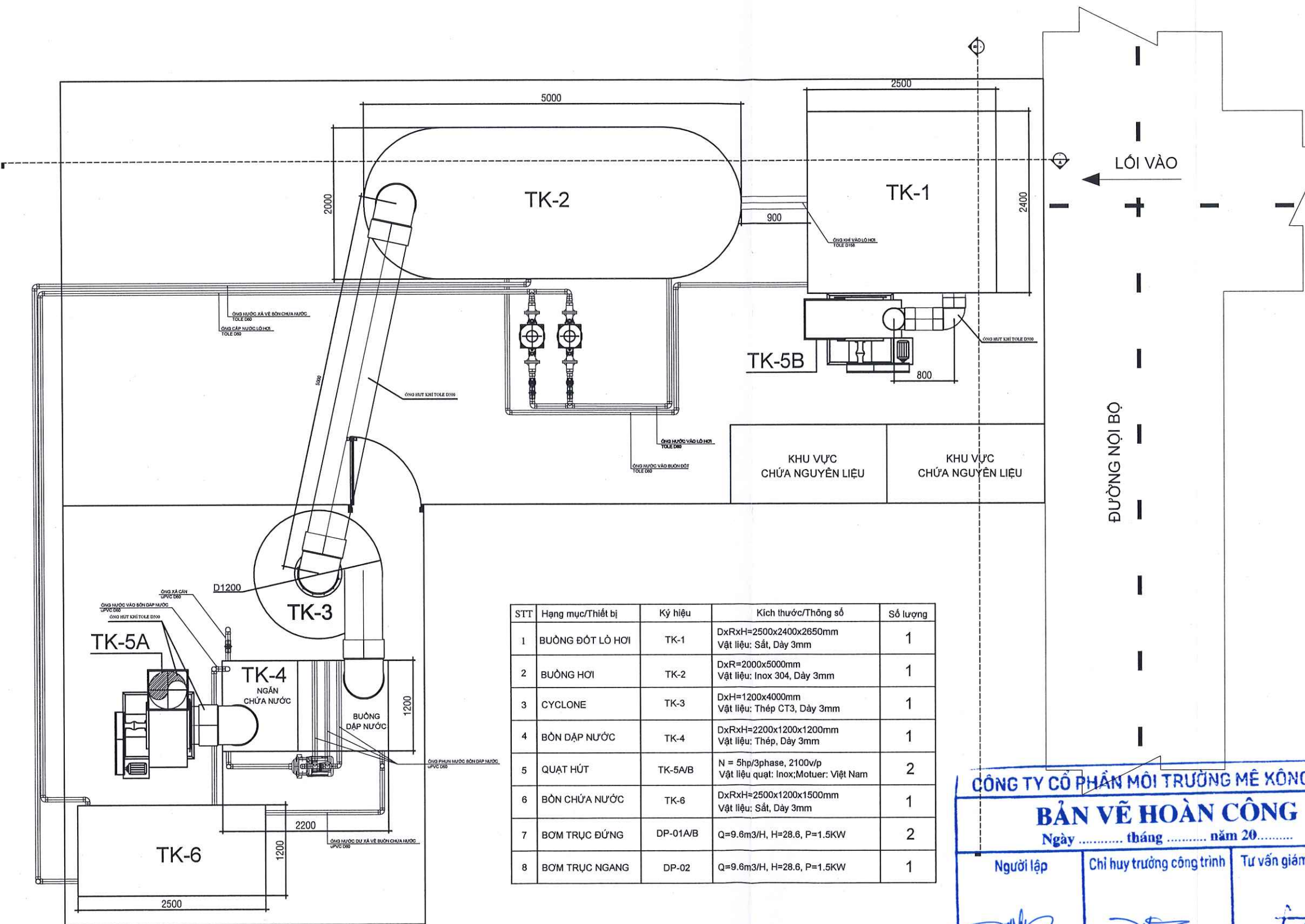
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày tháng năm 20.....

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
<i>Nguyễn Văn Thôi</i>	<i>Võ Thành Long</i>	<i>Park Do Hyun</i>

MÔ TẢ / Description	KIỂM / Checked
THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐
THIẾT KẾ THỊ CÔNG	☐
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	☒
H. CHÍNH	DIỄN GIẢI
CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:	
CÔNG TY TNHH BAO BÌ	
BR VINA	
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN	
BAO BÌ	
BR VINA	
ĐỊA CHỈ: KHU PHỐ 6, PHƯỜNG THỚI HÒA, THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM	
TÊN DỰ ÁN - PROJECT NAME:	
NHÀ MÁY SẢN XUẤT	
TÚI NHỰA, BAO BÌ CARTON	
CÓ IN SẴN CHI TIẾT SẢN PHẨM	
ĐỊA CHỈ: KHU PHỐ 6, PHƯỜNG THỚI HÒA, THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM	
NHÀ THẦU THIẾT KẾ VÀ THỊ CÔNG:	
Mekong Xanh	
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG	
MÊ KÔNG XANH	
ĐỊA CHỈ: 100 YOUNG STREET, Q. GO VAP, TP. HCM	
TEL: (028) 22 458451, 093 214 8777, FAX: (028) 62 882611	
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG	
MÊ KÔNG XANH	
PHẠM ĐỨC TRÍ	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT / Technical Manager:	
<i>ngb2</i>	
KS. NGUYỄN VĂN THÔI	
THIẾT KẾ / Designer:	
<i>nm</i>	
KS. VÂN HẢI YẾN	
HẠNG MỤC / Items:	
LÒ HƠI - HỆ THỐNG XỬ LÝ	
KHÍ THẢI LÒ HƠI	
TÊN BẢN VẼ / Drawing Title:	
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ	
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI	
NGÀY / Date:	07/2009
KÝ HIỆU BẢN VẼ / Drawing code:	LH-03
TỶ LỆ / Scale:	A3

MẶT BẰNG CÔNG NGHỆ



STT	Hạng mục/Thiết bị	Ký hiệu	Kích thước/Thông số	Số lượng
1	BUỒNG ĐỐT LÒ HƠI	TK-1	DxRxH=2500x2400x2650mm Vật liệu: Sắt, Dây 3mm	1
2	BUỒNG HƠI	TK-2	DxR=2000x5000mm Vật liệu: Inox 304, Dây 3mm	1
3	CYCLONE	TK-3	DxH=1200x4000mm Vật liệu: Thép CT3, Dây 3mm	1
4	BƠN DẠP NƯỚC	TK-4	DxRxH=2200x1200x1200mm Vật liệu: Thép, Dây 3mm	1
5	QUẠT HÚT	TK-5A/B	N = 5hp/3phase, 2100v/p Vật liệu quạt: Inox; Motuer: Việt Nam	2
6	BƠN CHỨA NƯỚC	TK-6	DxRxH=2500x1200x1500mm Vật liệu: Sắt, Dây 3mm	1
7	BƠM TRỤC ĐỨNG	DP-01A/B	Q=9.6m3/H, H=28.6, P=1.5KW	2
8	BƠM TRỤC NGANG	DP-02	Q=9.6m3/H, H=28.6, P=1.5KW	1

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MÊ KÔNG XANH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày tháng năm 20.....

Người lập

Chỉ huy trưởng công trình

Tư vấn giám sát trưởng

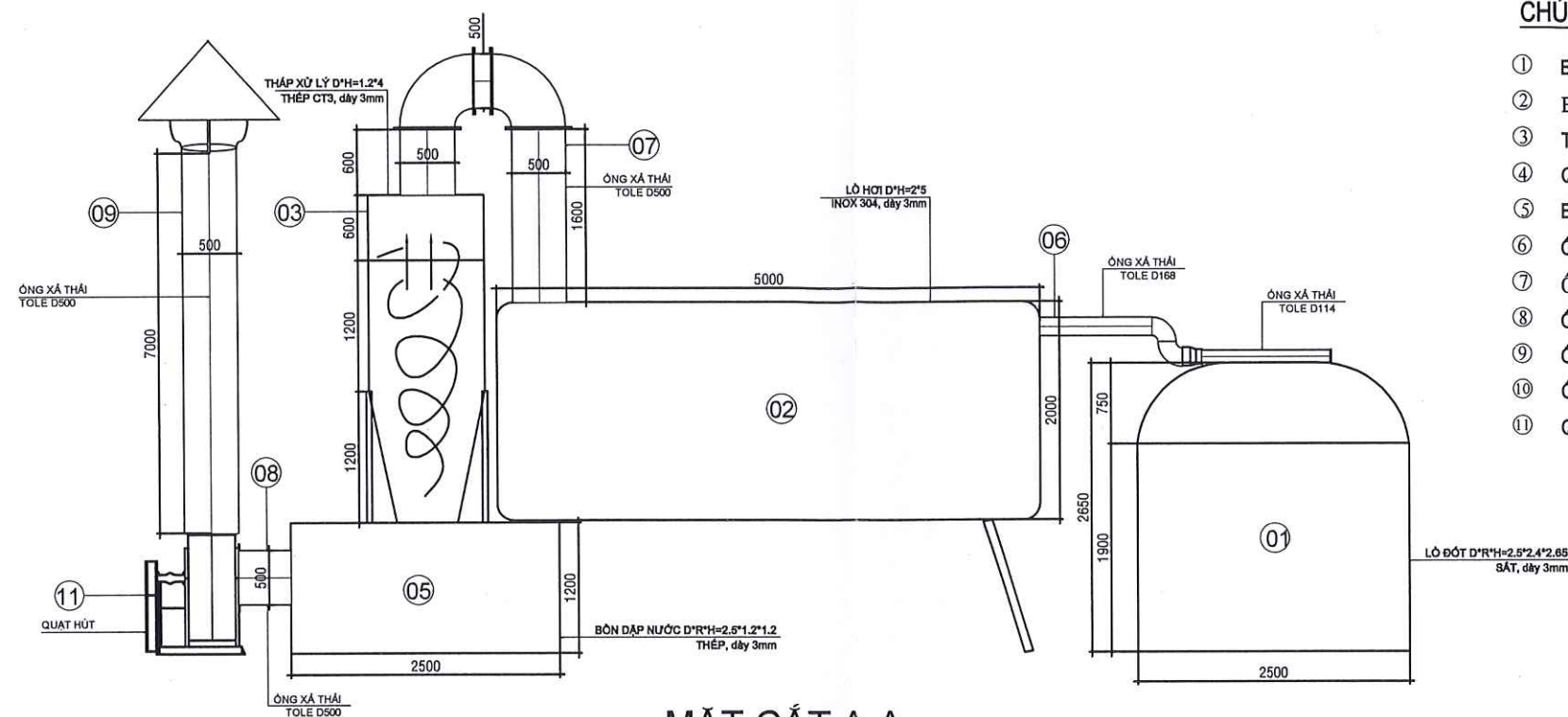
Nguyễn Văn Lộc

Võ Thành Long

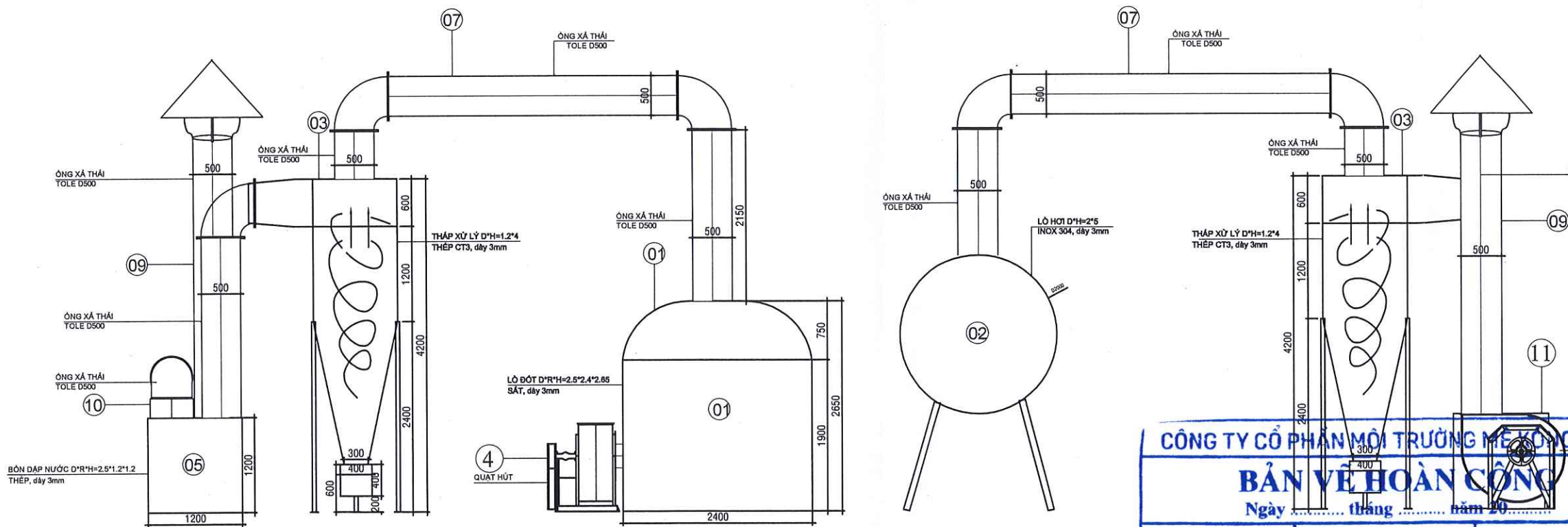
Park Do Hyun

MÔ TẢ / Description		KIỂM / Checked
THIẾT KẾ CƠ SỞ		☐
THIẾT KẾ KỸ THUẬT		☐
THIẾT KẾ THI CÔNG		☐
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		☒
H. CHÍNH	DIỄN GIẢI	NGÀY PHÁT HÀNH
CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR:		
CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA		
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BAO BÌ BR VINA		
ĐỊA CHỈ: KHU PHỐ 6, PHƯỜNG THỚI HÒA, THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM		
TÊN DỰ ÁN - Project Name: Nhà Máy Sản Xuất Túi Nhựa, Bao Bì Carton Có In Sẵn Chi Tiết Sản Phẩm		
ĐỊA CHỈ: KHU PHỐ 6, PHƯỜNG THỚI HÒA, THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM		
NHÀ THẦU THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG:		
Mekong Anh		
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MÊ KÔNG XANH		
ĐỊA CHỈ: 130 QUANG TRUNG, KDC CITYLAND, P.10, Q. GÒ VẤP, TP. HCM		
TEL: (028) - 22 454511; 092 284877; FAX: (028) - 82 892811		
GIẤY BỐC:		
PHẠM ĐỨC TRÍ		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT / Technical Manager.		
KS. NGUYỄN VĂN THỜI		
THIẾT KẾ / Designer:		
KS. VĂN HẢI YẾN		
HANG MỤC / Items:		
LÒ HƠI - HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI		
TÊN BẢN VẼ / Drawing Title:		
MẶT BẰNG CÔNG NGHỆ XỬ LÝ KHÍ THẢI		
NGÀY / Date: 07/2009		KÝ HIỆU BẢN VẼ / Drawing code: LH-04
TỶ LỆ / Scale: A3		

BẢN VẼ MẶT CẮT CHI TIẾT



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B

CHÚ THÍCH

- ① BUỒNG ĐỐT LÒ HƠI
- ② BUỒNG HƠI LÒ HƠI
- ③ THÁP CYCLON
- ④ QUẠT HÚT CẤP GIÓ
- ⑤ BƠM DẬP NƯỚC
- ⑥ ỐNG KHÍ LÒ ĐỐT SANG LÒ HƠI
- ⑦ ỐNG KHÍ LÒ HƠI SANG CYCLONE
- ⑧ ỐNG KHÍ BƠM DẬP NƯỚC ĐẾN QUẠT LY TÂM
- ⑨ ỐNG XẢ KHÍ TỪ QUẠT LY TÂM
- ⑩ ỐNG KHÍ TỪ CYCLONE ĐẾN BƠM DẬP NƯỚC
- ⑪ QUẠT HÚT CYCLON

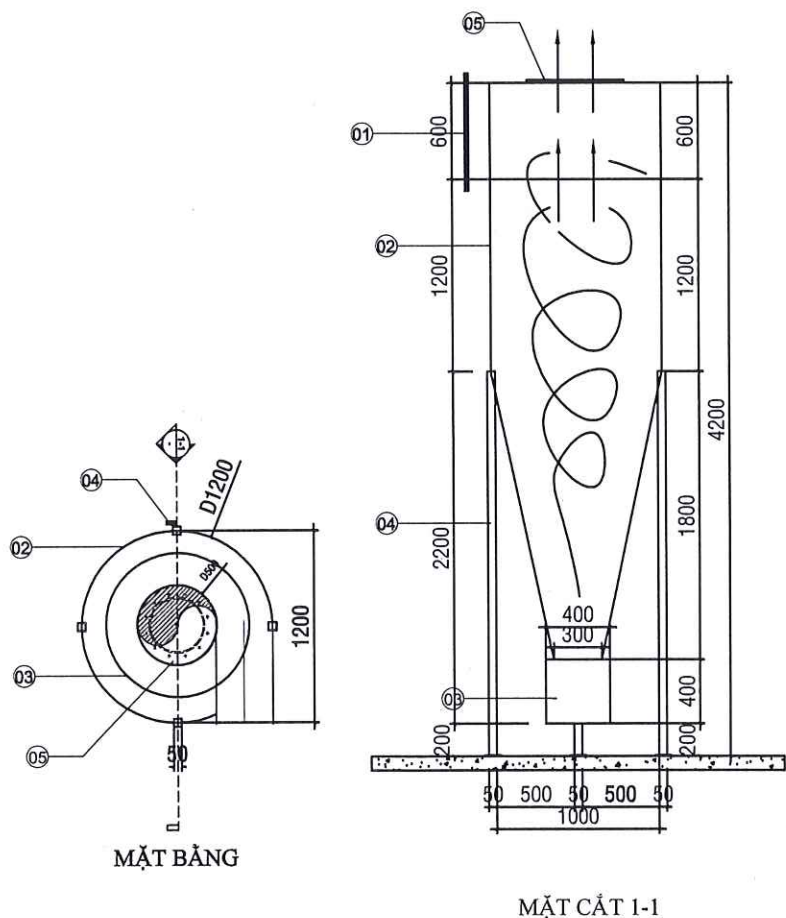
MÔ TẢ / Description		KIỂM / Checked
THIẾT KẾ CƠ SỞ		☐
THIẾT KẾ KỸ THUẬT		☐
THIẾT KẾ THI CÔNG		☐
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		☒
H. CHÍNH	DIỄN GIẢI	NGÀY PHÁT HÀNH
CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:		
CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA		
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BAO BÌ BR VINA		
ĐỊA CHỈ: KHU PHỐ 6, PHƯỜNG THỚI HÒA, THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM		
TÊN DỰ ÁN - Project Name:		
NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÚI NHỰA, BAO BÌ CARTON CÓ IN SẴN CHI TIẾT SẢN PHẨM		
ĐỊA CHỈ: KHU PHỐ 6, PHƯỜNG THỚI HÒA, THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM		
NHÀ THẦU THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG:		
Mekong Xanh		
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MÊ KÔNG XANH		
ĐỊA CHỈ: 120 ĐƯỜNG SỐ 05, KDC CITYLAND, P.10, Q.GÒ VẤP, TP. HCM TEL: (028) - 22 4845 (L0982) 04877, FAX: (028) - 62 892611		
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MÊ KÔNG XANH		
PHẠM ĐỨC TRÍ QUẢN LÝ THIẾT KẾ / Technical Manager:		
KS. NGUYỄN VĂN THÔI THIẾT KẾ / Designer:		
KS. VĂN HẢI YẾN		
HẠNG MỤC / Items:		
LÒ HƠI - HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI		
TÊN BẢN VẼ / Drawing Title:		
BẢN VẼ MẶT CẮT HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI		
Ngày / Date	07/2009	KÝ HIỆU BẢN VẼ / Drawing code:
TỶ LỆ / Scale:	A3	LH-05

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MÊ KÔNG XANH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày tháng năm 20.....		
Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Nguyễn Văn Thôi	Võ Thành Công	Park Do Hyun

BẢN VẼ CHI TIẾT CYCLONE

CẤU TẠO CYCLON

TỈ LỆ: 1/50

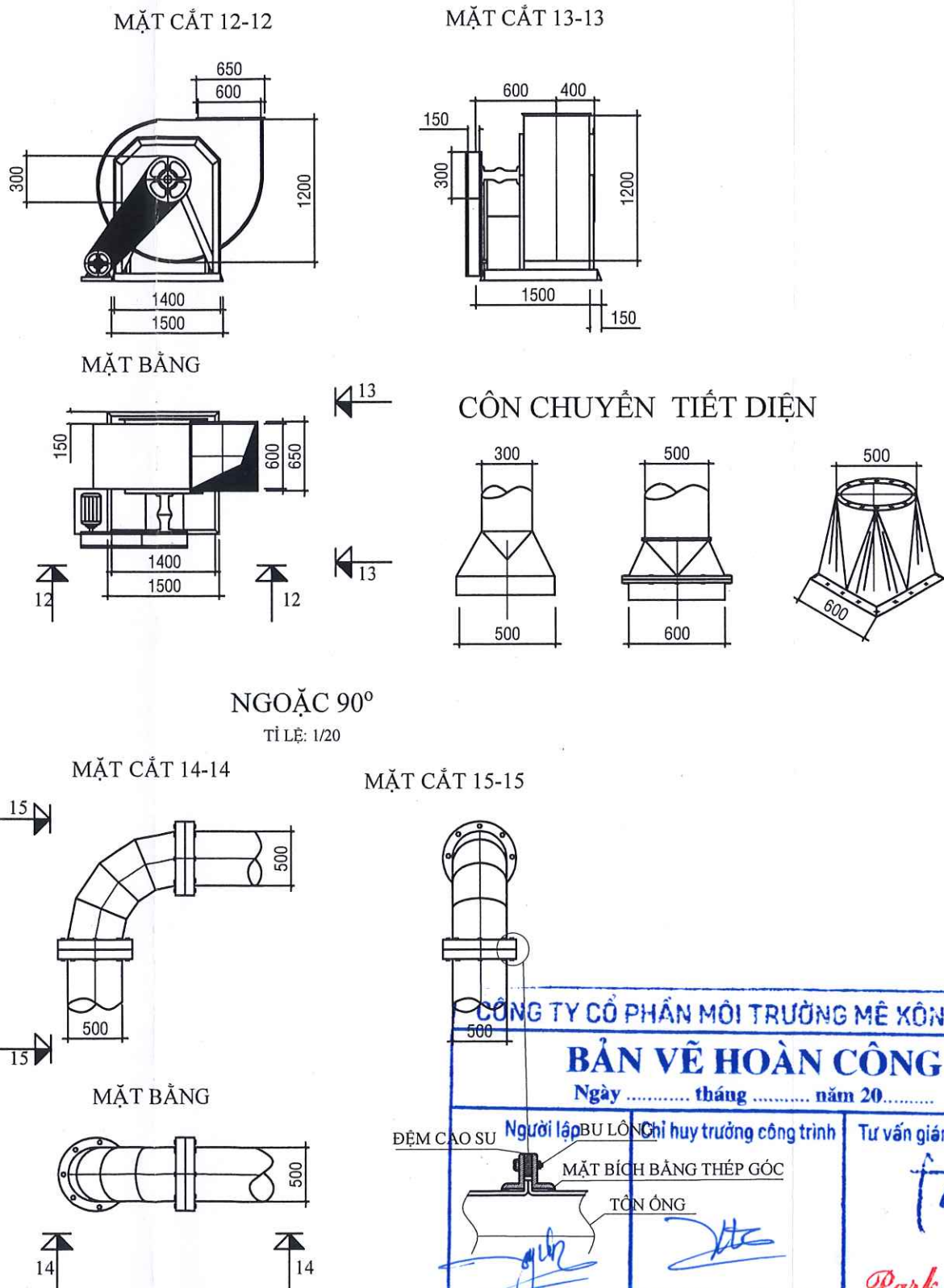


CHÚ THÍCH

- ① ỐNG DẪN KHÍ THẢI VÀO THÁP
- ② THÂN THÁP CYCLON
- ③ CHÂN THÁP CYCLON
- ④ KHUNG ĐỖ CYCLON
- ⑤ ỐNG XẢ THẢI ĐẦU RA

CHI TIẾT QUẠT

TỈ LỆ: 1/20



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MÊ KÔNG XANH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày tháng năm 20.....		
Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
ĐEM CAO SU	MẶT BÍCH BẰNG THÉP GÓC	TỜNG
glt	hlt	hlt
Nguyễn Văn Lộc	Võ Thành Công	Park Do Hyun

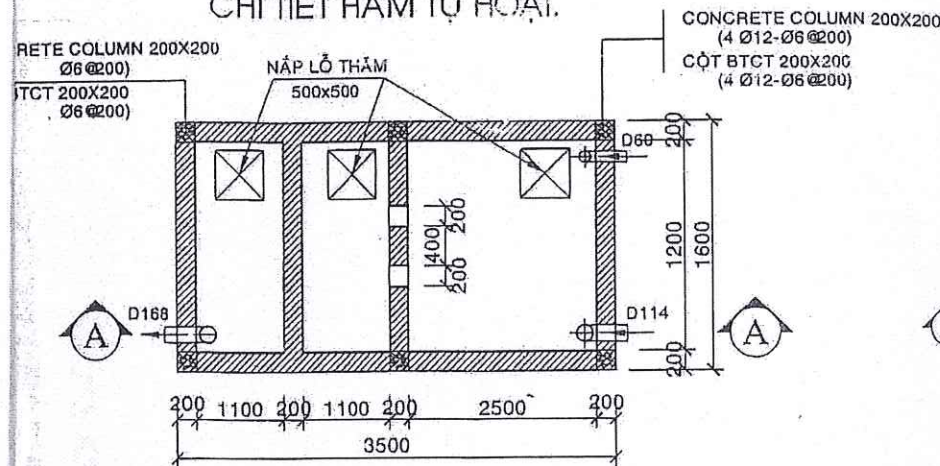


MÔ TẢ / Description		KIỂM / Checked
LOẠI HÌNH SƠ / Type of drawing	THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐
	THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐
	THIẾT KẾ THI CÔNG	☐
	BẢN VẼ HOÀN CÔNG	☒
H. CHÍNH	DIỄN GIẢI	NGÀY PHÁT HÀNH
CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR:		
CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA		
ĐỊA CHỈ: KHU PHỐ 6, PHƯỜNG THỜI HÒA, THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM TÊN DỰ ÁN - Project Name: NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÚI NHỰA, BAO BÌ CARTON CÓ IN SẴN CHI TIẾT SẢN PHẨM ĐỊA CHỈ: KHU PHỐ 6, PHƯỜNG THỜI HÒA, THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM		
NHÀ THẦU THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG:		
Mekong Xanh		
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MÊ KÔNG XANH		
ĐỊA CHỈ : 120 QUANG TRUNG, KDC CITYLAND, P.10, Q.GÒ VẤP, TP. HCM (TEL: (028) 22 263451; 0932 284877, FAX: (028) - 62 892811 GIÁM ĐỐC: PHẠM ĐỨC TRÍ QUẢN LÝ KỸ THUẬT / Technical Manager:		
KS. NGUYỄN VĂN THÔI		
THIẾT KẾ / Designer:		
KS. VĂN HẢI YẾN		
HANG MỤC / Items:		
LÒ HƠI - HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI		
TÊN BẢN VẼ / Drawing Title:		
CHI TIẾT CYCLONE		
NGÀY / Date:		KÝ HIỆU BẢN VẼ / Drawing code:
TỶ LỆ / Scale:		

DETAIL OF SEPTIC TANK

3.5M X 2.5M X 1.6M

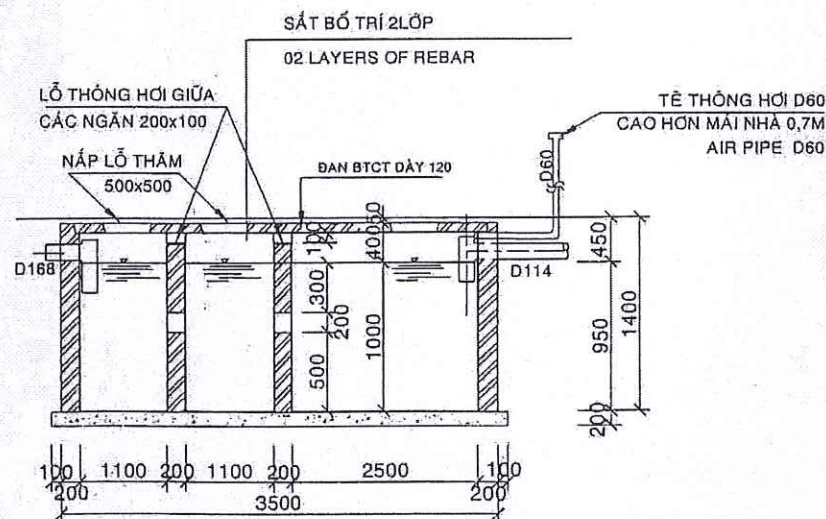
CHI TIẾT HẦM TỰ HOẠI.



LAYOUT PLAN OF SEPTIC TANK HP1, SCALE: 1/50

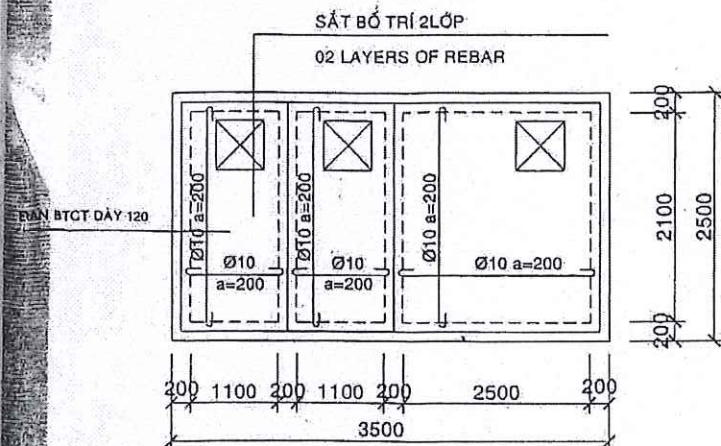
MẶT BẰNG BỂ TỰ HOẠI HP1, TỈ LỆ: 1/50.

(CẤU TẠO XEM BẢN VẼ KẾT CẤU)



SECTION A-A, SCALE: 1/50.

MẶT CẮT A-A, TỈ LỆ: 1/50

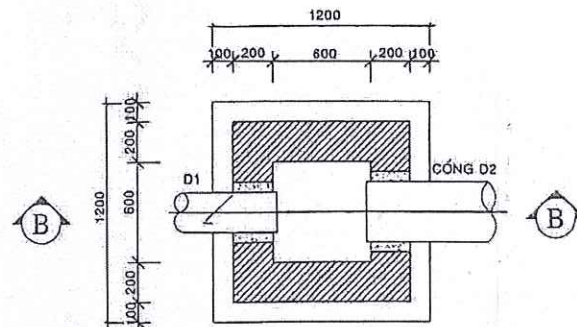


TOP SLAB OF SEPTIC TANK, SCALE: 1/50.

MẶT BẰNG NẮP ĐÀN BỂ TỰ HOẠI, TỈ LỆ: 1/50.

DETAIL OF MANHOLE AND PIPING FOR DRAINAGE SYSTEM.

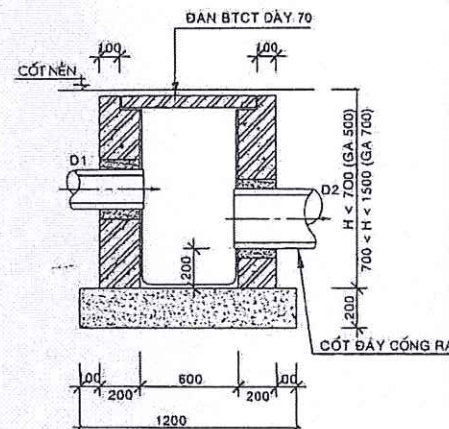
CHI TIẾT HỐ GA VÀ CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA.



MẶT BẰNG HỐ GA

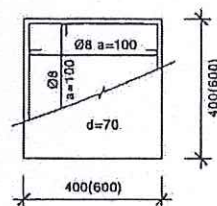
NƯỚC MƯA

TỈ LỆ: 1/20



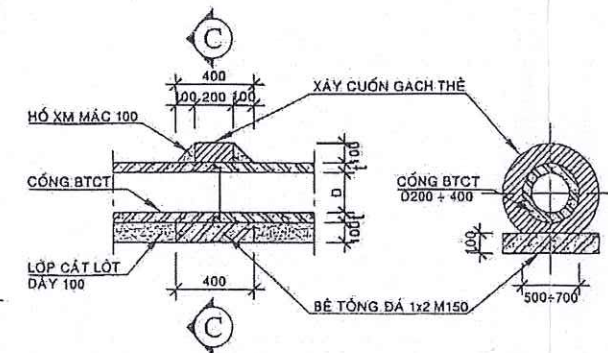
SECTION B-B, SCALE: 1/25.

MẶT CẮT B-B, TỈ LỆ: 1/25



ĐÀN GA 400, 600

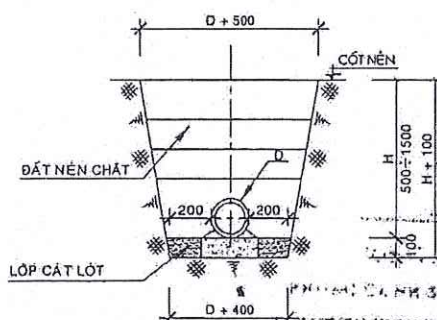
TỈ LỆ: 1/25



CẮT C - C

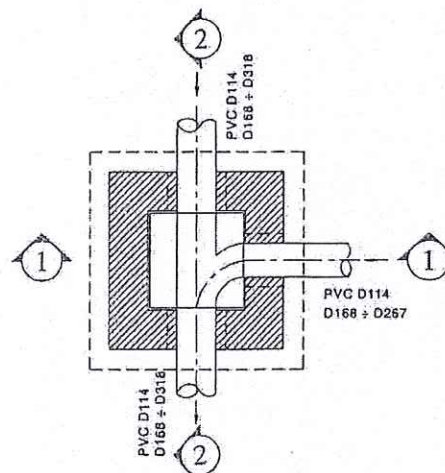
CHI TIẾT MỖI NỐI CỐNG

TỈ LỆ: 1/25



DETAIL OF PIPING FOR DRAINAGE SYSTEM, SCALE: 1/25.

CHI TIẾT HỆ THỐNG ỐNG THOÁT NƯỚC, TỈ LỆ: 1/25.



LAYOUT PLAN OF MANHOLE FOR SEWAGE SYSTEM, SCALE: 1/50.

MẶT BẰNG HỐ GA NƯỚC THẢI, TỈ LỆ: 1/25

(GA 500x500; 700x700)

GHI CHÚ (LEGEND):

- HỐ GA NƯỚC MƯA THÌ NẮP ĐÀN CHỨA LỖ THU NƯỚC MẶT LỖ d=20, a=100.
- HỐ GA NƯỚC THẢI THÌ NẮP ĐÀN KÍN.

(HẦM TỰ HOẠI- SEPTIC TANK)

- NẮP ĐÀN BTCT MẮC 200 DÂY 70.
- TƯỜNG XÂY GẠCH ĐẶC VỪA XM MẮC 75.
- TRÁT TRONG VỪA XM MẮC 75 DÂY 25.
- TRÁT LAM 2 LẦN LẦN ĐẦU DÂY 15 CỎ KHÍA BAY LẦN SAU DÂY 10 VÀ LĂNG HỒ ĐẦU BĂNG XM NGUYÊN CHẤT.
- CHÈN ỚNG VỪA XM MẮC 50 DÂY 50.
- ĐÂY ĐÓ BT ĐÁ 4X6 MẮC 100 DÂY 200.

- NẮP ĐÀN BTCT MẮC 200 DÂY 70.
- GỖ ĐÓ BT ĐÁ 1X2 MẮC 100 DÂY 150.
- TƯỜNG XÂY GẠCH ĐẶC VỪA XM MẮC 75.
- TRÁT TRONG VỪA XM MẮC 75 DÂY 20 VÀ LĂNG HỒ ĐẦU BĂNG XM NGUYÊN CHẤT.
- CHÈN ỚNG VỪA XM MẮC 50 DÂY 50.
- ĐÂY ĐÓ BT ĐÁ 4X6 MẮC 100 DÂY 200.

CÔNG TRÌNH (PROJECT)

CÔNG TY BR VINA

CÔNG TY

ĐỊA ĐIỂM (LOCATION)

BAO BI

HUYỆN BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

THỎA THUẬN CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

APPROVAL OF OWNER

CÔNG TY TNHH

ĐÀO D

BR VINA

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

CÔNG TY

ĐÀO D

BR VINA

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

CÔNG TY

ĐÀO D

BR VINA

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

CÔNG TY

ĐÀO D

BR VINA

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

CÔNG TY

ĐÀO D

BR VINA

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

CÔNG TY

ĐÀO D

BR VINA

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

CÔNG TY

ĐÀO D

BR VINA

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

CÔNG TY

ĐÀO D

BR VINA

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

CÔNG TY

ĐÀO D

BR VINA

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

CÔNG TY

ĐÀO D

BR VINA

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

CÔNG TY

ĐÀO D

BR VINA

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

CÔNG TY

ĐÀO D

BR VINA

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

CÔNG TY

ĐÀO D

BR VINA

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

CÔNG TY

ĐÀO D

BR VINA

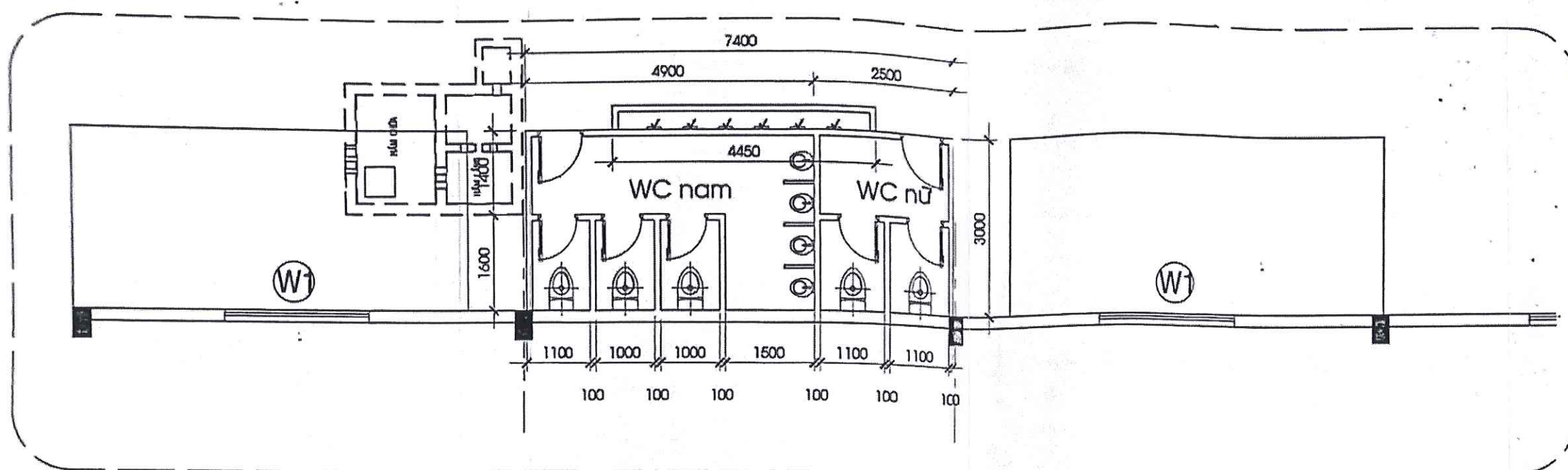
GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

CÔNG TY

ĐÀO D

BR VINA

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR



Architectural floor plan of a wastewater treatment tank. The overall dimensions are 3000 (width) by 2950 (depth). The plan is divided into several functional areas:

- HẦM LẮNG (Settling Tank):** Located in the upper left section.
- HẦM LỌC (Filtering Tank):** Located in the lower left section.
- HẦM CHỨA (Storage Tank):** Located in the right section.
- RỒN BỂ (Tank Skimmer):** Indicated by a symbol in the storage tank area.
- THÀNH BỂ XÂY GẠCH THÊ (Brick Tank Wall):** A thick hatched border surrounding the central tanks.

Dimensions and structural details:

- Horizontal Dimensions (Top):** 200, 1300, 200, 1300, 200.
- Horizontal Dimensions (Bottom):** 800, 500, 200, 1300, 200.
- Vertical Dimensions (Left):** 150, 600, 200, 200, 800, 150, 850, 200.
- Vertical Dimensions (Right):** 200, 1800, 200.
- Internal Vertical Divisions:** 150, 850, 150, 800, 200, 200, 600, 150.

Additional labels and symbols:

- Two circular symbols with the number "1" and a roof-like top, located on the left and right sides of the brick wall.
- Labels on the right side: **ỐNG DẪN PHÂN** (Distribution Pipe) and **ỐNG THOÁT HƠI** (Vent Pipe).
- Label on the far right: **TƯỜNG M** (Wall M).

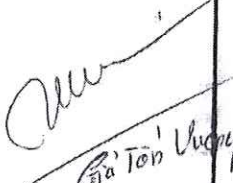
[illegible]

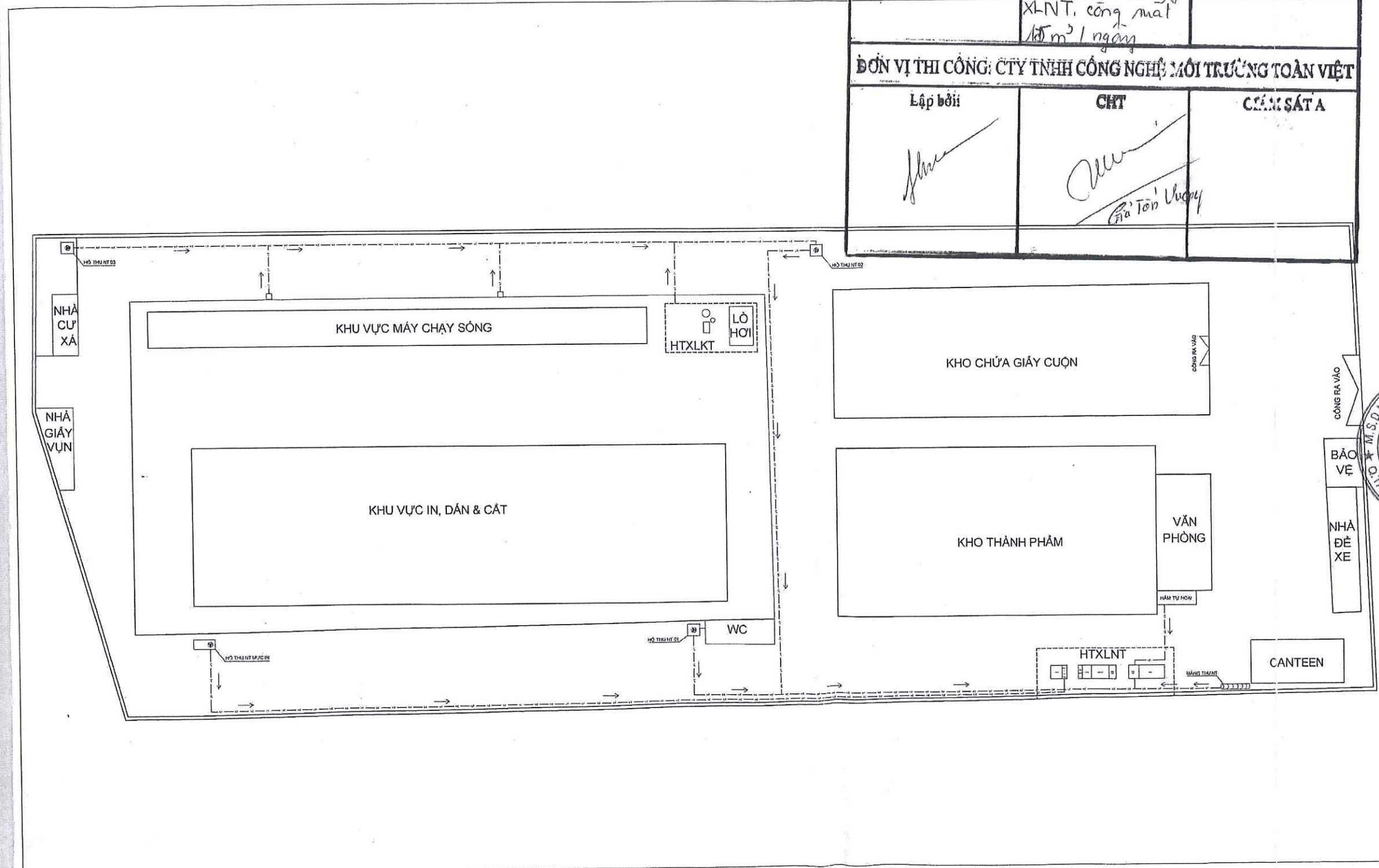
CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

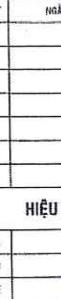
ĐÃ THẨM DUYỆT
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
Số: 42 ngày 19 / 02 / 09

BẢN VẼ XIN PHÉP KT: 5/5	
CÔNG TY TNHH BR VINA	
	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ	
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN THÀNH	
	
KTS: NGUYỄN THIỆN TÙNG	
CÔNG TRÌNH: NHÀ LƯỜNG	
ĐỊA ĐIỂM: KCN MỸ PHƯỚC 2, HUYỆN BẾN CÀ TỈNH BÌNH DƯƠNG	
CHI TIẾT VẼ SINH	
THIẾT KẾ	
	
KTS: NG HOÀNG QUÂN	
QLKT	
	
KS: ĐÀO THANH PHÚC	

SƠ ĐỒ MẶT BẰNG THU GOM NƯỚC THẢI

CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY BAO BÌ BƠ VINHA		
Ghi chú:	Hạng mục: Hệ thống XLNT, công suất 15 m ³ / ngày	Ngày: 1 tháng 11 năm 2011
ĐƠN VỊ THI CÔNG: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TOÀN VIỆT		
Lập bởi 	CHT  Trần Tôn Lương	CHẤM SÁT A





STT	NGÀY	ĐƠN VỊ	NGƯỜI CHỌI

HIỆU CHỈNH VÀ NGÀY HOÀN THÀNH

A	B
C	D
E	F
G	H

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

THUẾT VẼ 3D BỐ	☒
THANH DUYỆT	☒
TH CÔNG	☒
HIỆU CHỈNH	☐
HOÀN CÔNG	☐

CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA
 ĐIA CHỈ: ẤP 8, XÃ THỚI HÒA, QUẬN TÂN PHÚ, TP. HCM
 (Số 05)



Trần Do Hyun

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TOÀN VIỆT
 TOAN VIET ENVIRONMENTAL ENGINEERING CO., LTD
 Trụ sở chính: 36 Cầu Giấy, P. Tân Quý, Q. Tân Phú, TP. HCM
 Tel: 0903.020.040 - 0907.722.979, Fax: 08.3590.0068
 Email: toanvietenvi@toanviet.com
 Website: http://www.toanviet.com.vn

GIÁM ĐỐC KẾ HOẠCH SẢN XUẤT TP. HỒ CHÍ MINH	
THIẾT KẾ: KS. NGUYỄN TRƯỜNG AN	<i>22</i>
VẼ: KS. PHẠM THỊ TỔ MẠI	<i>AKK</i>
KIỂM TRA: KS. GIÀ TẤN VƯỢNG	<i>Quang</i>

NHÀ MÁY BAO BÌ BR VINA
 MẶT THỦ XÂY DỰNG:
 ĐIA CHỈ: ẤP 8, XÃ THỚI HÒA, QUẬN TÂN PHÚ, TP. HCM
 HẠNG MỤC: HỒ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
 CÔNG SUẤT: 15 M³/NGÀY

TÊN BẢN VẼ

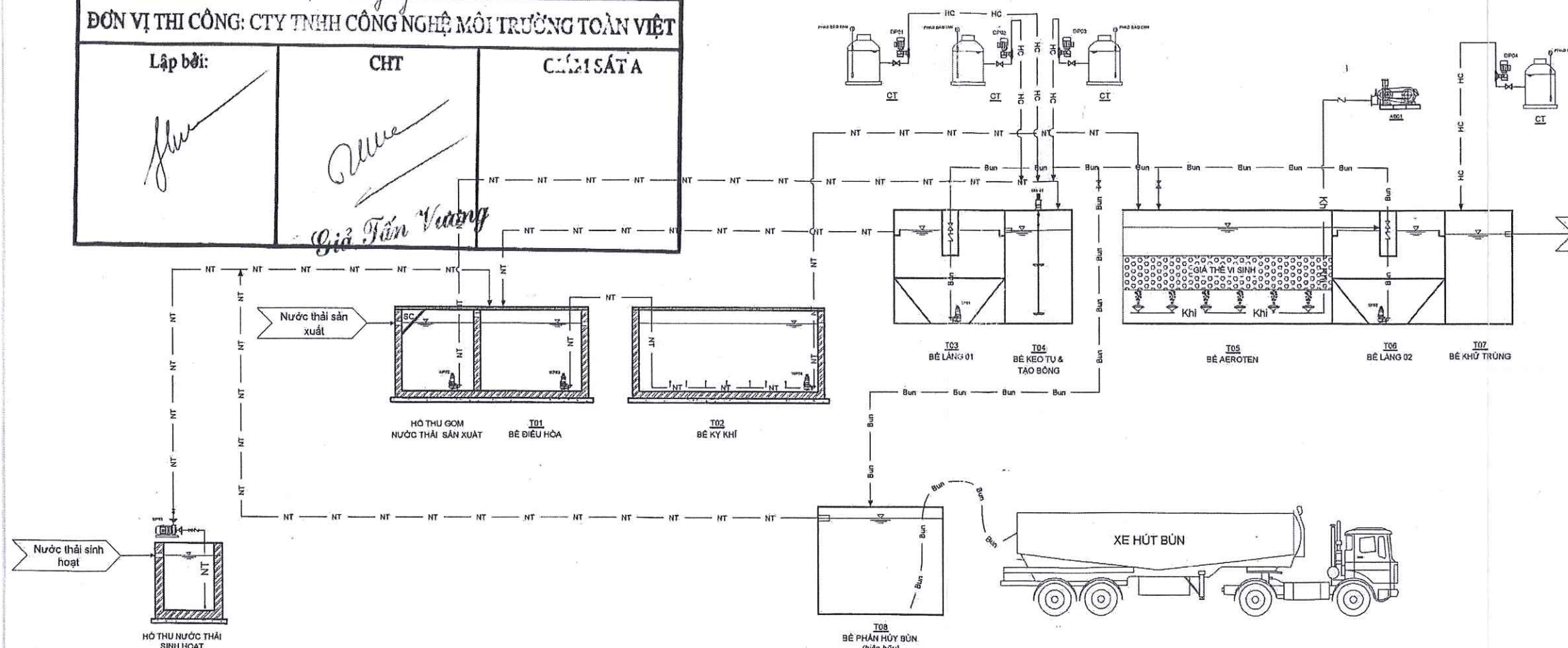
 MẬT ĐĂNG THU GOM MẠC THẢI

HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT

SỐ BẢN VẼ	TỔNG SỐ BẢN VẼ
01	05
NGÀY VẼ: 22/10/2019	HỒ HIỆU: 2310 CHMT/TV-14

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI, CÔNG SUẤT 15 M³/NGÀY ĐÊM

CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY BAO BÌ BR VINA		
Gói thầu:	Hạng mục: Hệ thống XLNT, công suất 15 m ³ /ngày	Ngày: 11 tháng 11 năm 2016
ĐƠN VỊ THI CÔNG: CTY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TOÀN VIỆT		
Lập bởi:	CHT	CHẾ SÁT



GHI CHÚ

LẮP ĐẶT THIẾT BỊ														
CHỮ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI	CHỮ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI	CHỮ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI	CHỮ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI	KÍCH THƯỚC	CHỮ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI	KÍCH THƯỚC	CHỮ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI	KÍCH THƯỚC
SC	SÔNG CHÁNH RÁC	WP04	BƠM NƯỚC THẢI BỂ UASB	AD01	MÁY THỔI KHÍ BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ		HỒ THU NHỎ SẢN XUẤT	D x R x C = 2,0 x 1,5 x 2,7 m	T03	BỂ LẮNG 1	D x R x C = 1,3 x 1,0 x 2,0 m	T07	BỂ KHỬ TRÙNG	D x R x C = 0,6 x 1,5 x 2,0 m
WP01	BƠM NƯỚC HỒ THU NƯỚC THẢI SINH HOẠT	SP01	BƠM BÙN BỂ LẮNG 01	MIX 01	MÁY KHUẤY TRỘN		HỒ THU NHỎ SINH HOẠT	D x R x C = 0,8 x 0,8 x 1,5 m	T04	BỂ KEO TỤ & TẠO BÔNG	D x R x C = 1,3 x 0,5 x 2,0 m	T08	BỂ PHẢN HỨY BÚN	D x R x C = 1,5 x 1,1 x 2,0 m
WP02	BƠM NƯỚC HỒ THU NƯỚC THẢI SẢN XUẤT	SP02	BƠM BÙN BỂ LẮNG 02	AD	ĐÁ THỔI KHÍ		T01	BỂ ĐIỀU HÒA	D x R x C = 3,5 x 2,0 x 2,7 m	T05	BỂ AEROTEN	D x R x C = 3,4 x 1,5 x 2,0 m		
WP03	BƠM NƯỚC BỂ ĐIỀU HÒA	DP01,02,03,04	BƠM ĐỊNH LƯỢNG HÓA CHẤT	CT	BỒN CHỨA HÓA CHẤT		T02	BỂ UASB	D x R x C = 5,1 x 2,0 x 2,7 m	T06	BỂ LẮNG 2	D x R x C = 1,5 x 1,0 x 2,0 m		

STT	NGÀY	ĐIỀU CHỈNH	NGƯỜI CHỈNH

HIỆU CHỈNH VÀ NGÀY HOÀN THÀNH

A	B
C	D
E	F
G	H

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

THIẾT KẾ SƠ ĐỒ	☒
THIẾT DUYỆT	☒
THI CÔNG	☒
HIỆU CHỈNH	☐
HOÀN CÔNG	☐

CHỖ DẤU TAY

CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA
 Địa chỉ: Ấp 6, Xã Thới Hòa, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
 Giám đốc: *[Signature]*

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BAO BÌ BR VINA
 Giám đốc: *[Signature]*

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TOÀN VIỆT
 TOAN VIET ENVIRONMENTAL ENGINEERING CO., LTD
 Trụ sở chính: Số 04 Lê Văn Thọ, Quận 12, TP. HCM
 Tel: 0903 77 77 77 - 09 42 72 72 77, Fax: 08 3550 0208
 Email: toanvietsc@toanviet.com, toanviet.vn

THIẾT KẾ Ks. NGUYỄN VĂN AN *[Signature]*

VẼ Ks. PHẠM THỊ TỎ MAI *[Signature]*

KIỂM TRA Ks. GIÁ TẤN VƯƠNG *[Signature]*

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ MÁY BAO BÌ BR VINA

Vị trí xây dựng: *[Location]*

Hạng mục: Hệ thống xử lý nước thải

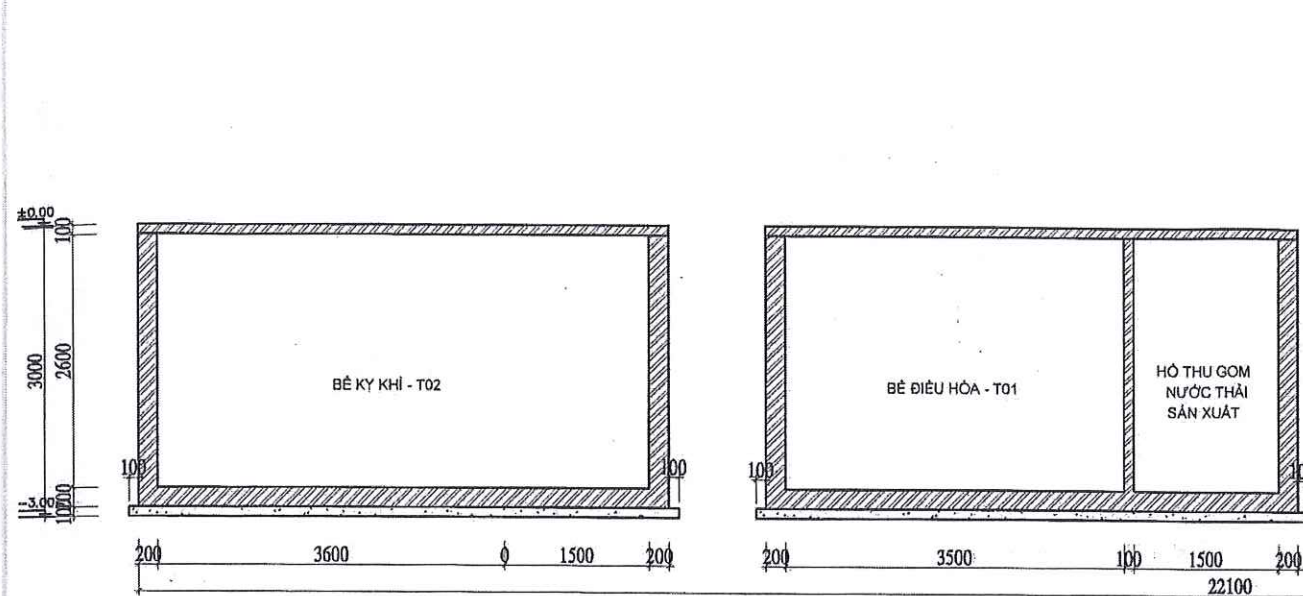
Công suất: 15 m³/ngày

TÊN DẤU VẼ

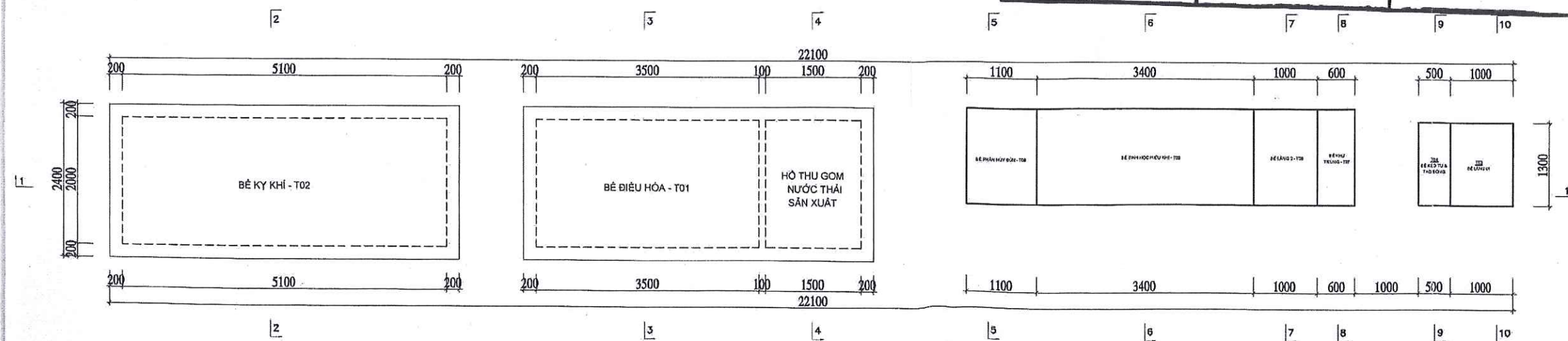
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT

Số bản vẽ	Tổng số bản vẽ
02	05
Ngày vẽ: 22/10/2015	Nhị hiệu: 0210/MT-15



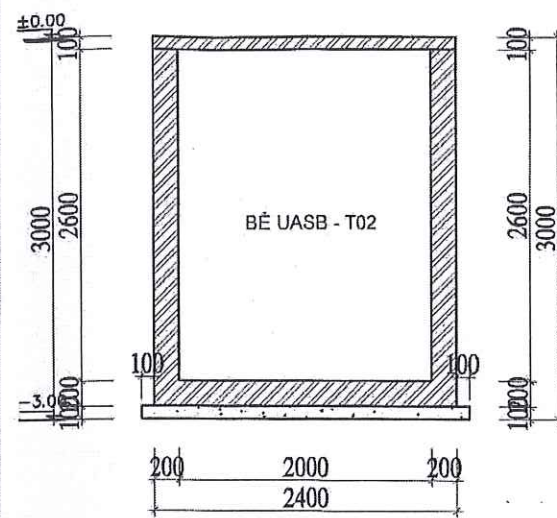
MẶT CẮT 1 - 1



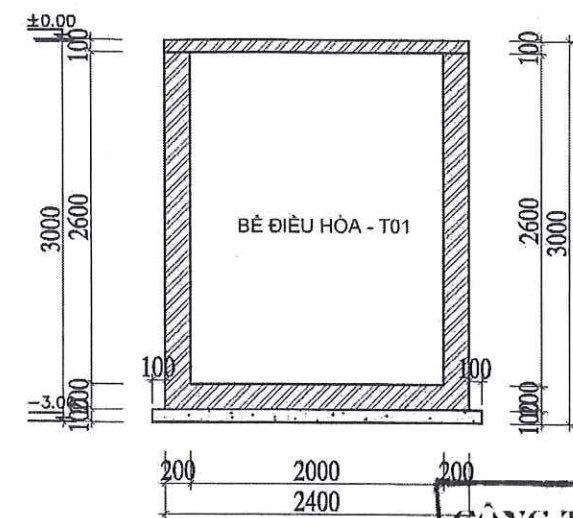
MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY BAO BÌ BR VINA		
Giai đoạn:	Hạng mục: Hệ thống xử lý nước thải	Ngày: 1.11.2015
	XNT, công suất 15m ³ /ngày	
ĐƠN VỊ THI CÔNG: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TOÀN VIỆT		
Lập bởi:	CHK	CHẤM SÁT A
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

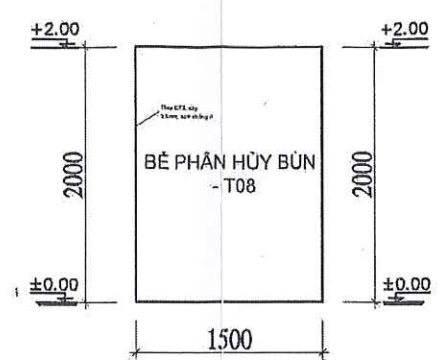
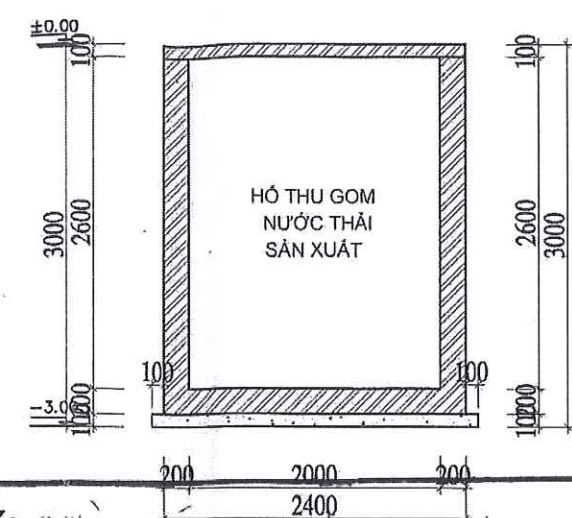
STT	NGÀY	ĐIỀU CHỈNH	NGƯỜI CHỈNH
HIỆU CHỈNH VÀ NGÀY HOÀN THÀNH			
A	B	C	D
E	F	G	H
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH			
THIẾT KẾ SƠ BỘ	☒		
THIẾT KẾ CHI TIẾT	☒		
THI CÔNG	☒		
HIỆU CHỈNH	☐		
HOÀN CÔNG	☐		
Chữ đầu tư CÔNG TY TNHH BẢO BÌ BR VINA Địa chỉ: Ấp 6, Xã Thủ Hòa, Đường 1412, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương Giám đốc: <i>[Signature]</i>			
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BAO BÌ BR VINA Địa chỉ: Ấp 6, Xã Thủ Hòa, Đường 1412, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương Giám đốc: <i>[Signature]</i>			
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TOÀN VIỆT Địa chỉ: 84 Lê Lợi, P. Tân Cảng, Quận 7, TP. HCM Điện thoại: 0907.734.888 Fax: 08.3508.0200 Email: toanvietsolutions@gmail.com Website: http://www.toanvietsolutions.vn/			
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TOÀN VIỆT Giám đốc: KS. NGUYỄN TRƯỜNG AN Thiết kế: KS. PHẠM THỊ TỔ MẠI Kiểm tra: KS. GIẢ TẤN VƯƠNG			
TÊN CÔNG TRÌNH NHÀ MÁY BAO BÌ BR VINA Vị trí xây dựng: Ấp 6, Xã Thủ Hòa, Đường 1412, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương Hạng mục: Hệ thống xử lý nước thải Công suất: 15 m ³ /ngày			
TÊN BẢN VẼ MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT			
SỐ BẢN VẼ	TỔNG SỐ BẢN VẼ		
03	05		
Ngày vẽ: 22/10/2015	Ký hiệu: 2210 CHMT/VV-15		



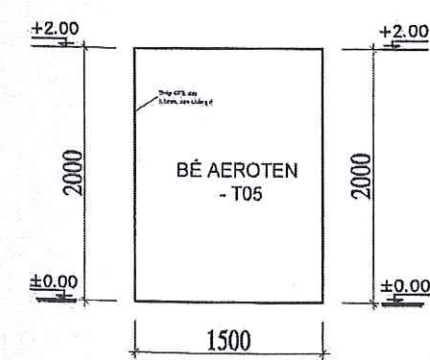
MẶT CẮT 2 - 2



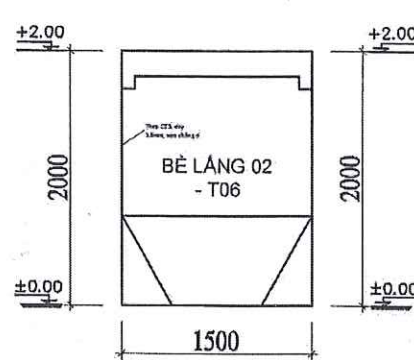
MẶT CẮT 3 - 3



MẶT CẮT 5 - 5



MẶT CẮT 6 - 6



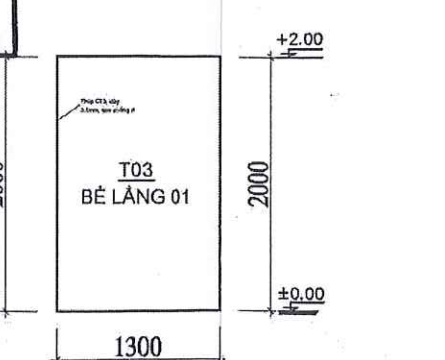
MẶT CẮT 7 - 7



MẶT CẮT 8 - 8



MẶT CẮT 9 - 9



MẶT CẮT 10 - 10

CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY BAO BÌ BR VINA

GIẢI: Hưng Phước Hệ thống XLNT, MẶT CẮT 4 - 4

ĐƠN VỊ THI CÔNG: CTY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TOÀN VIỆT

Lập bởi: CHT **CHÍNH SẮT A**

Giả Tấn Vương

STT	NGÀY	ĐIỀU CHỈNH	NGƯỜI CHỈNH

HIỆU CHỈNH VÀ NGÀY HOÀN THÀNH

A	B
C	D
E	F
G	H

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

THIẾT KẾ SƠ DẪI	☒
THIẾT KẾ CHI TIẾT	☒
THI CÔNG	☒
HIỆU CHỈNH	☐
HOÀN CÔNG	☐

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA
 ĐƠN VỊ THI CÔNG: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TOÀN VIỆT
 ĐƠN VỊ THI CÔNG: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TOÀN VIỆT

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BAO BÌ BR VINA
 ĐƠN VỊ THI CÔNG: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TOÀN VIỆT

TOÀN VIỆT
 THỦ TƯỚNG AN

VỀ KS. PHẠM THỊ TỐ MẠI

KIỂM TRA KS. GIẢ TẤN VƯƠNG

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ MÁY BAO BÌ BR VINA
 VỊ TRÍ XÂY DỰNG: ĐƯỜNG SỐ 6, XÃ THỚI HÒA, HUYỆN BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG
 HẠNG MỤC HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
 CÔNG SUẤT: 15 M3/NGÀY

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT

SỐ BẢN VẼ	TỔNG SỐ BẢN VẼ
05	05
NGÀY VẼ: 22/10/2015	KÝ HIỆU: 2219 (NAM)/TV-15

PHỤ LỤC 1.3 CÁC PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TẠI CƠ SỞ

1. Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở (năm 2023).
2. Sơ đồ vị trí lấy mẫu.

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THI NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 232869

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA

Địa chỉ: Khu Phố 6, Phường Thới Hòa, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn

3. Ngày lấy mẫu : 24/04/2023

4. Ngày trả kết quả : 04/05/2023

Chỉ tiêu	Bụi mg/Nm ³	SO ₂ mg/Nm ³	NO _x mg/Nm ³	CO mg/Nm ³
Nguồn thải				
E1: Bên trong ống khói lò hơi sau hệ thống xử lý. D=0,9m Nhiên liệu: Gỗ	38	0	12	574
Phương pháp đo, xác định	US EPA Method 5	HD NB - 05		
QCVN 19:2009/BTNMT, Giá trị C; Cột B (Kv = 0,6; Kp = 1)	120	300	510	600

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- QCVN 19:2009/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- Giá trị tiêu chuẩn trên chưa tính hệ số K



PHƯƠNG NAM

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hotline : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

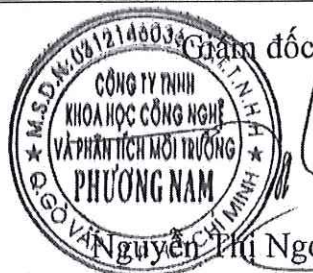
Mã số phiếu: 232870

- Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA
Địa chỉ: Khu Phố 6, Phường Thới Hòa, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
- Thông tin mẫu** : Nước thải sau hệ thống xử lý
- Ngày lấy mẫu** : 24/04/2023
- Ngày trả kết quả** : 04/05/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT, Giá trị C, Cột A k= 1,2	Phương pháp phân tích
01	pH	-	7,05	6 – 9	TCVN 6492:2011
02	TSS	mg/l	43	60	TCVN 6625:2000
03	BOD ₅ (20°C)	mg/l	22	36	TCVN 6001-1:2008
04	COD	mg/l	45	90	SMEWW 5220C:2017
05	N-NH ₄ ⁺	mg/l	2,1	6	TCVN 5988:1995
06	Tổng Nitơ	mg/l	8,9	24	TCVN 6638:2000
07	Tổng Phospho (tính theo P)	mg/l	1,5	4,8	SMEWW 4500-P.B&E:2017
08	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	2,4	SMEWW 3111B:2017
09	Coliform	MPN/100 ml	2,4 x 10 ³	3.000	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Chậm đọc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện; LOD: giới hạn phát hiện
- QCVN 40:2011/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp



CÔNG TY CP DV TV MÔI TRƯỜNG HẢI ÂU

3, Đường Tân Thới Nhất 20, KP 4, P.Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM
Điện thoại: 028. 3816 4421 Fax: 028. 3816 4437
Website: www.moitruong.org.vn



VIMCERTS 117

PPT/S6/HA.23.10512.03

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH DGTECH VIỆT NAM**
- Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA**
Khu phố 6, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
- Loại mẫu: **Khí thải**

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ
HA.23.10512.03	Ống khói lò hơi sau HTXL	612054.49, 1201812.79

4. Ngày lấy mẫu: 21/11/2023

Ngày trả kết quả: 28/11/2023

5. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện / Phạm vi đo
1	CO ₂ (%)	%	HD/KT - CO ₂	HD/KT - CO ₂	0 - 50 Vol%
2	SO ₂ (%)	mg/Nm ³	HD/KT - SO ₂	HD/KT - SO ₂	0 - 13.100 mg/Nm ³
3	NO _x (tính theo NO ₂)(%)	mg/Nm ³	HD/KT - NO _x	HD/KT - NO _x	0 - 940 mg/Nm ³
4	Bụi (PM)(%)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	US EPA Method 5	0,2 mg/Nm ³

6. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B
			HA.23.10512.03	
1.	CO ₂ (%)	%	5,1	1.000
2.	SO ₂ (%)	mg/Nm ³	126	500
3.	NO _x (tính theo NO ₂)(%)	mg/Nm ³	221	850
4.	Bụi (PM)(%)	mg/Nm ³	81,5	200

Ghi chú: (%): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

KPH: Không phát hiện

QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ - Cột B

Phòng Thử Nghiệm

Nguyễn Thị Trang



Nguyễn Thủy Diễm

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

**CÔNG TY CP DV TV MÔI TRƯỜNG HẢI ÂU**

3, Đường Tân Thới Nhất 20, KP 4, P.Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM
Điện thoại: 028. 3816 4421 Fax: 028. 3816 4437
Website: www.moitruong.org.vn

**VIMCERTS 117**

PPT/Số: HA.23.10512.04

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH DGTECH VIỆT NAM**
- Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH BAO BÌ BR VINA**
Khu phố 6, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
- Loại mẫu: Nước thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp lấy mẫu
HA.23.10512.04	Sau HTXLNT	594599.44 1230213.09	Theo TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 6663 – 14:2018, TCVN 8880 – 2011

4. Ngày lấy mẫu: 21/11/2023

Ngày trả kết quả: 28/11/2023

5. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	pH ^(*) (a)	--	TCVN 6492:2011	2 – 12 pH
2	TSS ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6625:2000	5 mg/L
3	BOD ₅ ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	1,0 mg/L
4	COD ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	3 mg/L
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2017	1 mg/L
6	Tổng Nito ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6638:2000	3 mg/L
7	Tổng Photpho ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2017	0,03 mg/L
8	Đồng (Cu) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,05 mg/L
9	Coliform ^(*)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	3MPN/100mL
10	Se ^(a)	mg/L	SMEWW 3114B:2017	1,6 µg/L

6. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40:2011/ BTNMT, Cột A, k= 1,2
			HA.23.10512.04	
1	pH ^(*) (a)	--	6,42	6 – 9
2	TSS ^(*) (a)	mg/L	38	60
3	BOD ₅ ^(*) (a)	mg/L	30	36
4	COD ^(*) (a)	mg/L	81	90
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	4,8	6

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40:2011/ BTNMT, Cột A, k= 1,2
			HA.23.10512.04	
6	Tổng Nito ^(*) (^a)	mg/L	18,1	24
7	Tổng Photpho ^(*)	mg/L	0,5	4,8
8	Đồng (Cu) ^(*) (^a)	mg/L	KPH	2,4
9	Coliform ^(*)	MPN/100mL	2.300	3.000

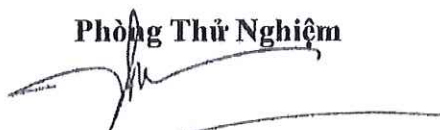
Ghi chú: ^(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vincerts

^(a): Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: Không phát hiện

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

Phòng Thử Nghiệm



Nguyễn Thị Trang



Nguyễn Thủy Diễm

Giám đốc

CO PHÂN

DỊCH VỤ TƯ VẤN

MÔI TRƯỜNG

HẢI ÂU

TP. HỒ CHÍ MINH

TRANG

1095-C.T.C.P

Y

AN

TU VẤN

ĐÔNG

ÂU

HỒ CHÍ MINH

1095-C.T.C.P

Y

AN

TU VẤN

ĐÔNG

ÂU

HỒ CHÍ MINH

1095-C.T.C.P

Y

AN

TU VẤN

ĐÔNG

ÂU

HỒ CHÍ MINH

1095-C.T.C.P

Y

AN

TU VẤN

ĐÔNG

ÂU

HỒ CHÍ MINH

1095-C.T.C.P

Y

AN

TU VẤN

ĐÔNG

ÂU

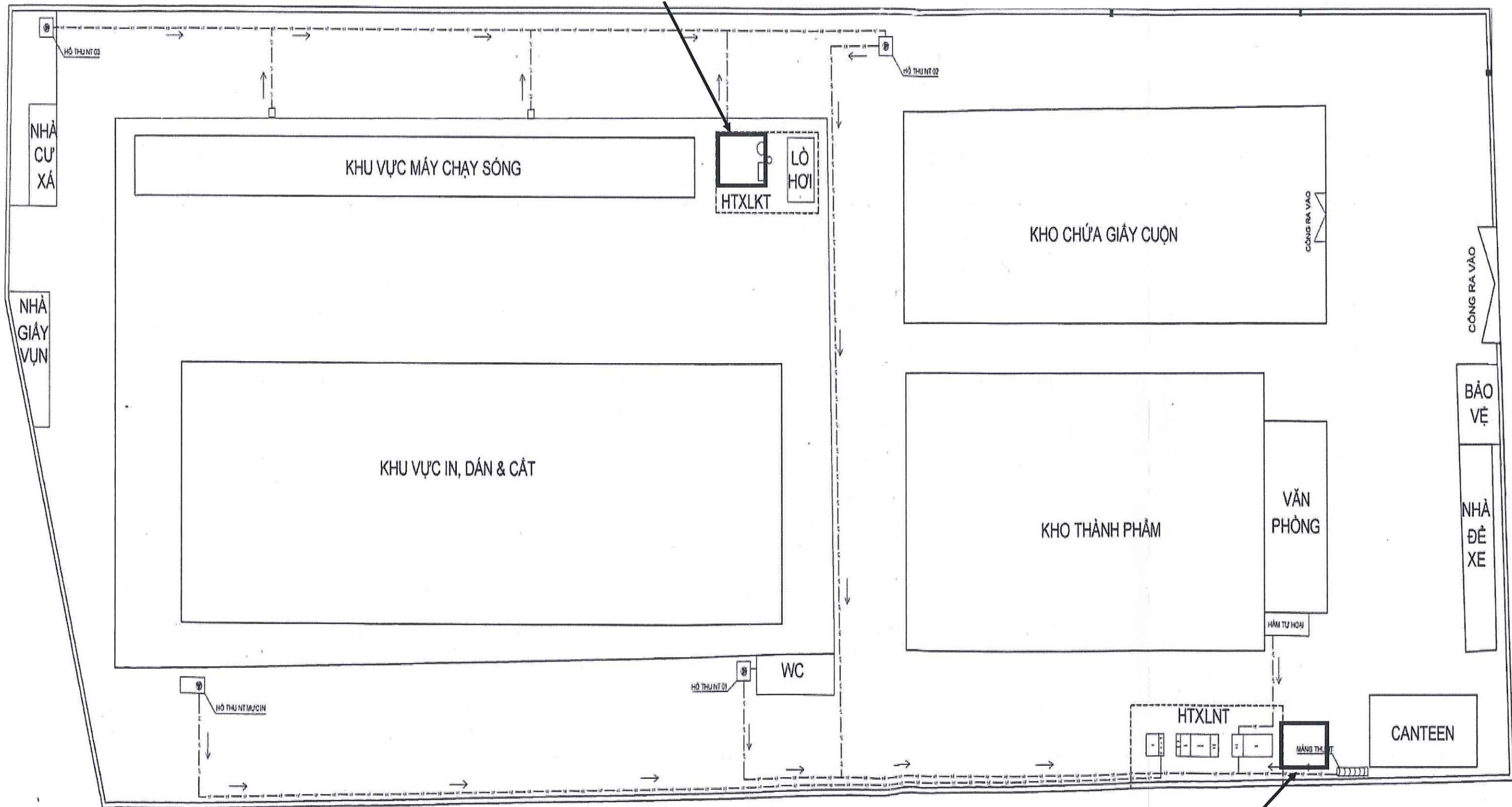
1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LẤY MẪU

Vị trí lấy mẫu khí thải sau HTXLKT



Vị trí lấy mẫu nước thải sau HTXLNT

